



## HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS PHAN CÔNG KHANH (Chủ tịch)

TS ĐINH VĂN THỤY (Phó Chủ tịch)

PGS, TS HOÀNG PHÚC LÂM

TS NGUYỄN THÀNH HÙNG

PGS, TS NGUYỄN VIỆT THẢO

GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG

GS, TS CHU VĂN CẤP

TS HUỖNH THANH QUANG

TS PHAN VĂN BA

TS PHAN THỊ THÚY VÂN

TS PHẠM CÔNG KHÂM

TS TRẦN HỮU HỢP

TS HỒ VIỆT HIỆP

TS LÊ NGỌC TRIẾT

## TỔNG BIÊN TẬP

TS ĐINH VĂN THỤY

ĐT: 0913 982 556

## PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

ThS NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN

ĐT: 0948 643 667

THÔNG TIN

ISSN 2354-1474

# KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

CƠ QUAN NGHIÊN CỨU VÀ NGÔN LUẬN KHOA HỌC CỦA HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC IV

Số 01 (22)-2021

## Mục lục

- 01. TS ĐINH VĂN THỤY, ThS NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN**  
Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII - Đại hội “Khát vọng phát triển đất nước và đổi mới sáng tạo”

### CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

- 04. GS, TS MẠCH QUANG THẮNG**

Bàn về mối quan hệ quân - dân hiện nay

- 09. PGS, TS VŨ QUANG VINH**

Kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: Cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- 14. ThS NGUYỄN VĂN VINH**

Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với sự bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam

- 21. ThS KHÚC THỊ HOÀN**

Tư tưởng về giáo dục lý luận cách mạng đối với cán bộ, đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong tác phẩm “Đường Kách mệnh”

- 26. ThS HỒ BÁ THÀNH**

Vai trò của Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đến việc lựa chọn con đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh

### NGHIÊN CỨU - GIÁO DỤC LÝ LUẬN

- 31. GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG**

Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam với sự phát triển bền vững đất nước

- 35. PGS, TS TRƯƠNG MINH DỤC**

Tác động của bối cảnh quốc tế đến xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam trong thời kỳ đổi mới

- 40. ThS ĐÀM CAO THƯỢNG**

Nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trước thềm Đại hội XIII của Đảng

- 45. ThS TRẦN THIÊN TỬ**

Giải pháp nâng cao năng lực tư duy lý luận của đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh hiện nay

◆ **TÒA SOẠN:**

Số 6, đường Nguyễn Văn Cừ,  
phường An Bình, quận Ninh Kiều,  
thành phố Cần Thơ.

● **Điện thoại:** 02923 798 608

● **Fax:** 02923 889 819

● **Email:** tapchi@hcma4.vn

◆ Giấy phép xuất bản:

Số 492/GP-BTTTT, ngày 25-9-2015  
của Bộ Thông tin và Truyền thông

◆ In tại Công ty Cổ phần In tổng hợp  
Cần Thơ, số 500, đường 30/4, phường  
Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố  
Cần Thơ

## TỔNG KẾT THỰC TIỄN TÂY NAM BỘ VÀ VIỆT NAM

### 50. TS NGUYỄN PHƯỚC DŨNG

Tiếp tục học tập và làm theo phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh Đồng Tháp

### 54. TS BIÊN QUỐC THẮNG, TS LÊ THỊ ANH ĐÀO

Xây dựng đô thị thông minh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Vấn đề đặt ra và giải pháp

### 59. TS LÊ XUÂN TẠO, TS HÀ THỊ THÙY DƯƠNG

Vấn đề việc làm cho lao động nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long: Những nhân tố tác động và quan điểm, định hướng chính sách

### 66. ThS PHAN THỊ KIM PHƯƠNG, ThS NGUYỄN VĂN TUẤN

Quan điểm của Đảng và Nhà nước về khai thác tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam trong hội nhập quốc tế

### 71. ThS HỒ THANH HẢI

Nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn nhằm hiện thực hóa mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy ở các trường chính trị cụm thi đua số 9

### 76. ThS HÀ DUY TỊNH

Đồng bằng sông Cửu Long với khuyến nghị chính sách đáp ứng kịp thời nâng cao năng lực cạnh tranh để phát triển bền vững

## ĐẤU TRANH TƯ TƯỞNG - LÝ LUẬN

### 81. PGS, TS ĐẶNG BÁ MINH, ThS ĐẶNG CÔNG THÀNH

Đảng Cộng sản Việt Nam là chính đảng duy nhất lãnh đạo đất nước và xã hội, không lực lượng chính trị nào có thể thay thế

## LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI

### 87. PGS, TS THÁI VĂN LONG, ThS NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Toàn cảnh an ninh - chính trị thế giới năm 2020 và một số dự báo năm 2021

### 94. TS NGUYỄN ANH HÙNG

Thực trạng tham nhũng và giải pháp phòng chống ở khu vực Mỹ Latinh hiện nay

# ĐẠI HỘI ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LẦN THỨ XIII – ĐẠI HỘI “KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO”

✦ TS ĐINH VĂN THỤY  
ThS NGUYỄN TRƯỜNG XUÂN  
*Học viện Chính trị khu vực IV*

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng diễn ra từ ngày 25-01 đến 02-02-2021 tại thủ đô Hà Nội. Đại hội có 1.587 đại biểu tham dự, đông nhất trong 13 kỳ đại hội. Đại hội XIII của Đảng diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực diễn biến rất nhanh, phức tạp, khó lường; đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi và nhiều khó khăn, thách thức đan xen, nhiều vấn đề mới đặt ra phải giải quyết, cán bộ, đảng viên và nhân dân đặt kỳ vọng vào những quyết sách đúng đắn, mạnh mẽ của Đảng để đất nước ta phát triển nhanh và bền vững hơn.

Với phương châm "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển", Đại hội XIII tiến hành thảo luận, thông qua: Báo cáo chính trị tại Đại hội XIII của Đảng; Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020, xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 - 2025; Báo cáo tổng kết công tác

xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng nhiệm kỳ Đại hội XII; Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Xác định phương hướng, nhiệm vụ xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ mới; đánh giá việc thi hành Điều lệ Đảng khóa XII; bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Dự thảo Văn kiện trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều điểm mới nổi bật; phản ánh sự tương thích giữa nhu cầu phát triển khách quan của đất nước trong bối cảnh mới và năng lực tiếp tục đổi mới của Đảng và nhân dân ta.

## Chủ đề Đại hội

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu chủ đề Đại hội XIII: *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước, phát huy ý chí, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*.

Chủ đề Đại hội XIII có một số điểm mới so với Đại hội XII. Đó là: (1) Bổ sung xây dựng hệ thống chính trị vào nội dung xây dựng Đảng thành “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh”; (2) Nêu khát vọng phát triển đất nước; (3) Xác định mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc không phải là một huyền tưởng xuất phát từ ngẫu hứng chủ quan, duy ý chí, mà là một khát vọng bắt nguồn từ niềm tin vững chắc vào cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín của đất nước sau 35 năm tiến hành công cuộc đổi mới; vào bản lĩnh và những kinh nghiệm dày dặn mà Đảng, nhân dân ta đã kiểm nghiệm, đúc kết trong thực tiễn lao động, sáng tạo suốt mấy chục năm qua. Khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc không chỉ là mơ ước mà là khát vọng mang sức sống hiện thực, được hình thành, bồi đắp trên một cơ tầng khoa học về lộ trình hướng đích với những bước đi được dự liệu rõ ràng. Kế thừa, hoàn thiện những mục tiêu đã được xác định từ những Đại hội Đảng trước đây; căn cứ vào điều kiện, khả năng thực tế của đất nước và xu thế phát triển của thế giới.

**Những điểm mới nổi bật trong Dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng**

*Một là, xác định cơ đồ đất nước sau 35 năm đổi mới*

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: sau 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, lý luận về đường lối đổi mới, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn và từng bước được hiện thực hóa. Đất nước đã đạt được *những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử*, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới... *Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.*

*Hai là, dự báo tình hình thế giới và khu vực*

*Về dự báo tình hình thế giới:* Dự thảo Báo cáo chính trị nêu những dự báo mới: Hòa bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, song đang đứng trước nhiều trở ngại, khó khăn; Cục diện thế giới tiếp tục biến đổi theo xu hướng đa cực, đa trung tâm; Kinh tế thế giới lâm vào khủng hoảng, suy thoái nghiêm trọng và có thể còn kéo dài do tác động của đại dịch Covid-19; Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhất là công nghệ số phát triển mạnh mẽ, tạo đột phá trên nhiều lĩnh vực, tạo ra cả thời cơ và thách thức đối với mọi quốc gia, dân tộc...

*Về dự báo tình hình trong nước:* Sau 35 năm đổi mới, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; Nền kinh tế phát triển chưa bền vững, còn nhiều hạn chế, yếu kém, đứng trước nhiều khó khăn, thách thức mới do tác động của đại dịch Covid-19 và khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra; Xu hướng già hóa dân số nhanh; tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng mạnh; biến đổi khí hậu gay gắt, phức tạp... ngày càng tác động mạnh đến sự phát triển của đất nước.

*Ba là, nêu hệ quan điểm chỉ đạo*

Đây là một trong những điểm mới nổi bật. Dự thảo Báo cáo chính trị nêu: Tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, trong giai đoạn tới đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn 5 quan điểm cơ bản: (1) Tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta trong giai đoạn tới; (2) Tư tưởng chủ đạo về chiến lược tổng thể phát triển đất nước. (3) Định hướng tạo động lực phát triển; (4) Tư tưởng định hướng huy động, phát huy mọi nguồn lực; (5) Tư tưởng định hướng xây dựng Đảng, hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ.

*Bốn là, cách tiếp cận xác định mục tiêu*

*Mục tiêu tổng quát:* Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

*Mục tiêu cụ thể:* (1) *Đến năm 2025:* là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. (2) *Đến năm 2030:* là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. (3) *Đến năm 2045:* trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

*Năm là, định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030*

Dự thảo Báo cáo chính trị nêu 12 định hướng phát triển đất nước 10 năm tới (2021-2030): (1) Định hướng về thể chế; (2) Định hướng về phát triển kinh tế; (3) Định hướng về phát triển giáo dục và đào tạo; (4) Định hướng về phát triển văn hóa, con người; (5) Định hướng về xã hội; (6) Định hướng về ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ tài nguyên môi trường; (7) Định hướng về bảo vệ Tổ quốc; (8) Định hướng về đối ngoại; (9) Định hướng về dân chủ XHCN, đại đoàn kết toàn dân tộc; (10) Định hướng về xây dựng Nhà nước; (11) Định hướng về xây dựng Đảng, hệ thống chính trị; (12) Định hướng về nắm vững và xử lý tốt các quan hệ lớn; bổ sung một mối quan hệ mới

“giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội” so Văn kiện Đại hội XII của Đảng.

*Sáu là, xác định nhiệm vụ trọng tâm, các đột phá chiến lược*

Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII nêu 6 *nhiệm vụ trọng tâm*: (1) Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị; (2) Về phát triển kinh tế; (3) Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại; (4) Về văn hóa, xã hội; (5) Về dân chủ xã hội chủ nghĩa, đại đoàn kết toàn dân tộc; (6) Về tài nguyên, môi trường, biến đổi khí hậu.

*Về đột phá chiến lược:* Sự cụ thể hóa 3 đột phá chiến lược của Đại hội XI, XII vào giai đoạn 5 năm 2021-2025 là một điểm mới của Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIII của Đảng. Đó là: Về thể chế; Về nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; Về hệ thống kết cấu hạ tầng.

Có thể nói, những điểm mới trong dự thảo Văn kiện không phải chỉ mới về câu chữ mà mới từ cách tiếp cận, tầm bao quát, từ những tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu phấn đấu và những định hướng phát triển đất nước trên cơ sở tổng kết nghiêm túc thực tiễn đổi mới đầy sáng tạo của nhân dân ta qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, năm 1991, trọng tâm là 10 năm thực hiện Cương lĩnh bổ sung, sửa đổi năm 2011 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng; từ sự phân tích, dự báo xu thế phát triển của thế giới; nghiên cứu, tiếp thu các thành quả phát triển lý luận ■

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng* (tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương), Văn phòng Trung ương, Hà Nội, tháng 4-2020.

2. Nguyễn Phú Trọng: *Chuẩn bị thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới*, Tạp chí Cộng sản, số 949 (9-2020).

# BÀN VỀ MỐI QUAN HỆ QUÂN - DÂN HIỆN NAY

✦ GS, TS MẠCH QUANG THẮNG

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

• **Tóm tắt:** Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới mối quan hệ quân - dân trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam. Theo quan điểm của Người “Địch công thành, ta công tâm, phải lấy được lòng dân”. Mối quan hệ này là nhân tố phản ánh bản chất của Quân đội nhân dân Việt Nam và là một nhân tố cơ bản quyết định cho chất lượng của Quân đội hiện nay.

• **Từ khóa:** Hồ Chí Minh; Quân đội; lòng dân

## Ngũ cảnh của một quan điểm

Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương được ký kết ngày 21-7-1954. Tuân thủ Hiệp định, phía cách mạng Việt Nam tiến hành các hình thức vận động chính trị, theo Hiệp định, sau hai năm nhân dân hai miền Nam - Bắc sẽ tiến hành tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Nhưng, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai ở miền Nam Việt Nam phá hoại Hiệp định Giơnevơ, cự tuyệt tổng tuyển cử, rắp tâm xây dựng miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân sự và thuộc địa kiểu mới của Mỹ và âm mưu thực hiện tiến công miền Bắc Việt Nam. Chúng dùng mọi hành động đàn áp, bỏ tù, giết hại những người theo cách mạng. Cách mạng miền Nam đứng trước sự bức xúc đòi đấu tranh vũ trang bên cạnh đấu tranh chính trị.

Trước tình hình đó, Hội nghị 15 Trung ương Đảng đầu năm 1959 thông qua nghị quyết “phát tín hiệu” cho lực lượng cách mạng miền Nam được sử dụng đấu tranh vũ trang bên cạnh đấu tranh chính trị. Ngay sau đó và cho đến cả năm sau - năm 1960, toàn miền Nam dấy lên Phong trào “Đồng khởi”, đưa cách mạng miền Nam bước

sang một thời kỳ mới. Đầu tháng 10-1961, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Bộ Chính trị bàn về cách mạng miền Nam Việt Nam. Tại cuộc họp này, Người nhận định: “Địch, quân sự mạnh nhưng chính trị yếu. Ta, chính trị mạnh nhưng quân sự yếu. Nếu lấy sức đọ sức để tiêu hao thì không lợi. Ta không lấy đấm chọi đấm mà lấy mưu mẹo diệt nó, trừ bọn ác đi để bảo vệ cơ sở, phong trào dân sẽ lên. Địch công thành, ta công tâm, phải lấy được lòng dân”<sup>(1)</sup>.

Quan điểm *Địch công thành, ta công tâm, phải lấy được lòng dân* không phải mãi đến tháng 02-1961 mới hình thành ở Hồ Chí Minh. Là nhà hoạt động chính trị chuyên nghiệp, Hồ Chí Minh đã chung cất, tiếp biến những giá trị truyền thống quân sự trong lịch sử hàng nghìn năm chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam, tiếp nhận lý luận Mác - Lênin, đồng thời kế thừa - phát triển giá trị quân sự, binh pháp của các nhà chiến lược quân sự trên thế giới, và do đó, Người trở thành *Nhà chiến lược quân sự*.

Ngay từ năm 1927, sau sự biến phản bội của Tưởng Giới Thạch phá bỏ chính sách “liên Nga, liên cộng, ủng hộ công nông”,

Hồ Chí Minh rời địa bàn hoạt động ở Quảng Châu, Trung Quốc để trở lại đại bản doanh Quốc tế Cộng sản ở Liên Xô. Cuối năm đó, ở Mátxcova, Hồ Chí Minh đến giảng bài tại Trường Quân sự của những người cộng sản Đức với chủ đề *Công tác quân sự của Đảng trong nông dân*. Đây là tác phẩm lý luận quân sự đầu tiên của Hồ Chí Minh đề cập những vấn đề vai trò của giai cấp nông dân trong cuộc cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng vô sản; về hoạt động du kích. Sau này, qua nghiên cứu lý luận và qua việc đắm mình vào các sự kiện đấu tranh giành và giữ chính quyền cách mạng cũng như cùng Trung ương Đảng và Chính phủ lãnh đạo các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ, cộng với việc nghiên cứu các tài liệu, trong đó có lý luận quân sự mácxít, kinh nghiệm của các nước, nghiên cứu binh pháp của một số nhà chiến lược quân sự thế giới, Hồ Chí Minh đã phát triển quan điểm về quân sự một cách có hệ thống và cụ thể hơn. *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân* tháng 12-1944 chính là sự tiếp nối quan điểm của Hồ Chí Minh về những vấn đề quân sự không chỉ đối với thời kỳ đấu tranh giành chính quyền, mà còn đối với tất cả các thời kỳ về sau của cách mạng Việt Nam.

#### **Chiến lược quân sự về thế trận lòng dân**

Hồ Chí Minh tán thành quan điểm của Khổng Minh thời Tam quốc (Trung Quốc): “Ông Khổng Minh nói: *trước nhất cốt lấy lòng dân, thứ hai mới cốt lấy thành trì của địch*”<sup>(2)</sup>. Lòng dân là thứ nhất. Đây là quan điểm của các nhà chiến lược quân sự tài ba trên thế giới. Chỉ riêng đề cập loại hình chiến tranh du kích thôi, thì Hồ Chí Minh cho rằng: “Muốn đánh du kích cần phải có dân chúng tham gia và giúp sức. Du kích như cá, dân chúng như nước. Cá không có nước thì cá chết, du kích không có dân chúng thì du kích chết”<sup>(3)</sup>. Lấy được lòng dân thì tiến đến việc vận động nhân dân tham gia chiến sự: “Muốn chống lại quân giặc, một sức đội du kích không đủ, phải hơ hào dân chúng hết sức tham gia vào việc đánh giặc, như phá đường sá, cầu cống, cắt dây thép, làm vườn không nhà trống, do thám tình hình giặc, canh phòng, chuyên chở đồ đạc, đưa đón người bị thương”<sup>(4)</sup>.

Ngay trong *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân*, tháng 12-1944, Hồ Chí Minh nêu quan điểm về kháng chiến toàn dân, trong đó nhân dân tham gia công việc chiến đấu của lực lượng vũ trang: “Việc kháng chiến của ta là cuộc kháng chiến của toàn dân, cần phải động viên toàn dân, vũ trang toàn dân, cho nên trong khi tập trung lực lượng để lập một đội quân đầu tiên, cần phải duy trì lực lượng vũ trang trong các địa phương cùng phối hợp hành động và giúp đỡ về mọi phương diện”<sup>(5)</sup>.

Chiếm thành chỉ quan trọng đứng sau tầm quan trọng của việc lấy được lòng dân, điều này được thể hiện trong lịch sử các cuộc đấu tranh giải phóng của Đại Việt, trong hầu hết các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm.

Phải chiếm được lòng dân - quan điểm này cũng bắt nguồn từ bản chất của mối quan hệ nhân dân với chế độ chính trị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Nhân dân sinh ra Đảng như Hồ Chí Minh đã khẳng định. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được lập nên từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Từ đó, Đảng trở thành Đảng cầm quyền. Quyền mà Đảng *cầm* là từ sự *ủy quyền* của nhân dân. Quân đội (hay nói rộng ra là lực lượng vũ trang) cũng từ nhân dân mà ra để bảo vệ chế độ chính trị mới, mà ở đây là hệ thống chính trị, trong đó có Đảng Cộng sản là hạt nhân lãnh đạo, có Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, các tổ chức chính trị-xã hội khác đoàn kết chung quanh Đảng Cộng sản. Lực lượng vũ trang có trách nhiệm bảo vệ các tổ chức chính trị đó và xét đến cùng là bảo vệ chế độ chính trị và bảo vệ nhân dân.

Nhân dân, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, có quyền lực tối cao và tất cả mọi quyền lực đều ở nhân dân. Điều này thể hiện trước hết trong cách cấu tạo quyền lực của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong đó Hiến pháp là một bộ luật cơ bản chế định quyền lực đó. Bản chất vấn đề quyền lực của nhân dân chính là lòng dân đối với chế độ chính trị. Lực lượng vũ trang của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam không bao giờ là tổ chức phi chính trị là vì thế. Trên thế giới cũng vậy thôi, ai đó nói rằng quân đội phi chính

trị thì chỉ là cách nói mang tính nguy hiểm. Ở một số nước theo chế độ đa nguyên chính trị và đa đảng đối lập, có khi có quy định rằng, quân đội không được phép đứng về phe của đảng phái chính trị nào. Nhưng, không phải vì không đứng về phe phái chính trị nào mà bảo là phi chính trị được. Lực lượng đó có trách nhiệm bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ chính trị của nước đó, do vậy, quân đội đích thị là lực lượng mang tính chất chính trị. Không thể khác.

Công tâm, lấy lòng dân - đó là chiến lược xây dựng lực lượng vũ trang, là bản chất của cuộc chiến tranh giải phóng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và là nghệ thuật tác chiến bất kể thời kỳ nào của chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nếu không công tâm, không lấy được lòng dân thì như cá không nằm được trong nước. Kết quả là lực lượng vũ trang đó không có sức sống, không có tương lai, không có triển vọng phát triển. Chỉ thị thành lập *Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân* tháng 12-1944 của Hồ Chí Minh trong đó dự báo là từ đội quân chủ lực này, nó sẽ phát triển đi từ Nam chí Bắc và sẽ cho ra đời nhiều lực lượng chủ lực đàn em nữa cũng tức là Người nhìn ở cái thế lòng dân chớ che, nâng đỡ, giúp sức cho lực lượng vũ trang phát triển.

#### Để tiếp tục lấy được lòng dân

Hoàn cảnh hiện nay đã khác so với sinh thời của Hồ Chí Minh. Không còn có cảnh như trong bài thơ *Bao giờ trở lại* của nhà thơ Hoàng Trung Thông sáng tác sau ngày toàn quốc kháng chiến chống Pháp mà năm 1952 nhạc sĩ Lê Yên phổ nhạc thành ca khúc *Bộ đội về làng*. Thời đó, bộ đội ở trong nhà dân. Nay, bộ đội ở doanh trại của mình. Thời đó, bộ đội luyện quân để chiến đấu chống quân thù. Nay, bộ đội thời đổi mới, thời bình, là rèn quân sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Bộ đội thời nay còn *làm kinh tế*, hay nói cách khác là kết hợp quốc phòng với kinh tế (điển hình là Công ty Viễn thông Quân đội Viettel, là các cơ sở sản xuất công nghiệp Z, v.v.). Và, nói chung, bộ đội thời nay là bộ đội của thời toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, thời kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thời đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với

việc thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự, thời của đối tượng tác chiến có nhiều nét phong phú hơn... Dân hiện nay là dân của thời kỳ đổi mới, thời kỳ Cách mạng Công nghiệp lần thứ Tư (4.0) với trình độ dân trí cao hơn trước nhiều, nhưng tâm trạng, thái độ chính trị cũng có phần nào phân hóa, phức tạp. Điều này là dễ hiểu vì Hồ Chí Minh đã báo trước hai lần trong tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* xuất bản cách đây hơn 70 năm (năm 1947), trong đó nêu rằng, dân có ba hạng: tiên tiến, vừa vừa, lạc hậu. Hiểu với dân là yêu cầu của Quân đội ta là hiểu với dân tiên tiến, vì thế phải *nâng cao dân chúng* như Hồ Chí Minh đã nêu, tức là phải làm cho dân *vừa vừa*, dân *lạc hậu* nâng lên đạt mức của dân *tiên tiến*.

Yêu cầu *lấy được lòng dân* trong thời kỳ hiện nay đặt ra những vấn đề gì? Phải chăng có một số vấn đề sau đây:

(1) *Tiếp tục giáo dục toàn dân nhận thức sâu sắc hơn tầm quan trọng đặc biệt của việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng toàn dân.*

Quan điểm của Hồ Chí Minh là nền quốc phòng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là *nền quốc phòng toàn dân*. Từ khóa của cụm từ này, hay nói cách khác, nội hàm của thuật ngữ này chính là: toàn dân đều tham gia với tư cách là chủ thể vào nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ đất nước; và khi đất nước bị thế lực nước ngoài xâm lược, thì chính là nhân dân là chủ thể hành động, lực lượng quân đội là lực lượng nòng cốt. Đất nước Việt Nam, có thể do vị thế địa-chính trị, địa-kinh tế... nào đó, cho nên thường có không ít các thế lực ngoại bang nhòm ngó, xâm lược. Trên thực tế, quân và dân Việt Nam đã đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ, thì tưởng rằng, các thế lực xâm lược khác sẽ kiêng dè, nhưng không, vẫn xảy ra sự xâm lược ở biên giới phía Tây - Nam và biên giới phía Bắc từ giữa những năm 70 đến suốt cả những năm 80 thế kỷ XX, và hiện nay đang có những nguy cơ ở Biển Đông do tham vọng không chính đáng của giới cầm quyền Trung Quốc.

Nếu nhận thức được một cách sâu sắc tầm quan trọng đặc biệt, thường xuyên của việc thực hiện nhiệm vụ toàn dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa thì nhân dân sẽ ủng hộ nhiệt thành hơn nữa toàn bộ những hoạt động của Quân đội ta. Ai cũng biết rằng, lực



lượng vũ trang Việt Nam là nhân lực đặc biệt, xét trong tổng thể các nguồn lực xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính do vậy, sự đãi ngộ cho lực lượng này, về mặt nào đó, cũng phải là đặc biệt, trong đó có việc hệ số lương cao hơn các lực lượng lao động của ngành nghề khác. Ấy thế mà một số người vẫn cho đó là điều không công bằng, nhất là cho rằng, sự đãi ngộ này càng không công bằng khi lực lượng Quân đội đang sống trong thời bình. Nếu quan niệm đó là đúng thì hãy thử giải thích xem hiện tượng có thật trong xã hội nước ta hiện nay là vẫn còn không ít người không muốn cho con em của mình đi bộ đội.

*(2) Làm cho tất cả mọi người hiểu rõ hơn nữa tình hình đất nước, trong đó có nhiệm vụ quốc phòng.*

Chúng ta đang sống trong thời đại bùng nổ thông tin. Hằng ngày, những tin tức từ mọi phía được tung lên mạng Internet rất nhanh và phong phú. Nhưng, bị kịch lại là ở chỗ, vẫn còn không ít những thông tin không đến được với nhân dân, hoặc có đến được thì bị can nhiễu, làm cho tin tức bị méo mó. Trong một phạm vi nhất định, trừ bí mật quốc gia và bí mật quân sự, còn lại cần bạch hóa để cho mọi người biết. Biết để dân hiểu, hiểu rồi thì ủng hộ các nhiệm vụ quốc phòng, ủng hộ lực lượng quân đội, lòng dân lúc đã hiểu rồi thì mới đến được với chính những người mà thực ra con em mình đang làm nhiệm vụ quốc phòng, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc. Vẫn còn có hiện tượng không ít cán bộ, đảng viên, chứ chưa nói rộng ra là nhân dân, chưa tiếp cận được thông tin chính thống thường xuyên tình hình ở Biển Đông, như thế thì làm sao nhân dân có thể hiểu được nhiệm vụ của Quân đội trên mặt trận này. Đã không được thường xuyên cập nhật thông tin tình hình đất nước một cách chính thống thì làm sao “lấy được lòng dân”!

Những tri thức về quốc phòng toàn dân đã được đưa vào hệ thống trường lớp ở nước ta, nhất là ở hệ thống các trường chính trị và các học viện, nhà trường của Quân đội, ở các khóa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng mở đầu đợt hằng năm cho hệ thống chính trị. Dù đó là cố gắng lớn của hệ thống chính trị, của Quân đội nhân dân Việt Nam, nhưng như thế vẫn chưa đủ để

chống lại những luận điệu xuyên tạc, chia rẽ mối quan hệ quân - dân từ các thế lực thù địch. Trong thời đại công nghệ thông tin phát triển theo cấp số nhân như hiện nay, các thế lực thù địch đã triệt để sử dụng để chống phá chế độ chính trị nước ta. Thế đứng của chế độ chính trị nước ta hiện nay là thế chân vạc với ba điểm đứng: 1) Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với vị thế là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng nước ta; 2) Chủ nghĩa xã hội; 3) Đảng Cộng sản Việt Nam. Chỉ cần một điểm đứng đó bị yếu thôi thì chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của nước ta cũng có nguy cơ bị đe dọa sụp đổ. Nếu cả hai và cả ba điểm đứng đó rơi vào tình huống “có vấn đề” thì chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa của nước ta càng chống bị đổ vỡ hơn. Trong các điểm đứng đó, tôi cho rằng, điểm đứng Đảng Cộng sản Việt Nam là quan trọng hơn cả. Chính vì vậy, Đảng Cộng sản Việt Nam là tâm điểm mà các thế lực thù địch tập trung vào để chống phá, hòng làm cho Đảng bị suy yếu đi đến tan rã. Và, một khi Đảng tan rã thì điều tất yếu sẽ đến: Việt Nam sẽ chuyển sang chế độ chính trị tư bản chủ nghĩa. Bảo vệ chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân, do đó, chính là nhiệm vụ chính trị cao cả và lớn nhất của Quân đội ta. Nếu Quân đội ta phi chính trị thì tất yếu sẽ dẫn đến sự cáo chung cho chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa, là sự phản bội lại nhân dân mình, là tách cá ra khỏi nước, là sự phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền quốc phòng toàn dân. Do đó, không được phép chủ quan trong lĩnh vực thông tin, với nghĩa rằng, không để cho tư tưởng sau đây tồn tại: trong thời đại mà thông tin bùng nổ mọi không gian như thế thì cứ chủ quan cho rằng, không cần chủ động đưa lại thông tin một cách có định hướng.

*(3) Chú trọng hơn nữa việc giữ gìn phẩm chất Bộ đội cụ Hồ trong điều kiện mới.*

Quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ - đó là quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh, có tính chất chỉ đạo tới tư duy và hành động cho bộ đội ở tất cả các thời kỳ. Riêng đối với thời kỳ hiện nay, điều này càng cần được chú ý hơn nữa, vì như bên trên đã viết, thời kỳ hiện nay có những biểu hiện

khác trong cơ chế mới. Mới thì mới nhưng bản chất của *Bộ đội cụ Hồ* vẫn không bao giờ đổi thay, trong đó đặc biệt là mối quan hệ giữa bộ đội với dân. Quân đội do dân sinh ra, vì thế phải có trách nhiệm hai chiều, tức là Quân đội phải làm tròn đạo hiếu với dân và ở chiều khác dân phải có trách nhiệm chăm lo cho sự lớn mạnh của Quân đội.

Những nội dung chế định làm nên phẩm chất *Bộ đội cụ Hồ* theo tư tưởng Hồ Chí Minh, xét về mối quan hệ với nhân dân, trước nay vẫn như thế. Ở đây tôi chỉ xin đề cập và nhấn mạnh thêm một vấn đề nữa, đó là phải chú ý giải quyết thật tốt, trong quan hệ lợi ích, mối quan hệ giữa Nhà nước - các doanh nghiệp Quân đội - nhân dân (Có thể gọi là mối quan hệ giữa ba lợi ích). Trong những năm gần đây, giải quyết vấn đề này trong khối kinh doanh của Quân đội, cũng có những tiêu cực làm tổn hại đến mối quan hệ quân - dân. Đảng và Nhà nước vừa qua đã xử lý một số trường hợp, cả kỷ luật về Đảng và pháp luật của Nhà nước, có trường hợp phải vào tù, trong đó có vụ án Đinh Ngọc Hệ (“Út trọc”). Trong cán bộ cấp cao của Quân đội (cấp tướng) đã có một số trường hợp bị xử lý, chủ yếu liên quan đến vấn đề đất đai, đầu tư kinh doanh, móc ngoặc, hối lộ, tham nhũng...

Việc Quân đội làm kinh tế có phù hợp với nhiệm vụ của mình không? Đã có một số ý kiến cho rằng: không, dứt khoát không, vì Quân đội sinh ra chỉ có nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, không được lấn sang làm nhiệm vụ kinh doanh (làm kinh tế). Tôi thấy rằng, trong hoàn cảnh hiện nay cũng rất cần có doanh nghiệp của Quân đội để sản xuất kinh doanh vừa góp phần làm giàu cho đất nước, hơn nữa vừa giải quyết những nhu cầu của Quân đội như viên thông, vũ khí, quân trang quân dụng, v.v.

Trong giải quyết ba mối quan hệ trên đây, nhất thiết các doanh nghiệp Quân đội nên: 1) Tuân thủ tuyệt đối luật, trong đó có các luật liên quan trực tiếp tới hoạt động kinh doanh; 2) Ưu tiên kinh doanh sản xuất những mặt hàng liên quan phục vụ trực tiếp đến quốc phòng; 3) Bảo đảm hài hòa các lợi ích, nhưng cần ưu tiên cho lợi ích của Nhà nước và nhân dân. Tuy nhiên, xét trong những trường hợp thật cụ thể để cũng có thể ưu tiên cho doanh

nh nghiệp quốc phòng, nhất là ở vào tình trạng khẩn cấp (lúc chiến tranh; bị đe dọa chiến tranh, thiên tai, nhân tai, v.v.), nhưng nhìn chung, trước hết phải tính đến lợi ích tối cao là nhân dân và Nhà nước, đương nhiên đây phải là những lợi ích chính đáng, chứ không phải lợi ích nhóm.

Một vấn đề nữa, môi trường văn hóa đạo đức trong cuộc sống xã hội Việt Nam thời kỳ hiện nay đang có nhiều biểu hiện bị ô nhiễm. Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam có phát triển, nhưng văn hóa đạo đức chưa phát triển tương xứng. Điều này ảnh hưởng không tốt đến đạo đức, lối sống của con người Việt Nam. Ngay trong Đảng cũng có một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp, suy thoái về chính trị, đạo đức, lối sống, có những biểu hiện của “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ. Quân đội nhân dân Việt Nam cũng là một bộ phận trong các cộng đồng dân cư. Vì thế, đội ngũ cán bộ, chiến sĩ Quân đội phải luôn tu dưỡng, rèn luyện đạo đức cách mạng, có lối sống lành mạnh, trong sáng. Có như thế mới xứng danh *Bộ đội cụ Hồ*, mới luôn luôn ở trong tâm khảm tin yêu, chở che của nhân dân. Và, cũng chính do như thế, nền quốc phòng toàn dân mới được bảo đảm vững chắc. Chính như thế, lực lượng Quân đội mới làm tròn nhiệm vụ là lực lượng nòng cốt bảo đảm và giữ gìn môi trường hòa bình để đất nước Việt Nam phát triển nhanh và bền vững, mới lấy được lòng dân, thực hiện tốt quan điểm của Hồ Chí Minh - người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang Việt Nam ■

**Tài liệu tham khảo:**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và Các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* (xuất bản lần thứ ba, có chỉnh sửa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tập 8.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3.

<sup>(1)</sup> Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Hồ Chí Minh và Các lãnh tụ của Đảng: *Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử* (xuất bản lần thứ ba, có chỉnh sửa, bổ sung), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016, tập 8, tr.107.

<sup>(2),(3),(4),(5)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, tr.5, 500, 526, 539.

# KIÊN TRÌ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH: CỘI NGUỒN THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM

✦ PGS, TS VŨ QUANG VINH

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

• **Tóm tắt:** *Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành nền tảng tư tưởng, đã phát huy cao độ bản chất khoa học và cách mạng, không ngừng sáng tạo, trở thành động lực và sức mạnh chủ yếu của dân tộc, là cội nguồn thắng lợi của cách mạng Việt Nam.*

• **Từ khóa:** *Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; nền tảng tư tưởng*

## 1. Tăng cường nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong cách mạng Việt Nam

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, chú trọng nắm vững đặc điểm, hoàn cảnh thực tiễn của Việt Nam, khắc phục chủ nghĩa kinh nghiệm giáo điều, phê phán chủ nghĩa xét lại. Tư tưởng Hồ Chí Minh hình thành trong quá trình vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn Việt Nam để thành lập Đảng, đề ra đường lối thích hợp, hoàn thành cách mạng giải phóng miền Nam và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa (XHCN) ở miền Bắc. Trong bất kỳ tình huống khó khăn cấp bách nào, Đảng vẫn kiên trì chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đó là nguyên tắc sống còn của Đảng trong cách mạng Việt Nam (CMVN).

Khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ (TKQĐ) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) đã bộc lộ nhiều khuyết tật, hạn chế trong thực hiện mục tiêu và trong cơ chế, giải pháp. Cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, hành chính, bao cấp bên cạnh những yếu tố tích cực đã ngày càng bộc lộ những tiêu cực, cản trở sự phát triển. Cơ chế đó cùng với những nguyên nhân khách quan và chủ quan khác đã dẫn đến Việt Nam lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội (KT-XH) từ cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Để thoát ra khỏi khủng hoảng KT-XH, Đảng, Nhà nước đã trải qua những bước tìm tòi, khảo nghiệm và từ thực tiễn để đi đến bước đột phá đổi mới tư duy lý luận, khắc phục sự yếu kém, chậm trễ về lý luận. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) quyết định đường lối đổi mới cũng đã tự phê bình và nhận rõ sự hạn chế về trình độ lý luận và công tác lý luận: “Đã bộc lộ sự lạc hậu về

nhận thức lý luận và vận dụng các quy luật đang hoạt động trong TKQĐ; đã mắc bệnh duy ý chí, giản đơn hóa, muốn thực hiện nhanh chóng nhiều mục tiêu của CNXH trong điều kiện nước ta mới ở chặng đường đầu tiên. Chúng ta đã có những thành kiến không đúng, trên thực tế, chưa thật sự thừa nhận những quy luật của sản xuất hàng hóa đang tồn tại khách quan; do đó, không chú ý vận dụng đúng vào việc chế định các chủ trương, chính sách kinh tế”<sup>(1)</sup>. Vì vậy, đường lối đổi mới bắt đầu từ sự đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn về CNXH và những quy luật, đặc trưng của TKQĐ lên CNXH...

Nghiên cứu lý luận (NCLL) là yêu cầu của một trong những nhiệm vụ xây dựng Đảng đã được các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị cụ thể hóa: Nghị quyết số 01-NQ/TW ngày 28-3-1992 của Bộ Chính trị *Về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay*; Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX (3-2002) và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (8-2007), đặc biệt là Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII (2016) xác định: Tiếp tục đổi mới tư duy lý luận, nắm bắt phát triển mới của đất nước, của thế giới và thời đại để hướng vào giải quyết những vấn đề mới nảy sinh trong xây dựng đất nước và phát triển xã hội, trong xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN,...

Công tác lý luận luôn luôn gắn liền với công tác tư tưởng. NCLL làm sáng tỏ những vấn đề của cách mạng, của sự nghiệp xây dựng CNXH, công cuộc đổi mới góp phần thống nhất nhận thức tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội. Sự phát triển của công cuộc đổi mới ngày càng khẳng định vai trò soi đường, định hướng của lý luận, khẳng định tầm quan trọng của công tác lý luận. Đó là cơ sở để định hướng cho công tác tư tưởng, khẳng định nền tảng tư tưởng của Đảng. Những định hướng lớn của công tác tư tưởng là khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc (ĐLDT) và CNXH, khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, là học thuyết cách mạng và khoa học, là vũ khí lý luận sắc bén của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của DTVN. Chính sự vận

dụng sáng tạo, thành công của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng đã chứng minh giá trị bền vững, sức sống của học thuyết cách mạng trong điều kiện lịch sử mới. Để tiếp tục trở thành nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng, trước hết, Đảng Cộng sản Việt Nam thấm nhuần sâu sắc vai trò, tầm quan trọng của công tác lý luận theo quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế. Không có lý luận thì lúng túng như nhắm mắt mà đi”<sup>(2)</sup>.

Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của Đảng, không chỉ có đường lối chính trị đúng mà Đảng cần phải có bản lĩnh chính trị vững vàng. Ở những bước ngoặt khó khăn của cách mạng, đứng trước những thách thức Đảng luôn luôn tỏ rõ và nâng cao bản lĩnh chính trị. Bản lĩnh chính trị của Đảng thể hiện trước hết là sự kiên định con đường cách mạng, bằng nhiệt tình cách mạng và trình độ trí tuệ kiên trì thực hiện mục tiêu ĐLDT và CNXH. Không bi quan, dao động trước những khó khăn, thử thách, giữ vững niềm tin vào lý tưởng cách mạng, vào con đường cách mạng mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn. Đó là sự kiên định con đường giải phóng dân tộc phù hợp với thực tiễn CMVN, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên trên hết và trước hết, nhiệm vụ chống phong kiến rải ra từng bước, phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc, thực hiện nhiệm vụ cơ bản, trước mắt của cách mạng. Đặc biệt, trong bối cảnh những năm đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, trước sự khủng hoảng trầm trọng của CNXH trên thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục kiên định con đường cách mạng mà Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã nêu: “Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có ĐLDT thật sự và tự do hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng”<sup>(3)</sup>.

Bản lĩnh chính trị của Đảng thể hiện ở những thời điểm khó khăn, cam go của cách mạng, Đảng đã có những quyết sách sáng suốt, kịp thời, chủ động chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua thách thức. Đó là những

quyết sách tạo thời cơ và chớp thời cơ trong quá trình chuẩn bị và tiến hành Tổng khởi nghĩa trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945. Đó là quyết định ra “Thông cáo giải tán Đảng Cộng sản Đông Dương” ngày 11-11-1945, thực chất là rút vào hoạt động bí mật để bảo vệ Đảng, tiếp tục lãnh đạo cách mạng, củng cố chính quyền cách mạng còn non trẻ khi vận mệnh của DTVN đứng trước “tình thế như ngàn cân treo sợi tóc”. Trong Thông cáo đã viết: “những đảng viên cộng sản là những chiến sĩ tiên phong của dân tộc, bao giờ cũng hy sinh tận tụy vì sự nghiệp giải phóng của toàn dân, sẵn sàng đặt quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi của giai cấp, hy sinh rèn luyện lợi riêng của đảng phái cho quyền lợi chung của dân tộc”<sup>(4)</sup>.

Bản lĩnh chính trị thể hiện ở sự dũng cảm thừa nhận sai lầm, khuyết điểm và kiên quyết sửa chữa những sai lầm, khuyết điểm, thẳng thắn tự phê bình và phê bình. Hồ Chí Minh coi tự phê bình và phê bình là *quy luật phát triển* của Đảng. Người cho rằng: “Khuyết điểm cũng như chứng bệnh. Phê bình cũng như uống thuốc. Sợ phê bình, cũng như có bệnh mà giấu bệnh. Không dám uống thuốc. Để đến nỗi bệnh ngày càng nặng, không chết “cũng la lết quả dưa”. Và “một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>(5)</sup>.

Theo Hồ Chí Minh phê bình và tự phê bình, cần cho Đảng như con người cần không khí để sống: “Người ta luôn luôn cần không khí để sống. Người cách mạng và đoàn thể cách mạng cần phê bình và tự phê bình thiết tha như người ta cần không khí. Cách mạng sở dĩ phát triển mãi, tiến bộ mãi, càng gặp nhiều gian khổ, càng mạnh mẽ thêm, là do có phê bình và tự phê bình”<sup>(6)</sup>. Trong quá trình lãnh đạo CMVN, Đảng đã có những lúc phạm sai lầm khuyết điểm. Bản lĩnh chính trị của Đảng đã thể hiện trong phê và tự phê một cách nghiêm túc.

Suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Đảng đã dũng cảm, kịp thời chỉ rõ những hạn chế khiếm khuyết và tích cực sửa chữa khuyết điểm nên đã lấy lại niềm tin của nhân dân đối với Đảng. Chẳng hạn, Chỉ thị gửi Xứ ủy Trung Kỳ về vấn đề thanh Đảng ở Trung Kỳ, của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 20-5-1931; Các nghị quyết trong Hội nghị lần thứ 10 khóa II (năm 1956) về sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức; Kết luận của Bộ Chính trị về một số khiếm khuyết trong chỉ đạo cuộc kháng chiến chống Mỹ; Về những nhận định, đánh giá trong Văn kiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, trong Cương lĩnh năm 1991. Đặc biệt là trong các văn kiện của các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương về công tác xây dựng Đảng trong công cuộc đổi mới, nhất là trong Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư khóa XII.

Bản lĩnh chính trị còn là tinh thần đấu tranh để bảo vệ lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch. Bản lĩnh chính trị chẳng những là cần thiết trong hoạch định đường lối chính sách mà cả trong lãnh đạo và tổ chức thực tiễn. Bản lĩnh chính trị trở thành một nội dung quan trọng trong xây dựng Đảng về chính trị ở các thời kỳ lịch sử trước đây và cũng đặt ra thường xuyên hiện nay.

## **2. Tiếp tục kiên trì và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh**

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã xác định xây dựng chế độ XHCN là lý tưởng, mục tiêu phấn đấu và là nguồn cội sức mạnh của cách mạng và DTVN. Giữa CNXH và ĐLDT có mối quan hệ chặt chẽ, gắn bó, bổ sung cho nhau. ĐLDT là mục tiêu trực tiếp, là tiền đề, điều kiện, là cơ sở để tiến lên CNXH. CNXH là bước phát triển tất yếu, là điều kiện để củng cố và bảo vệ vững chắc ĐLDT.

Ngay sau khi đất nước được thống nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chủ trương và quyết tâm lãnh đạo sự nghiệp xây dựng CNXH trên phạm vi cả nước, đồng thời kiên quyết chiến đấu bảo vệ chủ quyền, lãnh thổ của Tổ quốc, củng cố vững chắc ĐLDT, thành quả của hàng chục năm Đảng lãnh đạo toàn dân, toàn quân vượt mọi khó khăn, gian khổ,

chịu nhiều tổn thất, hy sinh mới giành được. Hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc (BVTQ) được kết hợp chặt chẽ và thực hiện thắng lợi đã tạo ra sức mạnh tổng hợp to lớn đưa đất nước đi lên, tạo nên thế mới, lực mới cho dân tộc. Đây chính là sự vận dụng, phát triển quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước của ông cha.

Sự phá hoại, gây xung đột, căng thẳng, lấn chiếm lãnh thổ, tiến hành chiến tranh biên giới, tiến công xâm lược quy mô lớn của chính quyền Campuchia Dân chủ ở biên giới phía Tây Nam và chính quyền Trung Quốc ở biên giới phía Bắc Việt Nam những năm cuối thập kỷ 70 của thế kỷ XX đã đặt DTVN trước những thử thách nặng nề, hết sức nghiêm trọng trong việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Những năm của thập kỷ 80, vấn đề quân đội Việt Nam ở Campuchia giúp nhân dân đất nước Chùa Tháp thoát khỏi họa diệt chủng, hồi sinh dân tộc, cũng là nhằm để bảo vệ độc lập, sự ổn định, bình yên trong xây dựng đất nước của Việt Nam.

Trước những diễn biến phức tạp, nghiêm trọng đó, Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương, quyết sách phù hợp để bảo vệ độc lập, chủ quyền, làm thất bại các âm mưu, thủ đoạn, hành động chiến tranh của kẻ thù, khẩn trương điều chỉnh, xây dựng chiến lược BVTQ trong tình hình mới. Khi hệ thống các nước XHCN trên thế giới lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng, dẫn tới sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Nam Á, Đảng vẫn kiên trì con đường XHCN đã lựa chọn. *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong TKQĐ lên CNXH năm 1991* là một minh chứng rõ ràng khẳng định con đường đi lên CNXH của Đảng và nhân dân ta. Các đặc trưng của xã hội XHCN mà Cương lĩnh nêu lên cho thấy Đảng không mơ hồ về mục tiêu đã lựa chọn và chủ động ngăn chặn nguy cơ chệch hướng XHCN.

Đảng Cộng sản Việt Nam đã dành ra 15 năm lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, giành lại ĐLDT. Đảng đã dành ra 30 năm lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ ĐLDT đồng thời từng bước xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên xây dựng CNXH trên một nửa nước. Sau đó, Đảng lại lãnh đạo nhân dân cả nước xây

dựng CNXH đồng thời tiến hành chiến đấu bảo vệ ĐLDT, chủ quyền lãnh thổ quốc gia. ĐLDT chính là mục tiêu phấn đấu suốt cuộc đời của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Chủ tịch Hồ Chí Minh đồng thời cũng là khát vọng của toàn thể nhân dân, là mục tiêu chiến lược của CMVN do Đảng lãnh đạo, phải trải qua muôn vàn gian khó, hy sinh lớn lao mới giành được. Vì thế, đây là tài sản quý giá nhất mà nhân dân ta cần phải gìn giữ, bảo vệ bằng bất cứ giá nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nêu lên một chân lý: không có gì quý hơn độc lập, tự do. Có thể nói, có độc lập thực sự thì mới có tự do thực sự, mới tự mình làm chủ vận mệnh của mình. Đây là điều kiện cần thiết để xây dựng và phát triển đất nước theo con đường XHCN. Đổi lại, thành quả của công cuộc xây dựng CNXH là sự đảm bảo vững chắc ĐLDT.

Trên nền tảng quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và ĐLDT, từ sau năm 1975, đặc biệt là từ khi tiến hành sự nghiệp đổi mới, quan niệm, nhận thức của Đảng về CNXH và TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam đã có những thay đổi và ngày càng sáng tỏ hơn. Nếu như sau năm 1975, Đảng, Nhà nước lựa chọn tiếp tục xây dựng theo mô hình CNXH của Liên Xô trong bối cảnh đã có sự khác biệt nhiều so với thời gian chiến tranh đang diễn ra, và đã gặp nhiều khó khăn, thậm chí khủng hoảng trầm trọng về kinh tế, xã hội, thì sau những vấp vấp, bất cập, những tìm tòi con đường đi lên, từ khi đổi mới đến nay, Đảng đã có những quan niệm thực tế hơn về CNXH, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Việt Nam. Điều này càng thể hiện rõ sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô và các nước Đông Nam Á sụp đổ.

Đảng Cộng sản Việt Nam tuy vẫn kiên trì quan điểm xây dựng CNXH bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, nhằm tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực nhưng giờ đây cho rằng đây là công việc rất khó khăn, cần phải trải qua một TKQĐ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều thành phần, tổ chức kinh tế mang tính chất quá độ. Đảng đánh giá Việt Nam đã hoàn thành chặng đường đầu tiên của TKQĐ sau khi ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội nghiêm trọng, kéo dài, bắt đầu bước vào

chặng đường mới thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đảng cũng thừa nhận trong TKQĐ, có nhiều thành phần kinh tế, nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất và đặc biệt là có nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Đảng Cộng sản Việt Nam từng bước làm sáng tỏ mục tiêu và từng bước bổ sung, xác định những đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN ở Việt Nam, thông qua việc xây dựng Cương lĩnh năm 1991 và Cương lĩnh 2011 (bổ sung sửa đổi) về xây dựng đất nước trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam là: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Nhận thức lý luận về công tác xây dựng Đảng được nâng lên một bước với việc xác định đầy đủ hơn bản chất của Đảng và xác định rõ hơn nền tảng tư tưởng của Đảng cũng như vai trò lãnh đạo của Đảng. Bên cạnh đó, nội dung công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế được nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn. Đảng khẳng định: Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa sống còn trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng<sup>(7)</sup>. Giữ vững bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức<sup>(8)</sup>.

Do nhận thức và quan điểm đúng đắn đó nên trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tấn công toàn diện vào Đảng và chế độ, Đảng vẫn vững vàng, kiên định mục tiêu ĐLDT và CNXH; từng bước nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy, thống nhất tư tưởng trên những vấn đề cơ bản của công cuộc đổi mới, xây dựng CNXH và BVTQ XHCN trong điều kiện mới. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối đúng đắn của Đảng; phê phán, bảo vệ các quan điểm sai trái, các luận điệu phản động, dân chủ cực đoan, chủ nghĩa cơ hội. Từng bước sắp xếp, kiện toàn hệ thống tổ chức của Đảng và Nhà nước theo hướng tinh gọn<sup>(9)</sup>. Đổi mới công tác đánh giá cán bộ trên cơ sở lấy hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chính trị làm thước đo phẩm chất, năng lực của cán

bộ. Từng bước đổi mới phương thức lãnh đạo trên cơ sở coi trọng lãnh đạo thể chế hóa nghị quyết, lãnh đạo xây dựng luật và pháp lệnh, khắc phục tình trạng áp đặt, bao biện, làm thay.

Để mãi mãi xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của DTVN, Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, vận dụng sáng tạo trong điều kiện Việt Nam, quyết tâm đổi mới, tự chỉnh đốn, phấn đấu thật sự tiêu biểu về chính trị, lý luận, trí tuệ, văn hóa và đạo đức để luôn xứng đáng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của CMVN ■

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 47, tr.361

<sup>(2), (5)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr.273-274, 776

<sup>(3)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, 2007, tập 51, tr.13-14

<sup>(4)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, 2000, tập 8, tr.19, 28-29.

<sup>(6)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, tr.114-115

<sup>(7)</sup> Từ đầu nhiệm kỳ khóa XII của Đảng đến 30/6/2019, đã kết nạp được 646.401 đảng viên, bình quân 184.686 đảng viên/năm, bằng 91% so với nhiệm kỳ trước. Trình độ đảng viên mới kết nạp được nâng lên (49% từ đại học trở lên, trong đó có 21.331 thạc sỹ, 1.264 tiến sỹ), cơ cấu hợp lý theo hướng trẻ hóa và tăng tỷ lệ nữ (54,98% là đoàn viên, 50,22% là nữ).

<sup>(8)</sup> Theo Báo ảnh Việt Nam (13/12/2020 09:20 GMT+7): Từ năm 2013 đến nay, các cơ quan tố tụng trong cả nước đã khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm hơn 11.700 vụ án tham nhũng, chức vụ, kinh tế, trong đó có 1.900 vụ án tham nhũng, với gần 4.400 bị cáo. Riêng Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng đã đưa vào theo dõi, chỉ đạo hơn 800 vụ án, vụ việc ở 3 cấp độ, trong đó trực tiếp theo dõi, chỉ đạo 133 vụ án, 94 vụ việc tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, đã đưa ra xét xử sơ thẩm 86 vụ án, 814 bị cáo, trong đó có 18 cán bộ diện Trung ương quản lý bị xử lý hình sự (1 Ủy viên Bộ Chính trị, 7 Ủy viên, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 4 Bộ trưởng, nguyên Bộ trưởng, 7 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang...). Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng trong thời gian qua đã thể hiện rõ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, Nhà nước ta là “Nói đi đôi với làm, không có vùng cấm, không có ngoại lệ” trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng.

<sup>(9)</sup> Tính đến ngày 30/6/2019, toàn Đảng có 54.349 tổ chức cơ sở đảng (83 đảng bộ cơ sở mà đảng ủy cơ sở được giao quyền cấp trên cơ sở, 25.699 đảng bộ cơ sở, 28.567 chi bộ cơ sở), giảm 2.164 tổ chức cơ sở đảng so với đầu nhiệm kỳ; trực thuộc đảng ủy cơ sở có 2.408 đảng bộ bộ phận và 256.480 chi bộ với 5.097.747 đảng viên, tăng 463.679 đảng viên so với đầu nhiệm kỳ.

# VAI TRÒ CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI SỰ BẢO VỆ NỀN TẢNG LÝ LUẬN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

• ThS NGUYỄN VĂN VINH

Trường Đại học chính trị, Bộ Quốc phòng

• **Tóm tắt:** Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ thiên tài của cách mạng Việt Nam (CMVN) đã có những cống hiến to lớn vào cuộc đấu tranh bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng. Tư tưởng và thực tiễn hoạt động đấu tranh chống các quan điểm, tư tưởng sai trái, phi Mác xít trong phong trào CMVN của Người đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho sự nghiệp xây dựng, chỉnh đốn Đảng ta hiện nay.

• **Từ khóa:** Hồ Chí Minh, bảo vệ, lý luận, cộng sản, Việt Nam

Là người sáng lập, giáo dục, rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cả cuộc đời cho sự nghiệp vận dụng, phát triển và bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng. Trong đó, việc bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng không những góp phần loại bỏ được những phần tử xấu, phần tử phản động ra khỏi phong trào cách mạng, góp phần làm tăng thêm sức mạnh của cách mạng mà về mặt lý luận nó còn bảo vệ, khẳng định tính đúng đắn và phát triển thêm học thuyết cách mạng và khoa học. Noi gương lãnh tụ V.I. Lênin, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Đấu tranh một cách không điều hòa chống bọn cải lương và bọn xuyên tạc chủ nghĩa Mác đủ các loại”<sup>(1)</sup>.

## 1. Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin “làm cốt”

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, trước tình cảnh bế tắc về đường lối cứu nước ở Việt Nam, Nguyễn Tất Thành đã có quyết định táo bạo, chưa từng có trong tiền lệ lịch sử: “Tôi muốn

đi ra nước ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”. Quyết định sang tận sào huyệt của chủ nghĩa tư bản để xem xét thực chất những ẩn khuất đằng sau về “Tự do, bình đẳng, bác ái” mà thực dân Pháp hết lời ca ngợi rõ ràng không phải là sự tình cờ, là việc làm “ăn may” như nhiều phần tử phản động rêu rao mà xuất phát từ sự phân tích sâu sắc con đường cứu nước của các nhà yêu nước tiên bối. Bằng nhãn quan chính trị đặc biệt được thôi thúc bởi tinh thần yêu nước cháy bỏng, Nguyễn Tất Thành đã chỉ ra những sai lầm cốt tử của các trào lưu cứu nước hiện thời: “Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu tìm tới sự giúp đỡ của Nhật để đuổi thực dân Pháp xâm lược, khi đó, chẳng khác gì “đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau”<sup>(2)</sup>; “Cụ Phan Châu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, đó là sai lầm chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương”<sup>(3)</sup>... Thất bại của các phong trào



yêu nước trên cho thấy các trào lưu cứu nước theo các khuynh hướng phi vô sản đã lỗi thời, lạc hậu, không thể giúp dân tộc Việt Nam có được độc lập, tự do. Ngày 05-6-1911, Nguyễn Tất Thành đã đi tìm lời giải chính xác giúp CMVN thoát khỏi tình cảnh bế tắc “như đêm trường không lối ra”.

Xã hội kim tiền phương Tây với vô vàn những cám dỗ, cạm bẫy vật chất tầm thường dễ làm cho con người ta “lạc lối trời Âu” dĩ nhiên không phải là trở ngại lớn đối với người thanh niên với ý chí, khát vọng cứu nước cháy bỏng. Thách thức lớn nhất đối với Người chính là chủ nghĩa cơ hội xét lại vốn đang hoành hành trong đời sống chính trị trên chính “mảnh đất hiện thực” của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nó dễ dàng khiến người ta ngộ nhận, hoang mang, thiếu niềm tin, từ đó dẫn đến lâm đường, lạc lối. Trên thực tế, bằng cách đi đúng, thông qua thực tiễn, chiêm nghiệm từ những điều mắt thấy tai nghe, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra những thứ chủ nghĩa giả hiệu ấy. Ngay cả những lý tưởng được xã hội phương Tây hết lời ngợi ca vốn được che đậy bởi những mỹ từ “tự do, bình đẳng, bác ái” cũng được Người vạch trần bản chất thực sự. Người chỉ rõ “Kách mệnh Mỹ cũng như kách mệnh Pháp nghĩa là kách mệnh tư bản, kách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực thì nó tước đoạt công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa”<sup>(4)</sup>. Thắng lợi của Cách mạng Tháng 10 Nga năm 1917 với lý tưởng cộng sản chân chính đã “chiếu rọi ánh sáng mới” vào nhận thức, tư tưởng, tình cảm của Nguyễn Ái Quốc. Được chứng kiến thắng lợi vĩ đại của cách mạng ấy, Nguyễn Ái Quốc đã đi sâu tìm hiểu lý tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin. Tháng 7-1920, Người đọc được “Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa”. Như một tất yếu lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đã nhận ra “Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”<sup>(5)</sup>, “chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>(6)</sup>. Người đi đến kết luận quan trọng: *muốn cứu nước, giải phóng dân tộc không có con đường nào khác là con đường cách mạng vô sản.*

Chủ nghĩa Mác - Lênin là đỉnh cao trí tuệ nhân loại, song tuyệt nhiên không phải là “chìa khóa vạn năng”, càng không phải là thứ giáo điều mà người ta chỉ cần sao chép, cộp nhặt và lắp ghép một cách máy móc rồi giải đáp tất cả những mâu thuẫn, bế tắc và đòi hỏi của các dân tộc bị áp bức. Chủ nghĩa Mác - Lênin chỉ thực sự là cách mạng và khoa học khi được “đặt trên mảnh đất hiện thực”, “bằng cách đưa thêm vào đó những tư liệu mà Mác ở thời mình không thể có được”<sup>(7)</sup>. Đúng vững trên quan điểm thực tiễn, Nguyễn Ái Quốc đã bắt đầu hành trình khám phá, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Thế giới quan khoa học, phương pháp luận biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin đã giải đáp cho Người những câu hỏi lịch sử, bằng đáp án ngắn gọn, súc tích đầy tính khoa học, sáng tạo: “Cách mệnh trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”<sup>(8)</sup>; “cách mệnh không phải là việc của một hai người, mà là việc chung của cả dân chúng”<sup>(9)</sup>. Nhờ kiên trì vận dụng và phát triển sáng tạo Chủ nghĩa Mác - Lênin, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm thay đổi vận mệnh dân tộc, đã đưa CMVN đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

## **2. Vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong đấu tranh bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam**

Với những người cộng sản Việt Nam, chủ nghĩa Mác - Lênin là “kim chỉ nam”, “là cẩm nang thần kỳ”, “đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa (XHCHN) cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn lạc hậu đối với cuộc sống”<sup>(10)</sup>. Tuy nhiên, muốn chuyển hóa nó thành “lực lượng vật chất”, thành “vũ khí của sự phê phán” không chỉ đòi hỏi sự vận dụng, bổ sung, phát triển lý luận mà nhiệm vụ đặc biệt hệ trọng đó là thường xuyên bảo vệ lý luận Mác - Lênin bằng cuộc đấu tranh kiên trì, bền bỉ và không khoan nhượng.

Bằng niềm tin mãnh liệt, ý chí, bản lĩnh và nghị lực phi thường, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kiên quyết, kiên trì bảo vệ nền tảng lý luận MáC - Lênin của Đảng cộng sản Việt Nam.

*Một là, đấu tranh khắc phục khuynh hướng “giáo điều”*

Chủ nghĩa MáC - Lênin là học thuyết cách mạng nhất, khoa học nhất, nó mở ra và soi sáng con đường đấu tranh của CMVN. Học tập và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa MáC - Lênin vào thực tiễn Việt Nam là một trong những điều quan trọng hàng đầu. Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa MáC - Lênin. Tuy nhiên, trong phong trào CMVN lại có những khuynh hướng hết sức sai lầm trong việc vận dụng chủ nghĩa MáC - Lênin. Người chỉ ra hai khuynh hướng sai lầm đó là: “Có một số đồng chí không chịu nghiên cứu kinh nghiệm thực tế của CMVN. Họ không hiểu rằng: chủ nghĩa MáC - Lênin là kim chỉ nam cho hành động, chứ không phải là kinh thánh. Vì vậy, họ chỉ học thuộc ít câu của MáC - Lênin, để lờ người ta. Lại có một số đồng chí khác chỉ bo bo giữ lấy những kinh nghiệm lẻ tẻ. Họ không hiểu rằng lý luận rất quan trọng cho sự thực hành cách mạng. Vì vậy, họ cứ cầm đầu nhắm mắt mà làm, không hiểu rõ toàn cuộc cách mạng”<sup>(11)</sup>. Trong hai khuynh hướng sai lầm ấy của các đồng chí cách mạng, Hồ Chí Minh cho rằng khuynh hướng giáo điều là nguy hại hơn cả. Người chỉ rõ: “Hai khuynh hướng ấy đều sai lầm. Sai lầm nhất là khuynh hướng giáo điều, vì nó mượn những lời của MáC, Lênin, để làm cho người ta lầm lẫn”<sup>(12)</sup>.

Đối với Hồ Chí Minh, để sửa chữa những khuynh hướng sai lầm ấy, phương pháp tốt nhất là không ngừng học tập chủ nghĩa MáC - Lênin gắn liền với hoạt động thực tiễn của cách mạng. Học tập lý luận chủ nghĩa MáC - Lênin không phải là học một câu chữ, giáo điều máy móc, học tập như vậy sẽ lại dẫn đến sai lầm mà theo Hồ Chí Minh, là phải “học tập tinh thần của chủ nghĩa MáC - Lênin; học tập lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa MáC - Lênin để áp dụng lập trường, quan điểm và phương pháp ấy mà giải quyết cho tốt những vấn đề

thực tế trong công tác cách mạng”<sup>(13)</sup>. Bản thân lý luận MáC - Lênin là lý luận cách mạng, song “lý luận cách mạng không phải là giáo điều, nó là kim chỉ nam cho hành động cách mạng; và lý luận không phải là một cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo; lý luận luôn luôn cần được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra từ trong thực tiễn sinh động”<sup>(14)</sup>. Người chỉ rõ: “Khi học tập lý luận thì nhằm mục đích học để vận dụng chứ không phải học lý luận vì lý luận, hoặc vì tạo cho mình một cái vốn lý luận để sau này đưa ra mặc cả với Đảng. Tất cả những động cơ học tập không đúng đắn đều phải tẩy trừ cho sạch”<sup>(15)</sup>.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, lý luận và thực tiễn gắn bó rất chặt chẽ với nhau, lý luận và thực tiễn là một thể thống nhất. Người viết: “Thực hành sinh ra hiểu biết, hiểu biết tiến lên lý luận, lý luận lãnh đạo thực hành”<sup>(16)</sup>. Người chỉ rõ quy trình vận hành quá trình vận dụng lý luận và tổng kết thực tiễn là điểm mấu chốt để khắc phục được khuynh hướng giáo điều trong CMVN.

*Hai là, đấu tranh phê phán khuynh hướng “khuynh hữu”, “khuynh tả”*

Cách mạng là vấn đề rộng lớn và phức tạp, không ngừng vận động và phát triển, vì vậy người cách mạng phải có vốn lý luận phong phú, có hiểu biết thực tiễn cách mạng sâu sắc, có như vậy mới đảm bảo đưa cách mạng đến thắng lợi. Tuy nhiên, không phải ai cũng tiến kịp với tiến trình cách mạng mà vì thế dẫn tới “khuynh tả” và “khuynh hữu” trong cách mạng.

Đối với từng khuynh hướng, Hồ Chí Minh chỉ rõ từng biểu hiện cụ thể, tác hại và chỉ ra yêu cầu khắc phục triệt để. Với những người mắc sai lầm “khuynh hữu”: “Tư tưởng của họ không theo kịp sự biến đổi của tình hình khách quan. Tình hình đã tiến lên mà sự hiểu biết của họ cứ ở chỗ cũ, vì tư tưởng của họ xa rời thực hành”. Chính họ sẽ là người làm phương hại đến sự nghiệp của cách mạng. Hồ Chí Minh ví “Họ cũng như những người không đi trước xe để hướng dẫn, lại chạy sau xe và tránh xe chạy mau quá. Họ muốn gò xe lại, làm cho xe thụt lùi”. Còn đối với những

người mắc sai lầm “khuyh tả”, Người nêu rõ: “Lại cần phản đối những người khuyh tả. Họ chỉ biết nói cho sướng miệng. Tư tưởng của họ nhảy qua những giai đoạn phát triển nhất định. Họ cho ảo tưởng là sự thật. Họ xa rời thực hành của đại đa số nhân dân. Họ không thiết thực. Họ hành động một cách liều mạng”. Cả hai hạng người “khuyh hữu” và “khuyh tả” đều cần phải chống. Người chỉ rõ: “Chúng ta chống sai lầm tả khuyh và hữu khuyh, vì nó trái với điều kiện lịch sử” và như thế sẽ làm tổn hại đến tiến trình cách mạng.

Trong tiến trình CMVN, khuyh hướng “giáo điều”, “khuyh tả”, “khuyh hữu” đều đã nảy sinh và chúng có ảnh hưởng tiêu cực đến sự nghiệp cách mạng. Nếu không đấu tranh chống các khuyh hướng này sẽ rất nguy hiểm vì chúng có thể dẫn tới sự xa rời chủ nghĩa Mác - Lênin, xa rời hệ tư tưởng của giai cấp công nhân một cách nhanh chóng hơn. Ý thức được ý nghĩa của việc đấu tranh chống các khuyh hướng sai lầm trong Đảng, Hồ Chí Minh đã phê phán các khuyh hướng đó, chỉ ra nguyên nhân dẫn đến khuyh hướng sai lầm. Hoặc là do không chịu học tập lý luận, hoặc chỉ học tập lý luận một cách máy móc, không vận dụng vào thực tiễn hoặc do tư tưởng không theo kịp thực tiễn. Nói gọn lại các khuyh hướng sai lầm đó là do không gắn lý luận với thực tiễn, không gắn “biết với làm” làm một.

*Ba là, đấu tranh phê phán quan điểm nghi ngờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam*

Trong quá trình phát triển tổ chức và lãnh đạo cách mạng, Đảng ta cũng gặp không ít khó khăn và mắc phải một số sai lầm, khuyết điểm. Đảng đã phải đổi tên mấy lần, Đảng đã có lúc phải tuyên bố giải tán mà thực chất là rút vào hoạt động bí mật, Đảng đã mắc sai lầm trong cải cách ruộng đất ở miền Bắc năm 1954... từ những lý do đó mà trong Đảng cũng như trong phong trào quần chúng nhân dân, nảy sinh sự nghi ngờ về vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng. Là lãnh tụ của Đảng, người sáng lập, giáo dục, rèn luyện

Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm và coi trọng đấu tranh bác bỏ quan điểm nghi ngờ sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trước vấn đề “có người hoài nghi sự lãnh đạo của Đảng, có đúng không?”<sup>(17)</sup>, Hồ Chí Minh đã giải đáp một cách đơn giản và khoa học:

*Trước hết*, Hồ Chí Minh đã đặt thêm một số câu hỏi để người nghi ngờ tự trả lời và tự khẳng định về sự lãnh đạo của Đảng: “Nếu Đảng lãnh đạo không đúng thì cách mạng tháng Tám có thành công không? kháng chiến có thắng lợi không? hơn tám triệu nông dân miền Bắc có ruộng cày không? Ba năm khôi phục kinh tế có hoàn thành được không? Và ngày nay, đang vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) có được không?”<sup>(18)</sup>. Đây là những lý lẽ sắc bén, một mặt khái quát đầy đủ, toàn diện nhiệm vụ, sứ mệnh lịch sử cao cả và thành tựu to lớn mà Đảng đã đạt được; mặt khác, chứng minh trong những bước ngoặt của lịch sử dân tộc, đứng trước nhiệm vụ nặng nề, những thử thách sinh tử chỉ duy nhất Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh và trí tuệ đảm nhận trọng trách chèo lái con thuyền CMVN vượt qua giông bão.

Là một nhà mácxít tiêu biểu, nhà lãnh đạo thiên tài, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã luận giải vai trò và tính tất yếu cần có sự lãnh đạo của Đảng đối với CMVN bằng nhiều cách thức khác nhau. Trong nhiều bài viết, bài nói của mình, Hồ Chí Minh đã luận giải rất rõ ràng: “Có Đảng lãnh đạo, cách mạng và kháng chiến mới thắng lợi, kiến quốc mới thành công”<sup>(19)</sup>. Người khẳng định không có Đảng lãnh đạo, các cuộc đấu tranh của nhân dân ta chỉ là tự phát và tất yếu sẽ dẫn đến thất bại.

Cách mạng muốn thắng lợi thì sao? Ngay trong tác phẩm Đường Kách mệnh, Người đã chỉ rõ: “Cần có Đảng kách mệnh”. Nhưng muốn lãnh đạo cách mạng thành công, Đảng phải được trang bị lý luận Mác - Lênin, trong Đảng, trong xã hội ai cũng phải hiểu, ai cũng theo lý luận đó. Nhờ có Đảng lãnh đạo mà quần chúng được giác ngộ, hiểu rõ vì đâu mà họ bị áp bức bóc lột, chỉ cho quần chúng hiểu rõ các quy luật phát triển của xã hội, để

họ nhận rõ vì mục đích gì mà đấu tranh, con đường giải phóng cho quần chúng, cổ động cho quần chúng kiên quyết làm cách mạng; làm cho quần chúng có niềm tin chắc chắn cách mạng nhất định thắng lợi.

Hồ Chí Minh cũng nói rõ, cách mạng là quá trình phức tạp, gian khổ “phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”<sup>(20)</sup>, hướng hồ nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho dân tộc ta là phải lật đổ cả một chế độ phong kiến thống trị hàng trăm năm, chế độ thực dân đô hộ hàng chục năm cho nên phải có Đảng lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi. Theo Hồ Chí Minh, vai trò của Đảng không chỉ nhằm giải quyết những nhiệm vụ trước mắt mà còn là người hoạch định đường lối chiến lược, không chỉ là người chỉ đường mà còn là người thiết kế tương lai cho dân tộc, cho nên “Muốn khỏi đi lạc phương hướng, quần chúng phải có Đảng lãnh đạo để nhận rõ tình hình, đường lối và định hướng phương châm cho đúng”<sup>(21)</sup>.

Ngay cả khi cách mạng đã thắng lợi, quần chúng vẫn cần có Đảng lãnh đạo vì: “Dù nhân dân đã nắm chính quyền, nhưng giai cấp đấu tranh trong nước và mưu mô đế quốc xâm lược vẫn còn. Vì phải xây dựng kinh tế, quốc phòng, văn hóa, xã hội”<sup>(22)</sup>.

Không chỉ giới hạn ở tuyên truyền, giải thích về tầm quan trọng và tính tất yếu phải có Đảng lãnh đạo, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn đưa ra những dẫn chứng sắc bén khẳng định: Đảng ta xứng đáng là người lãnh đạo vì “Đảng ta là đạo đức, là văn minh, là thống nhất, độc lập, là hòa bình ấm no”. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Đảng nhận về mình trọng trách lịch sử là kiến thiết nền dân chủ mới. Trên cơ sở xác định rõ tôn chỉ, mục đích “Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân”<sup>(23)</sup>, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ cấp bách “chúng ta phải thực hiện ngay: 1. Làm cho dân có ăn. 2. Làm cho dân có mặc. 3. Làm cho dân có chỗ ở. 4. Làm cho dân có học hành”<sup>(24)</sup>, “Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”<sup>(25)</sup>. Vì suy cho cùng, khi dân ta suy tôn Đảng, một lòng đi theo Đảng mà “dân vẫn chết đói, chết

rét” thì nên độc lập mà Đảng đã đem lại cũng chẳng có nghĩa lý gì. Cái cốt lõi của dân chủ, giá trị thiêng liêng của độc lập đó là cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc của nhân dân. Sự kiện lịch sử ngày 06-01-1946, cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu đầu tiên trong lịch sử hàng nghìn năm của dân tộc được tổ chức trong cả nước. Người dân nô nức đi bỏ phiếu để bầu ra Chính phủ chính thức, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền lợi của nhân dân là món quà vô giá và ý nghĩa mà Đảng ta đã đem lại cho nhân dân, thực hiện cam kết chính trị mạnh mẽ của mình đã tuyên bố ngay khi Đảng mới ra đời năm 1930.

Không chỉ có năng lực thiết kế nền dân chủ mới, vai trò của Đảng ta còn được thể hiện ở bản lĩnh kiên cường, trí tuệ sáng suốt trước những thử thách sinh tử. Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập đứng trước tình thế hiểm nghèo “ngàn cân treo sợi tóc”, giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm hoành hành, nguy cơ mất nước, mất Đảng cận kề, bằng trí tuệ và bản lĩnh của một đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo dân tộc tiến hành công cuộc “kháng chiến, kiến quốc”. Ngày 11-11-1945, Đảng chấp nhận tuyên bố tự giải tán nhằm phân tán sự chống phá của kẻ thù, nhưng thực chất là rút vào hoạt động bí mật. Dù xét dưới góc độ nào, quyết định ấy thể hiện sự mưu trí, dũng cảm và bản chất của Đảng, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài lợi ích dân tộc. Sau năm 1954, bản lĩnh và trí tuệ của Đảng một lần nữa được thử thách. Phải làm sao để đánh thắng đế quốc Mỹ? Phải xây dựng CNXH bằng cách nào trong hoàn cảnh đất nước bị chia cắt làm hai miền? Cả lý luận và thực tiễn chưa từng đề cập đến. Bằng trí tuệ vĩ đại của mình, Đảng đề ra chủ trương tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược cách mạng “Cách mạng XHCN ở miền Bắc và Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam”. Trong dân, trong Đảng, trong nước và quốc tế nhiều người hoài nghi về khả năng thắng lợi của chủ trương đó. Được sự ủng hộ tuyệt đối của nhân dân, sự giúp đỡ của các nước XHCN anh em... chúng ta đã “đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào”,

cả nước đi lên CNXH bằng đại thắng mùa xuân năm 1975.

Vai trò lãnh đạo của Đảng là to lớn, tổ chức của Đảng là chặt chẽ, kỷ luật, đường lối của Đảng là sáng suốt, đúng đắn song không phải là Đảng không có những sai lầm, khuyết điểm. Chủ tịch Hồ Chí Minh không phủ nhận điều đó vì “Đảng là người, Đảng là cán bộ, là đảng viên, tất nhiên có sai lầm”<sup>(26)</sup>. Nhưng sai lầm của Đảng là có thể khắc phục, sửa chữa được và do vậy vai trò lãnh đạo của Đảng không thay đổi.

Hồ Chí Minh phân biệt rạch ròi sai lầm, khuyết điểm của Đảng khác hẳn sai lầm, khuyết điểm của bọn tư bản, đế quốc, vì “Đảng thấy sai thì quyết tâm sửa chữa. Thời đế quốc, tư bản có bao giờ nói có sai lầm, xin sửa chữa đâu. Đảng là người, nên có sai lầm nhưng vì có chủ nghĩa Mác - Lênin, có mục đích phục vụ nhân dân, có phê bình và tự phê bình, cho nên kiên quyết sửa chữa”<sup>(27)</sup>.

Với những sai lầm, khuyết điểm trong Đảng, Đảng ta luôn có thái độ tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đưa ra quan điểm có tính chất tuyên ngôn: “một Đảng mà giấu giếm khuyết điểm của mình là một Đảng hỏng. Một Đảng có gan thừa nhận khuyết điểm của mình, vạch rõ những cái đó, vì đâu mà có khuyết điểm đó, xét rõ hoàn cảnh sinh ra khuyết điểm đó, rồi tìm kiếm mọi cách để sửa chữa khuyết điểm đó. Như thế là một Đảng tiến bộ, mạnh dạn, chắc chắn, chân chính”<sup>(28)</sup>. Người cũng nêu rõ: “Một dân tộc, một đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”<sup>(29)</sup>. Vì vậy, nếu cán bộ, đảng viên của Đảng tha hóa, biến chất mà vẫn bao che, giấu giếm khuyết điểm thì Đảng không xứng đáng là đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc. Với những cán bộ, đảng viên tha hóa, biến chất, Đảng chỉ đạo phải xét rõ công tội, không thiên vị, bảo vệ sự tôn nghiêm của cương lĩnh, điều lệ Đảng.

### **3. Những yêu cầu đặt ra trong đấu tranh bảo vệ nền tảng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay**

Bối cảnh quốc tế, khu vực và trong nước đang diễn biến phức tạp, bên cạnh thời cơ, vận hội lớn, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng của Đảng ta cũng đang đứng trước những thách thức to lớn. Đứng trước âm mưu “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; với quan điểm, bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng là trách nhiệm của toàn Đảng, của cả hệ thống chính trị, có ý nghĩa sống còn đối với sự tồn vong của chế độ, Nghị quyết 35-NQ/TW ngày 22-10-2018 của Bộ Chính trị về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*” tiếp tục thể hiện quyết tâm của cả hệ thống chính trị trong nhiệm vụ lịch sử trọng đại này. Nghị quyết xác định rõ hai hoạt động cơ bản trong cuộc đấu tranh này là bảo vệ và đấu tranh, phù hợp với phương châm “xây” và “chống” trong công tác tư tưởng. Trong đó, bảo vệ nền tảng tư tưởng là vấn đề quan trọng hàng đầu, được đặt lên trước. Vì vậy, thực hiện Nghị quyết này phải lấy bảo vệ là chính. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chính là bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Điều này đã được Cương lĩnh và Điều lệ Đảng khẳng định. Bảo vệ nền tảng tư tưởng là việc nghiên cứu, bổ sung, phát triển, hoàn thiện chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới và phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Đồng thời, trong bảo vệ phải đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, hiện thực hóa hệ tư tưởng của Đảng vào đời sống và đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đấu tranh bảo vệ nền tảng lý luận của Đảng cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu như:

*Một là, tăng cường giáo dục làm cho “trong Đảng, ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”<sup>(30)</sup>. Theo đó, làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những nội*

dung cơ bản và giá trị to lớn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thật sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của đời sống xã hội, xây dựng văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh... Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục đối với các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ nhằm nâng cao sức đề kháng, khả năng chủ động đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, thù địch trên internet; biết khai thác, sử dụng internet một cách hiệu quả, thiết thực và lành mạnh.

*Hai là, đẩy mạnh nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, hoàn thiện hệ thống lý luận về CNXH và con đường lên CNXH ở nước ta trong tình hình mới.* Tiếp tục khẳng định và cụ thể hóa những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các giá trị bền vững phù hợp với thực tiễn của Việt Nam; chỉ rõ những vấn đề cần bổ sung, phát triển. Tiếp tục nghiên cứu có hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh, làm rõ sự bổ sung, phát triển sáng tạo của Người đối với chủ nghĩa Mác - Lênin...

*Ba là, đẩy mạnh đổi mới nội dung, phương thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;* đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch theo hướng chủ động, có tính thuyết phục cao, hấp dẫn. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan báo chí, xuất bản, truyền thông; vận dụng tổng hợp các hình thức tuyên truyền, kết hợp chặt chẽ với đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, tuyên truyền đối ngoại, tuyên truyền trên internet, các mạng xã hội và các kênh truyền thông khác, góp phần bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch...

*Bốn là, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Kiên quyết xử lý kịp thời, nghiêm minh những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng. Tiếp tục tăng cường và làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ; chủ động phát hiện, ngăn chặn kịp thời và xử lý nghiêm các đối tượng chống đối, phần tử cơ hội, bất mãn chính trị... Bên cạnh đó, cần chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý, sử dụng internet, mạng xã hội và tổ chức lực lượng chuyên trách đấu tranh, nhất là trong bối cảnh sự phát triển của cuộc cách mạng công nghệ 4.0.*

Bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác có hiệu quả các quan điểm sai trái, thù địch là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng chính đốn Đảng, là công việc tự giác thường xuyên của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp, của từng cán bộ, đảng viên, trước hết là người đứng đầu. Bằng những hành động thiết thực “nói đi đôi với làm”, vận dụng đi đôi với phát triển và bảo vệ của Người không chỉ thể hiện thái độ của một người cộng sản chân chính mà còn nêu tấm gương sáng để mỗi đảng viên cộng sản học tập và làm theo ■

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 9, tr.408.

(2)&(3) *Trần Dân Tiên*, Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Sự thật, 1975, tr.12.

(4),(6)&(30),(8),(20) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 2, tr.1, 289, 267, 284.

(5),(18),(26)&(27) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 12, tr.562; 268

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 1, tr.509.

(9),(23) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 6, tr.158, 232.

(10) Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Máxcova, 1978, tập 4, tr.232.

(11),(12),(13)&(17) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 7, tr.120.

(14),(15)&(16) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 11, tr.95.

(19),(21)&(22) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 8, tr.273, 274.

(24),(25) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 4, tr. 175, 21.

(28) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 5, tr. 301.

(29) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 15, tr.672.

# TƯ TƯỞNG VỀ GIÁO DỤC LÝ LUẬN CÁCH MẠNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN THEO TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH TRONG TÁC PHẨM “ĐƯỜNG KÁCH MỆNH”

✦ ThS KHÚC THỊ HOÀN

*Trường Đại học Kỹ thuật - Hậu cần, Bộ Công an*

• **Tóm tắt:** “Đường Kách mệnh” là tác phẩm được Đảng, Nhà nước ta công nhận là bảo vật của quốc gia. Tác phẩm đã vạch ra những vấn đề cơ bản về con đường cách mạng Việt Nam (CMVN), vai trò của việc giáo dục lý luận cách mạng (LLCM) cho cán bộ, đảng viên và nhiều vấn đề quan trọng khác, tạo cơ sở tiền đề quan trọng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Tác phẩm đặt cơ sở tư tưởng, lý luận quan trọng để Đảng ta xây dựng những tiêu chí, chuẩn mực quan trọng trong đánh giá cán bộ, đảng viên đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng đặt ra ngày càng cao hiện nay.

• **Từ khóa:** Giáo dục lý luận cách mạng; cán bộ, đảng viên; tác phẩm “Đường Kách mệnh”; Chủ tịch Hồ Chí Minh

“Đường Kách mệnh” tác phẩm tiêu biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh được viết trong những năm tháng hoạt động cách mạng ở nước ngoài, chứa đựng nhiều tư tưởng vĩ đại về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ cho sự thành lập một chính Đảng của giai cấp công nhân, trong đó tư tưởng về giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên để đáp ứng với tình hình nhiệm vụ thực tiễn đặt ra. Những tư tưởng đó đến nay vẫn còn nguyên giá trị, đặt cơ sở nền móng để Đảng ta kế thừa, vận dụng linh hoạt, sáng tạo vào từng giai đoạn, thời điểm cách mạng để giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, tiếp tục đưa con thuyền CMVN gặt hái được nhiều thắng lợi hơn nữa trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại

hóa đất nước, vì mục tiêu Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Ngay trang đầu tiên của tác phẩm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Không có lý luận kách mệnh, thì không có kách mệnh vận động... Chỉ có theo lý luận kách mệnh tiên phong, đảng kách mệnh mới làm nổi trách nhiệm kách mệnh tiên phong”<sup>(1)</sup>. Điều này cho thấy, công tác giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên là vô cùng quan trọng, có ý nghĩa quyết định đến sự thành công của cách mạng. Bởi cán bộ, đảng viên chính là người linh hồn LLCM rồi lại đem LLCM đó ra bên ngoài để truyền bá trong nhân dân thông qua thực hiện các nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước. Cũng thông qua việc giáo dục LLCM mà cán bộ, đảng viên sẽ ngày càng giác ngộ, nguyện suốt đời phấn đấu hy sinh

cho mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Trước hết phải có đảng khách mệnh, để trong thì vận động và tập hợp dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi... Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, khách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin”<sup>(2)</sup>. Đó chính là ánh sáng soi đường của LLCM thâm nhập vào từng cán bộ, đảng viên và đông đảo các giai cấp, tầng lớp nhân dân trong xã hội, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh cách mạng trong thời gian tới. Có LLCM mới giúp cho cán bộ, đảng viên có bản lĩnh vững vàng, không bi quan, dao động trước khó khăn, thử thách, kiên định với con đường đã lựa chọn; có nhân quan chính trị năng động, nhạy bén để nghiên cứu phân tích, đánh giá tình hình, dự báo được những tình huống, sự việc có thể xảy ra, đưa ra kế sách phòng ngừa từ sớm, từ xa.

Tác phẩm “Đường Cách mạng” là tập hợp những bài giảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại các lớp huấn luyện cán bộ của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được tổ chức tại Quảng Châu Trung Quốc diễn ra từ năm 1925 đến năm 1927. Đây là thời kỳ, phong trào cách mạng thế giới phát triển mạnh mẽ, xuất hiện nhiều trào lưu yêu nước theo các khuynh hướng khác nhau; đặc biệt ở Việt Nam xuất hiện ba tổ chức cộng sản hoạt động rất mạnh để vận động, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh giành độc lập cho dân tộc. Tuy nhiên, do thiếu đường lối lãnh đạo, tổ chức chính trị có đủ uy tín, năng lực vạch ra phương hướng, con đường cách mạng đúng đắn cho cách mạng nên đều thất bại. Đáp ứng yêu cầu lịch sử, Nguyễn Ái Quốc đã trực tiếp đứng ra tập hợp những thanh niên yêu nước ở Việt Nam vào một tổ chức thống nhất có tên là Việt Nam Thanh niên đồng chí hội. Trong lớp tập huấn này, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền bá những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, chỉ rõ sự thất bại của phong trào CMVN thời gian qua là thiếu một chính đảng của giai cấp công nhân; yêu cầu những thanh niên qua lớp tập huấn này về nước, thâm nhập vào các phong trào yêu nước của quần chúng nhân dân để vạch trần bản chất xâm lược của chế độ thực

dân phong kiến, chuẩn bị tốt về mọi mặt cho việc thành lập tổ chức đảng của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

Từ bối cảnh lịch sử như vậy, có thể khái quát nội dung cơ bản về giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên trong tác phẩm “Đường Cách mạng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau:

*Một là, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt lên hàng đầu vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên*

Đây là nội dung quan trọng hàng đầu đối với cán bộ, đảng viên, là vấn đề “gốc” trong một con người cụ thể, có đạo đức cách mạng mới gánh được xa, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng đặt ra. Trong phần mở đầu, với tư cách một người khách mệnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “tự mình phải cần kiệm, nhẫn nại, hay nghiên cứu, không hiếu danh, không kiêu ngạo, nói thì phải làm; đối với từng người thì khoan thứ... Làm việc phải kỹ càng, quyết đoán, dũng cảm”<sup>(3)</sup>. Đó là những tư tưởng triết lý hết sức thiết thực, cụ thể chỉ có Chủ tịch Hồ Chí Minh mới nhận ra điều đó và có những lời chỉ bảo, dạy dỗ rất đỗi chân thành, gần gũi như cơm ăn, nước uống hàng ngày. Để có được điều này là sự trải nghiệm thực tiễn vô cùng phong phú, đa dạng và sự thấu hiểu hoàn cảnh lịch sử ở trong nước, ngoài nước rất sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, không phải ai cũng làm được cách mạng, cũng có những tư tưởng giống như Người. Vì vậy, Người đã chỉ rõ cách thức, phương pháp để cán bộ, đảng viên tiến hành làm cách mạng, đó là phải thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin, có lòng yêu nước hay nói một cách đơn giản, dễ hiểu là cán bộ, đảng viên phải thường xuyên tu dưỡng phấn đấu rèn luyện thì mới trưởng thành, gánh vác được sự nghiệp cách mạng. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Khách mệnh là phá cái cũ đổi ra cái mới, phá cái xấu đổi ra cái tốt”<sup>(4)</sup>. Người cán bộ, đảng viên phải thấu hiểu và xác định đây là vấn đề trọng tâm, cơ bản xuyên suốt trong quá trình đi làm cách mạng, có như vậy, mới gạt bỏ được lợi ích riêng tư cá nhân, đặt lợi ích của nhân dân, của đất nước lên trên hết, sẵn sàng phấn đấu hy sinh cho con đường cách mạng đã lựa chọn. Khi đã có đạo đức cách mạng rồi, thì cán bộ, đảng viên mới quyết tâm thực hiện, làm theo và không ngừng tìm



tòi trong thực tiễn hoạt động, đem lại những điều kiện thuận lợi nhất cho phong trào cách mạng. Cũng theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, nếu không đặt lên hàng đầu vấn đề giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên thì khi gặp những khó khăn, trắc trở trong hoạt động cách mạng rất dễ nảy sinh tư tưởng chán chường, bi quan, không trung thành với con đường đã chọn, khi cán bộ, đảng viên đã thấm nhuần đạo đức cách mạng rồi thì dù có khó khăn, vất vả đến mấy cũng có thể vượt qua được.

*Hai là, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải học tập tinh thần của chủ nghĩa Mác - Lênin*

Trong lớp tập huấn cho thanh niên Việt Nam yêu nước ở Quảng Châu, Trung Quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã truyền dạy nhiều nội dung, trong đó những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin được Người trình bày, giới thiệu khá kỹ càng, đầy đủ. Người khẳng định: “Đảng muốn vững thì phải có chủ nghĩa làm cốt, trong đảng ai cũng phải hiểu, ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy”<sup>(5)</sup>. Với trái tim mẫn cảm của một người yêu nước rồi đến chủ nghĩa yêu nước và trở thành đảng viên đảng cộng sản, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với chủ nghĩa Lênin, tìm thấy ở đó là sự giải phóng cho đồng bào mình, dân tộc mình, bởi theo Người, chỉ có cách mạng Nga là triệt để vì nó giải quyết tận gốc vấn đề ruộng đất cho người nông dân. Từ đó, Người quyết định đi theo V.I.Lênin, đi theo quốc tế III do V.I.Lênin sáng lập ra. Chủ nghĩa Mác - Lênin chính là học thuyết bênh vực cho người lao động, đem lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho con người, giải phóng con người khỏi xiềng xích của sự nô dịch, áp bức, bóc lột. Vì vậy, trong quá trình truyền giảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã yêu cầu mọi cán bộ, đảng viên phải lĩnh hội, học tập tư tưởng tiến bộ đó, đặc biệt là học tập, lĩnh hội phương pháp, cách thức vận động quần chúng nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn CMVN. Qua lớp tập huấn này, cán bộ, đảng viên phải có hiểu biết ngày càng sâu sắc đầy đủ hơn về tính cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, về tính thực tiễn, linh hoạt, sáng tạo của việc vận dụng vào điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể ở từng nước. Nhờ vậy, trong

thời gian ngắn các thanh niên Việt Nam yêu nước đã sớm giác ngộ cách mạng và về nước tích cực truyền bá vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước, tạo điều kiện thuận lợi cho sự gặp gỡ, giao thoa của chủ nghĩa Mác - Lênin trên mảnh đất hiện thực CMVN. Từ đây, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân ta diễn ra vô cùng mạnh mẽ, quyết liệt, nhiều cuộc khởi nghĩa, bãi công, bãi thị, tuần hành trong thời gian này đã cho thấy sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước đang tích cực chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức cho sự ra đời một chính đảng cộng sản duy nhất ở Việt Nam.

93 năm đã trôi qua, thế giới đã chứng kiến biết bao sự vận động, biến thiên đổi thay trên các mặt của đời sống xã hội. Song giá trị tư tưởng lý luận, thực tiễn của tác phẩm, đặc biệt là công tác giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên vẫn còn nguyên tính thời sự. Tính thời sự được quy định bởi chính tầm quan trọng của việc giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên ở nước ta trong mọi giai đoạn, thời điểm cách mạng. Nhờ việc chỉ dẫn đúng hướng, đúng mục đích của Chủ tịch Hồ Chí Minh mà cán bộ, đảng viên đã trung kiên, tuyệt đối giữ bí mật ở mọi điều kiện, hoàn cảnh, tạo nên khí phách bản lĩnh vô cùng bất khuất của lớp lớp thế hệ cán bộ, đảng viên đã chiến đấu và anh dũng hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc. Những tư tưởng về giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên đã thực sự trở thành mục tiêu, động lực của con đường đấu tranh vì độc lập, tự do của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân. Trong bối cảnh hiện nay, khi mà một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên lười học, ngại học lý luận chính trị thì việc nghiên cứu, tìm hiểu những chỉ dẫn của Người về yêu cầu, nhiệm vụ của việc học tập lý luận chính trị lại càng có ý nghĩa thiết thực, cụ thể hơn bao giờ hết. Chỉ thị số 44 của Ban Bí thư ngày 3/5/2020 về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị đã chỉ rõ: Việc mua, đọc, nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị của không ít cơ sở, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên chưa được chú trọng<sup>(6)</sup>; thậm chí có một số cán bộ, đảng viên cho rằng việc học lý luận chính trị là để cho đủ bằng cấp được bố

trí, sắp xếp ở những vị trí cao hơn, phục vụ cho mục đích cá nhân là chính; việc áp dụng kiến thức lý luận chính trị đã được học ở một số cán bộ, đảng viên vào hoạt động thực tiễn, nhất là trong công việc, quan hệ ứng xử với nhân dân chưa tốt... Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: “Kém về lý luận, hoặc kinh lý luận, hoặc lý luận suông, nhiều cán bộ, đảng viên của ta mắc phải bệnh chủ quan, gặp mọi việc không biết xem xét cho rõ, cân nhắc cho đúng, xử trí cho khéo. Không biết nhận rõ điều kiện hoàn cảnh khách quan, ý mình nghĩ thế nào làm thế ấy. Kết quả thường thất bại”<sup>(7)</sup>.

Nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục chính trị cho cán bộ, đảng viên ở nước ta hiện nay cần thực hiện một số biện pháp như:

*Một là, cán bộ, đảng viên nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị*

Đây là giải pháp quan trọng có ý nghĩa hàng đầu để nâng cao trình độ hiểu biết cho cán bộ, đảng viên những kiến thức về lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay. Nếu không nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị là để phục vụ Đảng, Nhà nước và nhân dân thì khó có thể lĩnh hội, tiếp thu một cách tốt nhất những tri thức mà lịch sử nhân loại đã để lại. Theo đó, mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh: “Đảng ta tổ chức trường học lý luận cho cán bộ để nâng cao trình độ lý luận của Đảng ta để giải quyết sự đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng và tình hình thực tế của Đảng ta, để Đảng ta có thể làm tốt hơn công tác của mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng vĩ đại của mình”<sup>(8)</sup>. Phải quán triệt sâu sắc yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng của Đảng ở từng thời điểm, giai đoạn cụ thể để từ đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ học tập, rèn luyện của bản thân cho phù hợp; đặc biệt, phải nêu cao tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên nói và làm theo đúng Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng, chấp hành nghiêm những quy định của đảng viên về những việc không được làm của cán bộ, đảng viên; nhất là không để gia đình, người thân, bạn bè dính líu, vướng bận vào công việc của Đảng, Nhà nước; đồng thời, phải tích cực, chủ động tự

điều chỉnh về phương pháp tác phong công tác, năng lực làm việc, xử lý tình huống, sự việc phù hợp với tính chất, mức độ công việc, nhiệm vụ yêu cầu, đòi hỏi; phải luôn lấy lợi ích của tập thể, cơ quan, đơn vị, địa phương là chính.

*Hai là, tích cực, chủ động đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên*

Theo đó, về nội dung tập trung vào những vấn đề bức xúc được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm, những vấn đề mà cán bộ, đảng viên còn thiếu, còn yếu như: khả năng vận dụng lý luận đã học vào giải quyết một vấn đề do thực tiễn đặt ra; tác phong gần gũi, chân thành gần bó giữa cán bộ, đảng viên với quần chúng nhân dân; việc học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương, phong cách Hồ Chí Minh đối với cán bộ, đảng viên; nhất là những vấn đề của mặt trái cơ chế thị trường hiện nay; âm mưu, thủ đoạn chống phá CMVN của các thế lực phản động trong và ngoài nước bằng chiến lược “diễn biến hòa bình”; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ, không vượt qua được những “viên đạn bọc đường” để danh vọng, quyền lực, tiền tài, địa vị, chức tước, bổng lộc chi phối, mua chuộc làm cho gục ngã... Đây là những vấn đề rất thiết thực, cụ thể, cán bộ, đảng viên nào cũng cần và cũng hiểu rất rõ nhưng không phải ai cũng có thể vượt qua được những cám dỗ lợi ích vật chất.

Thực tế chỉ ra rằng, nội dung, chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên hiện nay nặng về lý luận, kiến thức và tổng quan. Phần nói về thực trạng của cơ quan, đơn vị, địa phương thì còn rất ít, kỹ năng giải quyết những vấn đề thực tiễn nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống chiếm dung lượng nhỏ, rất sơ sài, mang tính chung chung, thậm chí có giáo điều xơ cứng. Báo cáo viên thì hạn chế về kiến thức thực tiễn, chủ yếu nói kiến thức về lý luận, trong khi đó, cán bộ, đảng viên là những người đang công tác, đương chức rất cần đến thực tế thì báo cáo viên lại không đề cập mấy. Vấn đề đặt ra ở đây gắn chặt giữa lý luận với thực tiễn, bồi dưỡng những vấn đề thiết yếu phục vụ cho công việc và cuộc sống của cán bộ, đảng viên; xây dựng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cần tăng

cường phân nội dung về tình hình, nhiệm vụ cụ thể của ngành, địa phương; tăng phần kiến thức về kỹ năng giải quyết các vấn đề thực tế trong các lĩnh vực công tác; nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức thực tiễn, thay đổi phương pháp, tạo hứng thú và sự hấp dẫn hơn trong các bài giảng. Về hình thức, phương pháp cần vận dụng linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với tình hình thực tiễn mà cơ quan, đơn vị, địa phương đặt ra. Kết hợp chặt chẽ phương pháp truyền thống với hiện đại, cập nhật những thông tin mới vào bài giảng. Tăng cường tổ chức dự giờ, trao đổi rút kinh nghiệm phương pháp giảng dạy của giảng viên; lấy phiếu đánh giá nhận xét của học viên cho từng giảng viên và bài giảng; tổ chức cho học viên góp ý về công tác quản lý, tổ chức lớp học; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc dạy và đánh giá kết quả học tập, hình thành và xây dựng đề án đánh giá học viên trong cả quá trình học tập.

*Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động trong tự bồi dưỡng lý luận chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên.*

Đây là nội dung then chốt có ý nghĩa quyết định đến việc nâng cao kiến thức về lý luận chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên. Không ai có thể học thay, làm thay được cán bộ, đảng viên những kiến thức về lý luận chính trị, mỗi cán bộ, đảng viên tích cực, chủ động trong tự học, tự bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị của mình, đó là cách tốt nhất để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng mình. Tính tích cực, chủ động trong tự bồi dưỡng lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên là sự nhận thức và chuyển hóa thành hành động, việc làm thiết thực, cụ thể thông qua kết quả hoạt động thực tiễn. Đó là hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao; được đồng chí, đồng đội và nhân dân tin tưởng, kính trọng, nể phục; không dao động, bi quan trước khó khăn, thử thách; đặc biệt không dính vào chủ nghĩa cá nhân, cục bộ, địa phương; có tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình trong sinh hoạt, có tình thương yêu đồng chí, đồng đội và nhân dân để cùng nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao cho. Theo đó, từng cán bộ, đảng viên phải xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng cho bản thân một cách khoa học, hợp lý, phù hợp với đặc điểm tình hình công việc

mà bản thân đang đảm nhiệm, thấy bản thân còn hỏng chỗ nào, yếu chỗ nào thì tập trung vào nghiên cứu, tìm hiểu, học hỏi trong sách giáo khoa, giáo trình, cấp trên, đồng chí, đồng đội xung quanh và học trong nhân dân, trong thực tiễn công tác. Đặt ra những yêu cầu cao cho bản thân trong quá trình tự bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị, không tự ti, mặc cảm, giấu dốt hoặc kiêu ngạo, xem thường người khác. Mỗi cán bộ, đảng viên là chủ thể năng động, tích cực trong các khâu, các bước của hoạt động tự bồi dưỡng để nâng cao trình độ lý luận cho bản thân.

Cùng với các tác phẩm “Nhật ký trong tù”, “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, “Lời kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước”, “Di chúc”, “Đường Kách mệnh” được Đảng, Nhà nước ta công nhận là những “bảo vật của quốc gia” cần phải lưu giữ, trân trọng và tỏa sáng đến các thế hệ mai sau. Cho đến nay, những vấn đề cốt lõi về giáo dục LLCM cho cán bộ, đảng viên được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập trong tác phẩm “Đường Kách mệnh” vẫn còn vẹn nguyên với năm tháng thời gian, nhất là trong bối cảnh hiện nay, Đại hội lần thứ XIII của Đảng ta diễn ra. Thực tế đó, đòi hỏi mỗi cán bộ, đảng viên phải nghiêm túc học tập lý luận chính trị, dùng lý luận đã thấm nhuần để phân tích những thắng lợi và thất bại trong mọi mặt công tác, những mặt đúng và sai trong tư tưởng, để không chỉ “bổ sung, làm phong phú thêm lý luận bằng những kết luận mới rút ra trong thực tiễn cách mạng”<sup>(9)</sup> mà còn góp phần làm cho nhận thức của mỗi cán bộ, đảng viên đối với các vấn đề trong thực tiễn được nâng cao hơn và kết quả hành động thu được sẽ tốt hơn và cũng là cách tốt nhất để cán bộ, đảng viên không sa vào chủ nghĩa cá nhân, không đánh mất mình, giữ vững phẩm chất, truyền thống vẻ vang mà thế hệ cán bộ, đảng viên trước đã tạo dựng, vun đắp nên ■

(1),(2),(3),(4),(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.259, 267-268, 280, 284, 267

(6) Đảng Cộng sản Việt Nam: Chỉ thị số 44 của Ban Bí thư ngày 3-5-2020 về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị.

(7) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 6, tr.233.

(8) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 8, tr.492.

(9) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 11, tr.96.

# VAI TRÒ CỦA CỤ PHÓ BẢNG NGUYỄN SINH SẮC ĐẾN VIỆC LỰA CHỌN CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

✦ ThS HỒ BÁ THÀNH

*Trường Đại học Chính trị, Bộ Quốc phòng*

• **Tóm tắt:** Ngày 5/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành bắt đầu hành trình sang phương Tây tìm đường cứu nước trên con tàu Amiran Latusơ Torêvin. Đây là sự kiện lịch sử trọng đại, là bước mở đầu để Nguyễn Tất Thành trở thành lãnh tụ thiên tài của dân tộc Việt Nam sau này. Quyết định táo bạo và chưa từng có trong tiền lệ lịch sử ấy bắt nguồn từ vai trò to lớn của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc.

• **Từ khóa:** Nguyễn Sinh Sắc, Hồ Chí Minh, con đường, cứu nước

Nửa cuối thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược và đặt ách thống trị ở Việt Nam, trọng trách lịch sử lúc này đặt lên vai của mỗi người dân Việt Nam. Tuy nhiên, cứu nước bằng con đường nào? Đó là câu hỏi lịch sử chưa có lời giải đáp thấu đáo. Tiếp nối truyền thống cha ông, hàng loạt phong trào yêu nước theo các khuynh hướng cứu nước khác nhau nổ ra nhưng đều thất bại. Mặc dù tuổi đời còn rất trẻ nhưng Nguyễn Tất Thành đã có quyết định táo bạo là sang phương Tây tìm đường cứu nước. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì sao Nguyễn Ái Quốc có được quyết định đúng đắn đó? Đó chắc chắn không phải là sự tình cờ, một sự ngẫu nhiên theo kiểu “ăn may” như nhiều học giả phương Tây suy luận, mà đó là kết quả tất yếu của sự hội tụ những điều kiện

khách quan và nhân tố chủ quan. Trong đó, sự giáo dục, định hướng của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc giữ vai trò quyết định.

**1. Cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là người thầy đầu tiên của Nguyễn Sinh Cung - dạy chữ, dạy làm người và giáo dục lòng yêu nước**

Thân phụ, thân mẫu của Hồ Chí Minh đã dạy cho Người những bài học đạo đức, nhân cách. Đó là sự thấu hiểu nỗi thống khổ của người dân mất nước, đó là ý thức phản kháng trước bạo lực của kẻ xâm lược. Chính vì thế, một thanh niên sôi sục lòng yêu nước như Hồ Chí Minh không thể ngồi yên trên ghế nhà trường. Chính chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam là tiêu chuẩn của chân lý trong việc tìm đường cứu nước: tốt xấu, đúng sai, nên chăng, đều là chiếu theo tiêu chuẩn này. Cái gì phục vụ cho sự nghiệp cứu nước mới là tốt, là đúng và nên lấy, nên theo. Trái lại thì không.

Bên cạnh truyền thống yêu nước được Người hấp thụ, chúng ta không thể không nhắc tới vai trò của cụ Nguyễn Sinh Sắc qua việc truyền dạy cốt cách “tu thân” của Nho giáo. Ngay trong bản kê khai lý lịch khi tham dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản (1924), Nguyễn Ái Quốc đã ghi rõ: Nguồn gốc xuất thân trong gia đình “nhà nho yêu nước”. Cũng giống như bao con em gia đình nhà nho khác, Nguyễn Sinh Cung có điều kiện tiếp xúc với Nho giáo ngay từ lúc lọt lòng. Bản thân cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là một vị đại nho, từng đỗ đạt cao trong nền giáo dục khoa cử phong kiến Triều Nguyễn. Nhờ vậy, hầu như tất cả những vốn liếng kiến thức nho giáo ban đầu mà Nguyễn Sinh Cung thu được đều được thừa hưởng qua lăng kính và sự giáo dục gia đình, trực tiếp từ cha.

Người học Nho giáo, thấm nhuần triết lý Nho giáo nhưng trên tinh thần “gạn đục, khơi trong” chứ không phải còp nhặt nguyên xi, coi mình là tín đồ, coi đó là công cụ vạn năng để thỏa chí cứu nước, giúp dân. Nho giáo bồi đắp lòng yêu nước, định vị giá trị và trách nhiệm người quân tử đã thôi thúc Nguyễn Tất Thành tìm kiếm hướng đi riêng cho mình. Khí tiết quân tử, bản lĩnh văn hóa đặc biệt, nhãn quan chính trị nhạy bén, sắc sảo của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã giúp Nguyễn Tất Thành lựa chọn hướng đi riêng cho mình chứ không phải an phận học hành phấn đấu đỗ đạt làm quan như nhiều nhà nho đương thời. Là người Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc càng thấm nhuần chân lý “một tấm gương sống có giá trị hơn trăm bài diễn văn tuyên truyền”.

Lòng yêu nước thương dân, sự tỉnh táo trong cách nhìn thời cuộc của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đã có ảnh hưởng sâu sắc đến Nguyễn Sinh Cung thời kỳ này. Những tư tưởng tiến bộ “nước lấy dân làm gốc”, nước là dân, yêu nước là yêu dân, chủ trương lấy dân làm hậu thuẫn cho tất cả

các phong trào cải cách chính trị hay xã hội của cụ Nguyễn Sinh Sắc đã thấm sâu vào tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc. Nhờ vậy, khi Người được làm quen với các tri thức mới của phương Tây sau này thì Nguyễn Ái Quốc càng thấy rõ hơn những tư tưởng mới mẻ của cha mình có giá trị, càng nhận thấy quan niệm chính trị của mình là phù hợp với trào lưu cách mạng thế giới, tức là hợp với lý luận Mác - Lênin về vai trò quyết định của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

Ảnh hưởng của người thầy, người cha Nguyễn Sinh Sắc còn theo suốt hành trình tìm đường cứu nước của Hồ Chí Minh. Có thể ví Nho giáo giống như “thần hộ mệnh” trước sóng gió, căm dỗ, cạm bẫy trên hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Xã hội phương Tây với vô vàn “*tranh sảng, tranh tối*”, lẫn lộn giữa tiến bộ, văn minh với tha hóa, biến chất, giữa thiện và ác... càng dễ làm cho con người, nhất là với mỗi thanh niên “lạc lối trời Âu”. Cốt cách nho gia, bản lĩnh kiên cường của một người quân tử với giấc mộng “kinh bang tế thế” đã giúp Nguyễn Ái Quốc đứng vững trước những tai họa sinh tử, sự mua chuộc từ kẻ thù và những căm dỗ “tham, sân, si” trong cuộc sống mưu sinh và hoạt động cách mạng.

Cũng chính quan niệm “quan trường là đêm trường nô lệ” mà cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc đúc rút đã giúp Nguyễn Tất Thành nhận thức rõ Nho giáo không thể là “vũ khí lý luận” để khai mở đêm trường nô lệ, hướng dân tộc đến ánh sáng tự do. Người học Nho, thấm nhuần triết lý Nho giáo nhưng Người cũng nhận thức rõ những hạn chế cần phải thay đổi, nhất là con đường trị quốc mà Nho giáo chủ trương. Từ tấm gương của người cha đã giúp Nguyễn Tất Thành hướng tầm nhìn sang thế giới phương Tây, nơi có những lý tưởng mới mẻ để chọn khát vọng cứu nước của mình.

## 2. Nguyễn Ái Quốc tiếp xúc với những chí sĩ yêu nước đương thời và trải nghiệm thực tiễn đất nước

“Đi một ngày đàng học một sàng khôn” là triết lý giáo dục của cha ông ta từ ngàn năm. Trong một xã hội loạn lạc, giáo dục nhà trường bị áp đặt bởi tư tưởng nô dịch thì giáo dục con người thông qua hoạt động thực tiễn càng có ý nghĩa quan trọng. Với cụ Nguyễn Sinh Sắc, việc định hướng con đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành thể hiện ở quyết định cho các con đến học một thầy giáo có lòng yêu nước thương dân đó là thầy Vương Thúc Quý, đặc biệt đây là sĩ phu có tư tưởng cấp tiến. Hơn nữa, “nhà thầy Quý là nơi lui tới của các sĩ phu yêu nước trong vùng. Nhiều khi Nguyễn Tất Thành được thầy sai tiếp nước cho những vị khách đặc biệt, nhờ đó cậu thiếu niên Nguyễn Tất Thành dần dần hiểu được thời cuộc và sự day dứt của các bậc cha chú trước cảnh nước mất nhà tan”<sup>(1)</sup>. Đồng thời, Nguyễn Sinh Sắc đã tạo điều kiện cho Nguyễn Tất Thành được “tham gia” vào các cuộc tiếp xúc của mình với các văn thân sĩ phu ở khắp Trung Kỳ. Những chuyến đi đó là những cuộc trải nghiệm để Nguyễn Tất Thành định hình cho mình con đường đi riêng.

Tuy nhiên, năng lực, bản lĩnh cá nhân là một phần, phần rất quan trọng để Nguyễn Ái Quốc củng cố thêm nhận định của mình có thể khẳng định là từ lập trường của người cha. Là bằng hữu, tâm giao của Phan Bội Châu nhưng quan điểm của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là giữ thái độ trung lập, không ủng hộ cũng không phản đối. Điều đó gợi mở cho ta thấy tầm nhìn và bản lĩnh văn hóa của cụ Nguyễn Sinh Sắc khi nhận xét về thời cuộc. Thái độ trung lập ấy không phải là tư tưởng thủ cựu, bất mãn hoặc buông xuôi mà thể hiện rõ sự nhạy cảm và nhân quan chính trị sắc bén. Điều này đã ảnh hưởng đến Nguyễn Ái Quốc. Ở độ tuổi 13, 14, Nguyễn Ái Quốc đã có những

nhận định sắc sảo về các khuynh hướng cứu nước của cha anh. Trần Dân Tiên trong “*Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*”, đã kể lại: Khi Chủ tịch Hồ Chí Minh còn là người thiếu niên, anh đã sớm hiểu và rất đau xót trước thống khổ của đồng bào. Lúc bấy giờ anh đã có ý đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào. Anh khâm phục cụ Hoàng Hoa Thám, Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, nhưng không tán thành hoàn toàn cách làm của một người nào.

Ý muốn đánh đuổi thực dân Pháp rõ ràng không phải là ý muốn của chỉ một mình Nguyễn Tất Thành mà là ý muốn của phần đông tuổi trẻ có ít nhiều học thức. Thanh niên Việt Nam hoặc nô nức Đông Du sang Nhật, hoặc tham gia Đông Kinh nghĩa thực và Duy Tân hội; một số ít và ngày càng ít, hướng về Yên Thế. Điểm đặc biệt ở Nguyễn Tất Thành là Người hiểu rằng khi ấy có ba con đường, ba giải pháp được đề ra cho cuộc giải phóng dân tộc; và Người biết so sánh lựa chọn giữa ba con đường cứu nước được tiêu biểu bởi ba nhân vật là Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh và Hoàng Hoa Thám. Hoàng Hoa Thám chủ trương “thủ hiểm” chờ thời cuộc thuận lợi hơn để đánh đuổi Pháp bằng quân sự, lấy Yên Thế làm căn cứ địa. Phan Bội Châu thì chủ trương dựa vào Nhật, học tập Nhật, xin sự viện trợ của người “anh cả da vàng” để có thể vận động cuộc nổi dậy trong nước đánh đuổi Pháp bằng bạo lực. Phan Chu Trinh không tin vào con đường cách mạng bạo lực, mà chủ trương “ý Pháp cầu tiến” chống triều đình lạc hậu, yêu cầu cải cách chính trị, phát triển văn hóa, kinh tế, lần lần khi nào dân ta đến mức tương đương với Pháp thì Pháp sẽ phải công nhận tự chủ của ta, công nhận bình đẳng với ta. Ở Việt Nam, về phía những người yêu nước, vào đầu thế kỷ 20, có ba đường lối cứu nước cứu dân trên. Dư luận chung cũng chia ba như thế, không biết đúng sai ở đâu, một

người thanh niên yêu nước như Nguyễn Tất Thành tất nhiên là phải lựa chọn một trong ba con đường, ba chủ trương, hoặc là phải tìm con đường nào khác khả dĩ giải phóng dân tộc.

Nguyễn Tất Thành tham gia các phong trào biểu tình đẫm máu của hàng vạn nông dân ở Trung kỳ, ở Thừa Thiên đã nói lên được tư tưởng của Người: không thể ngồi yên trên ghế nhà trường để bất lực chứng kiến chính quyền Pháp thống trị, đàn áp đồng bào mình. Nguyễn Ái Quốc thôi học là lý do chính trị, lý do yêu nước, thương dân. Nguyễn Tất Thành dù trẻ tuổi đã có nhận xét độc lập về ba đường lối cứu nước của Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh. Nguyễn Tất Thành không tán thành cả ba. Theo Người, “Cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương... Điều đó là sai lầm, chẳng khác gì đến xin giặc rủ lòng thương. Cụ Phan Bội Châu hy vọng Nhật giúp đỡ để đuổi Pháp. Điều đó rất nguy hiểm, chẳng khác gì “đưa hổ cửa trước, rước beo cửa sau”. Cụ Hoàng Hoa Thám còn thực tế hơn, vì còn trực tiếp đấu tranh chống Pháp. Nhưng theo người ta kể thì cụ còn mang nặng cốt cách phong kiến”<sup>(2)</sup>.

### **3. Quyết định cho con đi theo con đường Tây học**

Sinh trưởng trong một gia đình nhà nho, thậm chí còn là con của một vị đại nho, nhưng điều lạ lùng là cụ Nguyễn Sinh Sắc lại định hướng cho con mình theo con đường Tây học. Tháng 5-1906, cụ Sắc vào Huế nhận chức Thừa thiên bộ Lễ, rồi cụ cho Nguyễn Sinh Cung vào học trường Pháp - Việt, không học chữ nho của thánh hiền nữa mà học chữ Tây. Theo cụ, muốn đánh Tây thì phải hiểu Tây, muốn hiểu Tây thì phải học chữ Tây. Những ngôi trường này dạy chủ yếu bằng tiếng Pháp, đòi hỏi rất cao về ngoại ngữ và năng lực học tập. Đây là một quyết định được cho là khác người, thể hiện bản lĩnh vượt qua những giới hạn của ý thức hệ

ở cụ Nguyễn Sinh Sắc. Với một nhà nho lớn như cụ không dễ dàng gì để thoát khỏi sự chế ngự của hệ tư tưởng Nho giáo. Thực tế nhiều nhà nho lớn thời đó, họ ghét Pháp thì ghét luôn cả thành tựu văn hóa của nó, không muốn cho con cái theo học chữ Tây, chữ Quốc ngữ.

Quyết định cho con theo học trường Tây có ảnh hưởng quyết định đến việc lựa chọn hướng đi của Nguyễn Tất Thành. Những chữ “tự do, bình đẳng, bác ái” là lịch sử cận đại của Pháp đầu được biết qua loa nhưng có tác dụng thúc đẩy chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành sang Pháp, sang phương Tây. Người kể lại: “Khi tôi độ mười ba tuổi, lần đầu tiên tôi được nghe ba chữ Pháp: Tự do, Bình đẳng, Bác ái... và từ thuở ấy, tôi rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn đằng sau những chữ ấy”<sup>(3)</sup> có nghĩa là tìm hiểu các cuộc cách mạng cận hiện đại của phương Tây, tìm hiểu lý do vì sao các nước phương Tây.

Nhìn lại lịch sử Việt Nam, không có nhiều người cấp tiến như cụ Nguyễn Sinh Sắc. Phan Bội Châu sang Nhật, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường sang Pháp... nhưng các ông đều không tìm thấy hướng đi đúng cho dân tộc mình. Xã hội phương Tây, kể cả nước Nhật “đồng văn, đồng chủng” với nhân dân An Nam nhưng bản chất của họ đều giống nhau là chủ nghĩa đế quốc. Dựa vào họ đều cứu nước hoặc rơi vào cái lương hoặc ảo tưởng vào lòng tốt của kẻ thù. Thất bại của họ không phải là hướng đi mà là chưa phân biệt rõ kẻ thù. Quyết định cho con theo con đường Tây học của cụ Nguyễn Sinh Sắc đầu không phải là yếu tố quyết định nhưng là gợi ý quan trọng để Nguyễn Ái Quốc nhận thức rõ được chân lý “muốn đánh Pháp phải hiểu Pháp”. Tiếp xúc với văn hóa phương Tây, Người càng nung nấu lòng yêu nước và chí căm thù bọn cướp nước và bán nước để quyết tâm đi tìm đường cứu nước. Sau này khi nhắc lại

quá trình tìm đường cứu nước, Người nói: “Nhân dân Việt Nam trong đó cụ thân sinh ra tôi lúc này thường tự hỏi nhau rằng ai là người sẽ giúp mình thoát khỏi cảnh thống trị. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, người khác nữa nghĩ là Mỹ. Tôi thì thấy phải đi ra nước ngoài để xem cho rõ”<sup>(4)</sup>.

Dù xét dưới góc độ nào, quyết định cho con theo học trường Tây là quyết định dũng cảm thể hiện tư tưởng tiến bộ và nhân quan chính trị sắc bén của cụ Nguyễn Sinh Sắc. Thừa hưởng vốn văn hóa Nho giáo, có được cốt cách nho gia, tấm lòng yêu nước tha thiết nhưng khi đắm mình trong văn hóa phương Tây, Nguyễn Ái Quốc không bị hòa tan, không đánh mất mình như nhiều người. Trái lại, Nguyễn Ái Quốc có dịp so sánh đối chiếu để nhận thức rõ “cái cần thiết, con đường giải phóng dân tộc” đúng đắn.

#### 4. Khéo léo từ chối con đường cứu nước của Phan Bội Châu và định hướng Nguyễn Tất Thành tìm kiếm con đường cứu nước khác

Trong số những nhà yêu nước lúc bấy giờ, con đường cứu nước của Phan Bội Châu được nhiều thanh niên chú ý và đặt niềm tin. Phan Bội Châu đại diện cho thế hệ trí thức yêu nước nhiệt thành, tiêu biểu cho trí tuệ và khát vọng hướng ngoại để tìm kiếm con đường cứu nước đúng đắn. Tuy nhiên, điều đáng chú ý là trong khi Phan Bội Châu đang hô hào Đông Du thì Nguyễn Sinh Sắc không phản đối nhưng cũng không ủng hộ nhiệt thành. Theo Trần Dân Tiên thì cụ Phan muốn đưa Cung sang Nhật học nhưng Cung từ chối con đường Đông Du. Việc Nguyễn Sinh Cung ý thức được không sang Nhật, không theo Đông Du là tác động của cụ Sắc. Mặc dầu Phan Bội Châu là người khởi động tinh thần yêu nước cho cụ Sắc và thông qua mối quan hệ của hai cụ đã ảnh hưởng đến Nguyễn Sinh Cung. Cụ Sắc rất quý trọng sự nhiệt thành của cụ Phan nhưng ngấm lại những thất bại của các phong trào yêu nước trước

Phan thì cụ trần trở, không tin phong trào Đông Du do Phan đề xướng và lãnh đạo sẽ thắng lợi.

Điều này thể hiện ở sự kiện tháng 5 năm 1905, khi Phan Bội Châu cử Nguyễn Thức Cảnh đến Kim Liên tìm Nguyễn Tất Thành để tuyển chọn sang Nhật nhưng không gặp được (vì lúc này cha con cụ Sắc đang ở Bắc Kỳ), nhưng đến tháng 9/1905, cụ Nguyễn Sinh Sắc đã cho con nhập học lớp dự bị của Trường Tiểu học Vinh với chương trình đào tạo nặng nề về tiếng Pháp.

Lập trường của người cha không chỉ củng cố nhận thức, rèn luyện bản lĩnh mà còn gợi mở, thúc giục Nguyễn Tất Thành tìm kiếm hướng đi mới cho bản thân bằng chính cách đi mà cha đã dạy - đi bằng thực tiễn. Thực tiễn sẽ giúp Người có được sự lựa chọn đúng đắn.

Như vậy, vai trò của cụ Nguyễn Sinh Sắc không chỉ truyền cho các con trí tuệ, học vấn, mà còn truyền lòng nhiệt huyết, chí khí mạnh mẽ và động lực vượt qua mọi gian nan để vươn tới sự nghiệp lớn cứu nước, cứu dân, giải phóng dân tộc. Tính cách, ý chí của người dân xứ Nghệ, lòng yêu nước, thương dân của cụ Nguyễn Sinh Sắc đã ảnh hưởng sâu sắc tới Nguyễn Tất Thành và theo suốt cuộc đời Người sau này. Từ cốt cách cho đến trí tuệ Chủ tịch Hồ Chí Minh đều mang dấu ấn của cha mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã hiện thực hóa ước mơ cháy bỏng của người cha “nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do”. Sự vĩ đại trong sự nghiệp của Người đã góp phần làm rạng danh dân tộc ta, nhân dân ta, non sông đất nước ta ■

<sup>(1)</sup> <http://htu.edu.vn/tin-tuc-su-kien/nhan-to-gia-dinh-tac-dong-den-su-hinh-thanh-y-chi-cuu-nuoc-cua-chu-tich-ho-chi-minh.html>.

<sup>(2)</sup> Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr.12.

<sup>(3)</sup> Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tập 1, tr.41.

<sup>(4)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tập 1, tr.461.



# SỨC MẠNH MỀM VĂN HÓA VIỆT NAM VỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐẤT NƯỚC

✦ GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG

*Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh*

• **Tóm tắt:** *Sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam là những giá trị văn hóa nhu tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, tinh thần giúp đỡ, tương thân, tương ái, ý thức vươn lên, tình yêu lao động... có sức mạnh lôi cuốn, hấp dẫn, thu hút dân tộc khác, văn hóa của dân tộc khác một cách tự thân chứ không phải bằng con đường “đồng hóa” văn hóa của các dân tộc khác. Những giá trị văn hóa này có vai trò to lớn đối với sự phát triển bền vững đất nước. Trên cơ sở đó phát triển đất nước; đóng vai trò hỗ trợ, bổ sung cho sức mạnh cứng của Việt Nam; góp phần thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững.*

• **Từ khóa:** *Sức mạnh mềm văn hóa, phát triển bền vững đất nước*

Năm 2002, J.Nye nhà nghiên cứu người Mỹ, xuất bản cuốn sách *The Paradox of American Power. Why The world's Only Superpower Cant Go it Alone*, trong đó, ông đã đưa ra quan niệm về sức mạnh mềm. Đại ý là, một nước có thể đạt được kết quả mà mình mong muốn trong chính trị quốc tế, bởi vì nước khác muốn đi theo họ, thường thức quan niệm giá trị của họ, bắt chước mô hình của họ, mong đạt được trình độ phồn vinh và mở cửa của họ. Từ trên ý nghĩa này mà nói, trong chính trị quốc tế, thông qua nghị trình chế định để hấp dẫn người khác. Đó chính là sức mạnh mềm. Nghĩa là sức mạnh mềm đối lập, ngược lại với sức mạnh cứng - tức là ép buộc bằng quân sự, bằng sức mạnh kinh tế,... Sức mạnh mềm là sức mạnh thông qua sức hấp dẫn, sức lôi cuốn chứ không phải bằng bạo lực để ép buộc người khác, dân tộc khác đi theo mình. Như vậy, có thể hiểu sức mạnh mềm văn hóa là những giá trị văn hóa của một dân tộc có sức mạnh lôi cuốn, hấp dẫn, thu hút dân tộc khác, văn hóa của dân tộc khác một cách tự thân chứ không phải bằng con đường “đồng hóa” văn

hóa của dân tộc khác. Trong điều kiện hội nhập sâu rộng hiện nay thì việc phát huy sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam để phát triển đất nước là vấn đề rất có ý nghĩa và được thể hiện ở những điểm chủ yếu sau:

*Thứ nhất, sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam tạo thuận lợi cho chúng ta mở cửa, hội nhập quốc tế sâu, rộng; trên cơ sở đó phát triển đất nước.*

Chúng ta đều rõ, sức mạnh mềm văn hóa cũng giống như tri thức, càng lan tỏa, càng nhân rộng, càng phát huy thì càng nhân lên sức mạnh, càng phát triển. Do vậy, trong điều kiện hội nhập, hợp tác quốc tế sâu, rộng thì việc phát huy sức mạnh mềm văn hóa trong đối ngoại là vô cùng quan trọng. Bằng văn hóa, thông qua văn hóa thì việc thu phục, hấp dẫn, lôi cuốn người khác, dân tộc khác mới hiệu quả và bền vững. Bởi lẽ, bằng văn hóa, thông qua văn hóa mới làm cho người khác, dân tộc khác cảm phục, quý mến. Từ đó, họ mới tìm hiểu, trên cơ sở của sự hiểu biết về văn hóa của chúng ta kết hợp với sự cảm phục, quý mến, họ mới tiếp nhận, thường thức nó và dần dần mới

chuyển hóa sự cảm nhận, hiểu biết đó thành những yếu tố cấu thành trong văn hóa của chính họ. Khi ấy, văn hóa đã thực hiện thành công chức năng cảm hóa, thu phục, lôi cuốn người khác, dân tộc khác. Nên văn hóa Việt Nam vốn có được những giá trị tương đồng với các giá trị văn hóa nhân loại. Cho nên văn hóa Việt Nam càng có cơ sở, điều kiện để thực hiện chức năng cảm hóa, thu phục, lôi cuốn người khác, dân tộc khác. Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế thì cùng với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa giữ vai trò quan trọng trong thực hiện sức mạnh mềm Việt Nam. Tất nhiên, giữa ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và ngoại giao văn hóa có mối liên hệ tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Hơn nữa, trong ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế cũng bao gồm những khía cạnh của ngoại giao văn hóa. Ngược lại, ngoại giao văn hóa cũng thể hiện ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Đó là văn hóa chính trị, văn hóa kinh tế của Việt Nam. Không phải ngẫu nhiên mà Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ: “Bảo đảm lợi ích tối cao của quốc gia - dân tộc, trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng và cùng có lợi, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại, độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế”<sup>(1)</sup>. Khi chúng ta tôn trọng luật pháp quốc tế, tôn trọng sự bình đẳng và cùng có lợi của các quốc gia, dân tộc thì chúng ta đã thể hiện sức mạnh mềm của văn hóa Việt Nam. Việt Nam tôn trọng các nền văn hóa khác, tôn trọng các dân tộc khác, coi trọng sự bình đẳng cùng có lợi với các dân tộc khác và trong đối ngoại chúng ta là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Phương châm này thể hiện đầy đủ giá trị văn hóa Việt Nam, sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Bởi lẽ, muốn cảm phục, thu hút, lôi cuốn người khác, dân tộc khác, trước hết chúng ta phải tôn trọng họ, tôn trọng sự bình đẳng cùng có lợi. Trong quan hệ hợp tác chính trị, chúng ta thể hiện rõ là bạn bè chứ không phải kẻ thù. Trong hợp tác kinh tế chúng ta thể hiện là đối tác làm ăn tin cậy. Với tư cách là thành viên của các tổ chức quốc tế, Việt Nam thể

hiện là thành viên có trách nhiệm. Với tinh thần là bạn, là đối tác trong hoạt động kinh tế, là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế đã thể hiện được sức mạnh trong văn hóa, sức mạnh của quốc gia và sức mạnh trong chính sách quốc gia. Đó chính là sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Như trên chúng ta đã khẳng định, cũng giống như tri thức, văn hóa không có tính độc quyền mà có tính lan tỏa và tính cộng hưởng. Văn hóa càng được truyền bá, sử dụng và đi theo thì giá trị của văn hóa càng tăng lên chứ không “hao mòn” đi như các loại hàng hóa khác. Do vậy, chúng ta phải đẩy mạnh ngoại giao văn hóa. Đây là một phương thức quan trọng để hình thành, thực hiện sức mạnh văn hóa Việt Nam trong sức mạnh mềm Việt Nam. Trên cơ sở này chúng ta mới chủ động, tích cực hội nhập quốc tế tạo cơ hội cho đất nước phát triển.

*Thứ hai, sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam đóng vai trò hỗ trợ, bổ sung cho sức mạnh cứng của Việt Nam.*

Chúng ta đều rõ, trong mối quan hệ tương quan với sức mạnh cứng thì sức mạnh mềm đóng vai trò bổ sung, hỗ trợ, thậm chí đôi khi còn thay thế cho sức mạnh cứng. Đặc trưng của sức mạnh cứng là mang tính đột phá tức thì bằng sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự,... để ép buộc người khác, dân tộc khác. Trong khi ấy, sức mạnh mềm lại mang đặc trưng lôi cuốn, hấp dẫn, thu phục dựa trên tính đồng thuận giữa các bên. Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế, các quốc gia đều có cơ hội thể hiện mình, đều có quyền lựa chọn con đường phát triển của mình thì sức mạnh mềm càng đóng vai trò quan trọng. Cùng với thời gian, sức mạnh cứng của một quốc gia có thể suy giảm tương đối nhưng sức mạnh mềm của nó vẫn có thể được duy trì lâu dài. Văn hóa không tồn tại trừu tượng, đâu đó, khó nắm bắt mà tồn tại qua giá trị văn hóa vật thể, giá trị văn hóa phi vật thể và qua chính hệ giá trị con người của quốc gia, dân tộc đó. Sức lan tỏa của văn hóa với tư cách là sức mạnh mềm được thông qua các giá trị văn hóa vật thể, giá trị văn hóa tinh thần và hệ giá trị con người của quốc gia, dân tộc. Sức lan tỏa này phụ thuộc vào mức độ văn minh của các giá trị văn hóa và phẩm chất, nhân cách, hệ giá trị con người - sản phẩm và đại diện cho nền văn hóa ấy. Nếu sự tương đồng của các giá trị văn hóa và phẩm chất, hệ giá trị con người với các giá

trị văn hóa của các dân tộc khác càng cao thì sự lan tỏa của văn hóa với tư cách sức mạnh mềm càng mạnh, càng rộng và càng sâu. Tất nhiên, sức lan tỏa của sức mạnh văn hóa này không chỉ phụ thuộc vào phương tiện mà quan trọng hơn là các giá trị nhân văn, sự văn minh của các giá trị văn hóa ấy. Trong thế giới toàn cầu hóa, hội nhập như hiện nay, mỗi quốc gia, dân tộc đều có cơ hội để quảng bá văn hóa của dân tộc mình. Tuy nhiên, cơ hội này cũng bao gồm cả thách thức, những vấn đề về nguy cơ bị “đồng hóa”, bị hấp dẫn bởi giá trị của các nền văn hóa khác. Trước bối cảnh ấy, các quốc gia, dân tộc ganh đua nhau quảng bá văn hóa của mình; từ đó xuất hiện tình trạng “nhiều văn hóa”. Chính vì vậy, Đại hội XII của Đảng đề ra nhiệm vụ xây dựng văn hóa chính trị, văn hóa kinh tế, phát triển công nghiệp văn hóa, tăng cường quảng bá văn hóa Việt Nam, chủ động hội nhập quốc tế về văn hóa, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới; hạn chế, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực, mặt trái của toàn cầu hóa về văn hóa<sup>(2)</sup>. Thực tế cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta cho thấy vai trò quan trọng của sức mạnh mềm văn hóa. Chúng ta đã khơi dậy tình yêu quê hương đất nước của mỗi người dân Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ chính nghĩa, sự ủng hộ việc tuân thủ Công ước Liên hợp quốc về Luật biển năm 1982 của toàn thế giới. Vì vậy, chúng ta không đơn độc trong bảo vệ chủ quyền biển, đảo, mặc dù đây là vấn đề của Việt Nam. Bài học văn hóa đầu tiên của các cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam là sức mạnh của nhân tố con người, của văn hóa, xét đến cùng bao giờ cũng mạnh hơn vũ khí. Qua đây, chúng ta thấy sức mạnh mềm văn hóa bổ sung, hỗ trợ một cách hiệu quả cho sức mạnh cứng, trong khi sức mạnh cứng thể hiện qua tiềm lực kinh tế, quân sự,... của chúng ta còn hạn chế. Như vậy, nếu biết phát huy sức mạnh mềm văn hóa thì cơ hội, điều kiện phát triển đất nước càng cao.

*Thứ ba, sức mạnh mềm văn hóa thúc đẩy đất nước phát triển nhanh và bền vững.* Chúng ta đều rõ, mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng dựa vào tài nguyên thiên nhiên, lấy mục đích tăng trưởng GDP làm trọng đã bộc lộ hạn chế và hậu quả khó lường khi con người đang bị thiên nhiên “trả thù” bằng biến đổi khí hậu, thiên tai,... Cho nên hiện nay, nhân loại đang chuyển đổi mô hình tăng trưởng và mô hình phát triển sang

mô hình phát triển bao trùm. Mô hình này lấy con người là trung tâm, với khẩu hiệu mọi người đều được tham gia, mọi người đều được hưởng lợi, không ai bị bỏ chậm lại phía sau, không ai bị bỏ quên. Đó là mô hình tăng trưởng và phát triển dựa vào con người, vì con người, cho con người, tức là dựa trên nền sức mạnh của văn hóa, giá trị con người. Vì con người là hạt nhân trung tâm của văn hóa, con người không chỉ là chủ thể sáng tạo ra văn hóa mà còn là khách thể của sáng tạo văn hóa, là người lưu giữ, bảo tồn, phát triển văn hóa. Cho nên, phát huy sức mạnh mềm của văn hóa, xét đến cùng là phát huy sức mạnh, hệ giá trị con người của nền văn hóa ấy. Không phải ngẫu nhiên mà trong định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, Dự thảo văn kiện Đại hội XIII của Đảng lại đề ra định hướng: “Tăng cường xây dựng con người và nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa thực sự trở thành sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ tổ quốc”<sup>(3)</sup>.

Sự tăng trưởng kinh tế của chúng ta trong thời gian qua dựa vào tài nguyên thiên nhiên đang tới giới hạn, không thể tăng trưởng hơn. Nếu tiếp tục thực hiện mô hình tăng trưởng này chúng ta sẽ khó thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình. Trong khi chúng ta đang phấn đấu đưa nước ta vào giữa thế kỷ này trở thành nước phát triển có thu nhập cao. Để đạt được mục tiêu này, chúng ta phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng dựa vào đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ. Nghĩa là chúng ta phải đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên phát huy hệ giá trị sức mạnh con người Việt Nam, hệ giá trị văn hóa Việt Nam. Những giới hạn của tài nguyên thiên nhiên chỉ có thể được hạn chế, khắc phục bởi sáng tạo của con người, bởi sự ứng dụng thành công thành tựu khoa học, công nghệ hiện đại. Trong các yếu tố của lực lượng sản xuất, nguồn lực con người là yếu tố cơ bản, cốt lõi nhất, là động lực chủ yếu của sự phát triển. Con người là yếu tố “động nhất”, đóng vai trò kích hoạt và quyết định các yếu tố khác như vốn, tài nguyên, khoa học công nghệ... Những yếu tố này chỉ phát huy tác dụng khi được con người với sự kết hợp giữa thể lực và trí lực, với tiềm năng sáng tạo sẽ được khai thác, sử dụng một cách có hiệu quả tối ưu. Tất cả những cái này đều thuộc sức mạnh mềm của văn hóa, con người Việt Nam.

*Thứ tư, sức mạnh mềm văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững đất nước.* Với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hóa với sức mạnh mềm phải được tôn tại như là linh hồn, tinh thần của mọi chủ trương, đường lối, kế hoạch vĩ mô phát triển đất nước. Văn hóa phải thực sự thấm sâu vào mọi hoạt động kinh tế - xã hội, phải “soi đường cho quốc dân đi”. Nghĩa là, mọi hoạt động kinh tế - xã hội đều phải quan tâm, chú ý đến khía cạnh văn hóa của vấn đề, không đặt văn hóa đúng tâm mức của nó trong phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta sẽ phải trả giá bằng sự phát triển không bền vững. Cùng với tiêu chuẩn kinh tế - xã hội thì cũng cần lấy văn hóa, con người làm tiêu chuẩn, thước đo, đánh giá kết quả phát triển kinh tế - xã hội. Tốc độ của sự phát triển kinh tế - xã hội là vấn đề quan trọng, nhưng tính nhân văn của sự phát triển và sự văn minh của đời sống xã hội, là thước đo của phát triển kinh tế - xã hội bền vững của một quốc gia. Điều này phải được đặt ra làm tiêu chí để đánh giá sự phát triển nhanh, bền vững cũng như thực hiện để khắc phục những yếu kém trong xử lý nhân tố văn hóa, con người mà chúng ta đã mắc trong thời gian vừa qua. Không có cách nào khác, nếu muốn phát triển nhanh và bền vững thì phải dựa vào những giá trị văn hóa, hệ giá trị con người với tư cách là sức mạnh mềm của dân tộc. Thực tiễn cho thấy, khi nhân tố văn hóa, con người mà cụ thể là những giá trị văn hóa như chân - thiện - mỹ bị vi phạm thì không chỉ xã hội không phát triển mà cả kinh tế cũng sẽ không thể phát triển được chứ chưa nói tới phát triển bền vững. Do vậy, cần phải khuyến khích dư luận xã hội, tăng cường sức mạnh báo chí và các phương tiện truyền thông để ca ngợi những giá trị chân - thiện - mỹ của văn hóa, lên án thói vô cảm, đấu tranh chống lại những hiện tượng, hành vi phi đạo đức,... Bằng giá trị văn hóa - xã hội như tình yêu thương, đùm bọc lẫn nhau, tinh thần giúp đỡ, tương thân, tương ái, ý thức vươn lên, tinh thần yêu lao động,... phải được đánh thức, khơi dậy, nhân lên để tạo thành xu thế chủ đạo của xã hội. Là mục tiêu và động lực của sự phát triển, văn hóa phải có mặt trong kết quả của mọi chiến lược, sách lược, chủ trương, đề án và hoạt động. Mọi mục tiêu vĩ mô chưa thể được coi là hợp lý, nếu trong đó mục tiêu văn hóa,

con người mờ nhạt hoặc thiếu hụt. Thực tiễn chống đại dịch Covid-19 cho thấy, việc Đảng, Nhà nước Việt Nam chủ động “hy sinh” kinh tế cho văn hóa, con người đã khơi dậy, nhân lên sức mạnh của những giá trị văn hóa, giá trị con người Việt Nam lên một tầm cao mới, tạo ra một chủ nghĩa yêu nước Việt Nam với những biểu hiện mới. Chắc chắn thế giới sẽ phải đầu tư nhiều công sức nghiên cứu, tổng kết về “ATM gạo”, về những sự chung sức, đồng tâm, đồng lòng của nhân dân với Đảng, nhà nước Việt Nam trong chống dịch. Sự cứu mạng, chữa trị cho rất nhiều người nước ngoài bị Covid-19 ở Việt Nam không lấy tiền, trong điều kiện Việt Nam chưa mạnh về kinh tế, khoa học, công nghệ, hệ thống y tế sẽ làm cho thế giới khó hiểu. Nhưng là người Việt Nam chúng ta hiểu rất rõ, đây là đạo lý, tình người, là tinh thần nhân văn, yêu thương, đùm bọc, chia sẻ lẫn nhau khi khó khăn, hoạn nạn. Việt Nam không phải là nước giàu kinh tế nhưng Việt Nam chắc chắn là nước giàu tình nhân ái, yêu thương con người nhất! Đó chính là sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Nếu chúng ta phát huy được những giá trị sức mạnh mềm này, chúng ta sẽ có cơ hội, điều kiện phát triển đất nước nhanh, bền vững.

Qua trên có thể thấy, sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam có vai trò rất to lớn trong sự phát triển bền vững đất nước. Để phát huy được giá trị sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam, chúng ta cần thực hiện tốt nghị quyết Trung ương 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Đồng thời thực hiện tốt định hướng phát triển mà dự thảo Văn kiện Đại hội XIII đề ra: “Xây dựng, phát triển tạo môi trường và điều kiện xã hội thuận lợi nhất để khơi dậy tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, niềm tin, khát vọng phát triển, tài năng, trí tuệ, phẩm chất con người Việt Nam là trung tâm, mục tiêu, và động lực phát triển quan trọng của đất nước”<sup>(4)</sup> ■

(1),(2) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng; Hà Nội, 2016, tr.153, 127-131.

(3)&(4) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIII của Đảng* (Tài liệu sử dụng tại Đại hội Đảng bộ cấp huyện, cấp tỉnh và tương đương), Lưu hành nội bộ, Hà Nội, 4-2020, tr.30.

# TÁC ĐỘNG CỦA BỐI CẢNH QUỐC TẾ ĐẾN XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI QUAN HỆ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

PGS, TS TRƯƠNG MINH DỤC

Học viện Chính trị khu vực III

• **Tóm tắt:** Từ những thập kỷ cuối của thế kỷ XX đến hai thập kỷ đầu thế kỷ XXI, thế giới chứng kiến sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, sự ra đời và phát triển của kinh tế tri thức, quá trình của xu thế toàn cầu hóa (TCH) và hội nhập quốc tế (HNQT) diễn ra mạnh mẽ. Đó là những nhân tố quốc tế quan trọng ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến đời sống của các quốc gia/dân tộc (QG/DT) và các DT/tộc người.

• **Từ khóa:** bối cảnh quốc tế, dân tộc, tộc người, quan hệ dân tộc, biến đổi quan hệ dân tộc/tộc người

## 1. Sự phát triển của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 có những tác động to lớn cả tích cực lẫn thách thức, cả trước mắt cũng như lâu dài về kinh tế, xã hội và môi trường ở tất cả các cấp độ: toàn cầu, khu vực và trong từng quốc gia, từng tộc người.

Về mặt kinh tế, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 tác động mạnh mẽ đến sản xuất, thúc đẩy nền kinh tế thế giới chuyển sang kinh tế tri thức. Với việc tăng cường tự động hóa và ứng dụng số hóa trong quá trình sản xuất, tài nguyên thiên nhiên, lao động phổ thông chi phí thấp ngày càng mất dần lợi thế; sản xuất đang chuyển dịch dần từ các nước có nhiều lao động phổ thông và tài nguyên sang những nước có nhiều trung tâm nghiên cứu, phát triển, nhiều lao động có kỹ năng, chuyên môn cao và gần thị trường tiêu thụ.

Về mặt môi trường, nhờ các ứng dụng công nghệ tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và các công nghệ

giám sát môi trường đang phát triển nhanh được hỗ trợ bởi internet kết nối vạn vật, giúp thu thập và xử lý thông tin liên tục theo thời gian thực cũng như đưa ra cảnh báo sớm về các thảm họa thiên tai.

Về mặt xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động xã hội ở nhiều nước với sự xuất hiện ngày càng đông đảo tầng lớp sáng tạo trong các lĩnh vực khoa học, công nghệ, thiết kế, văn hóa, nghệ thuật, giải trí, truyền thông, giáo dục, đào tạo, y tế, pháp luật... Về việc làm, các ngành, lĩnh vực sử dụng lao động kỹ thuật có tay nghề cao ngày càng tăng, trong khi nhu cầu sử dụng lao động kỹ năng thấp ngày càng giảm. Nhóm lao động chịu tác động mạnh nhất là lao động phổ thông do rất dễ bị thay thế bởi quá trình tự động hóa và người máy; chênh lệch giàu nghèo tiếp tục gia tăng.

Cách mạng khoa học và công nghệ vừa tạo thời cơ thuận lợi, nhưng cũng là thách thức lớn đối với các nước. Các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam đứng trước

những cơ hội tiếp cận những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến để phát triển; hoặc do những hạn chế về nhiều mặt nên nguy cơ trở thành nơi thu nhận những công nghệ lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường được chuyển giao từ các nước phát triển. Sự phát triển của cách mạng công nghiệp 4.0 đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, lõi cuốn và tác động mạnh mẽ đến tất cả các QG/DT, tạo ra những thay đổi căn bản không chỉ trong đời sống kinh tế - xã hội (KT-XH) mà cả trong so sánh lực lượng cũng như vị thế của mỗi quốc gia trên trường quốc tế. Trong chiến lược phát triển kinh tế, Việt Nam chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa (CNH), hiện đại hóa (HĐH), phấn đấu để trở thành nước công nghiệp, nhu cầu phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ đặt ra nhiệm vụ phải mở rộng hợp tác quốc tế để tìm kiếm vốn, thị trường, công nghệ, thông tin, chuyên gia...

## 2. Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế

Dưới tác động mạnh mẽ của cách mạng khoa học và công nghệ, TCH trở thành xu thế phát triển của thế giới. Thế giới TCH là một không gian kinh tế, xã hội, văn hóa và chính trị dưới sự tác động của quá trình HNQT do đông đảo các QG/DT và các chủ thể quan hệ quốc tế khác triển khai. Các QG/DT ngày càng trở nên gắn kết với nhau chặt chẽ hơn, trở thành bộ phận cấu thành của hệ thống, ràng buộc và phụ thuộc nhau bởi các quy định hay các nguyên tắc chung. Từ những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ, khoa học quản lý đã tạo ra lực lượng sản xuất và quá trình phân công lao động mới. Thế giới TCH cũng thúc đẩy môi trường hợp tác, đồng thời là mặt trận đấu tranh giữa các quốc gia độc lập có chủ quyền và các lực lượng tiến bộ khác vì các mục tiêu hòa bình, độc lập DT, dân chủ và phát triển. Quá trình TCH thực chất cũng là quá trình thay đổi, dịch chuyển các giá trị, đan xen giữa tính quốc gia với quốc tế, giữa quốc gia với các khối nước khu vực, quá trình đối thoại, hợp tác.

Không chỉ trên phạm vi quốc gia mà các DT/tộc người lớn nhỏ đều tham gia ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực, liên kết quốc tế về kinh tế thương

mại và nhiều lĩnh vực khác. Cùng với việc mở rộng quan hệ chính trị đối ngoại với các nước trên thế giới và khu vực nhằm duy trì và củng cố hòa bình, ổn định các QG/DT cũng như các DT/tộc người còn thực hiện liên kết kinh tế, giao lưu văn hóa, giáo dục, y tế, thông tin,... tạo điều kiện đẩy mạnh hợp tác, hòa nhập thế giới, tạo điều kiện để liên kết tốt hơn để đứng vững trong cạnh tranh và phát triển.

*Trong phạm vi quốc gia:* Một là, khi độc lập dân tộc (ĐLDT) gắn với chủ quyền quốc gia đang là một xu thế của thế giới, thì lợi ích quốc gia được các nước đặt lên hàng đầu trong các hoạt động đối nội và đối ngoại. Các quốc gia đều coi trọng việc xác lập, bảo vệ và củng cố các giá trị truyền thống, bản sắc DT, thực thi nhiều chính sách phát triển KT-XH tích cực, cố gắng tạo lập sự hài hòa lãnh thổ, vùng miền, DT nhằm hướng tới sự đồng thuận, gắn kết quốc gia. Về mặt đối ngoại, các điểm tương đồng về lợi ích quốc gia DT được phát huy và là cơ sở để lựa chọn và xây dựng các mối quan hệ song phương cũng như đa phương. Hai là, các thế lực cường quyền toàn cầu triển khai nhiều học thuyết và hành động bất chấp chủ quyền quốc gia và ĐLDT của các nước trên thế giới. Đây vừa là quá trình mở rộng thị trường cho các tập đoàn tư bản độc quyền, vừa là thủ đoạn áp đặt các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới trên cơ sở thủ tiêu chủ quyền, độc lập của các quốc gia DT đang phát triển. Ba là, xuất hiện chủ nghĩa DT cực đoan, hẹp hòi trong đời sống quốc tế. Xu thế phát triển đa cực của thế giới cùng những mâu thuẫn của quá trình TCH kết hợp sự cuồng tín tôn giáo (TG) đã nảy sinh chủ nghĩa DT cực đoan. Hơn nữa, chủ nghĩa sô vanh nước lớn, bành trướng, bá quyền cũng thừa cơ trở dậy đe dọa sự ổn định của quốc tế và khu vực. Tình hình thế giới tác động sâu sắc đến các QG/DT và quá trình vận động của DT và vấn đề DT. DT và vấn đề DT là sự đối thoại, xâm nhập, đan xen, trao đổi, tác động qua lại, có chút pha trộn giữa các yếu tố nội sinh và ngoại sinh. Bốn là, cơ hội và thách thức đối với các DT trong quá trình TCH và hội nhập quốc tế: *Về cơ hội:* các quốc gia DT có điều kiện “đối sánh”, để nhìn nhận làm rõ vấn đề DT trong bối cảnh tình hình mới, có điều kiện để học

hỏi cái hay, cái tinh hoa từ bên ngoài (quốc gia, khu vực, toàn cầu) và tránh được những “xung đột” do vấn đề DT gây ra; có điều kiện quảng bá và giới thiệu quan điểm của nhà nước về vấn đề DT và trong giải quyết vấn đề DT. *Về thách thức*: nhận thức, suy nghĩ, tình cảm của người dân chịu tác động xấu từ bên ngoài bằng rất nhiều hình thức khác nhau, vật chất, tinh thần, tâm linh, trực tiếp và gián tiếp..., với những diễn biến phức tạp của tâm tư, tình cảm của họ. Thực tế có những vướng mắc nhỏ trong đời sống KT-XH trong quan hệ giữa các cá nhân, cộng đồng nhỏ đã bị đẩy lên thành vấn đề quan hệ DT, chính trị hóa từ sự việc quan hệ kinh tế - dân sự.

*Trong phạm vi DT/tộc người*: (1) Quá trình CNH, HĐH và HNQT cũng tác động rất sâu sắc đến quá trình DT/tộc người; tạo điều kiện cho các tộc người vươn lên trong quá trình phát triển; đồng thời thúc đẩy biến đổi quan hệ DT/tộc người theo những xu hướng khác nhau. (2) Tình hình chính trị đến kinh tế, khoa học và công nghệ thế giới đều tác động trực tiếp đến mọi DT/quốc gia và DT/tộc người. Một chính sách thích hợp sẽ góp phần tạo điều kiện quốc tế ổn định, mở rộng được quan hệ chính trị, kinh tế thương mại, tìm kiếm lợi ích, sử dụng cao nhất sức mạnh của quốc tế để phục vụ cho sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta, đồng thời phát huy ảnh hưởng của cách mạng Việt Nam, đóng góp trách nhiệm, thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với các nước, các DT trên thế giới.

### **3. Xung đột và ly khai dân tộc ở các nước trên thế giới**

Những năm cuối thế kỷ XX, khi chiến tranh lạnh kết thúc, cùng với xu hướng hòa nhập và hợp tác tăng lên, nhưng vấn đề DT và TG nổi lên trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của nhân loại, nhiều cuộc xung đột mang màu sắc DT và TG, hoặc xung đột giữa các TG diễn ra với nhiều hình thức khác nhau, trở thành nhân tố gây mất ổn định ở nhiều quốc gia trên thế giới. Số liệu thống kê cho thấy, trên thế giới đã nổ ra gần 200 cuộc xung đột, trong đó 70% các cuộc xung đột vũ trang mang tính chất TG. Các cuộc xung đột DT và TG gia tăng với quy mô và cường độ ngày càng lớn, không giới hạn ở khu vực mà

mang tính quốc tế, gây thiệt hại khá nặng nề về người và của, mỗi thập niên có khoảng 1,6 đến 3,9 triệu người chết trong các cuộc xung đột. Xung đột DT gắn với ly khai DT và mang tính toàn cầu vì diễn ra ở nhiều khu vực trên thế giới, từ châu Âu, châu Mỹ, châu Á và châu Phi.

Nguyên nhân của xung đột, ly khai DT ở mỗi nước cụ thể có khác nhau, nhưng căn nguyên bắt nguồn từ khi nhà nước là chủ thể của quốc gia đã không điều chỉnh được mối quan hệ giữa nhà nước và DT thể hiện trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị. *Về kinh tế*: sự phát triển của khoa học công nghệ làm cho kinh tế có những bước phát triển vượt bậc nhưng nó cũng tạo ra khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn và chính điều này tạo ra sự mâu thuẫn giữa người nghèo và người giàu. Xung đột thường xuyên xảy ra ở những vùng có tỷ lệ chênh lệch giàu nghèo cao, từ những tầng lớp người dân nghèo đói, khó khăn về kinh tế. *Về quan hệ DT, TG và văn hóa*: một bộ phận tộc người thiểu số cả về DT, TG và cả văn hóa trong cùng một quốc gia mà đa số người theo một TG khác và nắm quyền cai trị, do vậy họ luôn đấu tranh, không chịu sự thống trị của chính quyền, đòi ly khai cũng là những nguyên nhân gây nên những cuộc xung đột. *Những vấn đề lịch sử để lại*: đó là những mâu thuẫn tích tụ rất lâu, hàng thập kỷ trước đây, cũng có thể là những hận thù sâu xa từ xưa để lại. Khi xu thế ĐLDT được khẳng định, các DT vừa tự khẳng định, vừa hòa nhập với thế giới toàn cầu hóa, làm ý chí mỗi DT được củng cố mạnh mẽ hơn. Từ đó, những vấn đề DT không được thực hiện và không được chấp thuận thỏa đáng, dễ gây ra bùng nổ.

Xung đột DT và TG ảnh hưởng nghiêm trọng đến hòa bình, chính trị và kinh tế thế giới. *Về chính trị*, xung đột DT và TG có tác động đến nền chính trị thế giới cũng như của mỗi quốc gia, làm cho tình hình chính trị của các nước trở nên căng thẳng và mất ổn định. *Về kinh tế*, xung đột DT làm cho nền kinh tế mất ổn định và chậm phát triển, đời sống nhân dân không được cải thiện và càng thêm khó khăn. *Về xã hội*, các xung đột DT và TG mang cả màu sắc chính trị, ảnh hưởng tiêu cực, làm mất ổn định xã hội. Các

thế lực bên ngoài tuyên truyền, kích động, gây xung đột DT, tạo tiền đề cho sự chia rẽ, ly khai, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thông qua việc tạo ra những xung đột, họ mượn cớ “tự do, nhân quyền”, lên án cái gọi là “đàn áp TG, DT” để can thiệp vào nội bộ nước khác, nhằm tạo ra những bất ổn xã hội, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”.

Xung đột DT và TG là một vấn đề mang tính toàn cầu, hầu như tất cả các nước đều diễn ra và tiềm ẩn những nguy cơ xung đột, cho nên, giải quyết xung đột cần phải có sự chung tay góp sức của cả nhân loại, của tất cả các quốc gia trên thế giới. Kinh nghiệm giải quyết mối quan hệ giữa DT và TG trong một quốc gia đa DT, đa TG nhằm bảo đảm cho đất nước ổn định và phát triển phải thực hiện các giải pháp sau:

*Quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục, xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công bằng xã hội.* Sự bất bình đẳng và bất công về kinh tế là nguyên nhân sâu xa khiến các cuộc xung đột DT, TG bùng nổ, đặc biệt là các cuộc xung đột trong một quốc gia. Khi các nguồn lợi của sự tăng trưởng kinh tế không được phân phối đều trong xã hội, giữa các DT, các cộng đồng người thì sẽ dẫn đến sự phân hóa giàu nghèo, bất công trong xã hội, kết hợp với sự bất công trong hệ thống giáo dục làm cho các mâu thuẫn trong lòng xã hội nổi lên, lâu dần tích tụ và phát triển thành các xung đột DT và TG. Vì vậy, để giải quyết triệt để vấn đề xung đột DT và TG cần xóa bỏ bất bình đẳng và bất công về kinh tế tồn tại trong xã hội.

*Giải quyết tốt mối quan hệ DT, TG với chính quyền.* Sự hài hòa của các DT và TG không phải do tự nhiên mà có, cho nên chính phủ phải coi trọng công tác TG, DT. Trong các quốc gia đa DT, TG thì các chính phủ phải quan tâm ưu tiên giải quyết mối quan hệ giữa DT, TG và chính trị; có chính sách DT và TG phù hợp, chú ý tăng cường hướng dẫn TG, thông qua việc chế định chính sách để thực hiện công tác quản lý hoạt động TG.

*Tăng cường đối thoại với nhau để giải quyết những mâu thuẫn, xung đột.* Các TG lớn trên thế giới, đặc biệt là các TG độc thần như Hồi giáo, Do Thái giáo, Công giáo... thường tự cho mình là chính thống giáo, còn

các TG khác đều là bàng môn tả đạo, cần phải loại trừ, đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến xung đột DT, TG trên thế giới. Do vậy các TG cần phải nhận thức được vấn đề tăng cường đối thoại để hiểu nhau, đối thoại để tìm ra những điểm tương đồng, hay dị biệt giữa các TG từ đó sửa chữa những thông tin sai hay những cái nhìn méo mó của tín đồ TG về các TG khác.

#### **4. Thuận lợi và thách thức đối với biến đổi quan hệ dân tộc ở Việt Nam**

##### *Thứ nhất, về thuận lợi*

Trong quá trình hội nhập và mở cửa, thời gian qua, Việt Nam đã tranh thủ các nguồn lực từ bên ngoài như: nguồn viện trợ phát triển chính thức (ODA), là nguồn vốn do Chính phủ các nước phát triển và các tổ chức tài chính quốc tế chính thức viện trợ cho các nước đang phát triển để hỗ trợ tài chính cho các nước nghèo. Đây là điều kiện để các DT/tộc người có cơ hội phát triển KT-XH theo hướng hiện đại, khắc phục những hủ tục để cải tạo phong tục, tập quán. Cùng với các vùng, miền, địa phương trong cả nước, vùng các dân tộc thiểu số (DTTS) đã và đang tích cực, chủ động tham gia vào tiến trình hội nhập kinh tế của đất nước. Nhờ vậy mà vùng kinh tế của đồng bào DTTS đã có những đổi thay tích cực, thu được những thành tựu quan trọng, đời sống nhân dân được cải thiện.

Quá trình mở rộng hợp tác quốc tế, chúng ta còn tranh thủ được nguồn viện trợ không hoàn lại của các tổ chức phi chính phủ (NGO). Đây là khoản viện trợ không hoàn lại vì mục tiêu nhân đạo là chính đối với các nước đang phát triển, nước nghèo. Hầu hết các tổ chức phi chính phủ đều hoạt động mang tính nhân đạo, tuy nhiên, trong đó có một bộ phận lợi dụng viện trợ nhân đạo để thực hiện những hoạt động chống phá các nước. Ở Việt Nam hiện có 600 tổ chức phi chính phủ hoạt động. Gần đây, các tổ chức NGO tăng cường phạm vi hoạt động ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng đồng bào DTTS. Việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thời gian qua cũng đặt ra những thuận lợi và thách thức rất lớn. FDI là nguồn vốn do tư bản tư nhân và chính phủ đầu tư ra nước ngoài để tìm lợi nhuận. Đây là hiện tượng phổ biến của các nước trên thế giới. Đối với các nước đang phát triển, đầu



tư trực tiếp nước ngoài góp phần bổ sung sự thiếu hụt nguồn vốn, tạo điều kiện cho quá trình CNH, HĐH đất nước.

#### *Thứ hai, về thách thức*

Thông qua đầu tư trực tiếp vào vùng DTTS, các thế lực thù địch, phản động triệt để khai thác, lợi dụng để thực thi âm mưu chống phá sự nghiệp cách mạng nói chung, làm biến đổi quan hệ truyền thống giữa các DT anh em nói riêng. Thông qua việc thực hiện dự án, nhiều người nước ngoài thâm nhập khắp nơi nắm tình hình, tuyên truyền xuyên tạc và lôi kéo quần chúng. Lợi dụng viện trợ nhân đạo, một số tổ chức NGO tìm hiểu tình hình về kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng, tuyên truyền xuyên tạc, gây chia rẽ sự đoàn kết của các DT, phát triển TG, xây dựng nhà thờ, nhất là đạo Tin lành, đạo Công giáo. Âm mưu của chúng là kích động tình cảm DT, sự thiếu hiểu biết của đồng bào DTTS để gây mất ổn định nhằm phá hoại công cuộc đổi mới của Việt Nam; tạo ra sự mất đoàn kết, mâu thuẫn, xung đột giữa các DTTS, giữa DTTS với người Kinh; làm suy giảm niềm tin của đồng bào các DTTS đối với Đảng, Chính quyền, làm giảm hiệu lực quản lý của nhà nước ở vùng DTTS, tạo sự bất bình trong các tầng lớp nhân dân với chính quyền; khơi dậy, kích động tư tưởng chống đối. Để tăng thêm tính khu biệt giữa người Kinh và người DTTS và thúc đẩy tư tưởng ly khai phát triển, chúng tuyên truyền kích động tư tưởng DT hẹp hòi, gieo rắc quan điểm về quyền DT tự trị, về một nhà nước riêng của người DTTS. Sau khi tạo được nền tảng tư tưởng xã hội và cơ sở chính trị, các thế lực thù địch tiến tới lợi dụng đạo Tin lành kết hợp với vấn đề DT để kích động tổ chức quần chúng tin đồ gây rối, tiến hành bạo động chính trị, đòi thành lập nhà nước “tự trị”. Chúng đã kích động, lừa gạt và lôi kéo nhiều người tụ tập ở các trụ sở chính quyền cấp huyện, biểu tình ở thành phố. Thực tế khẳng định rằng nếu chúng ta nhìn nhận lại thì nhận thấy các vụ gây rối tháng 2 năm 2001 và tháng 4 năm 2004 ở Tây Nguyên là âm mưu thâm độc của tổ chức “Quỹ người Thượng” do tên Ksor Kok cầm đầu nhằm mục tiêu: *Trước mắt* là gây bạo loạn, chống phá chính quyền, gây nên tình trạng mất an ninh, trật tự xã hội và thu hút sự quan tâm của quốc tế đối với Quỹ người Thượng.

*Mục tiêu lâu dài* là thành lập nhà nước Đê ga, tách khỏi đại gia đình các DT Việt Nam. Đây là âm mưu rất thâm độc, chứa đựng hậu quả nguy hiểm không thể lường hết được của các thế lực thù địch. Những âm mưu và hoạt động lợi dụng vấn đề DT đã gây ra những hậu quả lớn về mặt xã hội, chính trị và tư tưởng. Trước hết, nó đã truyền bá, tạo dựng những tư tưởng đối lập với chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và trái với các giá trị văn hóa truyền thống của vùng DT ở nước ta. Tư tưởng ly khai làm tăng thêm sự khu biệt, khoét sâu thêm mâu thuẫn và sự chênh lệch giữa đồng bào DTTS và đồng bào Kinh, điều đó đe dọa trực tiếp đến chính sách đại đoàn kết DT, hơn thế nữa, làm khuấy lên một cách có chủ đích tư tưởng ly khai hiện nay.

#### **5. Kết luận**

Bối cảnh quốc tế ảnh hưởng cả tích cực và tiêu cực đến quá trình HNQT của Việt Nam nói chung và các tộc người Việt Nam nói riêng. Sự phát triển không đồng đều làm cho đời sống KT-XH giữa các DT chênh lệch nhau, từ đó giữa các DT xuất hiện sự mặc cảm, tự ti, làm giảm yếu tố động lực phát triển ở các DT. Điều này gây bất lợi trong việc xây dựng khối đại đoàn kết DT, nhất là khi mối quan hệ DT trở nên phức tạp và dễ vượt ra khỏi phạm vi DT trở thành quan hệ quốc gia và quốc tế khi bị các thế lực thù địch lợi dụng. Do vậy, phát triển KT-XH, không ngừng cải thiện và nâng cao mọi mặt đời sống nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách phát triển giữa các vùng, các DT là một trong những nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước phải thực sự quan tâm ■

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI “Cuong linh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Trương Minh Dục (2016), *Quan hệ tộc người ở Tây Nguyên trong thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
3. Trương Minh Dục (Chủ nhiệm đề tài), (2019), Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài cấp quốc gia “*Xu hướng biến đổi quan hệ dân tộc: Những vấn đề đặt ra và định hướng chính sách*”, mã số KX.04.21/16-20.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Viện Thông tin khoa học (2003): *Thông tin chuyên đề Một số vấn đề về dân tộc và tôn giáo*, số 1-2003.
5. Viện Thông tin khoa học xã hội (2001), *Tộc người và xung đột tộc người trên thế giới hiện nay*, Hà Nội, tr.36.

# NÂNG CAO TINH THẦN TỰ GIÁC TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN VỀ ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG CỦA CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN TRƯỚC THÈM ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

✦ THS ĐÀM CAO THƯỢNG

*Trường Chính trị Trường Chinh, tỉnh Nam Định*

• **Tóm tắt:** Việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên có ý nghĩa rất quan trọng ở mọi giai đoạn, thời kỳ cách mạng, giúp cho Đảng ta ngày càng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đủ năng lực và sức chiến đấu đưa sự nghiệp cách mạng của Đảng đến thắng lợi cuối cùng. Bài viết tập trung làm rõ tầm quan trọng của việc nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, chỉ rõ những ưu, khuyết điểm của việc nâng cao tinh thần này trong thời gian qua, từ đó đề xuất một số biện pháp để nâng cao tinh thần này, góp phần thành công trước thềm Đại hội XIII của Đảng.

• **Từ khóa:** tự giác tu dưỡng, rèn luyện; đạo đức, lối sống; cán bộ; đảng viên; trước thềm Đại hội XIII của Đảng.

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân, mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước. Đồng chí ta nhiều người đã làm được nhưng vẫn còn những người hủ hóa. Đảng có trách nhiệm gột rửa cho các đồng chí đó”<sup>(1)</sup>. Luận điểm nổi tiếng trở thành kinh điển của Bác đã chỉ rõ: cán bộ, đảng viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống, luôn kính trọng, lắng nghe và gần gũi với nhân dân, có như vậy mới đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng

đặt ra. Đây cũng là những bản khoản, lo lắng, trăn trở của Đảng, Nhà nước ta, nhất là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng vẫn thường nhắc nhở: mọi cán bộ, đảng viên, công chức cần thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện, thường xuyên tự soi, tự sửa, tự răn mình, tránh xa những cám dỗ vật chất, tham vọng, tránh đi vào vết xe đổ, để tay nhúng chàm (và nếu đã trót ít nhiều nhúng chàm rồi thì sớm tự gột rửa).

**1. Tầm quan trọng của việc nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trước thềm Đại hội XIII của Đảng**

Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đang đến rất gần, toàn Đảng, toàn

dân và toàn quân đang rất mong chờ sự kiện chính trị - xã hội lịch sử trọng đại này. Đây cũng là dịp để mỗi cán bộ, đảng viên dù trên cương vị, chức trách nào cũng phải tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống để xứng đáng với niềm tin tưởng, sự kỳ vọng của quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng. Cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương vừa là người đề ra chủ trương, đường lối, phương hướng, nhiệm vụ thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, vừa là người lãnh đạo, chỉ đạo các tầng lớp nhân dân chấp hành nghiêm Hiến pháp, pháp luật Nhà nước. Do đó, việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên phải trở thành nhu cầu, động cơ bên trong như cơm ăn, nước uống hàng ngày để tạo sự đoàn kết, thống nhất về ý chí, tư tưởng và hành động trong toàn cơ quan, đơn vị, địa phương. Cũng thông qua việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống sẽ giúp cho cán bộ, đảng viên điều chỉnh thái độ, hành vi ứng xử của mình một cách phù hợp nhất ở môi trường công tác và trong đời sống sinh hoạt đời thường. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đảng mạnh là do chi bộ tốt. Chi bộ mạnh là do các đảng viên hăng hái và gương mẫu”<sup>(2)</sup>. Vì thế, việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên sẽ góp phần nâng cao bản lĩnh chính trị, không bị choáng ngợp trước tiền tài, địa vị, danh vọng, quyền lực, lợi ích vật chất, nhất là tham nhũng, lãng phí, gây thất thoát tài sản của Đảng, Nhà nước; đồng thời, nâng cao vị thế, uy tín của Đảng bộ, đảng viên trong làm việc, đặc biệt với quần chúng nhân dân, luôn tin tưởng, yêu mến, kính trọng về sự trong sạch, gương mẫu, lời nói và hành động luôn đi liền với nhau. Trong tác phẩm “Đường Kách mệnh”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “tư cách một người kách mệnh là”: *Tự mình phải*: Cần kiệm. Hòa mà không tư. Cả quyết sửa lỗi mình. Cẩn thận mà không nhút nhát. Hay hỏi. Nhẫn nại (chịu khó). Hay nghiên cứu, xem xét. Vị công vong tư. Không hiếu danh, không kiêu ngạo. Nói thì phải làm. Giữ chủ nghĩa cho vững.

Hy sinh. Ít lòng ham muốn về vật chất. Bí mật. *Đối với người*: Với từng người thì khoan thứ. Với đoàn thể thì nghiêm. Có lòng bày vẽ cho người. Trục mà không táo bạo. Hay xem xét người. *Làm việc phải*: Xem xét hoàn cảnh rõ ràng. Quyết đoán. Dũng cảm. Phục tùng đoàn thể”. Điều đó càng cho thấy việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên không chỉ là yêu cầu, nhiệm vụ trước mắt, mà còn là vấn đề thường xuyên, lâu dài, liên tục, mãi mãi về sau.

## **2. Thực trạng nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trước thềm Đại hội XIII của Đảng**

Trong thời gian qua, việc nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên được cấp ủy, tổ chức đảng các cấp, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, cơ quan, ban, ngành có liên quan và bản thân cán bộ, đảng viên đã nhận thức sâu sắc tầm quan trọng những quan điểm, đường lối của Đảng, Nhà nước về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; mỗi cán bộ, đảng viên đã tự ý thức được sâu sắc những suy nghĩ, hành động của mình đúng với chức trách, nhiệm vụ được giao; thường xuyên học tập, bồi dưỡng nâng cao năng lực công tác, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; trong công việc thì luôn nêu cao tinh thần, trách nhiệm, trong đời sống thì hòa đồng, gần gũi, chân thành được mọi người xung quanh kính trọng, yêu mến; tuyệt đối trung thành với đường lối, Cương lĩnh, Điều lệ của Đảng, nêu cao tinh thần đấu tranh phê bình và tự phê bình trong sinh hoạt, hội họp; kiên quyết đấu tranh với phần tử cơ hội, lực lượng thù địch bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng.

Tuy nhiên, trước những mặt trái của cơ chế thị trường và ánh hào quang của lợi ích vật chất trước mắt đã làm lu mờ đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ,

đảng viên. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII của Đảng đã chỉ rõ: “Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa bị đẩy lùi, có mặt, có bộ phận còn diễn biến tinh vi, phức tạp hơn; tham nhũng, lãng phí, tiêu cực vẫn còn nghiêm trọng, tập trung vào số đảng viên có chức vụ trong bộ máy nhà nước”<sup>(3)</sup>; họ đã không trụ vững được trước cám dỗ của cuộc sống giàu sang, phú quý, không chiến thắng được bản thân bởi những “viên đạn” bọc đường; có những cán bộ, đảng viên lập nhiều chiến công kỳ tích, đối mặt với kẻ thù không sợ, thế nhưng quay trở về cuộc sống đời thường họ quá say sưa trên vòng nguyệt quế, cho rằng mình trên tất cả, không ai có thể vượt qua được, lợi dụng chức vụ, quyền hạn tư túi cá nhân, xem thường cấp dưới, không chịu lắng nghe ý kiến đóng góp của đồng chí, đồng đội, của cấp trên, đến khi vi phạm pháp luật, đứng trước công luận mới ăn năn hối cải thì đã quá muộn... Tính từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đến nay, đã thi hành kỷ luật hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, trong đó có 21 đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (2 Ủy viên Bộ Chính trị), 22 sĩ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang”<sup>(4)</sup>. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Có những người trong lúc tranh đấu thì hăng hái, trung thành, không sợ nguy hiểm, không sợ cực khổ, không sợ quân địch, nghĩa là có công với cách mạng. Song đến khi có ít nhiều quyền hạn trong tay thì đâm ra kiêu ngạo, xa xỉ, phạm vào tham ô, lãng phí, quan liêu, không tự giác mà biến thành người có tội với cách mạng”<sup>(5)</sup>; V.I. Lênin cũng từng cảnh báo: Không một kẻ thù nào, cho dù nó nham hiểm và hung hãn nhất, có thể tiêu diệt được đảng cộng sản, ngoại trừ chính những người cộng sản tự tiêu diệt chính họ. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng nhắc nhở: bất cứ trường hợp nào mà vi phạm kỷ luật, chúng ta phải xử lý nghiêm, làm nghiêm từ trên xuống dưới để giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng, để lấy lại và củng cố lòng tin

và tình thương yêu, quý trọng của nhân dân. Những lời nhắc nhở, cảnh báo trên thật thấm thía sâu sắc, đặt ra cho mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng nêu cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống ở mọi lúc, mọi nơi, bất luận trong điều kiện, hoàn cảnh nào cũng phải giữ mình, đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân, “chức vụ càng cao càng phải gương mẫu”; tích cực, chủ động học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực công tác; đặc biệt, thực hiện nghiêm túc bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu đảng viên hàng năm vẫn thường viết.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra ngày càng cao; công tác rà soát, thẩm định, kiểm tra nhân sự của các cơ quan, ban ngành cho Đại hội XIII của Đảng đang được tiến hành khẩn trương, tích cực, thận trọng, chắc chắn... trong khi đó công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 vẫn phải tiếp tục được triển khai đồng bộ, quyết liệt, các thế lực thù địch tìm mọi cách chống phá cách mạng Việt Nam, nhất là về công tác nhân sự của Đảng, thì việc nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trước thềm Đại hội XIII lại càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

### **3. Một số biện pháp nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trước thềm Đại hội XIII**

*Thứ nhất, mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống*

Theo đó, từng cán bộ, đảng viên phải đặt mình vào tổ chức, ý thức được sâu sắc những hành động, việc làm của mình dù nhỏ hay lớn đều ảnh hưởng không chỉ đến bản thân, gia đình mình mà còn đến uy tín, danh dự, niềm tin của tổ chức đảng nơi mình công tác, làm việc. Phải chấp hành nghiêm quy định của Đảng, Nhà nước, cơ quan, đơn vị, địa phương, nơi mà mỗi cán bộ, đảng viên sinh hoạt, công tác hàng ngày; nghiêm khắc sửa chữa, rút kinh nghiệm đối với bản thân nếu

phạm phải những khuyết điểm, sai lầm chưa đến mức phải xử lý kỷ luật; đặt mình vào môi trường công tác, sống và làm việc theo đúng chức trách, nhiệm vụ được phân công; mỗi cán bộ, đảng viên phải không ngừng đặt ra những yêu cầu cao cho bản thân, không để cuộc sống giàu sang, phú quý trước mắt làm cho choáng ngợp, đánh mất lý trí và cả sự nghiệp của mình. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thấm nhuần đạo đức cách mạng phải tự rèn luyện cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, chống quan liêu. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”<sup>(6)</sup>. Mỗi cán bộ, đảng viên cần chủ động xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng, rèn luyện cho bản thân, xác định rõ nội dung, cách thức, phương pháp thực hiện yêu cầu đã đề ra; thường xuyên so sánh đối chiếu với nhiệm vụ chung của cơ quan, đơn vị, địa phương xem có đúng, phù hợp với điều kiện thực tế không để có sự điều chỉnh, bổ sung cho kịp thời. Bản thân thấy thiếu ở điểm gì thì tập trung vào việc tự nghiên cứu, tìm hiểu để tăng thêm vốn sống, sự hiểu biết, nâng cao tri thức cho bản thân, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

*Thứ hai, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội của cơ quan, ban, ngành có cán bộ, đảng viên sinh hoạt, công tác*

Đây là nội dung cần được triển khai, tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả, trở thành chế độ, nề nếp sinh hoạt hàng ngày không chỉ trong công tác, làm việc mà ngay trong cuộc sống đời thường. Thực tiễn cho thấy, trong sinh hoạt một số cán bộ, đảng viên rất ngại va chạm, đóng góp ý kiến về khuyết điểm, thiếu sót của đồng chí, đồng đội, nhất là của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương mình công tác; nếu có đóng góp chủ yếu nói điểm tốt, kết quả đạt được, rất hạn chế chỉ trích, trách móc, mổ xẻ trong sinh hoạt. Theo đó, trong sinh hoạt, đời sống cán bộ, đảng viên nêu cao tính tiên phong gương mẫu của mình về phê bình và tự phê

binh; quán triệt sâu sắc những quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, phản biện tiêu biểu, như: Quy định số 124-QĐ/TW về “*Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện, đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên*”, Quy định số 109-QĐ/TW về “*Công tác kiểm tra của tổ chức đảng đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên*” và gần đây nhất là Quy định số 08-QĐi/TW về “*Trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, trước hết là Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Bí thư, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương*”... phát huy vai trò, trách nhiệm giám sát, phản biện của cơ quan, ban, ngành, nhất là cấp ủy, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc đối với cán bộ, đảng viên; giám sát, phản biện về việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, Nhà nước, cơ quan, đơn vị, địa phương; về phẩm chất đạo đức, lối sống, quan hệ gia đình, dòng họ, địa phương; đặc biệt là về thực hiện xây dựng, triển khai tổ chức thực hiện các dự án xây dựng, xử lý môi trường, thành lập các công ty, xí nghiệp, bổ nhiệm, sắp xếp, tuyển dụng cán bộ. Tổ chức đảng các cấp cần coi trọng xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch để các tổ chức quần chúng đóng góp cho cán bộ, đảng viên, nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong đơn vị mình. Những ý kiến phê bình đúng cần tiếp thu, đưa vào nội dung sinh hoạt để cán bộ, đảng viên trong chi bộ biết, có kế hoạch sửa chữa; những góp ý chưa chính xác, những thắc mắc của quần chúng cần được giải thích đầy đủ, kịp thời. Các cơ quan, ban, ngành giám sát, phản biện đó phải có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với nhau trong các khâu, các bước để trao đổi thông tin, phát huy dân chủ trong bàn bạc, thảo luận đưa ra phương án xử lý hiệu quả nhất. Mọi hoạt động giám sát, phản biện của các cơ quan, ban, ngành phải luôn đặt lợi ích của Đảng, của tập thể, đơn vị lên trên lợi ích cá nhân, không được lồng ghép ý kiến cá nhân chủ quan của bất

kỳ ai để lèo lái, bóp méo, thổi phồng sự việc, không lấy đó làm căn cứ để quy chụp, đấu đá nội bộ, gây mất đoàn kết ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của tổ chức cơ sở đảng đó.

*Thứ ba, kiên quyết đấu tranh với những cán bộ, đảng viên có biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến” “tự chuyển hóa”*

Đây là nội dung quan trọng, có ý nghĩa sống còn đến việc nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của người cán bộ, đảng viên hiện nay. Nếu không làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, không xử lý nghiêm theo đúng quy định của pháp luật thì đất nước sẽ đi về đâu, đây cũng là câu hỏi lớn luôn được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong cuộc tiếp xúc cử tri, trong các hội nghị Trung ương: Bất cứ ai nếu có suy thoái chúng ta phải giáo dục, phải uốn nắn. Kỷ luật một vài người để cứu muôn người, để người khác đừng phạm vào nữa, đừng cậy mình thế này, thế nọ, là công thần rồi phê phán hết cả thì chế độ này sẽ ra làm sao. Những hành động nói đi đôi với làm, không có vùng cấm trong đấu tranh tham nhũng, ai sợ đấu tranh chống tham nhũng thì dẹp sang một bên, để cho người khác làm... diễn ra quyết liệt trong giai đoạn hiện nay. Hàng loạt cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp đương chức hay đã nghỉ hưu đã bị đưa ra ánh sáng của công lý để phán xét, luận tội theo quan điểm “chúng cứ đến đâu, xử lý đến đó” không khoan nhượng, bao che, dung túng cho những người bán rẻ lương tâm, danh dự của mình cho đồng tiền, địa vị, quyền lực. Theo đó, xây dựng đội ngũ cán bộ đủ đức, đủ tài, chúng ta cần phải thực hiện “xây” đi đôi với “chống”, vừa bồi dưỡng, giáo dục nhưng đồng thời cũng phải kiên quyết, xử lý, đấu tranh với những cái xấu, với những cán bộ, đảng viên có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, suy thoái về đạo đức, lối sống; việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII, thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong

cách Hồ Chí Minh phải được triển khai thực hiện, học tập nghiêm túc đối với mỗi cán bộ, đảng viên, phải xem đó như là công việc hàng ngày để tự sửa chữa những khuyết điểm của chính mình.

#### 4. Kết luận

Trình độ, năng lực công tác của mỗi cán bộ, đảng viên trong tự bồi dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống cách mạng sẽ ngày càng nâng cao nếu bản thân họ luôn bản lĩnh, trăn trở với công việc, đề cao tinh thần, trách nhiệm của mình ở trong đó. Việc phát huy tính tích cực, chủ động trong tự bồi dưỡng, rèn luyện về đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên hiện nay là hoạt động có ý nghĩa thiết thực để hiện thực hóa những tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng Đảng “là đạo đức, là văn minh” mà Người đã chỉ rõ: Phải giữ gìn Đảng ta thật trong sạch, phải xứng đáng là người lãnh đạo, là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng cũng khẳng định: Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta hãy đồng tâm nhất trí, chung sức đồng lòng, chuẩn bị và tiến hành thật tốt Đại hội XIII của Đảng, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, thực hiện thành công tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại và ước vọng của toàn dân tộc ■

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.552.

<sup>(2)</sup> Bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hội nghị tổng kết 3 năm xây dựng chi bộ và đảng bộ cơ sở “Bốn tốt”, tháng 4-1966.

<sup>(3)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII *về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ*.

<sup>(4)</sup> Phát biểu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại phiên họp thứ 17 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng ngày 15-01-2020 đánh giá kết quả hoạt động năm 2019 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm công tác phòng chống tham nhũng năm 2020.

<sup>(5)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 6, tr.494.

<sup>(6)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 9, tr.293.

# GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG LỰC TƯ DUY LÝ LUẬN CỦA ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CẤP TỈNH HIỆN NAY

✦ ThS TRẦN THIÊN TỨ

*Trường Chính trị Lê Duẩn, tỉnh Quảng Trị*

• **Tóm tắt:** Trong bất kỳ giai đoạn, thời điểm nào của cách mạng, cán bộ luôn là nhân tố quyết định đến mọi thắng lợi của yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Cán bộ chủ chốt có năng lực tư duy lý luận (NLTDLL) biết nhìn xa, trông rộng, dự báo được tương lai, chiều hướng đi lên không những ở thời điểm hiện tại mà còn lâu dài, ở tầm xa hơn thì công việc thuận buồm, xuôi gió, địa phương phát triển ổn định, bền vững, tạo dựng được uy tín, niềm tin với Nhân dân. Ngược lại, cán bộ chủ chốt không có NLTDLL, chỉ thấy được nhiệm vụ trước mắt, không đưa ra được tương lai phát triển ra sao, sẽ không đem lại sự bức phá về mọi mặt cho địa phương, không để lại ấn tượng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đối với cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

• **Từ khóa:** lý luận, tư duy lý luận, tư duy chiến lược

**T**rong bất kỳ giai đoạn, thời điểm nào của cách mạng, cán bộ vẫn là nhân tố quyết định đến mọi thắng lợi của yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra. Cán bộ chủ chốt có NLTDLL biết nhìn xa, trông rộng, dự báo được tương lai, chiều hướng đi lên không những ở thời điểm hiện tại mà còn lâu dài, ở tầm xa hơn thì công việc thuận buồm, xuôi gió, địa phương phát triển ổn định, bền vững, tạo dựng được uy tín, niềm tin với Nhân dân. Ngược lại, cán bộ chủ chốt không có NLTDLL, chỉ thấy được nhiệm vụ trước mắt, không đưa ra được tương lai phát triển ra sao, sẽ không đem lại sự bức phá về mọi mặt cho địa phương, không để lại ấn tượng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo đối với cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Trong bài viết về một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm

trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng đã nhấn mạnh đến Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII phải là những người: có trí tuệ, tầm nhìn, tư duy chiến lược và kiến thức tương đối toàn diện để tham gia hoạch định đường lối, chính sách và sự lãnh đạo tập thể của Ban Chấp hành Trung ương.

Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh được hiểu là những người đảm nhiệm ở những vị trí quan trọng trong bộ máy hành chính Nhà nước ở mỗi địa phương bao gồm người đứng đầu các sở, ban, ngành chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về mọi hoạt động của đơn vị mình. Như vậy, cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh bao gồm toàn bộ Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, họ giữ những cương vị

chủ chốt ở cấp tỉnh. Vì thế, việc nâng cao NLTDLL của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng không chỉ đáp ứng nhu cầu trước mắt, mà còn mang tính chiến lược cơ bản lâu dài để tập hợp, dẫn dắt, định hướng cho toàn bộ hoạt động của cơ quan, đơn vị mình phát triển đi lên. Để có NLTDLL đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh cần có một số phẩm chất cần thiết như: có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đặt lợi ích của Đảng, giai cấp, dân tộc lên trên lợi ích cá nhân mình; có năng lực dự báo, kiểm tra, phát hiện những vấn đề chính trị - xã hội, năng lực tham gia đóng góp vào đường lối, chủ trương, chính sách, có tài tổ chức thực tiễn, chỉ huy điều khiển công việc cho khối lượng quần chúng trong đời sống chính trị - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh; có tinh thần cách mạng, sáng tạo, tinh thần dân chủ và tính quyết đoán chính trị; có tri thức văn hóa nhất định, có phong cách công tác khoa học, có kinh nghiệm, có nghệ thuật trong hoạt động lãnh đạo, quản lý, có sức truyền cảm chính trị trong quần chúng và biết dùng người.

NLTDLL của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh được biểu hiện trong công việc, xử lý các mối quan hệ, ứng xử, giao tiếp, nhìn nhận, đánh giá các sự vật, hiện tượng một cách khách quan, trung thực, có cơ sở khoa học, nhìn được tương lai, chiều hướng phát triển của cấp dưới, của cơ quan, đơn vị mình. Ở tầm cao hơn đó là khả năng nắm bắt được bản chất, linh hồn của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước... trong quan hệ với nhiệm vụ của mình; ở khả năng nắm bắt vấn đề thực tiễn trên địa bàn mình phụ trách và ở khả năng đề ra phương hướng tối ưu để giải quyết vấn đề đó. Nâng cao NLTDLL của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là những hoạt động tích cực, chủ động nhằm

chuyển hóa từ nhận thức thành hoạt động thực tiễn cụ thể đưa ra được những quyết định sáng suốt, chính xác, kịp thời, hiệu quả ở từng lĩnh vực đảm nhiệm theo chiều hướng có lợi không những cho cơ quan, đơn vị mình mà còn đối với sự phát triển chung của địa phương. Ph.Ăngghen đã khẳng định: “một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận”<sup>(1)</sup>.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, mở cửa, hội nhập quốc tế, đặc biệt là công tác nhân sự của Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XIII của Đảng, càng đặt ra những tiêu chuẩn, quy định cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh về nâng cao NLTDLL của mình. Nhận thức được vấn đề đó trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta đã đào tạo ra được đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp có NLTDLL trong tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tham gia vào các phong trào cách mạng phục vụ cho sự nghiệp kháng chiến, cứu quốc của dân tộc. Khả năng thuyết phục, tin nhiệm của đội ngũ cán bộ các cấp trước quần chúng Nhân dân được lên cao, trở thành mạch nguồn, bồi đắp cho sự thống nhất giữa ý Đảng, lòng dân trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, trong giai đoạn hiện nay, việc nâng cao NLTDLL cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh rất được Đảng, Nhà nước và Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng rất quan tâm, điều này được biểu hiện ở: Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01-02-2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26-5-2014 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý; Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng,



đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh... Thông qua những quy định, chỉ thị đó mà đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ chủ chốt cấp tỉnh nói riêng đã tích cực, chủ động học tập, rèn luyện về lý luận chính trị để không những đáp ứng đầy đủ những tiêu chí của Đảng, Nhà nước để bổ nhiệm, sắp xếp, bố trí công việc, mà còn để nâng cao trình độ lý luận cho bản thân.

Tuy nhiên, so với thực tiễn đặt ra thì việc nâng cao NLTDLL cho cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay vẫn còn một số hạn chế nhất định, đó là một số đồng chí cán bộ chủ chốt cấp tỉnh chưa ý thức sâu sắc tầm quan trọng của việc nâng cao NLTDLL cho bản thân, cho rằng đó chỉ là bằng cấp, quy định đặt ra bắt buộc phải có, thực tiễn công tác, giải quyết công việc mới là điều quan trọng; nội dung, hình thức, phương pháp giảng bài còn mang tính hình thức, kinh viện, chưa bám sát đặc điểm của từng địa phương, nặng về trình bày, chưa thấy được sự phong phú, đa dạng, biến đổi hàng ngày, hàng giờ của thực tiễn vận động, biến đổi và phát triển của xã hội; trong quá trình học một số cán bộ chủ chốt ít chú trọng về mặt chất lượng, chạy theo thành tích, số lượng, học cho có mặt, thiếu tính chiến đấu, xây dựng nội dung vào bài giảng. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường, xây dựng chính đốn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ đã chỉ ra một trong 9 biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên hiện nay là: “3) Nhận thức sai lệch về ý nghĩa, tầm quan trọng của lý luận và học tập lý luận chính trị; lười học tập Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước”. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ những người lười học tập lý luận chính trị đó là những người “chỉ bo bo giữ lấy kinh nghiệm lẻ tẻ. Họ không hiểu rằng lý luận rất quan trọng cho sự thực hành cách

mạng”, trong khi đó thì “có kinh nghiệm mà không có lý luận cũng như một mắt sáng một mắt mờ”<sup>(2)</sup>.

Để nâng cao NLTDLL chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay cần thực hiện một số biện pháp cơ bản như:

*Một là, quán triệt sâu sắc những quy định, chỉ thị của Đảng về học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên*

Đây là giải pháp quan trọng có ý nghĩa hàng đầu để nâng cao NLTDLL chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay. Cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải nhận thức thật sự sâu sắc đầy đủ tầm quan trọng của việc học tập lý luận chính trị, nếu không sẽ thoái bộ, không nắm bắt được vấn đề thực tiễn đặt ra cần phải giải quyết và như vậy sẽ không lãnh đạo, quản lý được cơ quan, đơn vị mình. Quy định số 54-QĐ/TW ngày 12-5-1999 về chế độ học tập lý luận chính trị trong Đảng đưa ra nguyên tắc chung tại Điều 1: Học tập là nghĩa vụ, trách nhiệm và quyền lợi của cán bộ, đảng viên. Cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp phải có kế hoạch thường xuyên học tập, nâng cao trình độ lý luận chính trị, kiến thức chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn. Có nhận thức được như vậy, mới cho phép cán bộ chủ chốt cấp tỉnh tích cực, chủ động trong học tập lý luận chính trị, không có biểu hiện ngại học, lười học lý luận chính trị, trở thành hệ thống nhu cầu động cơ bên trong thúc bách họ không ngừng khắc phục khó khăn, gian khổ để lĩnh hội tri thức, từng bước nâng cao NLTDLL cho mình trong thời gian đào tạo ở các cơ sở giáo dục và trên cương vị chức trách đảm nhiệm; mỗi cán bộ chủ chốt gương mẫu đi đầu trong việc học tập, rèn luyện để nâng cao năng lực tư duy lý luận chính trị cho bản thân và cũng để phòng, chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tuyệt đối trung thành với đường lối, điều lệ của Đảng, nói và làm theo Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

của người cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh; cấp ủy, tổ chức đảng các cấp cần tổ chức quán triệt, học tập những nghị quyết, chỉ thị của Đảng cho cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng của việc học tập nâng cao tư duy lý luận chính trị trong tình hình mới; từng cán bộ, đảng viên chủ động xây dựng kế hoạch tự học tập, tự bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị một cách cụ thể, thiết thực, phù hợp với cương vị, chức trách đảm nhiệm.

*Hai là, vận dụng linh hoạt, sáng tạo các nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng nâng cao năng lực tư duy lý luận chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh*

NLTDLL chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh là sự vận động, tổng hợp của nhiều yếu tố khách quan, chủ quan khác nhau, trong đó yếu tố chủ quan vẫn là cơ bản, trung tâm, quyết định đến khả năng nâng cao NLTDLL hay không nâng cao được NLTDLL chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Trong quá trình nâng cao này các chủ thể quản lý, giáo dục, bồi dưỡng ở đây là đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, cán bộ ở các bộ, ban, ngành có liên quan phải kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo các nội dung, hình thức, phương pháp, đó là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng kết hợp chặt chẽ với tình hình thực tiễn của thế giới, đất nước, nhất là ở từng cơ quan, đơn vị, địa phương đã, đang và sẽ diễn ra như thế nào; khắc phục tình trạng lý thuyết một chiều, chủ yếu trình bày những kiến thức lý luận đã có mà thiếu tính thực tiễn của xã hội. Nhận thức được hạn chế, bất cập của nội dung, hình thức, phương pháp bồi dưỡng lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên, ngày 16-4-2020 Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/TW về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị cho cán bộ, đảng viên, trong đó có đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Các nội dung, hình thức, phương pháp học tập lý luận chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh

cần bám sát đặc điểm, tình hình, nhiệm vụ của địa phương mình, đặc biệt là luôn gần dân, sát dân, lắng nghe ý kiến của Nhân dân, tôn trọng Nhân dân, đặt lợi ích của Đảng, của địa phương, của Nhân dân lên trên hết mới nâng cao được năng lực dự báo tương lai cho cơ quan, đơn vị, địa phương mình, mới đưa ra quyết sách đúng, trúng, khơi dậy sức sáng tạo, niềm đam mê, phấn khởi của đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng Nhân dân.

*Ba là, phát huy tính tích cực, chủ động của từng cán bộ chủ chốt cấp tỉnh trong tự học, tự bồi dưỡng kiến thức về lý luận chính trị để nâng cao năng lực tư duy của bản thân*

Thực tiễn hiện nay cho thấy, một số cán bộ chủ chốt cấp tỉnh không chịu học hỏi cấp dưới, nhất là học hỏi trong Nhân dân, cho rằng, mình có những vị trí chủ chốt như vậy, đứng đầu một cơ quan, đơn vị, kinh nghiệm đầy mình không cần phải học hỏi lẫn nhau nữa. Vì vậy, từng đồng chí cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải luôn trau dồi về năng lực chuyên môn công tác, kiến thức về lý luận chính trị nếu không thường xuyên đưa ra nghiên cứu, thảo luận, đặt trên mảnh đất hiện thực sẽ bị mai một dần, không nắm bắt được những vấn đề căn cốt, bản chất, nói sẽ không rõ được ngọn nguồn, khúc chiết, có lý, có tình, không làm cho người nghe phải tâm phục, khẩu phục; từng đồng chí cán bộ chủ chốt cấp tỉnh đặt ra cho bản thân những yêu cầu cao về mặt tư duy lý luận chính trị, bản thân thấy thiếu, hỏng chỗ nào thì tập trung nghiên cứu, tìm hiểu, không được tự cao, tự mãn, kiêu ngạo cộng sản, ngủ quên trên “vòng nguyệt quế”; đặc biệt là hách dịch, gia trưởng, có tí kiến thức về lý luận chính trị là lên lớp, mắng nhiếc cấp dưới và Nhân dân, huênh hoang, từ đó, mà sa vào chủ nghĩa cá nhân, không giữ được mình nữa, dễ sa ngã vào vòng xoáy của đồng tiền, danh vọng, quyền lực đặt ra. Theo đó, việc phát huy tính tích cực, chủ động trong tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao tư duy lý luận chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh phải trở thành nhu cầu

nội tại bên trong thúc bách họ, nếu không có NLTDLL chính trị sẽ không được bổ nhiệm, bố trí ở những vị trí cao hơn.

*Bốn là, phải thường xuyên kiểm tra, đánh giá việc học tập nâng cao năng lực tư duy lý luận chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh*

Đây là nội dung cần được tiến hành thường xuyên và có trọng tâm, trọng điểm đối với cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Thông qua công tác kiểm tra, đánh giá mà nắm bắt được NLTDLL chính trị của cán bộ chủ chốt tốt hay chưa tốt, cao hay thấp, nhiều hay ít. Việc kiểm tra, đánh giá này cần được phân cấp ở các cấp độ khác nhau, đối với cán bộ cấp trưởng phòng ở các sở thì do Giám đốc sở ở cơ quan, đơn vị đó đảm nhiệm; cán bộ cấp sở do Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra, đánh giá; cán bộ cấp tỉnh do Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban tổ chức Trung ương tiến hành kiểm tra, đánh giá. Quá trình kiểm tra, đánh giá cần đi vào thực chất của vấn đề, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm của từng cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở các nội dung, các mặt được kiểm tra, đánh giá. Việc kiểm tra, đánh giá có thể lồng ghép vào các buổi họp, sinh hoạt, giao ban, tổ chức hội nghị, tổng kết các phong trào thi đua, hoạt động ở sở, ban, ngành. Bộ phận kiểm tra, đánh giá phải nắm vững kiến thức, có trình độ, am hiểu về các lĩnh vực xã hội, khi kiểm tra, đánh giá cấp dưới còn biết được nội dung bên trong họ viết gì, làm gì; kế hoạch kiểm tra, đánh giá có thể tiến hành thường xuyên, hoặc có thể đột xuất; việc kiểm tra, đánh giá phải khách quan, công tâm, dân chủ, không lồng ghép ý kiến cá nhân chủ quan ở trong đó, cũng không đề cao, tuyệt đối hóa một mặt, một nội dung nào, cần tiến hành kiểm tra, đánh giá toàn diện, nhất là lý luận chính trị chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực tiễn vận động, phát triển của thế giới, trong nước... Đặc biệt, trong kiểm tra, đánh giá cũng phải mạnh dạn, thẳng thắn chỉ ra những việc chưa làm được của cán bộ, đảng viên trong học tập lý luận

chính trị, từ đó nhắc nhở, uốn nắn nhận thức lệch lạc, chưa tới, cho rằng nâng cao NLTDLL chính trị là quá trình lâu dài, không thể tiến hành trong một sớm, một chiều được, việc nâng cao này chủ yếu phụ thuộc vào sự nỗ lực cố gắng chủ quan của mỗi người, không nên xơ cứng, tổ chức thành lớp học làm gì... Đồng thời, cũng để biểu dương, khen thưởng đối với cán bộ, đảng viên tích cực, chủ động trong tự bồi dưỡng nâng cao NLTDLL của bản thân, đáp ứng với tình hình nhiệm vụ đặt ra ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng, chỉnh đốn Đảng ta hiện nay.

Tóm lại, thực hiện tốt nội dung, biện pháp nêu trên để nâng cao NLTDLL chính trị của cán bộ chủ chốt cấp tỉnh ở nước ta hiện nay là cơ sở, tiền đề cho các biện pháp tiếp theo. Trong quá trình tổ chức thực hiện mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương cần thấy được những đặc thù của mình, từ đó đưa ra cách thức, biện pháp cho hiệu quả, phù hợp, không học tập, tu dưỡng, rèn luyện; chủ động đấu tranh, phê phán các quan điểm sai trái, thù địch làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, thực hiện thắng lợi mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” ■

#### Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) *về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ* (Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 30-10-2016).
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Chỉ thị số 44-CT/TW ngày 16-4-2020 của Ban Bí thư *“về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành và nghiên cứu, học tập sách lý luận, chính trị”*.
3. Nguyễn Phú Trọng (2020), *Một số vấn đề cần được đặc biệt quan tâm trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội XIII của Đảng*, báo Vietnamnet, ngày 26-4-2020.

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 20, tr.489.

<sup>(2)</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, tập 5, tr.274.

# TIẾP TỤC HỌC TẬP VÀ LÀM THEO PHONG CÁCH LÀM VIỆC CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH ĐỐI VỚI ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TỈNH ĐỒNG THÁP

TS NGUYỄN PHƯỚC DŨNG

Trường Chính trị tỉnh Đồng Tháp

• **Tóm tắt:** Một trong những vấn đề quan trọng nhất hiện nay đối với đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là công tác đổi mới và học tập theo phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì thế, từ thực trạng và kinh nghiệm ở địa phương, tác giả sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu nhằm đưa ra các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng, đội ngũ cán bộ, công chức tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới nhằm phục vụ nhân dân ngày càng tốt hơn.

• **Từ khóa:** Tư tưởng Hồ Chí Minh, phong cách Hồ Chí Minh, năng lực phục vụ nhân dân

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị 05-CT/TW về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, các cấp, các ngành trong toàn Đảng và toàn dân nhiệt liệt hưởng ứng bằng các việc làm và xây dựng phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại Đồng Tháp, Tỉnh ủy xác định đây là đợt sinh hoạt chính trị quan trọng, phải giúp cho cán bộ, đảng viên thấm nhuần tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác thể hiện qua từng vị trí việc làm hàng ngày. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo phát hành Sổ tay rèn luyện đảng viên với tựa đề “Cán bộ, đảng viên Đồng Tháp xây dựng phong cách dân chủ, khoa học, nêu gương” để mỗi đảng viên thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện bản thân và tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Theo đó, toàn thể cán bộ, công viên chức trong toàn

tỉnh nghiêm túc thực hiện và làm theo gương Bác bằng những việc làm thiết thực, mang đến lợi ích chính đáng cho nhân dân, thực hiện tác phong gần gũi, nhiệt tình trong công việc, tạo điều kiện xây dựng chính quyền thân thiện với nhân dân.

## 1. Thực trạng cán bộ, công chức tỉnh Đồng Tháp đổi mới và học tập theo phong cách làm việc của Chủ tịch Hồ Chí Minh

*Thứ nhất, phong cách làm việc gần dân của đội ngũ cán bộ, công chức*

Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh thời luôn nhắc nhở cán bộ, đảng viên phải thực hiện phong cách lãnh đạo, làm việc gần dân, sát dân, Người chỉ rõ: “Bao nhiêu cách tổ chức và cách làm việc, đều vì lợi ích của quần chúng, vì cần cho quần chúng và cách làm việc, cách tổ chức của chúng ta đều phải lấy câu này làm khuôn phép: Từ trong quần chúng ra, về sâu trong quần chúng”<sup>(1)</sup>.

Thực hiện lời dạy của Bác, cán bộ, công chức ở Đồng Tháp thực hiện thường xuyên tiếp xúc, làm việc với quần chúng Nhân dân, hòa mình vào những hoạt động thực tiễn trong tầng lớp Nhân dân để lắng nghe những tâm tư tình cảm, nguyện vọng của quần chúng để thấu hiểu, kịp thời chia sẻ với người Dân.

*Thực hiện phương châm “nghe dân nói, nói dân hiểu”.* Để đưa cán bộ, công chức hòa chung từng nhịp bước với người dân, Thành ủy Thành phố Cao Lãnh thực hiện mô hình “Xuống phố, về làng”, tất cả cán bộ, công chức phải sắp xếp thời gian xuống tận xóm, ấp nghe dân nói, nắm tình hình, tạo sự gần gũi mật thiết giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân. Khi tiếp xúc với dân, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Lê Minh Hoan đã chia sẻ kinh nghiệm cho toàn thể cán bộ, công chức và đảng viên là *“mình phải vừa lắng nghe vừa chia sẻ vừa tương tác để qua đó kết nối mọi người với nhau”.*

Vận dụng kinh nghiệm đó vào thực tiễn, các chiến sĩ lực lượng Công an tỉnh Đồng Tháp cũng có nhiều việc làm thiết thực như: tổ chức diễn đàn “Công an lắng nghe ý kiến nhân dân”, phục vụ nhân dân qua cấp, đổi chứng minh nhân dân lưu động; xuống địa bàn giúp dân chằng néo nhà cửa, sửa chữa cầu, đường nông thôn; tặng quà cho người già neo đơn, học sinh vượt khó học giỏi.

Thực hiện lời dạy của Bác, Đảng ủy, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đồng Tháp có mô hình “Bộ đội về làng” để cán bộ, chiến sĩ “về sâu trong quần chúng”, cùng dân xây dựng cầu đường, vệ sinh môi trường; vận động người dân thay đổi nếp sống, nếp nghĩ, phấn đấu vươn lên phát triển kinh tế thoát nghèo bền vững. Cán bộ, chiến sĩ cùng ăn, cùng ở, cùng làm với dân, qua đó để lại nhiều việc làm ý nghĩa, thắt chặt tình cảm giữa cán bộ, chiến sĩ với dân.

Người dân đến trụ sở thực hiện thủ tục hành chính thì công chức các cấp trong toàn tỉnh *phải thực hiện 6 biết*: “Biết chào, biết cười, biết lắng nghe, biết hướng dẫn, biết cảm ơn, biết xin lỗi”, thực hiện phong thái niềm nở đón tiếp, hướng dẫn, giải thích tận tình cho Nhân dân, trở thành “công bộc” thật sự của dân như lời Bác đã căn dặn. Rất nhiều địa phương trên địa bàn tỉnh đã đưa “nụ cười

công sở” vào phục vụ Nhân dân, đã rút ngắn khoảng cách giữa cán bộ và nhân dân, tạo bầu không khí ấm áp, thân thiện và nụ cười công sở của cán bộ, công chức đã làm bà con nhân dân hài lòng và vui tươi bằng việc phục vụ chu đáo và niềm nở của cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Không chỉ ngồi chờ dân đến trụ sở mới giải quyết công vụ, hiện nay các xã, phường, thị trấn ở Đồng Tháp chủ trương đến tận nhà để giải quyết thủ tục hành chính cho Nhân dân. Kết hợp giải quyết thủ tục hành chính tại trụ sở và tại nhà dân. Xuất phát từ thực trạng người dân ở nơi xa chưa có điều kiện đến trụ sở giải quyết các loại giấy tờ, nên chính quyền cấp xã đã thành lập đoàn cán bộ, công chức đến tận địa bàn các ấp để tiếp nhận hồ sơ, giải quyết các thủ tục hành chính lưu động, trả kết quả nhanh gọn. Chủ trương này được người dân đồng tình rất cao.

*Thứ hai, cán bộ, công chức thực hiện đổi mới tác phong làm việc với phương châm: “mới mẻ trong cách nghĩ, sáng tạo trong cách làm, nhịp nhàng trong phối hợp”*

Thấm nhuần lời dạy của Bác: “Trong bầu trời, không gì quý bằng nhân dân. Trong thế giới, không gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân... Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân”, toàn thể cán bộ, công chức từ lãnh đạo tỉnh cho đến công chức cấp xã trong thực hiện nhiệm vụ đều hướng đến người dân. Mọi cán bộ, công chức dù trên cương vị nào, bất kể vị trí công việc nào phải thay đổi tác phong làm việc từ trong suy nghĩ đến hành động cụ thể. Thực hiện “mới mẻ trong cách nghĩ” thực chất là thay đổi suy nghĩ chủ quan, bàn giấy, thay vào đó là “suy nghĩ như suy nghĩ của người dân, doanh nghiệp. Trăn trở với những trăn trở của người dân, doanh nghiệp”<sup>(2)</sup>.

Không chỉ dừng lại ở suy nghĩ, toàn thể cán bộ, công chức của tỉnh ra sức học tập lời Bác dạy “nói đi đôi với làm”, cụ thể bằng khẩu hiệu “Bớt nói suông, tăng làm thật”, lãnh đạo tỉnh quyết tâm “truyền lửa” cải cách đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở. Tất cả phải không ngừng nỗ lực, thấu hiểu, chia sẻ và đồng hành cùng người dân, doanh nghiệp.

Kết quả của quyết tâm thay đổi tác phong làm việc của cán bộ, công chức và đảng viên đã phát huy được hiệu quả của xây dựng chính quyền thân thiện. Đồng Tháp được đánh giá là địa phương rất nỗ lực xây dựng thương hiệu chính quyền thân thiện với doanh nghiệp. Chính phong trào “mới mẽ trong cách nghĩ, sáng tạo trong cách làm” đã trở thành động lực và nguồn động viên lớn cho cán bộ, công chức của Tỉnh, vì vậy Đồng Tháp là địa phương có nhiều mô hình cải cách, bài học thành công được tìm thấy và nhân rộng ra toàn quốc. Mô hình “Café Doanh nhân” đã nổi tiếng nhiều năm nay, mô hình này đã phổ biến ra hàng chục tỉnh, thành phố khác trên cả nước.

Trong báo cáo xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2019, Đồng Tháp được xếp vị trí thứ 2/63 tỉnh, thành phố, đây là điều đáng hãnh diện cho tỉnh nhất đó là 12 năm liên Đồng Tháp đã liên tiếp nằm trong top 5 của cả nước về PCI. Trong các chỉ số đánh giá, Đồng Tháp luôn dẫn đầu cả nước về 2 chỉ số thành phần bao gồm cạnh tranh bình đẳng và tính năng động, tiên phong của chính quyền tỉnh. Có được thành tích này, nguyên nhân trước tiên là sự quyết tâm thay đổi tác phong, phong cách làm việc của cán bộ, công chức các cấp. Nền tảng của sự thay đổi đó chính là toàn tỉnh luôn vận dụng sâu sắc tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh vào trong thực tiễn hoạt động công vụ.

## **2. Một số kinh nghiệm và giải pháp trong lãnh đạo thực hiện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh**

### *Thứ nhất, về kinh nghiệm*

Từ kết quả đạt được của đội ngũ cán bộ, công chức và đảng viên tỉnh Đồng Tháp trong thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm:

*Một là*, công tác tuyên truyền và giáo dục đóng vai trò quan trọng trong triển khai thực hiện học tập và làm theo lời Bác.

Để nội dung học tập và làm theo lời Bác đạt kết quả tốt nhất, cấp ủy, chính quyền phải lãnh đạo đổi mới công tác tuyên truyền. Tập trung tuyên truyền về các tập thể, cá nhân điển hình tiêu biểu, mô hình hay, cách làm hiệu quả trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Tuyên truyền, giáo dục bằng nêu gương người tốt, việc tốt, điển hình tiêu biểu trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp.

*Hai là*, quan tâm, chỉ đạo điều hành của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành ở các cấp là rất quan trọng, quyết định sự thành công hay thất bại trong học tập và làm theo gương Bác của Tỉnh. Hơn ai hết, người đứng đầu cấp ủy các cấp phải có nhiệt huyết, trở thành tấm gương điển hình trong toàn đảng bộ.

*Ba là*, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có ý nghĩa quyết định hiệu quả trong học tập và làm theo phong cách của Bác. Hướng đến xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức vừa hồng vừa chuyên, nâng cao ý thức, trách nhiệm trong công việc, am hiểu sâu về các lĩnh vực; đổi mới cách nghĩ, cách làm phải thật sự xem người dân là khách hàng của mình để phục vụ ngày càng tốt hơn.

*Bốn là*, lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh làm tiêu chí để đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, xét thi đua, khen thưởng, đánh giá hàng năm đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và đơn vị.

*Năm là*, phải xem trọng công tác kiểm tra, giám sát; sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đồng thời, uốn nắn những biểu hiện lệch lạc, cách làm kém hiệu quả. Các tổ chức đảng tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; kịp thời chấn chỉnh, khắc phục dứt điểm hạn chế, khuyết điểm, những biểu hiện lệch lạc, cách làm hình thức, kém hiệu quả. Tăng cường chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, tổ chức tiến hành tốt công tác sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích, tạo sức lan tỏa, ấn tượng sâu sắc để cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

*Thứ hai, về một số giải pháp tiếp tục đổi mới phong cách làm việc theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*

Trong cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 như hiện nay, nhằm đáp ứng tình hình mới, yêu cầu mới, đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cần phải tiếp tục thực hành, rèn luyện đạo đức bản thân, đạo

đức trong công tác tiếp xúc với quần chúng, nhân dân; đồng thời không ngừng học tập và làm theo tấm gương đạo đức, tư tưởng và phong cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cần phải thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

*Một là*, tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng nội dung Chỉ thị số 05 cùng các chuyên đề học tập hàng năm. Mỗi cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cần phải thực hiện tốt chính sách của Nhà nước và chịu trách nhiệm trước nhân dân; tổ chức thực hiện đưa chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống có hiệu quả. Đồng thời, cán bộ, công chức của tỉnh Đồng Tháp cần bám sát hơn nữa sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, phối hợp với chuyên môn trong hoạt động chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện, đưa việc học tập và làm theo Bác vào chương trình, kế hoạch hàng năm của bản thân, của cơ quan, đơn vị; gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị, giải quyết kịp thời, có hiệu quả những vấn đề bức xúc, nổi cộm của cơ quan, đơn vị.

*Hai là*, cần xem trọng vai trò nêu gương của cán bộ, công chức trong việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Đồng thời phải phối hợp với thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo phương châm “trên trước, dưới sau”, “trong trước, ngoài sau”, “học đi đôi với làm theo”. Người đứng đầu phải gương mẫu xây dựng kế hoạch học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

*Ba là*, coi trọng công tác bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ chính trị cho cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nhằm giúp cho cán bộ, công chức tuyệt đối “trung với nước, hiếu với dân”; trung thành vô hạn đối với mục tiêu lý tưởng của Đảng, của dân tộc, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ sự nghiệp đổi mới vì lợi ích của đất nước, của dân tộc; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; nâng cao chất lượng công tác tham mưu cho cấp ủy hướng dẫn, triển khai các phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị, trong đó có nhiệm vụ học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

*Bốn là*, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua, trọng tâm là phong trào thi đua “Lao động giỏi”, “Lao động sáng tạo” gắn với Cuộc vận động xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức “Trung thành, trách nhiệm, liêm chính, sáng tạo”.

*Năm là*, tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra, giám sát cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền việc nhân rộng các gương điển hình tiên tiến học tập và làm theo phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh ở từng cơ quan, đơn vị, chú trọng công tác biểu dương, khen thưởng.

*Sáu là*, mỗi cán bộ, công chức cần phải thực hành tiết kiệm, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Tiết kiệm không đơn thuần chỉ là tiền bạc, vật chất, thời gian mà còn là sắp xếp, bố trí, phân phối công việc bởi nói đến tiết kiệm là nói đến năng suất, hiệu quả, là gắn liền với chống lãng phí.

Tóm lại, với quyết tâm chính trị trong đổi mới phong cách, tác phong làm việc theo tư tưởng Hồ Chí Minh đối với mỗi cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp trong thời gian tới tin chắc sẽ đạt được hiệu quả cao hơn trong các hoạt động cho cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cơ sở. Theo đó, góp phần đưa Đồng Tháp trở thành điểm sáng của cả nước trong các phong trào xây dựng chính quyền thân thiện với nhân dân, một chính quyền năng động, đầy trách nhiệm và hết lòng phục vụ nhân dân đúng theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “*Việc gì lợi cho dân ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân ta phải hết sức tránh. Chúng ta phải yêu dân, kính dân thì dân mới yêu ta, kính ta*” ■

#### Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 10.
2. Sở Nội vụ Đồng Tháp, *Báo cáo Tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch 72/KH-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh*.
3. Tỉnh ủy Đồng Tháp, *Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.
4. Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp, *Báo cáo Sơ kết 03 năm thực hiện đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*.

(1) Hồ Chí Minh, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tập 5, tr.248.

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 8, tr.276.

# XÂY DỰNG ĐÔ THỊ THÔNG MINH TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP

TS BIÊN QUỐC THẮNG  
TS LÊ THỊ ANH ĐÀO

Học viện Chính trị khu vực II

• **Tóm tắt:** Việc chuyển đổi hình thức quản lý, quản trị, điều hành đô thị từ phương thức truyền thống sang phương thức hiện đại, thông minh đang là xu thế tất yếu đối với các thành phố trên thế giới, trong đó có Việt Nam, nhất là đô thị đặc biệt như Thành phố Hồ Chí Minh. Bằng các phương pháp phân tích và tổng hợp, so sánh và đối chiếu, lôgic và lịch sử, quy nạp và diễn dịch, bài viết sẽ làm sáng tỏ nội hàm về đô thị thông minh. Trên cơ sở đó, bài viết nêu lên một số vấn đề đặt ra, đồng thời đề xuất một số giải pháp khi xây dựng đô thị thông minh tại Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

• **Từ khóa:** Đô thị thông minh, Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM) là một trong hai đô thị đặc biệt của Việt Nam, có quy mô và mật độ dân số cao nhất cả nước, có tốc độ đô thị hóa nhanh, nền kinh tế năng động... Chính các yếu tố này đã làm cho công tác quản lý đô thị theo mô hình truyền thống đang gặp không ít khó khăn, trở thành nút thắt, điểm nghẽn trong quá trình phát triển của Thành phố. Chính vì vậy, để khơi thông các nút thắt, điểm nghẽn, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, nhất là tận dụng những thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư... buộc TP HCM phải thay đổi mô hình quản lý, quản trị, điều hành đô thị từ phương thức truyền thống sang phương thức hiện đại, thông minh để phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn. Tuy nhiên, việc xây dựng đô thị thông minh ở nước ta nói chung và TP HCM nói riêng là một việc làm khá mới mẻ. Do vậy, bên cạnh những thuận lợi cũng không ít những

khó khăn, thách thức đặt ra đòi hỏi phải có các giải pháp khoa học, kịp thời để thúc đẩy Thành phố phát triển nhanh và bền vững.

## 1. Quan niệm về đô thị thông minh

Phạm trù “đô thị thông minh” xuất hiện cách đây khoảng ba thập kỷ. Theo một số nhà nghiên cứu, ý tưởng về việc xây dựng đô thị thông minh (Smart city- SC) được bắt đầu từ khoảng 1990 bởi các chuyên gia công nghệ thông tin ở Valley Silicon (Mỹ) và Thành phố Bangalore - Valley silicon của Ấn Độ. Các chuyên gia này mong muốn đưa công nghệ thông tin phủ kín toàn bộ thành phố. Với mục đích như vậy nên các tên gọi ban đầu xuất hiện là: Thành phố số hóa (Digital city); Thành phố công nghệ thông tin (IT city); Thành phố trí tuệ (Intelligent city)... Đến năm 2005, khái niệm thành phố thông minh chính thức được sử dụng<sup>(1)</sup>.

Tổ chức nghiên cứu tiêu chuẩn công nghệ viễn thông (ITU-T) năm 2015 đưa ra định



nghĩa: “Một thành phố thông minh bền vững là một thành phố đổi mới sáng tạo sử dụng các công nghệ thông tin - truyền thông và các phương tiện khác để nâng cao chất lượng cuộc sống, hiệu quả hoạt động - dịch vụ đô thị, tính cạnh tranh, đồng thời đảm bảo đáp ứng được nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về các khía cạnh kinh tế, xã hội, môi trường và văn hóa”<sup>(2)</sup>. Tiếp đến, Liên minh viễn thông thế giới (ITU) định nghĩa: “Đô thị thông minh phát triển bền vững là đô thị đổi mới sáng tạo, sử dụng ICT và các phương tiện khác để cải thiện chất lượng cuộc sống, hiệu quả quản lý vận hành, cung cấp dịch vụ và mức độ cạnh tranh của đô thị, trong khi vẫn đảm bảo đáp ứng những nhu cầu của các thế hệ hiện tại và tương lai về mọi khía cạnh kinh tế, môi trường, văn hóa và xã hội”<sup>(3)</sup>.

Ở Việt Nam, xuất phát từ các giá trị tổng thể của đô thị thông minh, định hướng phát triển đô thị thông minh phù hợp với nước ta, Ngô Viết Nam Sơn định nghĩa: “Đô thị Thông minh là đô thị sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (viết tắt là ICT - Information Communication Technology) và mạng lưới thiết bị kết nối qua Internet (viết tắt là IoT - Internet of Things) để làm nền tảng xây dựng đô thị đáng sống với quy hoạch bền vững, quản lý đô thị hiệu quả, minh bạch và với tính cạnh tranh đô thị cao về mọi mặt”<sup>(4)</sup>. Còn theo Ngô Lê Minh, đô thị thông minh là: “Thành phố sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để được thông minh hơn và hiệu quả trong việc sử dụng các nguồn lực, nhằm mục tiêu tiết kiệm chi phí và năng lượng, cải thiện cung cấp dịch vụ và chất lượng cuộc sống, giảm thiểu gây hại môi trường”<sup>(5)</sup>.

Từ những định nghĩa trên có thể hiểu: Đô thị thông minh là đô thị vận hành trên nền tảng của việc ứng dụng các phương tiện thông tin và truyền thông kết nối vạn vật bằng cảm biến với mạng không dây tốc độ cao được truyền về trung tâm, từ đó chính quyền cũng như người dân có các giải pháp xử lý thông minh để nâng cao chất lượng cuộc sống của cư dân, cải thiện chất lượng phục vụ của chính quyền, khai thác, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đảm bảo sự phát triển nhanh, bền vững của đô thị.

Có thể thấy, so với đô thị truyền thống, đô thị thông minh có những khác biệt cơ bản như: Các lĩnh vực trong đời sống xã hội được kết nối, liên thông thành một mạng lưới, không chỉ tạo điều kiện cho người dân chủ động, tiện lợi hơn trong các hoạt động mà còn giúp nhà quản lý đô thị điều phối một cách có hiệu quả các vấn đề phát sinh một cách linh hoạt, nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và của cải. Bên cạnh đó, người dân đô thị vừa là chủ thể thụ hưởng các dịch vụ, vừa là người chủ động tham gia trực tiếp vào quá trình xây dựng và phát triển đô thị. Ngoài ra, đô thị thông minh còn khai thác, sử dụng một cách có hiệu quả các nguồn năng lượng từ tự nhiên, đồng thời cũng là môi trường kiến tạo cho người dân khởi nghiệp, tạo tiền đề quan trọng để phát triển nền kinh tế tri thức, chính quyền đô thị tích lũy được nguồn ngân sách lớn từ thuế và từ việc khai thác các dịch vụ trong đô thị. Như vậy, đô thị thông minh không chỉ bảo đảm các chỉ số an ninh, an sinh, an toàn cho con người, mà còn là công cụ, phương tiện để chính quyền đạt được mục tiêu xây dựng đô thị đáng sống, đô thị sáng tạo, có hệ giá trị cao, có khả năng phục hồi, có sức cạnh tranh, có sự phát triển nhanh và bền vững.

## **2. Một số vấn đề đặt ra và giải pháp khi xây dựng đô thị thông minh tại Thành phố Hồ Chí Minh**

### ***Thứ nhất, nhận thức về đô thị thông minh***

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã chỉ rõ: “Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường, nhất là các đô thị lớn. Nâng cao chất lượng và quản lý tốt quy hoạch đô thị, bảo đảm phát triển bền vững, có chính sách xây dựng khu đô thị mới ven các đô thị lớn, khai thác hiệu quả hạ tầng và tiết kiệm đất”<sup>(6)</sup>. Ngày 27 tháng 09 năm 2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 52/NQ-TW về “Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”; trong đó đề ra các phương hướng và xác định các mục tiêu rất cụ thể là đến năm 2025: “có ít nhất 3 đô thị thông minh tại 3 vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung”; và đến năm 2030 “Hình thành một số chuỗi đô thị thông minh tại các khu vực

kinh tế trọng điểm phía Bắc, phía Nam và miền Trung; từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong khu vực và thế giới”. Đặc biệt, trong Dự thảo Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, lần đầu tiên cụm từ “đô thị thông minh” được sử dụng khi nêu lên quan điểm: “Xây dựng đô thị hiện đại, văn minh, đô thị thông minh, đa dạng về loại hình, có bản sắc đặc trưng về kiến trúc, văn hóa ở từng địa phương”.

Trên cơ sở những đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, thời gian qua Đảng bộ, chính quyền Thành phố đã thể hiện sự chủ động, quyết tâm chính trị của mình trong việc triển khai xây dựng đô thị thông minh trên thực tế. Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ TPHCM lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã đề ra nhiệm vụ phát triển đô thị bền vững, xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, trong đó “hướng đến đô thị thông minh”<sup>(7)</sup> là một trong những nhiệm vụ trọng yếu. Ngày 29/8/2016, Ban Thường vụ Thành ủy đã ra Kết luận 247-TB/TU về Đề án “Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh”. Trên cơ sở đó, ngày 23/11/2017 Ủy ban nhân dân TPHCM đã ban hành Quyết định số 6179/QĐ của Ủy ban nhân dân TP HCM về phê duyệt Đề án “Xây dựng TP HCM trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025”<sup>(8)</sup>. Đặc biệt, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ TP HCM lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 - 2025 xác định mục tiêu đến năm 2025: “Là đô thị thông minh, thành phố dịch vụ, công nghiệp theo hướng hiện đại, giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế, động lực tăng trưởng của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, đi đầu trong đổi mới sáng tạo, có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình”<sup>(9)</sup>.

Có thể nói, mặc dù vấn đề đô thị thông minh đã được Đảng, Nhà nước cũng như Thành ủy, Ủy ban nhân dân TP HCM thể hiện khá đầy đủ và cụ thể trong các văn kiện song nhận thức về vấn đề này ở một bộ phận người dân, trong đó có cả một số cán bộ, đảng viên, viên chức trong hệ thống chính trị tại TP HCM vẫn còn một số hạn chế nhất định. Hệ quả là, tỷ lệ người dân tham gia sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở các cấp vẫn còn thấp: “70% người được khảo sát cho biết họ vẫn đến trực tiếp cơ quan công quyền để

thực hiện các thủ tục hành chính”<sup>(10)</sup>. Bên cạnh đó, vẫn còn một bộ phận không nhỏ cán bộ, viên chức trong hệ thống chính trị do nhận thức chưa đầy đủ nên chưa thao tác thành thạo các ứng dụng thông minh, thậm chí một số vẫn thực hiện công việc theo thói quen kinh nghiệm, tác phong truyền thống trước đây, làm tốn kém thời gian, kinh phí tài chính không cần thiết. Chính vì vậy, để khắc phục những tồn tại kể trên, đòi hỏi Đảng bộ và Chính quyền Thành phố cần đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều cách thức, biện pháp khác nhau nhằm nâng cao nhận thức của người dân về đô thị thông minh. Chỉ khi nào nhận thức được nâng cao thì người dân mới thấy được tính tất yếu, tính ưu việt của đô thị thông minh; từ đó sẽ tạo ra sự đồng thuận, thống nhất, sự tự giác, tích cực hưởng ứng. Bởi họ không chỉ là những chủ thể thụ hưởng các dịch vụ mà còn là chủ thể vận hành, tham gia trực tiếp vào việc giải quyết các vấn đề phát sinh của đô thị thông minh.

#### **Thứ hai, về nguồn nhân lực phục vụ xây dựng đô thị thông minh**

Mặc dù TP HCM là một trong hai trung tâm giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ hàng đầu cả nước; hàng năm, cung cấp khoảng 100.000 sinh viên đại học, cao đẳng và khoảng 50.000 học sinh trung cấp tốt nghiệp từ các cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, xét một cách khách quan, nguồn nhân lực phục vụ cho việc vận hành đô thị thông minh vẫn “còn hạn chế”<sup>(11)</sup> chưa đáp ứng đủ, nhất là các chuyên gia giỏi. Nhân lực ngành công nghệ thông tin giữ vị trí trung tâm của quá trình xây dựng và vận hành đô thị thông minh, song theo báo cáo của Viện Chiến lược Thông tin và Truyền thông cho biết, chỉ có 28% sinh viên ngành Công nghệ thông tin ra trường là làm được việc ngay, còn 72% phải đào tạo bổ sung ít nhất 3 tháng do không có kinh nghiệm thực hành, thiếu kỹ năng làm việc<sup>(12)</sup>. Hay, một số doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực như Internet vạn vật (IoT), thương mại điện tử, quy trình kinh doanh và gia công phần mềm công nghệ thông tin... cũng đang rất “khát” nguồn nhân lực chất lượng cao.

Có thể nói, với chất lượng nguồn nhân lực như hiện tại thì việc xây dựng đô thị thông

minh tại TP HCM đang phải đối mặt với không ít những khó khăn, thách thức. Chính vì vậy, để khắc phục những khó khăn, thách thức trên đòi hỏi Đảng bộ và Chính quyền Thành phố thực hiện một số các giải pháp như: 1) Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Trường đại học trên địa bàn khảo sát, đánh giá thực trạng, từ đó xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho việc xây dựng đô thị thông minh một cách hợp lý. 2) Bên cạnh đó, các cơ sở giáo dục đại học cần ưu tiên mở ngành, tăng số lượng tuyển sinh ở các ngành cần thiết cho nền tảng xây dựng đô thị thông minh như: công nghệ thông tin, thương mại điện tử, tự động hóa... 3) Đi cùng với việc tăng số lượng, các Trường đại học trên địa bàn Thành phố cũng cần nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng tiên tiến, hiện đại, đạt các chuẩn đầu ra của khu vực và quốc tế. 4) Trong quá trình đào tạo cần tăng cường tính ứng dụng, thực hành; đặc biệt phải chú ý đến việc rèn luyện đạo đức, tác phong, ngoại ngữ để sinh viên ra trường đáp ứng các yêu cầu làm việc trong môi trường quốc tế. 5) Thành phố cần có các chính sách đào tạo lại, đào tạo liên tục nhằm cập nhật, cung cấp các tri thức, kỹ năng mới cho người lao động để họ có thể đáp ứng yêu cầu trong các giai đoạn khác nhau của sự phát triển đô thị thông minh.

### ***Thứ ba, về kết cấu hạ tầng viễn thông và kinh phí xây dựng đô thị thông minh***

Trong thời gian qua, mặc dù kết cấu hạ tầng viễn thông ở TP HCM đã đạt được một số kết quả, song xét trong tổng thể vẫn còn nhiều thiếu thốn, thiếu đồng bộ, thậm chí một số mặt rất lạc hậu. Ví như, hiện nay ở một số nước tiên tiến trên thế giới đã vận hành mạng 5G, thì ở TP HCM vẫn còn dùng mạng 3G, 4G, tốc độ truyền tải hệ thống mạng Internet khá chậm, tình trạng nghẽn mạng, rớt mạng có lúc có khi vẫn còn diễn ra. Mặt khác, việc triển khai xây dựng đô thị thông minh ở nước ta nói chung và ở TP HCM nói riêng mới chỉ là bước đầu, chưa có tiền lệ; trong khi đó, trên thế giới mỗi đô thị lại có một cách thức xây dựng, vận hành khác nhau; thế nên việc triển khai trên thực tế dễ mắc phải những sai lầm, thiếu sót. Chính vì vậy, để xây dựng đô thị thông minh đạt được mục tiêu, kế hoạch đề ra, giảm thiểu những

sai lầm, thiếu sót, tốn nhiều thời gian, tiền của của người dân và doanh nghiệp, Thành phố cần thực hiện các giải pháp như: Cần có sự đầu tư nghiên cứu đặc điểm, bản chất, chức năng, quá trình vận hành đô thị thông minh một cách bài bản nhằm hạn chế các rủi ro, lãng phí thời gian và tiền của khi thực hiện. Cần đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tiên tiến, hiện đại, đồng bộ, nhất là hạ tầng viễn thông, đẩy mạnh ứng dụng rộng rãi mạng viễn thông 5G, nâng cấp các đường truyền, máy chủ, xây dựng hệ thống dữ liệu lớn để khai thác, kết nối, chia sẻ.

Bên cạnh đó, để xây dựng và vận hành đô thị thông minh cần thiết phải có nguồn vốn lớn. Tuy nhiên, do cơ chế tài chính, thủ tục giải ngân nguồn vốn còn một số bất cập như: thực hiện đề án xây dựng đô thị thông minh “phải tuân thủ Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước nên có những khâu gặp rất nhiều khó khăn, thời gian kéo dài, dẫn đến việc triển khai các hạng mục của Đề án khi được thông qua thì giải pháp công nghệ có nguy cơ không còn phù hợp, sẽ lạc hậu, làm giảm hiệu quả đầu tư”<sup>(13)</sup>. Mặt khác, để xây dựng đô thị thông minh cần phải trang bị một loạt các máy móc, công nghệ tiên tiến, hiện đại và đồng bộ. Đặc điểm của các máy móc, phương tiện, công nghệ cao thường có vòng đời ngắn, luôn phải nâng cấp, cập nhật phiên bản mới. Hơn nữa, để trang bị, sử dụng, hay khai thác một số công nghệ cần phải mua bản quyền, hoặc chi trả phí bản quyền, đặc biệt đối với công nghệ nguồn, công nghệ gốc. Ngoài ra, cũng cần một lượng tài chính nhất định để duy trì hoạt động trùng tu, bảo trì, sửa chữa; đó là chưa kể đến người dân đô thị phải bỏ ra một nguồn kinh phí nhất định để trang bị các phương tiện, hay chi trả phí cho một số dịch vụ...

Chính vì vậy, để giải quyết tốt vấn đề ngân sách đầu tư xây dựng, vận hành đô thị thông minh TP HCM cần thực hiện theo các hướng như sau: 1) Kiên trì kiến nghị Quốc hội cho phép Thành phố được giữ lại ngân sách từ 23% trở lên thay vì 18% như hiện nay; 2) Đề xuất các Bộ ngành ở Trung ương cho phép Thành phố thực hiện cơ chế đặc thù trong việc huy động nguồn vốn trong và ngoài nước để xây dựng đô thị thông minh; 3) Thành phố cần đẩy mạnh xã hội hóa xây dựng kết cấu hạ

tầng trên một số lĩnh vực khi có thể; 4) Thành phố cần có chính sách ưu đãi cho người dân, doanh nghiệp khi đầu tư các trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc kết nối, vận hành đô thị thông minh.

**Thứ tư, các vấn đề phát sinh và hành lang pháp lý**

Để đô thị thông minh phát triển ổn định và bền vững, một mặt phải dựa trên nền tảng của kỹ thuật và công nghệ hiện đại, mặt khác cũng cần đề cao tính xã hội và nhân văn. Khác với đô thị truyền thống, đô thị thông minh hoạt động chủ yếu dựa trên nền tảng của hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông, từ đó tạo ra các kết nối, tương tác giữa các chủ thể. Bên cạnh những tiện ích mà nó mang lại thì công nghệ thông tin và truyền thông cũng gây ra những rủi ro khó lường, thậm chí gây ra những tác động rất lớn đến con người và cộng đồng xã hội như: mất điện, nghẽn mạng, sự tấn công của hacker, mất dữ liệu gốc, vi phạm bản quyền, bị lệ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ...

Không những thế, khi vận hành đô thị thông minh, các vấn đề có thể phát sinh như: tình trạng thất nghiệp, sự phân hóa giàu nghèo, sự chia sẻ, kết nối thông tin giữa các lĩnh vực trong xã hội không được liên tục, liên thông, bảo mật... Hay cũng có thể hình thành một lối sống số hóa, phai nhạt bản sắc văn hóa dân tộc, sự vô hồn của kiến trúc đô thị, tạo ra không gian sống ảo, sự lạnh lùng giữa con người với nhau... Các vấn đề trên tất yếu sẽ phát sinh trong quá trình hoạt động của đô thị thông minh nên rất cần chính quyền và người dân TP HCM có sự chủ động ứng phó, giải quyết các mặt trái của nó.

Ngoài ra, đô thị thông minh là vấn đề mới ở Việt Nam cũng như ở TP HCM. Do đó, hệ thống pháp lý để điều chỉnh các vấn đề của đô thị thông minh hiện nay vẫn còn ở mức sơ khai, thiếu thốn. Việc chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ không chỉ gây khó khăn, cản trở cho các hoạt động của đô thị, mà các quyền lợi của cư dân ở trong đô thị cũng khó được đảm bảo. Chính vì vậy, để xây dựng đô thị thông minh ở TP HCM không chỉ cần sự cố gắng, nỗ lực của nhân dân, chính quyền Thành phố; mà còn cần có sự quan tâm, chỉ đạo, chỉ dẫn của Đảng và Nhà nước, các bộ, ngành nhất là trên lĩnh vực thể chế, pháp lý.

**Kết luận**

Xây dựng đô thị thông minh là quy luật tất yếu khách quan đối với TPHCM trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, đây là vấn đề còn khá mới mẻ, chưa có tiền lệ ở nước ta cũng như ở TP HCM. Vì vậy, trong quá trình triển khai xây dựng, TP HCM cần tận dụng những cơ hội, dựa trên những tiềm năng, thế mạnh hiện có, đặc biệt Thành phố cần đầu tư, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, giải quyết triệt để được các vấn đề mang tính cấp thiết đang đặt ra hiện nay. Bên cạnh đó, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp khoa học, kịp thời thể hiện được tầm nhìn chiến lược, đặc biệt phải xuất phát từ các đặc điểm đặc thù về vị trí địa lý, lịch sử - kinh tế - văn hóa - xã hội của Thành phố để phát huy có hiệu quả các thế mạnh vốn có, đồng thời phải kiên trì, nỗ lực vượt qua các khó khăn, thách thức để đạt được các mục tiêu mà Đảng bộ và Chính quyền TP HCM đã đề ra ■

<sup>(1)</sup> <https://forbesvietnam.com.vn/cong-nghe/khai-niem-thanh-pho-thong-minh-o-viet-nam-co-gi-khac-so-voi-the-gioi-4747.html>.

<sup>(2)</sup> <https://forbesvietnam.com.vn/cong-nghe/khai-niem-thanh-pho-thong-minh-o-viet-nam-co-gi-khac-so-voi-the-gioi-4747.html>.

<sup>(3)</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông (2018): Hướng dẫn số 58/BTTTT-KHCN *V/v các nguyên tắc định hướng về công nghệ thông tin và truyền thông trong xây dựng đô thị thông minh ở Việt Nam*.

<sup>(4)</sup> <http://kientrucvietnam.org.vn/dinh-huong-chien-luoc-quoc-gia-phat-trien-do-thi-thong-minh-tai-viet-nam/>.

<sup>(5)</sup> <http://kientrucvietnam.org.vn/phat-trien-do-thi-thong-minh-kinh-nghiem-lo-trinh-thuc-hien/>.

<sup>(6)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.295.

<sup>(7)</sup> Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ X*, tr.129.

<sup>(8)</sup> Ủy ban nhân dân TPHCM (2017), Quyết định phê duyệt Đề án “*Xây dựng TPHCM trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”.

<sup>(9)</sup> Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

<sup>(10)</sup> <https://forbesvietnam.com.vn/tin-cap-nhat/ty-le-nguoi-dan-su-dung-dich-vu-cong-truc-tuyen-van-thap-do-dau-12986.html>.

<sup>(11)</sup> <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/815972/nhung-ket-qua-buoc-dau-trong-xay-dung-do-thi-thong-minh-tai-thanh-pho-ho-chi-minh.aspx>.

<sup>(12)</sup> <https://vov.vn/cong-nghe/phat-trien-nguon-nhan-luc-cong-nghe-thong-tin-va-truyen-thong-892276.vov>.

<sup>(13)</sup> <https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/thuc-tien-kinh-nghiem1/-/2018/815972/nhung-ket-qua-buoc-dau-trong-xay-dung-do-thi-thong-minh-tai-thanh-pho-ho-chi-minh.aspx>.

# VẤN ĐỀ VIỆC LÀM CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG: NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH

TS LÊ XUÂN TẠO  
TS HÀ THỊ THÙY DƯƠNG  
Học viện Chính trị khu vực IV

• **Tóm tắt:** Từ tầm quan trọng của việc giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn (LĐNT) đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), bài viết phân tích những nhân tố tác động đang cản trở việc giải quyết việc làm cho LĐNT ĐBSCL hiện nay; trên cơ sở đó, đưa ra một số quan điểm và định hướng chính sách để giải quyết hiệu quả việc làm cho LĐNT ở ĐBSCL. Những định hướng này rất toàn diện từ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, đến phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, các ngành dịch vụ ở nông thôn, cũng như đẩy mạnh xuất khẩu lao động ở nông thôn...

• **Từ khóa:** giải quyết việc làm, lao động nông thôn, đồng bằng sông Cửu Long

Người dân ở nông thôn chiếm một tỷ trọng lớn trong dân số cũng như lực lượng lao động của cả nước. Năm 2019, dân số thành thị ở nước ta là 33.122.548 người, chiếm 34,4% tổng dân số cả nước; dân số nông thôn là 63.086.436 người, chiếm 65,6%<sup>(1)</sup>. LĐNT chiếm đến 70% tổng số lao động xã hội<sup>(2)</sup>. Do đó, giải quyết việc làm cho LĐNT là giải quyết cho một lực lượng đông đảo lao động. Điều này không chỉ góp phần nâng cao thu nhập cho người dân mà còn tạo ra sự ổn định, phát triển ở nông thôn. ĐBSCL cũng là nơi mà người dân nông thôn còn chiếm tỷ trọng lớn trong dân số và lực lượng lao động. Vì vậy, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn đang là một vấn đề lớn đặt ra trong sự phát triển của vùng cần quan tâm giải quyết.

## 1. Những nhân tố gây khó khăn cho giải quyết việc làm lao động ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long hiện nay

Người dân sống ở nông thôn chiếm một tỷ lệ rất lớn trong dân cư và lực lượng lao động ở ĐBSCL. ĐBSCL là vùng có dân số đông, mật độ dân số tương đối cao, dân số của vùng năm 2019 là 17.273.630 người, trong khi dân số của cả nước là 96.208.984 người<sup>(3)</sup>, chiếm gần 18% dân số của cả nước. Trong đó, số lượng người dân sống ở khu vực nông thôn là khoảng 13 triệu người<sup>(4)</sup>. Đông dân, lực lượng lao động dồi dào, đặc biệt ở nông thôn nhưng ĐBSCL là khu vực có tỷ lệ lao động thất nghiệp và thiếu việc làm cao hơn nhiều vùng khác trong cả nước, và cũng cao hơn mức chung của cả nước. Tỷ lệ thất nghiệp trong lực lượng lao động của cả nước năm 2019 là 2,17% trong khi ĐBSCL là 2,9%, cao nhất trong các vùng<sup>(5)</sup>. Tỷ lệ thiếu việc

làm trong lực lượng lao động của cả nước năm 2019 là 1,27% trong khi ở vùng này là 2,35% và cao nhất trong các vùng<sup>(6)</sup>. Do đó, giải quyết việc làm cho lao động nói chung, LĐNT nói riêng đang là vấn đề cấp bách ở ĐBSCL. Tuy nhiên, việc giải quyết việc làm LĐNT đang gặp một số nhân tố tác động tiêu cực như sau:

*Thứ nhất, biến đổi khí hậu (BĐKH) đang ảnh hưởng đến việc làm của nhiều LĐNT*

Việt Nam là nước chịu hậu quả nặng nề của BĐKH, trong đó ĐBSCL là khu vực bị ảnh hưởng nhất của BĐKH. BĐKH ảnh hưởng đến nhiều ngành, trong đó nhiều nhất là nông nghiệp, từ đó tác động đến việc giải quyết việc làm cho lao động nông nghiệp ở nông thôn. Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, thì với kịch bản nước biển dâng 50 cm vào năm 2050, ngập nước làm thiệt hại 193.000 ha và xâm nhập mặn ảnh hưởng đến 294.000 ha lúa của toàn vùng. Thiệt hại hơn 500.000 ha diện tích trồng lúa này tương đương với khoản tổn thất 2,6 triệu tấn lúa/năm, hay 13% sản lượng lúa của cả vùng<sup>(7)</sup>. Những hiện tượng cực đoan như nắng nhiều và xâm nhập mặn, triều cường và nước biển dâng đã làm nhiều diện tích đất sản xuất nông nghiệp của vùng không thể sản xuất, trực tiếp ảnh hưởng đến việc làm của người nông dân. Điều này đã được chứng minh qua con số thực tế chứ không chỉ là những dự báo. Thực tế cho thấy, mùa khô năm 2016, mặn đã xâm nhập sâu đến 90 km vào các tỉnh/thành ven biển ở ĐBSCL, với diện tích khoảng 300.000 ha<sup>(8)</sup>. Đợt đầu năm 2020, người dân ĐBSCL lại chứng kiến các đợt xâm nhập mặn vào đến hơn 100 km sâu trong đất liền, với thời gian kéo dài hơn đợt năm 2016 nhưng diện tích đất bị thiệt hại ít hơn, toàn vùng có gần 7.000 ha cây ăn quả, 8.000 ha thủy sản bị thiệt hại do hạn mặn<sup>(9)</sup>. Trong khi đó, ĐBSCL là vùng sản xuất nông nghiệp lớn nhất cả nước, năm 2018, toàn vùng đóng góp sản lượng lúa là 24,5 triệu tấn, chiếm 56% sản lượng cả nước. Ngoài cây lúa thì sản lượng tôm cũng đóng góp 0,623 triệu tấn, chiếm 70%; sản lượng cá tra 1,41 triệu tấn, chiếm 95% và sản lượng trái cây 4,3 triệu tấn, chiếm

60%<sup>(10)</sup>. Lao động trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chiếm một tỷ trọng rất cao trong tổng lực lượng lao động của toàn vùng, theo thống kê năm 2018, lao động nông nghiệp chiếm 44,9% lao động của vùng. Vì vậy, BĐKH đang tác động xấu đến việc làm của lực lượng lao động đông đảo này và sống chủ yếu ở nông thôn. Ngoài ra, BĐKH còn tác động đến việc làm của nhiều ngành nghề khác như du lịch và dịch vụ, triều cường, nước biển dâng khiến du khách không thể đến vùng ĐBSCL.

*Thứ hai, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang tác động đến việc làm của LĐNT trong vùng*

Cuộc cách mạng 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, khiến cho những ngành lao động giản đơn, trình độ thấp sẽ bị máy móc thay thế. Vì vậy, để “cạnh tranh” được với máy móc và có việc làm, người lao động phải có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao, lao động sáng tạo và phức tạp mà máy móc không thay thế được. Tuy nhiên, trình độ của lao động ở ĐBSCL còn thấp hơn so với mặt bằng chung của cả nước và nếu không thay đổi, nhiều lao động của vùng đặc biệt ở nông thôn sẽ bị mất việc làm. Năm 2018 cơ cấu dân số từ 15 tuổi trở lên của cả nước chưa bao giờ đến trường chiếm 5,2%, trong khi tỷ lệ này ở ĐBSCL là 6,3%, tỷ lệ không có bằng cấp của cả nước là 11,7% còn ở ĐBSCL là 23,4%, tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học của cả nước là 20,2%, trong khi đó ở ĐBSCL là 31,2%. Ngược lại, ở những trình độ cao hơn như tốt nghiệp trung học cơ sở của cả nước là 28,3% thì ở ĐBSCL là 19,7%, tốt nghiệp trung học phổ thông của cả nước là 16,3% con số này ở đồng bằng là 9,7%, trình độ cao đẳng, đại học và trên đại học của cả nước là 11,37% thì ở ĐBSCL là 5,92%<sup>(11)</sup>. Còn theo thống kê năm 2019, tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo năm 2019 của cả nước là 22,8% thì ở vùng này là 13,3%<sup>(12)</sup>. Với trình độ thấp, người LĐNT ĐBSCL khi ra thành phố, khu công nghiệp để làm những công việc lao động giản đơn sẽ bị máy móc thay thế và cũng không thể trở lại địa phương tiếp tục sản xuất nông nghiệp vì trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, để thích ứng và phát triển thì nông nghiệp cũng đòi hỏi công nghệ cao.

*Thứ ba, đô thị hóa nhưng công nghiệp chưa phát triển mạnh cũng gây khó khăn cho vấn đề giải quyết việc làm cho LĐNT của vùng*

Đô thị hóa ở ĐBSCL cũng đang tăng lên và tỷ lệ đô thị hóa của vùng nhìn chung cao bằng cả nước. Tỷ lệ đô thị hóa vùng đạt 28% năm 2015, 34,2% năm 2020<sup>(13)</sup>. Cùng với quá trình đô thị hóa, nhiều đất nông nghiệp của vùng đang chuyển đổi sang các mục đích khác như xây dựng các khu đô thị, các khu công nghiệp, cho nên mất đất ảnh hưởng đến việc làm của LĐNT. Tuy nhiên, việc lấy đất nông nghiệp để làm các khu công nghiệp ở vùng chưa hiệu quả, tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp thấp khiến người dân nông thôn vừa mất đất, không có việc làm vừa ít có cơ hội xin việc làm mới. Theo báo cáo của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chi nhánh Cần Thơ (VCCI Cần Thơ), tính đến tháng 6/2016, toàn vùng ĐBSCL có 78 khu công nghiệp - khu chế xuất với tổng diện tích quy hoạch 14.787,6 ha. Nhưng đến nay, diện tích lấp đầy mới đạt trên 3.688 ha, còn hơn 11.099 ha đất đang bị bỏ trống<sup>(14)</sup>.

Các doanh nghiệp ở ĐBSCL nhìn chung là các doanh nghiệp nhỏ nên tỷ lệ thu hút lao động, giải quyết việc làm cũng còn hạn chế. Vùng ĐBSCL hiện có gần 55.000 doanh nghiệp thành lập và hoạt động. Số lượng này chưa phải là nhiều bởi số doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân của vùng thấp, chỉ cao hơn trung du miền núi phía Bắc là 2,5; ĐBSCL là 3 trong khi cả nước là 7,6 doanh nghiệp<sup>(15)</sup>. Mặc dù số lượng doanh nghiệp đã ít so với cả nước nhưng lại chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp hoạt động tại ĐBSCL đến 97% là doanh nghiệp vừa và nhỏ<sup>(16)</sup>, năng lực tài chính hạn chế. Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp đang hoạt động năm 2017 của vùng là 593 nghìn tỷ đồng trong khi đó ở đồng bằng sông Hồng là 4.875,6 nghìn tỷ đồng<sup>(17)</sup>.

Chính từ những nhân tố tác động tiêu cực đến việc giải quyết việc làm cho LĐNT ở ĐBSCL như vậy, vùng cần phải có một hệ thống chính sách đồng bộ vừa khai thác thế mạnh của mình, vừa khắc phục những nhân tố tác động tiêu cực trên mới có thể giải quyết được việc làm cho người lao động.

## **2. Một số quan điểm trong giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long hiện nay**

*Thứ nhất, giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL cần kết hợp giữa người lao động tự tạo việc làm và tăng cường các cơ sở sản xuất tạo ra nhiều việc làm cho lao động*

Việc làm được xác định là những công việc mang lại thu nhập cho người lao động. Vì vậy, việc làm có thể do chính từng người lao động tạo ra hoặc họ đi làm thuê ở các cơ sở sản xuất kinh doanh do người khác làm chủ. Để có nhiều việc làm cho người lao động thì chúng ta cần khuyến khích cả hai khu vực này. Do đó, để đảm bảo thực hiện tốt quan điểm trên, chính quyền địa phương có những giải pháp, chính sách để vừa giúp người lao động tự tạo việc làm cho mình, vừa thu hút được những nhà đầu tư xây dựng, phát triển các cơ sở sản xuất, kinh doanh tại nông thôn để tạo thêm việc làm cho người lao động.

*Thứ hai, giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL cần kết hợp giữa tạo việc làm tại chỗ và tìm kiếm việc làm mới ngoài khu vực*

Ưu tiên hàng đầu trong giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL là tạo ra thật nhiều việc làm ở tại khu vực để người lao động không phải ly hương. Họ có việc làm mà vẫn gần bó với quê hương. Bởi lẽ, khi họ có việc làm ngay tại địa phương thì sẽ ổn định cuộc sống, không phải xa gia đình, không mất tiền thuê trọ... điều này không chỉ có ý nghĩa về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa về mặt xã hội. Bởi cuộc sống xa gia đình, thuê mướn... sẽ phát sinh nhiều vấn đề xã hội phải giải quyết. Tuy nhiên, trong bối cảnh việc làm tại vùng ĐBSCL không đủ so với nhu cầu việc làm của người lao động thì cần có những chính sách giúp người LĐNT tìm kiếm việc làm ngoài khu vực, nhất là ở thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đông Nam Bộ. Người LĐNT ít quan hệ xã hội, ít đi đây đi đó, đào tạo nghề còn hạn chế hoặc thậm chí còn chưa được đào tạo nghề... để họ có thể tìm kiếm được công việc phù hợp ở ngoài địa phương thì rất cần sự hỗ trợ của Nhà nước.

*Thứ ba, giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL, phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành*

Thực tế cho thấy để giải quyết việc làm thành công cho LĐNT thì cần sự phối hợp của nhiều cấp, nhiều ngành, trong đó chính quyền địa phương là cơ quan kết nối. Trước hết, việc làm có ở mọi cơ sở sản xuất kinh doanh ở tất cả các ngành nghề ở mọi quy mô. Do đó, cần có sự chung tay của tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh trong khu vực. Tuy nhiên, để giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL thì không chỉ những cơ sở sản xuất kinh doanh có nhu cầu lao động tham gia mà cần phải có sự phối hợp với các cơ sở đào tạo nghề, các trung tâm giới thiệu việc làm và sự nỗ lực của chính những người lao động. Bởi lẽ, việc làm cho người LĐNT trong khu vực không chỉ do các cơ sở sản xuất kinh doanh trong vùng tạo ra mà còn do chính những người lao động trong vùng tự tạo việc làm cho mình. Tuy nhiên, để người LĐNT tạo ra việc làm và thu nhập cho họ cũng cần sự phối hợp, hỗ trợ của rất nhiều các doanh nghiệp, tổ chức từ đào tạo nghề đến tín dụng, xây dựng quảng bá thương hiệu, hình ảnh, các tổ chức, sản kết nối cung cầu hàng hóa do LĐNT tạo ra, những tổ chức trực tiếp mang sản phẩm đến thị trường tiêu thụ.

*Thứ tư, giải quyết việc làm cho lao động ở nông thôn vùng ĐBSCL, phát huy vai trò của Nhà nước*

Vai trò của nhà nước, chính quyền địa phương trong giải quyết việc làm ở nông thôn vùng ĐBSCL là rất quan trọng, không thể thiếu. Như chúng ta vừa phân tích, để giải quyết việc làm cho LĐNT phải có sự phối hợp của nhiều cơ quan, tổ chức, cơ sở ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà chính quyền địa phương chính là cơ quan kết nối và điều phối rất nhiều các cơ quan, tổ chức này. Bản thân nhà nước, chính quyền địa phương cũng trực tiếp bố trí nguồn lực tài chính, nhân lực và các nguồn lực khác tham gia vào việc giải quyết việc làm cho người LĐNT. Chính quyền địa phương còn xây dựng các chính sách hỗ trợ và quản lý hoạt động của tất cả các cơ quan, tổ chức, cơ sở, doanh nghiệp tham gia vào

giải quyết việc làm cho người LĐNT. Ngoài ra, vai trò của chính quyền địa phương trong việc giải quyết việc làm cho người lao động còn thông qua việc đầu tư phát triển sản xuất ở tất cả các ngành nghề. Tạo ra nhiều việc làm tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế, năng lực sản xuất của từng địa phương.

*Thứ năm, đẩy mạnh xã hội hóa trong giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL*

Nhà nước giữ vai trò quan trọng trong giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, chỉ một mình Nhà nước thì không đủ nguồn lực và khả năng để giải quyết việc làm cho tất cả lực lượng LĐNT của vùng rất đông đảo. Chính quyền địa phương cần khuyến khích tạo điều kiện để thành phần kinh tế tư nhân có thể sản xuất, kinh doanh và mở rộng quy mô sản xuất, tạo thêm nhiều cơ hội việc làm mới cho người lao động. Nguồn lực xã hội tham gia vào việc giải quyết việc làm là chính người LĐNT vùng ĐBSCL. Chính vì vậy, đẩy mạnh xã hội hóa trong giải quyết việc làm cho LĐNT của khu vực này là một hướng đi cần thiết. Nhà nước không chỉ chú ý đẩy mạnh xã hội hóa trong việc tạo ra việc làm cho người lao động mà còn phải đẩy mạnh xã hội hóa ở tất cả các khâu để giải quyết việc làm như đào tạo nghề, kết nối giữa người lao động và doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng lao động...

*Thứ sáu, giải quyết việc làm cho LĐNT vùng ĐBSCL, kết hợp giữa trong nước và ngoài nước*

Trong bối cảnh dân số đông, khả năng phát triển kinh tế của vùng còn hạn chế nên cũng không đủ để giải quyết việc làm cho tất cả lực lượng LĐNT thì xuất khẩu lao động, tìm kiếm những cơ hội việc làm bên ngoài quốc gia Việt Nam cho những LĐNT vùng ĐBSCL là rất cần thiết. Vì vậy, trong bối cảnh nhiều LĐNT khu vực này hiện nay vẫn còn thất nghiệp, thiếu việc làm thì cần kết hợp giữa trong nước và ngoài nước giải quyết việc làm cho LĐNT.

**3. Định hướng một số chính sách để giải quyết việc làm cho lao động nông thôn ở đồng bằng sông Cửu Long**

*Thứ nhất, những chính sách về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp*



*thích ứng với BĐKH để giải quyết việc làm cho lao động trong nông nghiệp*

Nông nghiệp vẫn là ngành có lợi thế của ĐBSCL và góp phần giải quyết việc làm cho một số lượng lớn lao động nông nghiệp ở nông thôn. Trong điều kiện nông nghiệp của vùng đang chịu tác động nặng nề của BĐKH thì nông nghiệp của vùng cần phải thích ứng với BĐKH để mang lại những cơ hội việc làm LDNT. Trong điều kiện xâm nhập mặn và nước biển dâng, chính quyền địa phương đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu những giống cây con chịu được phèn, mặn, chịu được ngập úng để đưa vào sản xuất, hạn chế mức thấp nhất diện tích đất bị thiệt hại, không sản xuất được. Đồng thời, các tỉnh cũng quy hoạch lại vùng sản xuất nông nghiệp, những vùng nào là sản xuất nước ngọt, vùng nào vừa sản xuất nước ngọt và lợ, vùng sản xuất nước mặn để có chiến lược phù hợp. Với những vùng có thời gian bị xâm nhập mặn thì phải chuyển đổi sang vùng sản xuất ngọt - lợ. Ví dụ như một số địa phương như Sóc Trăng, Bến Tre, Trà Vinh, Cà Mau chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn chuyển từ trồng lúa 3 vụ sang trồng lúa - khoai - bắp, lúa - tôm. Với BĐKH, thời tiết ngày càng khó dự đoán với những biểu hiện cực đoan, các địa phương có những chính sách cụ thể để phát triển nông nghiệp công nghệ cao mới có khả năng thích ứng được.

*Thứ hai, những chính sách về phát triển du lịch và các loại hình dịch vụ ở nông thôn ĐBSCL*

Bên cạnh việc tiếp tục phát triển nông nghiệp để tạo việc làm cho lao động nông nghiệp, nông thôn ĐBSCL cũng có nhiều tiềm năng để phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, tạo thêm những cơ hội việc làm cho người LDNT và góp phần chuyển đổi cơ cấu ngành nghề. ĐBSCL cũng có rất nhiều làng nghề truyền thống, trong đó có nhiều làng nghề nổi tiếng. An Giang có làng dệt thổ cẩm, đường thốt nốt, mắm cá; Vĩnh Long có làng nghề làm gốm, nghề đan đất; Sóc Trăng có bánh pía, lạp xưởng; Tiền Giang có làng tử thờ, làng nón bàng buông, mắm

tôm chà; Bến Tre có kẹo dừa, các mặt hàng thủ công mỹ nghệ làm ra từ cây dừa; Kiên Giang có nước mắm, khô mực; Đồng Tháp có làng hoa kiểng, bonsai, cổ thụ... Cần phải đánh giá lại các làng nghề này, những làng nghề sản xuất những mặt hàng nào vẫn là thị trường tiêu thụ ở trong và ngoài nước, với lực lượng tham gia đông đảo thì có chính sách để những làng nghề cơ cấu lại sản xuất, tăng đầu tư để có thể đáp ứng được thị trường, từ đó giải quyết việc làm cho LDNT. Đồng thời, các làng nghề này bên cạnh phát triển sản xuất cũng có thể phát triển du lịch. Hiện nay, nhiều du khách đến thăm các làng nghề, xem quy trình sản xuất các mặt hàng, thậm chí là trải nghiệm quá trình sản xuất và mua sản phẩm về. Tuy nhiên, các làng nghề ở ĐBSCL đưa vào khai thác du lịch còn khiêm tốn. Hiện nay, mới chỉ có khoảng 30% làng nghề ở vùng đưa vào hoạt động du lịch<sup>(18)</sup>. Do đó, chính quyền địa phương xem xét, đánh giá lại các làng nghề, phân tích các điều kiện (ngành nghề sản xuất, sức chứa, sự kết nối giao thông, cơ sở vật chất, hạ tầng...) để lựa chọn những làng nghề tiêu biểu đưa vào phát triển du lịch. Khi đã xác định, đánh giá tiềm năng phát triển du lịch của các làng nghề cần có những chính sách đầu tư và kêu gọi đầu tư thích đáng để phát triển du lịch tại các làng nghề này. Phát triển du lịch tại các làng nghề sẽ giúp người dân ở làng nghề tăng thêm việc làm từ bán các sản phẩm làng nghề sản xuất và cung cấp dịch vụ du lịch.

Nông thôn ở ĐBSCL không chỉ tiềm năng phát triển du lịch làng nghề mà còn tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp. Ngành nông nghiệp tiềm năng phát triển du lịch ví dụ như những vườn cây trái của vùng cũng thu hút du khách đến tham quan và thưởng thức các loại cây trái (du lịch miệt vườn), những vùng trồng hoa rất đẹp thu hút du khách đến tham quan ngắm hoa, chụp ảnh và mua hoa về... Khi kết hợp sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch nông nghiệp sẽ tạo thêm nhiều việc làm và tăng thu nhập cho người LDNT. Cùng với đó, các đồng bào dân tộc thiểu số như Khmer, Chăm của vùng

đa số sống ở nông thôn. Các dân tộc này nhiều bản sắc văn hóa độc đáo tiềm năng để phát triển du lịch ví dụ như các làng nghề truyền thống của các dân tộc, các di sản văn hóa của đồng bào (các chùa Khmer kiến trúc nghệ thuật đẹp thu hút nhiều du khách, các lễ hội truyền thống của các dân tộc Chăm, Khmer...) có thể đưa vào phát triển du lịch. Khi đưa những giá trị văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng vào phát triển du lịch sẽ tạo thêm nhiều cơ hội việc làm cho chính đồng bào dân tộc thiểu số ở nông thôn khi họ có thể cung cấp các dịch vụ du lịch cho du khách và bán các sản phẩm sản xuất tại địa phương phục vụ du khách. Để du lịch di sản văn hóa tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số, các địa phương khuyến khích loại hình du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm, homestay...

Bên cạnh du lịch, các địa phương cần có những chính sách để phát triển nhiều loại hình dịch vụ phù hợp ở nông thôn để giải quyết việc làm LDNT. Hiện nay, việc áp dụng công nghệ, máy móc vào sản xuất nông nghiệp ngày một nhiều, chính quyền quan tâm đến cơ chế khuyến khích người dân địa phương tham gia cung ứng các dịch vụ đầu vào cho sản xuất nông nghiệp ngay tại địa phương như bán máy nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, giống... từ đó tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân. Các cơ sở chế biến nông sản lớn thường ở thành phố nhưng vùng sản xuất nông sản nguyên liệu ở nông thôn vì vậy những chính sách khuyến khích người dân địa phương thu mua nông sản cho cơ sở chế biến, từ đó tạo thêm cơ hội việc làm. Đồng thời, chính quyền các địa phương khuyến khích các hộ gia đình, hợp tác xã tăng cường chế biến các nông sản do mình sản xuất và có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ thị trường tiêu thụ để tăng thêm cơ hội việc làm cho họ. Ví dụ vùng trồng sen, người dân có thể nấu rượu hạt sen, chè sen, sữa hạt sen, hạt sen sấy, trà lá sen. Vùng nuôi tôm cá phát triển các ngành chế biến mắm, làm khô...

### *Thứ ba, chính sách đẩy mạnh xuất khẩu LDNT ở ĐBSCL*

Trong quá trình đẩy mạnh mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, việc xuất khẩu lao động cũng là một hướng đi hiệu quả để giải quyết việc làm LDNT. Trong thời gian qua, các địa phương ở ĐBSCL nhiều nỗ lực để đưa ngày càng nhiều người dân trong khu vực đi xuất khẩu lao động. Trong giai đoạn 2011 - 2014, toàn vùng có khoảng 8.000 người đi làm việc ở nước ngoài, bình quân mỗi năm có khoảng 2.000 người đi làm việc ở nước ngoài<sup>(19)</sup>. Tuy nhiên, những năm gần đây, con số này đã tăng vượt bậc. Thống kê từ năm 2016 đến tháng 10/2019 tổng số lao động đi làm việc ở nước ngoài của các tỉnh ĐBSCL là 30.645 lao động, tập trung vào các thị trường chính là Nhật Bản (19.172 lao động) và Đài Loan (10.279 lao động)<sup>(20)</sup>. Vì vậy, thời gian tới, các địa phương trong vùng năng động hơn nữa, có những cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp xuất khẩu lao động hoạt động trong vùng, tăng cường kết nối với các nước để đưa nhiều lao động ra nước ngoài làm việc, đặc biệt những chính sách khuyến khích cho LDNT đi xuất khẩu lao động như cho vay tiền, hỗ trợ đào tạo cho LDNT có nhu cầu đi xuất khẩu lao động.

### *Thứ tư, các chính sách phát triển công nghiệp ở ĐBSCL*

Trong thời gian qua, các tỉnh ĐBSCL cũng đã chú ý thu hút vốn FDI, từ đó tạo ra những cơ hội việc làm cho người lao động. Đến đầu tháng 10/2018, có 1.495 dự án FDI đang hoạt động còn hiệu lực ở các tỉnh thành vùng ĐBSCL, với số vốn là 20,95 tỷ USD, trong tổng số 26.646 dự án và tổng vốn đầu tư 334,05 tỷ USD của cả nước<sup>(21)</sup>. Số dự án và vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng lên, tính đến hết tháng 9/2019, khu vực ĐBSCL có 1.662 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký hơn 22,63 tỷ USD<sup>(22)</sup>. Mặc dù các doanh nghiệp FDI đầu tư vào vùng này tăng lên nhưng vẫn còn khiêm tốn so với các vùng khác và so với cả nước, chiếm 5,56% về số dự án và 6,32% vốn đăng ký dự án đầu tư nước ngoài cả nước<sup>(23)</sup>. Do đó, trong thời gian tới, các tỉnh cần có những giải pháp đột phá

hơn để thu hút đầu tư FDI không những là có cơ chế hấp dẫn, cởi mở, cải cách hành chính mà còn phải tăng chuẩn bị những điều kiện về hạ tầng, nguồn nhân lực...

Nông nghiệp là thế mạnh của ĐBSCL, tuy nhiên công nghiệp của vùng chưa phát triển, còn nhiều dư địa phát triển. Trong khi đó, nông nghiệp bị giới hạn bởi diện tích ruộng đất và lại đang xu hướng thu hẹp do BĐKH và tác động của quá trình đô thị hóa, chuyển đổi đất nông nghiệp sang mục đích khác. Vì vậy, để giải quyết việc làm cho LĐNT ở vùng ĐBSCL những chính sách để khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư phát triển vào các khu công nghiệp của vùng, tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp, khu chế xuất này còn rất thấp. Trước hết, khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp phục vụ nông nghiệp, là ngành có tiềm năng phát triển của vùng do có thị trường tiêu thụ và nguyên liệu sản xuất. Ngoài ra, có thể phát triển các ngành công nghiệp khác mà vùng đầy đủ điều kiện. Vì vậy, bên cạnh khuyến khích thu hút đầu tư nước ngoài, các địa phương cần có những chính sách ưu đãi để khuyến khích nhà đầu tư tư nhân trong nước đầu tư phát triển các nhà máy sản xuất công nghiệp tại vùng, từ đó mở rộng cơ hội việc làm cho lao động của vùng, trong đó có LĐNT.

*Thứ năm, các chính sách hỗ trợ LĐNT ở ĐBSCL tìm kiếm việc làm ở khu vực khác*

Một trong những ưu tiên trong giải quyết việc làm cho LĐNT ở ĐBSCL là giải quyết việc làm tại chỗ. Tuy nhiên, khi việc làm tại vùng không thể đáp ứng hết nhu cầu của người lao động của vùng thì phải có chính sách tạo điều kiện cho lao động của vùng tìm kiếm việc làm ở vùng khác. Hiện khoảng trên 30% lao động ở ĐBSCL đã đi ra làm việc tại các khu công nghiệp tại các địa phương khác<sup>(24)</sup>. Vì vậy, các địa phương những cơ chế, chính sách hỗ trợ LĐNT tìm kiếm việc làm ở những khu vực khác. Ví dụ như nhiều LĐNT ĐBSCL hiện đang làm việc ở các khu công nghiệp ở Đông Nam Bộ như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Vì vậy, cần tạo điều kiện cho các trung tâm giới thiệu việc làm, sàn giao dịch việc làm hoạt động trong vùng.

Chính quyền các tỉnh liên kết với các tỉnh khác, đặc biệt ở khu vực Đông Nam Bộ để giới thiệu những cơ hội việc làm cho LĐNT ở địa phương mình.

Giải quyết việc làm cho LĐNT ở ĐBSCL là một yêu cầu cấp thiết nhằm đảm bảo sự ổn định bền vững ở nông thôn cũng như cả vùng. Tuy nhiên, vấn đề này đang gặp khó khăn và phải đối mặt với nhiều thách thức, đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ, toàn diện. Những quan điểm, định hướng chính sách nêu trên là những gợi ý để chính quyền các địa phương xem xét, xây dựng những chính sách cụ thể nhằm giải quyết hiệu quả vấn đề trên ■

(1) <https://vietnam.unfpa.org/vi/news-2019>

(2) <http://www.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/nong-thon-phai-la-nen-tang-phat-trien-dat-nuoc>

(3) Ban Chỉ đạo tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương: *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, Nxb Thống kê năm 2019, tr.17

(4) <https://dangcongsan.vn/kinh-te/giai-phap-cap-nuoc-nong-thon-cho-vung-dong-bang-song-cuu-long>

(5),(6),(12) Tổng cục thống kê: *Niên giám thống kê năm 2019*, Nxb Thống kê, 2020, tr.172, 173, 168-169

(7) World Bank. 2010. Economics of Adaptation to Climate Change: Vietnam. Working paper. World Bank Group. Washington.

(8) <http://ihrce.org.vn/Tac-dong-cua-bien-doi-khi-hau-doi-voi-san-xuat-nong-nghiep-o-dong-bang-song-Cuu-Long-8.html>

(9) <https://vovworld.vn/vi-VN/chuyen-cua-lang/giai-phap-phat-trien-nong-nghiep-ung-pho-voi-han-man-vov>.

(10) <https://dangcongsan.vn/kinh-te/-dong-bang-song-cuu-long-se-khong-con-la-vung-trung>.

(11) Tổng cục thống kê: *Kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2018*, Nxb Thống kê năm 2019, tr.121 -123.

(13) <http://vusta.vn/chitiet/tin-tuyen-sinh-dao-tao/Quy-hoach-phat-trien-cong-nghiep-vung-Dong-bang-song-Cuu-Long->

(14) <http://vinanet.vn/cong-nghiep-cha/khu-cong-nghiep-vung-dbscl-chua-hap-dan-nha-dau-tu>

(15),(17) Tổng cục thống kê: *Niên giám thống kê năm 2018*, Nxb Thống kê, 2019, tr 210, 417.

(16) <https://baocantho.com.vn/go-kho-von-tin-dung-cho-doanh-nghiep-dong-bang-song-cuu-long>

(18) <https://baodansinh.vn/du-lich-lang-nghe-o-dong-bang-song-cuu-long>

(19) <http://molisa.gov.vn/Pages/tintuc>.

(20) [baodansinh.vn/nhieu-giai-phap-thuc-day-dua-nguoi-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-tai-cac-tinh-dbscl](http://baodansinh.vn/nhieu-giai-phap-thuc-day-dua-nguoi-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-tai-cac-tinh-dbscl)

(21) <https://msn.com/vi-vn/news>.

(22),(23) <http://dangcongsan.vn/kinh-te/tren-156-ty-usd-von-dau-tu-nuoc-ngoai-va-o-dong-bang-song-cuu-long>

(24) Nguyễn Thị Thu Hiền: *Báo cáo thực trạng và cơ hội việc làm cho phụ nữ nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long*, 2019.

# QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VỀ KHAI THÁC TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH VIỆT NAM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ<sup>(\*)</sup>

ThS PHAN THỊ KIM PHƯƠNG

ThS NGUYỄN VĂN TUẤN

Học viện Chính trị khu vực II

• **Tóm tắt:** Trong sự phát triển, tiềm năng của Du lịch Việt Nam (DLVN) là hết sức to lớn, nhưng qua thực tế cho thấy những gì mà ngành DLVN đạt được vẫn còn khiêm tốn chưa thực sự tương xứng với tiềm năng của đất nước. Khi Việt Nam hội nhập quốc tế ngày càng sâu và toàn diện, các mối quan hệ song phương, đa phương trong kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường là cơ hội đồng thời cũng là thách thức lớn cho DLVN trong quá trình phát triển. Đi liền với hợp tác là cạnh tranh. Cạnh tranh quốc gia, nhất là giữa các quốc gia trong cùng khu vực đang ngày càng trở nên gay gắt hơn. Do đó, yêu cầu tái cơ cấu ngành DL theo đúng tinh thần Nghị quyết 08 của Bộ Chính trị và Luật DL... phải được thực hiện khẩn trương để khắc phục các hạn chế nội tại, khai thác tiềm năng DL một cách hiệu quả, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của DLVN trên bản đồ DL thế giới.

• **Từ khóa:** Tiềm năng du lịch, hội nhập quốc tế, Việt Nam, cơ hội, thách thức

## 1. Đặt vấn đề

Ngày nay, hội nhập quốc tế trở thành xu thế không thể thiếu không chỉ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, ngoại giao mà còn đối với sự phát triển của ngành DL. Trong những năm gần đây, ngành DLVN đã có những bước tiến rõ rệt, tốc độ tăng trưởng số lượng du khách nội địa cũng như du khách quốc tế liên tục đạt mức cao. Ngành DL ngày càng thể hiện vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế quốc gia và đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, cải thiện đời sống của người dân. Kinh doanh DL được coi là một ngành “công nghiệp không khói” và giữ vai trò quan

trọng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội quốc gia. Mặc dù vậy, ngành DL vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế, tiềm năng chưa được khai thác một cách hiệu quả, các hình thức DL còn đơn sơ, lạc hậu chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của khách DL. Chính vì vậy, để duy trì sự phát triển của ngành DL cũng như tạo được vị thế của DLVN trên bản đồ DL thế giới, cần phải có những cơ sở pháp lý rõ ràng, chiến lược phát triển chặt chẽ, hiệu quả để nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp kinh doanh DL trong nước cũng như tạo tâm lý an toàn, thoải mái cho du khách.

Mặt khác, nước ta là một nước đang phát triển, ngành DL còn non trẻ thì hội nhập là con đường tốt nhất để rút ngắn sự tụt hậu, thiếu chuyên nghiệp so với các nước lâu đời làm DL và tạo điều kiện để phát huy những lợi thế và khắc phục những yếu kém trong phân công lao động và hợp tác quốc tế. Vấn đề cần cân nhắc ở đây không phải việc ngành DL có hội nhập hay không mà cách thức và tiến trình thực hiện như thế nào để tận dụng được lợi thế một cách tốt nhất. Chính vì vậy, việc tìm hiểu nghiên cứu quan điểm của Đảng và Nhà nước về khai thác tiềm năng phát triển DL để hội nhập quốc tế về DL tại Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng, qua đó có thể khắc phục những điểm yếu hiện nay và nắm vững cơ sở nhằm phát triển DLVN lên tầm cao mới.

## **2. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế**

Nhận định phát triển DL sẽ phát huy được lợi thế quốc gia, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương mạnh mẽ và nâng lên tầm cao mới cho ngành này tại Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển DL trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nghị quyết số 08-NQ/TW đã xác định đất nước ta có nhiều tiềm năng và dư địa để phát triển DL trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tuy nhiên thực trạng phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và nguyên nhân chủ yếu là do các cấp, các ngành chưa coi DL là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Vì vậy, ngoài các quan điểm chỉ đạo tập trung phát triển DL như một ngành kinh tế tuân thủ các quy luật kinh tế thị trường, Nghị quyết thể hiện sâu sắc quan điểm chỉ đạo phát triển DL là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, lãnh đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng, quản lý thống nhất của Nhà nước với động lực phát triển từ doanh nghiệp và cộng đồng dân cư. Với quan điểm như vậy, Nghị quyết xác lập mục tiêu đến năm 2020

về cơ bản DLVN trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đón được 17-20 triệu lượt khách quốc tế, thu hút 82 triệu lượt khách nội địa, đóng góp trên 10% GDP, tổng thu từ khách DL đạt 35 tỷ USD, giá trị xuất khẩu thông qua DL đạt 20 tỷ USD, tạo ra trên 4 triệu việc làm trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp. Nghị quyết cũng chỉ rõ 08 nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm để đẩy mạnh phát triển DL trong tình hình mới với nhiều nội dung vừa mang tính chỉ đạo định hướng, vừa mang tính tháo gỡ vướng mắc tồn tại từ nhiều năm để tạo điều kiện thuận lợi cho DL phát triển, bao gồm: (1) Đổi mới nhận thức, tư duy về phát triển DL; (2) Cơ cấu lại ngành DL đảm bảo tính chuyên nghiệp, hiện đại và phát triển bền vững theo quy luật kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế; (3) Hoàn thiện thể chế, chính sách; (4) Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật DL; (5) Tăng cường xúc tiến quảng bá DL; (6) Tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và cộng đồng phát triển DL; (7) Phát triển nguồn nhân lực DL; (8) Tăng cường năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Để sớm đưa Nghị quyết của Bộ Chính trị vào cuộc sống, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 06-10-2017 về Chương trình hành động của Chính phủ để thực hiện các mục tiêu đưa DL trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Nghị quyết đã đề ra 15 nhiệm vụ, đề án giao cho các Bộ, ngành, địa phương phối hợp thực hiện, trong đó ngành DL được giao chủ trì thực hiện trước 6 đề án, bao gồm: cơ cấu lại ngành DL, xây dựng chiến lược phát triển ngành trong tình hình mới, thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển DL, ứng dụng tổng thể công nghệ thông tin (CNTT) gắn với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, nâng cao hiệu quả công tác quảng bá xúc tiến DL và khai thác các giá trị di sản văn hóa, lịch sử phục vụ phát triển DL.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, ngành DL

nỗ lực phát huy nội lực, tăng cường liên kết, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương, đẩy mạnh phối hợp công - tư để vừa bảo đảm được kế hoạch tăng trưởng, vừa thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm theo đúng tiến độ, yêu cầu. Đối với các đề án trọng tâm được Chính phủ giao, ngành DL đã báo cáo, trình Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt 04 đề án, bao gồm:

*Thứ nhất*, đề án Cơ cấu lại ngành DL đáp ứng yêu cầu phát triển thành ngành kinh tế mũi nhọn: trên cơ sở đánh giá các yếu tố thực trạng, đề án đã đề xuất cơ cấu lại các thị trường trọng điểm, hệ thống sản phẩm DL, nguồn lực đầu tư phát triển, nguồn nhân lực, hệ thống doanh nghiệp và hệ thống quản lý ngành phù hợp với quan điểm, bối cảnh phát triển mới.

*Thứ hai*, đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển DL: đề xuất cụ thể nguồn, mô hình quản lý và nguyên tắc hoạt động của Quỹ phù hợp với các quy định hiện hành để bảo đảm nguồn lực hỗ trợ các hoạt động quảng bá xúc tiến, phát triển sản phẩm, đào tạo nhân lực, quản lý tốt điểm đến DL để đáp ứng yêu cầu phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh của DLVN.

*Thứ ba*, đề án tổng thể ứng dụng CNTT trong lĩnh vực DL: trên cơ sở xu thế phát triển ứng dụng công nghệ viễn thông và điều kiện hạ tầng về CNTT, đề án đề xuất các giải pháp tổng thể tăng cường liên kết 4 trụ cột trong các hoạt động DL: khách DL, doanh nghiệp DL, điểm đến DL và cơ quan quản lý nhằm tạo ra hiệu ứng đồng bộ trong việc thông tin, quảng bá, phát triển sản phẩm và hiệu quả quản lý để nâng cao khả năng đáp ứng, chất lượng dịch vụ và năng lực cạnh tranh trong hoạt động DL.

*Thứ tư*, đề án Nâng cao năng lực quảng bá, xúc tiến DL: trên cơ sở thực trạng và yêu cầu đổi mới, đề án đã đề xuất thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả hoạt động quảng bá xúc tiến, từ phối hợp công

tư huy động nguồn lực đến đổi mới tổ chức, quản lý sử dụng công nghệ mới, công cụ đa phương tiện để quảng bá xúc tiến DL, nâng cao khả năng cạnh tranh thu hút khách quốc tế đến Việt Nam DL. Đối với Đề án Chiến lược phát triển DLVN đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2045: được thực hiện trong năm 2019 sẽ đặt ngành DL trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, xây dựng mục tiêu phát triển mới để đáp ứng yêu cầu phát triển của Đảng, Nhà nước và kỳ vọng của nhân dân, lập kế hoạch thực hiện hệ thống các giải pháp đồng bộ để tăng cường đổi mới, thúc đẩy sự phát triển của ngành, thích ứng với điều kiện của đất nước trong quá trình hội nhập quốc tế cũng như ứng phó với biến đổi khí hậu

### 3. Các vấn đề đặt ra cho việc khai thác tiềm năng du lịch Việt Nam

**Công tác khai thác tiềm năng sản phẩm du lịch:** Mặc dù tiềm năng rất lớn với nhiều danh lam thắng cảnh, di tích đặc sắc nhưng ngành DLVN chưa tạo được điểm đến thực sự nổi trội, chưa tạo ra được biểu tượng đặc trưng, cũng như sự khác biệt để cạnh tranh với các địa điểm DL ở các nước trên thế giới. Việc phát triển các sản phẩm DL còn mang tính tự phát, manh mún, chưa thực sự dựa trên nhu cầu thị trường cũng như chưa được đầu tư để phát triển thành các khu DL, điểm DL lớn, có chất lượng cao. Mặt khác, việc khai thác tài nguyên DL hiện nay quan tâm nhiều vào lợi ích kinh tế trước mắt mà chưa chú trọng vào sự bền vững của các sản phẩm DL. Bên cạnh sự phát triển của ngành DL là những lo ngại về sự đe dọa môi trường và sự cạn kiệt nguồn tài nguyên. Các chất thải từ hoạt động DL ngày càng tăng nhanh trên phạm vi toàn quốc, nhất là ở các vùng trọng điểm phát triển DL, cảnh quan nhiều khu vực bị xâm hại nghiêm trọng.

**Công tác xúc tiến, quảng bá để khai thác tiềm năng du lịch:** Trong những năm gần đây, ngành DL đã tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh.

Các hoạt động liên kết cùng địa phương trong quảng bá hình ảnh DL ngày càng được quan tâm và phát triển mạnh mẽ. Không những thế, ngành DL cũng đã hướng đến các hoạt động xúc tiến, quảng bá ở các nước được cho là tiềm năng như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc,... với sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về DL và các công ty lữ hành, kinh doanh DL. Tuy vậy, những hoạt động này vẫn chưa đạt được kết quả như mong muốn. Hạn chế lớn nhất đối với các hoạt động xúc tiến và quảng bá của ngành DLVN là thiếu nguồn kinh phí và chưa có những sản phẩm mang tính đặc trưng rõ nét.

**Hoạt động đầu tư cho khai thác tiềm năng du lịch:** Việt Nam đã và đang thu hút tốt vốn đầu tư, nhưng DL vẫn còn không ít rào cản, trong đó trở ngại lớn nhất của DLVN chính là ở nút thắt cơ sở hạ tầng. Hạ tầng cơ sở tại các khu vui chơi, các điểm DL cũng là một hạn chế lớn đối với ngành DLVN. Nhà hàng cũng là vấn đề lớn của DLVN. Chúng ta thiếu nhà hàng phục vụ cho từng dạng du khách. Ví dụ, thị trường khách DL theo đạo Hồi rất lớn từ Malaysia, Indonesia, Ấn Độ... họ không đến Việt Nam vì không có nhà hàng với các món ăn của họ.

**Nguồn nhân lực cho khai thác tiềm năng du lịch:** Bên cạnh việc thiếu kinh nghiệm và kỹ năng cung cấp dịch vụ, thì rào cản ngôn ngữ cũng là một trở ngại khác mà cả lao động DL và khách DL phải đối mặt. Vì hầu hết khách DL không nói tiếng Việt, nên ngôn ngữ chung tiếp theo để giao tiếp sẽ là tiếng Anh. Tuy nhiên, hầu hết người Việt phục vụ ít nói được tiếng Anh, và do đó họ không thể giao tiếp trôi chảy. Do đó, có thể có sự hiểu lầm cho khách DL, trong khi người Việt địa phương không hiểu những gì khách DL yêu cầu và do đó nhầm lẫn. Nguyên nhân thì có nhiều, tuy nhiên phần lớn là do việc đào tạo trong ngành chưa đủ thực tế, chưa bám theo nhu cầu chính yếu của thị trường. Chính vì

vậy, trong xu hướng đầu tư ngày càng tăng đối với các nhà hàng, khách sạn, resort 5 sao như hiện nay, thị trường nhân lực của Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị “chiếm dụng” từ nguồn nhân lực các nước trong khu vực như Thái Lan, Singapore, Malaysia...

**Tác động của hội nhập quốc tế với sự khai thác tiềm năng du lịch:** Hội nhập quốc tế làm gia tăng sức ép cạnh tranh cho kinh tế DL của các quốc gia: Cạnh tranh là một yếu tố tất yếu của nền kinh tế thị trường và nó càng được đẩy lên cao hơn trong bối cảnh hội nhập quốc tế - khi mà kinh tế DL được đặt chung trong một thị trường ở vị trí ngang hàng giữa các quốc gia đang phát triển và các quốc gia phát triển. Các sản phẩm DL ở một số quốc gia chưa phát triển về kinh tế DL có nguy cơ bị lấn át trước các sản phẩm đã có thương hiệu trên thế giới, điều này khiến các quốc gia này rơi vào thế nguy hiểm, đòi hỏi phải có tiềm lực tự thân rất lớn về chất lượng nguồn nhân lực cùng các điều kiện về vốn, hạ tầng DL và sự phát triển đồng đều của nhiều ngành liên quan khác như giao thông vận tải, văn hóa... để phục vụ cho DL phát triển.

**Đảm bảo môi trường cho khai thác tiềm năng du lịch:** Môi trường DL trên phạm vi cả nước đã có sự suy thoái do phát triển công nghiệp, DL tràn lan, cùng với nuôi trồng thủy sản bất hợp lý; dân số tăng và nghèo đói; cộng với thể chế, chính sách còn bất cập. Rác thải công nghiệp, sinh hoạt chưa qua xử lý xả thẳng ra môi trường đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường sinh thái và cảnh quan tự nhiên. Nhiều địa phương, DL sinh thái phát triển quá “nóng” quy hoạch bất hợp lý, mang tính mùa vụ đã gây ra những tác động tiêu cực về môi trường, cảnh quan. Các cơ chế quản lý DL chưa được vận hành đầy đủ, đồng bộ, còn chông chéo giữa các bộ ban ngành gây ra những khó khăn trong khâu quy hoạch, quản lý cũng như xử lý các hoạt động vi phạm.

**An ninh, an toàn trong phát triển du lịch:**

Việc quản lý điểm đến chưa thống nhất giữa chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng chuyên ngành về DL, môi trường, văn hóa, xã hội, an ninh, trật tự... dẫn tới sự thiếu trách nhiệm và bỏ trống trách nhiệm giữa các bên trong giải quyết, ứng phó và kiểm soát môi trường, an toàn, vệ sinh, trật tự, văn minh trong kinh doanh và ứng xử DL. Hậu quả dẫn tới hình ảnh điểm đến DL bị phương hại. Nhiều dịch vụ phục vụ DL như điểm mua sắm, điểm dừng chân, nhà hàng ăn uống, vận chuyển tham gia tích cực phục vụ khách DL, tạo ra chất lượng sản phẩm DL chung nhưng nằm trong hệ thống quản lý đa ngành và chưa có cơ chế phối hợp kiểm soát chặt chẽ, do vậy còn nhiều hoạt động kinh doanh dịch vụ thiếu chất lượng, mang tính chộp giật.

**Quản lý nhà nước cho khai thác tiềm năng du lịch:** Hiệu lực quản lý nhà nước về DL còn thấp. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về DL thiếu ổn định; chưa chú trọng hoàn thiện hệ thống chính sách phát triển DL, đặc biệt là hệ thống văn bản pháp quy hướng dẫn chi tiết thi hành Luật DL. Việc tách ra và sáp nhập ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình đồng bộ hóa văn bản quy phạm pháp luật quản lý Nhà nước của ngành. Vai trò của Ban Chỉ đạo nhà nước về DL ở Trung ương và địa phương trong phối hợp giữa các cấp, các ngành thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược, quy hoạch phát triển DL và hợp tác quốc tế chưa được phát huy đầy đủ. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn thi hành, chiến lược, quy hoạch, các chương trình, đề án, dự án được xây dựng khá nhiều nhưng việc triển khai còn thiếu tính khả thi do thiếu nguồn lực và cơ chế phù hợp, mục tiêu còn dàn trải, chồng chéo và duy ý chí.

**Kết luận**

Xu thế hội nhập trong giai đoạn hiện nay là một tất yếu và tối quan trọng, bởi vì không

một quốc gia nào có thể tự phát triển mà không cần đến các quan hệ với thế giới bên ngoài. DL là ngành kinh tế được Đảng và Nhà nước ta xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, tập trung quan tâm phát triển. Bản thân DL là ngành kinh tế mang nhiều yếu tố quốc tế và hội nhập. Trong quá trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế DLVN trên cơ sở phát huy tiềm năng vốn có, những thế mạnh tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn, kinh nghiệm và thành tựu kinh tế chính trị xã hội sau 18 năm đất nước tiến hành đổi mới đã đạt được những thành công đáng kể từng bước nâng cao vị thế của DLVN trong khu vực và trên trường quốc tế. Sức mạnh cạnh tranh của DLVN hiện nay còn nhiều yếu kém và những thách thức đặt ra cho sự phát triển DL trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế. Cần vai trò chủ động của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mở rộng hơn các quy định, pháp chế để tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh DL trong và ngoài nước ■

**Tài liệu tham khảo:**

1. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, (2014), Báo cáo chuyên đề: Du lịch Việt Nam, thực trạng và giải pháp phát triển, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Hiếu (2017), Đa dạng sinh học ở Việt Nam, thực trạng và thách thức, Đại học tài nguyên và môi trường Hà Nội.
3. Nhật Nam (2019), Nhân lực ngành du lịch: Cầu tăng, cung chưa đáp ứng, <http://baochinhphu.vn/Du-lich/Nhan-luc-nganh-du-lich-Cau-tang-cung-chua-dap-ung/371455.vgp>.
4. Diệu Thúy (2019), Du lịch Việt Nam vinh dự được đề cử tại 6 hạng mục “Hàng đầu thế giới”, <https://www.qdnd.vn/xa-hoi/du-lich/du-lich-viet-nam-vinh-du-duoc-de-cu-tai-6-hang-muc-hang-dau-the-gioi-591509>.
5. Hải Vân (2019), 9 khu dự trữ sinh quyển của Việt Nam được UNESCO công nhận, <https://baomoi.com/9-khu-du-tru-sinh-quyen-cua-viet-nam-duoc-unesco-cong-nhan/c/31556636.epi>.
6. VietNam plus (2016) “Việt Nam đầu tư rất “khiêm tốn” cho quảng bá du lịch” <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Du-lich/837116/viet-nam-dau-tu-rat-khiem-ton-cho-quang-ba-du-lich>.

\* Trích từ kết quả đề tài “Khai thác tiềm năng phát triển du lịch ở tỉnh Đồng Nai trong hội nhập quốc tế”.



# NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, TỔNG KẾT THỰC TIỄN NHẪM HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY Ở CÁC TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CỤM THI ĐUA SỐ 09

✦ **ThS HỒ THANH HẢI**

*Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang*

• **Tóm tắt:** Muốn dạy tốt phải nghiên cứu khoa học (NCKH) tốt, muốn nâng cao chất lượng giảng dạy, phải nâng cao chất lượng NCKH, tổng kết thực tiễn (TKTT). NCKH, TKTT là con đường ngắn nhất để bổ sung, hoàn thiện tri thức và tham gia các hoạt động tạo ra tri thức mới, giá trị mới.

• **Từ khóa:** Nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn, giảng dạy, trường chính trị

## 1. Vai trò của nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn với việc nâng cao chất lượng giảng dạy

Tùy theo cách tiếp cận, góc nhìn khác nhau, hiện có nhiều định nghĩa khác nhau về NCKH. Ở bài viết này, chúng tôi chọn cách hiểu: “NCKH là hoạt động khám phá, phát hiện, tìm hiểu bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng tự nhiên, xã hội và tư duy; sáng tạo giải pháp nhằm ứng dụng vào thực tiễn”<sup>(1)</sup>.

Hiện nay cũng đang có nhiều cách định nghĩa khác nhau về TKTT. Chúng tôi chọn cách hiểu: “TKTT là một cấu phần trong công tác nghiên cứu lý luận của Đảng, nhằm kiểm nghiệm các tri thức lý luận đã có, đồng thời thu thập, bổ sung những tri thức thực tiễn mới vào hệ thống lý luận của Đảng”<sup>(2)</sup>.

NCKH, TKTT tạo cơ sở, điều kiện, tiền đề để thực hiện tốt hoạt động giảng dạy. Hoạt

động giảng dạy phản ánh kết quả hoạt động NCKH, TKTT. Vai trò của NCKH, TKTT đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên thể hiện ở các phương diện:

*Thứ nhất*, NCKH, TKTT giúp giảng viên có điều kiện nắm bắt chặt chẽ kiến thức chuyên môn mà mình đang trực tiếp giảng dạy, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung kiến thức lý luận chưa chính xác trong bài giảng; giúp giảng viên củng cố kiến thức chuyên môn, mở rộng kiến thức liên ngành.

*Thứ hai*, NCKH, TKTT góp phần phát triển tư duy, năng lực sáng tạo, khả năng làm việc độc lập, trau dồi tri thức và các phương pháp nhận thức khoa học của giảng viên, hình thành ở giảng viên những phẩm chất của nhà nghiên cứu. Qua NCKH, tổng kết thực tiễn giúp giảng viên rèn luyện và phát triển thêm tư duy độc lập, “tư duy phản biện”, biết bảo vệ lập trường khoa học của mình.

Bên cạnh đó, quá trình này giúp giảng viên tự phát triển và hoàn thiện hơn các kỹ năng cần thiết trong giảng dạy, nghiên cứu, TKTT. Đây là những phẩm chất đòi hỏi giảng viên trường chính trị tỉnh cần phải có.

*Thứ ba*, NCKH, TKTT tăng thêm sự hiểu biết về ngành nghề - kiến thức liên ngành, góp phần hình thành tình cảm nghề nghiệp cho giảng viên. Đây là điều cần thiết và quan trọng trong quá trình giảng dạy - hoạt động chuyên môn của giảng viên. Năng lực chuyên môn của giảng viên thể hiện thông qua chất lượng giảng dạy, NCKH, TKTT. Vì vậy, nếu giảng viên không có kết quả NCKH tốt thì không thể coi là giảng viên có năng lực chuyên môn tốt.

## **2. Một số tồn tại, hạn chế trong hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 hiện nay**

Hoạt động NCKH, TKTT của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 thời gian qua đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng của các trường chính trị Cụm thi đua số 09, tuy nhiên ở bài viết này, chúng tôi chỉ tập trung phân tích, nhận diện những tồn tại, hạn chế để làm căn cứ, cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp trong thời gian tới. Những nhận định, đánh giá dưới đây được đưa ra trên cơ sở phân tích *Báo cáo tổng kết năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ năm 2020* của các trường chính trị Cụm thi đua số 09; các ý kiến phát biểu tại Hội nghị tổng kết năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ năm 2020 các trường chính trị Cụm thi đua số 09 tổ chức tại Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang; tổng hợp, chất lọc các bài tham luận và phát biểu tham luận của đại diện các trường chính trị Cụm thi đua số 09 tại Hội thảo “*Nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường chính trị khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*”, tổ chức tại Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang; Kỷ yếu Hội thảo khoa học các trường chính trị khu vực Nam sông Hậu, chủ đề “*Nâng cao chất lượng quản lý đào tạo các trường chính trị khu vực Nam sông Hậu*” tổ chức tại Trường

Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu năm 2020. Cụ thể có một số tồn tại, hạn chế sau:

*Thứ nhất*, tính mới, tính ứng dụng trong một số công trình NCKH của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 còn hạn chế. Các đề tài khoa học mang tính nghiên cứu chuyên sâu, có “tâm cỡ” phục vụ hoạt động TKTT, đề xuất giải pháp, kiến nghị, đề án phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của địa phương, của tỉnh, nhiệm vụ chính trị của các trường chưa nhiều, đặc biệt là đề tài khoa học cấp tỉnh, cấp bộ, ngành. Thời gian qua, hầu hết các đề tài NCKH của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 thiên về lý luận thuần túy, thiếu tính thực nghiệm, vai trò TKTT, bổ sung lý luận không cao. Nhiều bài viết, công trình NCKH của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 chưa trung thực trong việc trích nguồn khoa học.

*Thứ hai*, các công trình đăng ở các cuộc hội thảo cấp tỉnh, cấp nhà nước, báo, bản tin, tạp chí in và điện tử Trung ương, tạp chí khoa học có mã số ISSN và ISI, báo, tạp chí quốc tế còn hạn chế. Nói cách khác, NCKH, TKTT của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 thời gian qua chủ yếu tập trung ở “sân nhà”, chưa có nhiều giảng viên tham gia những “sân chơi khoa học lớn”, có uy tín cao về mặt khoa học ở trong nước và quốc tế.

*Thứ ba*, nhiều bài viết, sản phẩm nghiên cứu của giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 thời gian qua có chất lượng khoa học chưa cao, giảng viên viết bài nghiên cứu, tham gia TKTT, thực hiện đề tài khoa học cấp trường, cấp tỉnh thường chọn những chủ đề mà bản thân, đơn vị mình có lợi thế - thuận lợi về nguồn tài liệu, những đề tài có tính cấp thiết cần được TKTT kịp thời, cần tính thực nghiệm cao xuất phát từ nhiệm vụ chính trị địa phương, của trường chưa được quan tâm thực hiện kịp thời. Những tồn tại, hạn chế này một phần do công tác định hướng, thẩm định, đánh giá, tuyển chọn, nghiệm thu đề tài, bài viết khoa học của một số trường chính trị Cụm thi đua số 09 thời gian qua còn những hạn chế, bất cập: thẩm định, đánh giá,

tuyển chọn, nghiệm thu đề tài, bài viết được thực hiện theo phương thức vòng tròn khép kín nội bộ mỗi trường: từ sản phẩm khoa học được đưa ra thẩm định, đánh giá, tuyển chọn, nghiệm thu, cho đến chủ thể tạo ra các sản phẩm khoa học, chủ thể được trao quyền tuyển chọn, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu sản phẩm khoa học đều là người của trường, nên tình trạng nể nang, dễ dãi, ưu tiên, thiên vị, vi phạm nguyên tắc: “lấy chân lý khoa học - tính hiệu quả của sản phẩm khoa học” làm căn cứ, tiêu chí hàng đầu trong tuyển chọn, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu sản phẩm khoa học.

*Thứ tư*, chất lượng, khả năng NCKH, TKTT của đội ngũ giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 hiện nay chưa đồng đều, chưa có đông đảo đội ngũ các nhà khoa học, nhà nghiên cứu thực sự năng động, tiên phong trong các hoạt động tìm tòi, khai phá những lĩnh vực nghiên cứu mới đem lại giá trị khoa học cao, có tính đột phá, nhất là những NCKH thực nghiệm, TKTT có hệ thống, ngược lại chủ yếu mới dừng lại ở mức mô tả, liệt kê, kế thừa, hoặc nghiên cứu và vận dụng tri thức khoa học của người khác vào những lĩnh vực cụ thể mà cá nhân, đơn vị mình đang phụ trách.

### **3. Giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 thời gian tới**

*Thứ nhất, nâng cao nhận thức của giảng viên về vị trí, vai trò, ý nghĩa của hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn*

Chất lượng NCKH, TKTT trước hết chịu ảnh hưởng bởi nhận thức, thái độ, trách nhiệm, tính chủ động của giảng viên đối với nhiệm vụ NCKH, TKTT.

Nhận thức đúng, thái độ đúng là cơ sở cho những hành động đúng. Tuy nhiên, nhận thức là một quá trình, hành động theo nhận thức ấy hay không là quá trình khác. Những giảng viên sợ khổ, thiếu kinh nghiệm, thiếu kỹ năng NCKH, TKTT thì việc biến nhận thức đúng thành hành động đúng mang lại kết

quả cao trong thực tiễn là một khoảng cách lớn. Những nhận thức tích cực của giảng viên về nhiệm vụ NCKH, TKTT chỉ được thừa nhận thông qua những hành động, việc làm cụ thể. Vì vậy, giảng viên phải coi năng lực NCKH, TKTT là một tiêu chí - thước đo năng lực chuyên môn của giảng viên, là một giá trị thuộc về lòng tự trọng và “danh dự nghề nghiệp” của bản thân để từ đó thôi thúc giảng viên tích cực tham gia NCKH, TKTT thông qua việc thường xuyên đề ra cho bản thân những mục tiêu, kế hoạch hoạt động NCKH cụ thể theo từng năm, từng giai đoạn, từng nhiệm vụ cụ thể.

*Thứ hai, nâng cao kỹ năng nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn của đội ngũ giảng viên*

Năng lực NCKH hạn chế, thiếu phương pháp, thiếu kỹ năng NCKH là vật cản lớn đối với đam mê NCKH, TKTT. Để khắc phục tình trạng này, một mặt giảng viên phải tự mình tìm cách bước qua vật cản đó. Để làm được điều này, không còn con đường nào khác, ngoài việc tích cực học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, phương pháp, kỹ năng NCKH. Học hỏi không chỉ thực hiện thông qua việc trao đổi giữa giảng viên trong trường với nhau, mà cần phải mở rộng học hỏi, trao đổi với những người có nhiều kinh nghiệm NCKH trong hệ thống các trường chính trị, học viện, các nhà khoa học, nhà nghiên cứu thuộc các ngành, lĩnh vực khác. Giảng viên phải biết tự “tìm thầy” cho mình trong lĩnh vực NCKH. Mặt khác, các trường chính trị Cụm thi đua số 09 cần chủ động, tạo điều kiện để cán bộ, viên chức được tham gia các lớp tập huấn xây dựng định hướng nghiên cứu, đề cương NCKH, tạo điều kiện để giảng viên trẻ được tham gia thực hiện các đề tài cấp trường, cấp tỉnh với những người có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu. Giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ phải mạnh dạn trong các hoạt động liên quan đến NCKH, TKTT, từ đó chủ động trải nghiệm, bổ sung, tích lũy kinh nghiệm NCKH, TKTT; tránh tình trạng thiếu tự tin, thiếu trung thực, sợ khổ, sợ cái mới trong NCKH.

*Thứ ba, tiếp tục xây dựng, đổi mới cơ chế hoạt động và cơ chế tài chính theo hướng tạo động lực thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn*

Trên cơ sở những quy chế, quy định của các cơ quan quản lý cấp trên về hoạt động khoa học, TKTT, các trường chính trị Cụm thi đua số 09 cần xem xét, rà soát lại các hệ thống quy chế, bổ sung các quy định cần thiết để xây dựng quy chế khoa học đồng bộ theo hướng đồng viên, tác động tích cực tới các hoạt động NCKH, TKTT của giảng viên.

Phải kiên quyết thực hiện một số quy định có tính ràng buộc hành chính, nhằm tạo động lực, tạo “cú hích” đối với nhận thức của giảng viên trong việc thực hiện nhiệm vụ NCKH, TKTT. Trên cơ sở quy chế của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, cụ thể hóa vào điều kiện, đặc thù riêng của mỗi trường chính trị để ban hành các quy định yêu cầu bắt buộc về số bài báo, tạp chí, bài hội thảo, Thông tin Lý luận và thực tiễn, Website, đề tài NCKH hằng năm đối với giảng viên theo vị trí, chức danh, học vị, kết hợp với công tác thi đua khen thưởng hợp lý.

Xây dựng quy chế thi đua, khen thưởng riêng đối với hoạt động NCKH. Công tác thi đua, khen thưởng phải động viên giảng viên được cả giá trị vật chất và giá trị tinh thần, cập nhật, tôn vinh, nêu gương điển hình kịp thời những cá nhân, tổ chức có nhiều đóng góp, nhiều thành tích tốt, nổi bật trong hoạt động NCKH, TKTT.

Tiếp tục tinh gọn các thủ tục trong quản lý hoạt động NCKH theo hướng giảm bớt các thủ tục không cần thiết, tránh chồng chéo về mặt thủ tục, đặc biệt là thủ tục liên quan đến đề tài NCKH cấp trường, cấp tỉnh; xây dựng cơ chế tài chính theo hướng tăng cường đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện cho hoạt động NCKH, như: nâng cao tỷ phần kinh phí hoạt động NCKH. Ngoài nguồn kinh phí lấy từ ngân sách, các trường cần trích lập một phần kinh phí tự chủ để đầu tư, hỗ trợ các hoạt động liên quan để NCKH, TKTT.

Đẩy mạnh các hoạt động, loại hình nghiên cứu thực tế, tăng cường liên kết giữa trường chính trị với các đơn vị cơ sở ở địa phương trong các hoạt động liên quan đến NCKH, TKTT. Các đề tài NCKH cấp tỉnh, cấp trường, bài viết TKTT có đối tượng, phạm vi nghiên cứu ở địa phương rất cần có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa chủ thể nghiên cứu với đơn vị thuộc đối tượng, phạm vi, không gian nghiên cứu để thuận lợi trong việc khảo sát, điều tra xã hội học, thu thập thông tin, số liệu và việc vận hành, triển khai ứng dụng, thực nghiệm kết quả, mô hình nghiên cứu.

*Thứ tư, tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn theo hướng tăng cường kỷ cương, trách nhiệm*

Để hoạt động NCKH đảm bảo đúng định hướng, đem lại hiệu quả, chất lượng cao, phục vụ tốt nhiệm vụ nâng cao chất lượng giảng viên, chất lượng giảng dạy, TKTT, góp phần quan trọng hoàn thành nhiệm vụ chính trị chung của trường, phải tăng cường công tác định hướng và công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ NCKH, TKTT của cán bộ, viên chức nhà trường, trước hết là lực lượng giảng viên.

Ban Giám hiệu giao bộ phận tham mưu thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện đề tài khoa học với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo hoàn thành đúng thời gian quy định, có chất lượng tốt. Tránh tình trạng thiếu kiểm tra, giám sát, dẫn đến việc phân bổ thời gian thực hiện không đồng đều, chỉ tập trung đầu tư công sức, trí tuệ ở những ngày “nước rút” trước khi hết hạn nộp đề tài để nghiệm thu.

Đối với các bài viết của giảng viên gửi đăng báo, tạp chí, hội thảo khoa học, Thông tin Lý luận và thực tiễn, Website phải được kiểm duyệt kỹ lưỡng về nội dung lẫn hình thức, nhất là việc đảm bảo tính mới, tính ứng dụng của công trình, tránh tình trạng “đạo văn”. Việc trích dẫn nguồn khoa học phải được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định.

*Thứ năm, nâng cao chất lượng công tác định hướng, thẩm định, đánh giá, quản lý sản phẩm nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn theo hướng đồng bộ hóa*

Công tác định hướng hoạt động NCKH giúp hoạt động NCKH của giảng viên hướng đến phục vụ nhiệm vụ chính trị chung của trường chính trị: nâng cao chất lượng giảng viên, chất lượng giảng dạy, tham gia TKTT các hoạt động ở nhà trường, ở địa phương.

Việc định hướng hoạt động khoa học một mặt thông qua chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu các trường chính trị về công tác khoa học, ban hành các kế hoạch hoạt động khoa học; thông qua Hội đồng khoa học: xét duyệt tên đề tài, xét duyệt đề cương, nghiệm thu đề tài khoa học, thẩm định các bài viết đăng Thông tin Lý luận và thực tiễn, hội thảo khoa học, bài đăng Website...

Tổ chức thực hiện đề tài khoa học, hội thảo, tọa đàm khoa học, Thông tin Lý luận và thực tiễn, Website... cần có sự định hướng, phân công những chủ đề cụ thể đối với từng nhóm đối tượng viên chức, từng khoa, phòng nhằm giải quyết tốt nhất những nhiệm vụ chính trị của nhà trường, chuyên môn của các khoa, phòng.

Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác định hướng, cần tăng cường vai trò của Hội đồng khoa học trong công tác định hướng, thẩm định, đánh giá, quản lý sản phẩm khoa học. Hội đồng khoa học phải làm việc công tâm, khách quan, minh bạch trong các khâu thẩm định, đánh giá sản phẩm khoa học. Tránh tình trạng thiên vị, ưu tiên trong xét chọn, thẩm định, đánh giá, nghiệm thu sản phẩm khoa học.

*Thứ sáu, đẩy mạnh hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm nghiên cứu khoa học*

Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp, giao lưu, trao đổi kinh nghiệm liên quan đến các hoạt động NCKH giữa các trường chính trị tỉnh thuộc Cụm thi đua số 09: đẩy mạnh thực hiện các cuộc hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học cấp tỉnh, cấp khu vực mà đối tượng, thành phần mời viết bài và tham dự là

cán bộ, công chức, viên chức của các trường chính trị Cụm thi đua số 09. Từ đó giảng viên thường xuyên được tham gia các diễn đàn khoa học, trao đổi kinh nghiệm trong hoạt động NCKH.

Tóm lại, NCKH, TKTT là khâu then chốt để hiện thực hóa mục tiêu nâng cao chất lượng giảng dạy, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng ở các trường chính trị Cụm thi đua số 09 hiện nay. Nên giáo dục hiện đại đã và đang chuyển dịch theo hướng: người dạy vừa tham gia phổ biến, truyền thụ tri thức, vừa tích cực tạo ra tri thức mới, giá trị mới. Vì vậy, đội ngũ giảng viên các trường chính trị Cụm thi đua số 09 phải tăng cường hơn nữa hoạt động NCKH, TKTT, vì NCKH là con đường gần nhất, nhanh nhất để giảng viên bổ sung, hoàn thiện tri thức và tham gia vào các hoạt động tạo ra tri thức mới, giá trị mới ■

#### **Tài liệu tham khảo:**

1. Các trường chính trị Cụm thi đua số 09, *Báo cáo tổng kết năm 2019, phương hướng, nhiệm vụ năm 2020, Hậu Giang*.
2. Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang (2019), *"Nâng cao chất lượng dạy và học ở các trường chính trị khu vực Đồng bằng sông Cửu Long*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học cấp khu vực, Hậu Giang.
3. Trường Chính trị Châu Văn Đăng tỉnh Bạc Liêu (2020), *"Nâng cao chất lượng quản lý đào tạo các trường chính trị khu vực Nam sông Hậu"*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học các trường chính trị khu vực Nam sông Hậu, Bạc Liêu.
4. Đoàn Minh Huấn (2019), *"Tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận của Đảng - Thực trạng và những vấn đề đặt ra"*, <http://tuyengiao.vn/nguyen-cuu/ly-luan/tong-ket-thuc-tien-phuc-vu-nguyen-cuu-ly-luan-cua-dang-thuc-trang-va-nhung-van-de-dat-ra-118417>, thứ Tư, 23/01/2019 13:25' (GMT+7).
5. Hồ Thanh Hải - Chủ nhiệm đề tài (2019), *"Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên trường chính trị tỉnh Hậu Giang"*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Hậu Giang.

(1) Hồ Thanh Hải - Chủ nhiệm đề tài (2019), *"Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên Trường Chính trị tỉnh Hậu Giang"*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường, Hậu Giang

(2) Đoàn Minh Huấn (2019), *"Tổng kết thực tiễn phục vụ nghiên cứu lý luận của Đảng - Thực trạng và những vấn đề đặt ra"*, <http://tuyengiao.vn/nguyen-cuu/ly-luan/tong-ket-thuc-tien-phuc-vu-nguyen-cuu-ly-luan-cua-dang-thuc-trang-va-nhung-van-de-dat-ra-118417>, thứ Tư, 23/01/2019 13:25' (GMT+7)

# ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG VỚI KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH ĐÁP ỨNG KỊP THỜI NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH ĐỂ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

✦ ThS HÀ DUY TỊNH

Học viện Chính trị khu vực IV

• **Tóm tắt:** Phòng Công nghiệp Việt Nam phối hợp với Trường Chính sách công và quản lý Fulbright tổ chức lễ công bố báo cáo thường niên đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) năm 2020 với chủ đề “nâng cao năng lực cạnh tranh (NLCT) để phát triển bền vững”, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua và sẽ tạo động lực mới với khuyến nghị chính sách đáp ứng kịp thời nhằm phát triển kinh tế vùng ĐBSCL trong thời gian tới. Đây là báo cáo lần đầu tiên của Việt Nam được tổ chức tại Cần Thơ vừa qua với sự tham dự của các bộ, ban ngành cơ quan trung ương và các tỉnh, thành ĐBSCL.

• **Từ khóa:** đồng bằng sông Cửu Long, chính sách, năng lực cạnh tranh

## 1. Nhìn lại sự phát triển ở đồng bằng sông Cửu Long

Trong những năm qua ĐBSCL đã phấn đấu giảm thiểu đói nghèo, tuy nhiên mức sống của người dân không ổn định, tình trạng người dân di cư về các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) để tìm việc làm, do vậy trong mười năm (2009 - 2019) tốc độ tăng trưởng dân số của vùng chỉ là 0%. Dân số, theo số liệu điều tra năm 2019 toàn vùng với 17,3 triệu người so với 10 năm trước đó là 17,2 triệu người. Qua khảo sát của các nhà khoa học cho rằng hiện nay ĐBSCL có tới 1,1 triệu người rời khỏi quê hương bằng cách sống tha phương cầu thực, số lượng người này tương đương dân số của

một tỉnh trong vùng, đang là con số báo động trong việc chuyển dịch về nguồn nhân lực lao động. Điều này cho thấy ở ĐBSCL chưa phát triển các khu công nghiệp cho máy, việc thu hút nguồn nhân lực lao động cần được quan tâm, sự cạnh tranh còn thua xa với các vùng trong cả nước. Chính vì vậy, nhìn nhận 10 năm qua ở ĐBSCL trên bình diện về thu hút nguồn vốn đầu tư, phát triển kinh tế thủy sản và phát triển đô thị hóa ở Việt Nam cho thấy rằng sự phát triển với mức chậm rãi chưa đáp ứng kịp thời so với tiềm năng sẵn có. Trong khi đó thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào khu vực này trong giai đoạn vừa qua chỉ có 5,6% số dự án và 8,4% số vốn đăng ký của cả nước.

Qua đó cho thấy sự thu hút nguồn vốn chưa hấp dẫn so với các khu vực trong nước; phát triển kinh tế thủy sản, nguồn đầu tư vào nuôi cá, mua giống cá, thức ăn cho cá lâu nay xem ra người nông dân ĐBSCL đầu tư vào số tiền rất lớn nhưng lại rủi ro, nguyên do giá cả lên xuống bấp bênh nên có những doanh nghiệp thua lỗ, người dân nuôi cá nhất là cá tra lâm vào cảnh thiếu thốn nguồn vốn quay vòng để đầu tư phát triển thủy sản. Điều này cho thấy sự phát triển thủy sản ở khu vực này vẫn chưa bền vững. Hơn nữa đô thị gắn kết với hệ thống giao thông ở vùng này vẫn là thua kém so với các vùng trong cả nước, có thể thấy rõ nhất là hệ thống giao thông kết nối đô thị vẫn trong tình trạng hạn chế, phát triển đô thị khiêm tốn, hệ thống giao thông còn bất cập nên việc lưu thông kết nối giữa các vùng trong cả nước còn ách tắc. Do đó, Chính phủ mới đây đã và đang tích cực đầu tư vào tuyến cao tốc kết nối với TPHCM nhằm lưu thông hàng hóa ngày càng tốt hơn. Ngoài ra, còn hệ thống cảng biển luân chuyển hàng hóa bằng đường thủy vẫn chưa được luân chuyển thuận lợi. Theo nhận định của các nhà khoa học cho rằng hiện nay ĐBSCL vẫn là “vùng trũng” về đô thị hóa ở Việt Nam, qua thống kê dân số các tỉnh, thành trong vùng này chiếm 18% dân số so với cả nước trong giai đoạn 2009 - 2019, dân số thành thị ở ĐBSCL chỉ tăng 403 nghìn người, xấp xỉ 5,3% số tăng dân số thành thị so với cả nước. Chỉ số tỷ lệ đô thị hóa của toàn vùng cũng chỉ tăng nhẹ từ 22,8% lên 25,1% trong 10 năm qua, trong khi đó cả nước tăng từ 29,6% lên 34,4%. Do vậy, khoảng cách về dân số đô thị của ĐBSCL ngày một giãn ra so với cả nước hiện nay.

Mặt khác ĐBSCL những năm gần đây đây đối diện với nguy cơ sự đe dọa của nước biển xâm nhập mặn sâu vào đất liền gây ảnh hưởng đến diện tích đất sản xuất và nuôi trồng thủy sản, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của cư dân hiện nay. Bên cạnh việc nông dân tăng cường thâm canh 3 vụ trong năm cũng gây nên đất phù sa bạc màu, dinh dưỡng của

đất ngày càng suy kiệt. Chính vì lẽ vậy, sự quan tâm của nhà nước kịp thời về các vấn đề khô hạn, mặn xâm nhập, ngăn mặn, giữ gìn nguồn nước ngọt, tu dưỡng kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên nước. Các nhà khoa học cũng nhanh chóng tạo ra giống lúa mới chịu mặn thích nghi với điều kiện thổ nhưỡng trong quá trình biến đổi khí hậu ở ĐBSCL. Bên cạnh đó năm qua do ảnh hưởng của dịch Covid-19 gây thiệt hại trực tiếp đời sống hàng ngày của người dân, ĐBSCL chủ yếu khách du lịch nội địa nhưng mùa dịch cũng gây thiệt hại đến mức doanh thu của các doanh nghiệp và dịch vụ du lịch trong vùng. Qua khảo sát cho thấy khu vực ĐBSCL nguy cơ tụt hậu so với các tỉnh miền Đông Nam Bộ và TPHCM. Nếu so với quy mô mức chi tiêu và quy mô về dân số thì ĐBSCL tụt hậu so với TPHCM chỉ số quy mô thị trường với thu nhập của dân cư ĐBSCL bằng khoảng 60% TPHCM; quy mô thị trường tiêu dùng cả vùng ĐBSCL bằng tương đương 86% của thị trường thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Năng lực cạnh tranh đồng bằng sông Cửu Long so với cấp độ địa phương**

*Thứ nhất về hệ thống giao thông*, NLCT của ĐBSCL so với mức cấp độ địa phương thì vùng ĐBSCL cũng thật sự đáng quan tâm đến cơ sở hạ tầng, việc đầu tư cho phát triển giao thông chưa được tương xứng so với các vùng trong cả nước. Điều này rõ ràng trong hệ thống giao thông hiện nay kết nối với TPHCM và miền Đông Nam Bộ vẫn là hệ thống giao thông yếu kém dẫn đến sự mở mang giao lưu hàng hóa nông - thủy sản vô cùng hạn chế, được xem là điểm nghẽn trong nhiều năm qua. Cụ thể là đến nay ĐBSCL chỉ có 45 km đường cao tốc, chiếm khoảng 3% chiều dài đường cao tốc của cả nước. Giao thông đường thủy, tuy là vùng ĐBSCL có lợi thế về phát triển đường thủy để vận chuyển hàng hóa nhưng xem ra cũng chưa làm tốt hết tiềm năng sẵn có của hệ thống kết nối giao thông thủy để lưu thông hàng hóa

thuận lợi và giảm thiểu chi phí vận chuyển cho các doanh nghiệp khi vận chuyển hàng hóa đi đến các nước và TPHCM. Cần Thơ có cảng hàng không quốc tế nhưng công suất khai thác cũng chỉ mới chỉ đạt 25% trong bối cảnh hiện nay với hệ thống hàng không của cả nước.

*Thứ hai về lĩnh vực giáo dục phổ thông gắn với nguồn nhân lực*, NLCT lĩnh vực giáo dục phổ thông gắn với nguồn nhân lực của ĐBSCL sau mười năm rồi các nhà khoa học nhận định khu vực này vẫn nằm trong “vùng trũng về giáo dục”, hiện nay giáo dục vùng này chỉ bằng vùng Tây Nguyên, thua với các vùng khác trong cả nước. Nguyên do là tỷ lệ bỏ học cao, tỷ lệ đầu tư cho giáo dục thấp hơn nhiều so với bình quân của cả nước, cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển giáo dục còn hạn chế. Hệ thống giáo dục bậc đại học tại khu vực đã có nhiều trường thành lập đi vào hoạt động đào tạo nguồn nhân lực nhưng cơ hội việc làm lại ít ỏi, ĐBSCL chưa có chú trọng đến thu hút nguồn nhân lực lao động nhằm tạo cơ hội có việc làm cho nhiều người. Do vậy, nguồn nhân lực ở ĐBSCL có xu hướng đổ dồn về thành phố Hồ Chí Minh và miền Đông Nam Bộ. Không như vậy mà còn lao động có việc làm thông qua đào tạo cũng ở với mức thấp nhất cả nước chỉ có đạt 13,3% thấp hơn vùng Tây Nguyên và Trung du - miền núi phía Bắc.

*Thứ ba về lúa gạo và thủy sản*, ĐBSCL thuận lợi về sản xuất lúa gạo cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu, đồng thời với vai trò đảm bảo an ninh lương thực quốc gia. Giai đoạn 2009 - 2019 gia tăng gần 5%, trong đó giá trị xuất khẩu gia tăng lên tới 24% được xem là tín hiệu đáng vui mừng. Chất lượng gạo ngày càng được nâng cao cung cấp cho người tiêu dùng trong nước và thế giới. Gạo thơm ngon nhất thế giới đã và đang đem lại mặt hàng lúa gạo Việt Nam có uy tín trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên thị trường xuất khẩu gạo vẫn luôn cạnh tranh trên thị trường quốc tế và đối diện bất lợi về biến

đổi khí hậu, đất đai suy kiệt màu mỡ, nguồn nước tưới tiêu do ảnh hưởng mặn và khô hạn. Đây sẽ là nguyên nhân dẫn đến khô hạn kéo dài, khan hiếm nguồn nước ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và năng suất lúa gạo. Ngành lúa gạo cũng đối diện với cơ giới hóa chưa đồng bộ giữa các tỉnh, vùng và các chuỗi cung ứng liên kết cần sự chặt chẽ, chất lượng gạo không đồng đều, hệ thống giao thông chưa được hoàn chỉnh, năng lực liên kết cũng thiếu sự đồng bộ nên tìm hãm sức cạnh tranh của ngành lúa gạo trên thương trường. Lực liên kết trong chuỗi sản xuất hạt hăng đã và đang khiến cho nông dân tiêu thụ vật tư nông nghiệp giá cả vẫn cần sự giảm thiểu, do vậy ảnh hưởng đến việc đầu tư vào phát triển sản xuất của nông dân.

Ngành thủy sản bao gồm tôm và cá da trơn, phát triển thủy sản là lợi thế của khu vực ĐBSCL, tuy nhiên trong bối cảnh phát triển ngành chế biến thủy sản gắn với mở rộng thị trường xuất khẩu đã không ít thăng trầm, rủi ro về giá cả, nhất là cá tra. Ngoài ra, lợi thế của ĐBSCL có kinh nghiệm về nuôi trồng thủy sản, nhưng các nhà khoa học cảnh báo về sự già hóa nguồn lao động sẽ là một trong những thách thức ngành nuôi trồng và chế biến thủy sản trong dài hạn. Lâu nay, nguồn con giống đáp ứng nuôi trồng thủy sản có chất lượng cao đảm bảo xuất khẩu vẫn là vùng cung cấp con giống cho người nuôi, tuy vậy cũng còn phần nào thiếu hụt nguồn con giống lệ thuộc bên ngoài để cung cấp đầy đủ diện tích nuôi trồng cũng là vấn đề các cơ quan chức năng quan tâm. Hơn nữa biến đổi khí hậu vẫn là sự ảnh hưởng trực tiếp đến ngành này.

*Thứ tư ngành logistics*, như chúng ta đã biết ĐBSCL được xem là nơi sản xuất lúa gạo và nuôi trồng thủy sản cũng như số lượng trái cây dồi dào và lớn nhất so với cả nước; đã đóng góp 40% giá trị sản xuất nông nghiệp và hơn 54% sản lượng lúa, 65% sản lượng thủy sản, 70% sản lượng trái cây. Ngoài ra còn có đảm bảo an ninh lương thực cho quốc



gia và 90% sản lượng xuất khẩu gạo. Đây là tiềm năng lợi thế hàng đầu ở Việt Nam là ĐBSCL số lượng hàng hóa nông - thủy sản và trái cây cung cấp cho mặt hàng xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Do vậy, hình thành và phát triển ngành logistics là nhu cầu cấp thiết trong bối cảnh lưu thông hàng hóa trên thị trường hiện nay. Nhờ hình thành logistics là dịch vụ cung cấp hàng hóa được đảm bảo và giá trị gia tăng như kho đông lạnh lưu trữ hàng hóa, chiếu xạ hấp nhiệt mặt hàng trái cây nâng cao chất lượng xuất khẩu và hàng tiêu dùng nội địa. Nhưng hiện nay logistics vướng phải các khó khăn như là đầu tư công nghệ đông lạnh theo chuỗi còn hạn chế, do vậy khuyến khích sự liên kết các doanh nghiệp là cần thiết; hạ tầng cơ sở cảng biển, cảng sông đóng vai trò kết nối lưu thông hàng hóa nội địa ở khu vực và TPHCM, bởi vậy sự quan tâm này là động lực thúc đẩy về chất lượng hiệu quả của logistics sẽ góp phần lớn vào việc đảm bảo yêu cầu cung cấp hàng hóa trên thị trường. Ngoài ra, hiện nay khu vực này hệ thống logistics với quy mô chỉ dưới 10 ha, chưa phát triển lên đến quy mô phục vụ cho một ngành hoặc là một vùng kinh tế. Hơn nữa dịch vụ logistics còn hạn chế trong tính liên kết thúc đẩy hoạt động yếu kém và thiếu sự đồng bộ là sự cần các cơ quan chức năng hoàn thiện đáp ứng với nhu cầu hiện nay và lâu dài trong tương lai.

*Thứ năm về văn hóa*, vùng đất ĐBSCL là nơi quy tụ nhiều cộng đồng dân cư với miền đất mới trong quá trình “khẩn hoang lập ấp” hình thành nên bản sắc văn hóa phong phú và hào phóng với sông nước rộng lớn bao la nên con người nơi đây giàu lòng nhân hậu dang tay giúp đỡ những người đến nhập cư tạo nên nguồn mạch văn hóa gọi là đa văn hóa. Điều này cho thấy thế mạnh về văn hóa của vùng này là phong phú vô cùng một bản sắc không nơi nào so được mang đậm nét của vùng đất Nam bộ. Tuy vậy, do điều kiện thuận tiện về tự nhiên ưu đãi nhưng nguồn nhân lực không có đủ động cơ vực dậy thay

đổi với tư duy mới trong quá trình phát triển của mỗi bản thân để thích ứng với nhịp sống mới và môi trường mới trong bối cảnh ngày nay.

*Thứ sáu ngành du lịch và lĩnh vực y tế*, ĐBSCL là vùng kênh rạch điều kiện thiên nhiên ưu đãi về khí hậu và đời sống văn hóa phong phú, nhưng nguồn nhân lực yếu không có thể phát huy nội lực bởi du lịch là chú trọng yếu tố con người trong chuỗi sản phẩm du lịch của quá trình phát triển và phục vụ du khách. Trình độ dân trí và chất lượng du lịch cũng là vấn đề mà các cơ quan chức năng đầu tư phát triển nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch hiện nay. Du lịch giao thông kết nối đường thủy cũng chưa phát huy hết tiềm năng sẵn có và bất cập trong chuỗi về bến bãi phục vụ công tác phát triển du lịch nằm trong một tổng thể đặc thù du lịch của miền sông nước. Quy mô hoạt động du lịch vẫn nằm trong tình trạng nhỏ lẻ và giá trị thu từ nguồn này thấp, do vậy sự nỗ lực của ngành và các cơ quan chức năng là điều tiên quyết trong việc thúc đẩy du lịch ngày càng phát triển và hiệu quả. Trong đó chú trọng đến du lịch nông nghiệp - nông thôn gắn với miệt vườn sinh thái.

Về lĩnh vực y tế, các nhà khoa học cho rằng hầu hết hệ thống y tế của tỉnh, thành trong khu vực ĐBSCL với số lượng giường bệnh và bác sĩ trên 10.000 dân là thấp, nhưng thành phố Cần Thơ trực thuộc trung ương và gần TPHCM là hai thành phố có hệ thống y tế phát triển nhất nước hiện nay. Nhờ vậy, hỗ trợ trong việc khám chữa bệnh cho nhân dân các tỉnh lân cận ở ĐBSCL được thuận tiện và kịp thời.

Tuy vậy, ĐBSCL về NLCT sẵn có so với các vùng miền trong cả nước được thiên nhiên ban tặng cho diện tích rộng lớn phát triển nông nghiệp nhất là nuôi trồng thủy sản và sản xuất lúa gạo. Có thể nhận thấy rằng diện tích ĐBSCL rộng lớn cả về đất liền, mặt nước và ven biển với tổng diện tích tự nhiên màu

mỡ là 40.572 km<sup>2</sup>, chiếm 12,3% diện tích đất liền của cả nước. Trong đó có vùng biển đặc quyền kinh tế với xấp xỉ 360.000 km<sup>2</sup>, gấp 9 lần diện tích đất liền và diện tích ven biển có chiều dài hơn 730 km. Do điều kiện đất đai màu mỡ, nguồn lợi thủy sản dồi dào, người dân an nhàn, cuộc sống có phần dễ sinh sống nên người dân cũng không vất vả lắm so với các vùng miền khác. Người nông dân canh tác dựa vào lợi thế được thiên nhiên ưu đãi và chỉ khai thác nguồn lợi tài nguyên sẵn có, do vậy cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và sự diễn ra đất đai bạc màu cạn kiệt dinh dưỡng trong đất là điều hiển nhiên. Ngày nay ĐBSCL không còn lợi thế về đất đai màu mỡ nữa, việc phát triển sản xuất nông nghiệp sử dụng đến phân bón hóa học, nên khuyến khích nguồn phân bón hữu cơ cho cây trồng hiện nay trong sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy, khuyến nghị các chính sách phát triển kinh tế ở vùng ĐBSCL bền vững là cần thiết.

### 3. Khuyến nghị các chính sách phát triển bền vững ở đồng bằng sông Cửu Long

*Một là*, chú trọng đến phát triển kinh tế nông nghiệp trong hai vấn đề kinh tế và môi trường, do vậy nâng cao năng lực thâm canh cây trồng, lúa ba vụ thay bằng canh tác có hiệu quả và thân thiện với môi trường. Đồng thời nâng cao giá trị chất lượng được ưu tiên hơn chạy theo số lượng sản phẩm, bởi sức cạnh tranh trên thương trường và nâng cao giá trị sản phẩm.

*Hai là*, các chính sách phát triển nông nghiệp tuân thủ theo định hướng cụm ngành và chuỗi giá trị. Cơ cấu nông nghiệp lâu nay theo tư duy lúa gạo - thủy sản - trái cây sang tư duy mới là thủy sản - trái cây - lúa gạo và ưu tiên nguồn nhân lực cho sự phát triển. Nâng cao nhận thức mới ở ĐBSCL về nguồn tài nguyên nước không những nguồn nước ngọt mà còn nguồn nước mặn, mặn lợ góp phần trong sự phát triển thủy sản trong đất liền và vùng ven biển bền vững với môi trường.

*Ba là*, chú trọng đến xây dựng đầu tư phát triển hệ thống giao thông và đường thủy một cách đồng bộ, thuận lợi lưu thông hàng hóa kịp thời trên thị trường trong nước và quốc tế; hình thành cơ chế điều phối vùng thực sự thúc đẩy trong quá trình kinh tế mang lại hiệu quả trong chuỗi hoạt động sản xuất gắn với thị trường đem lại giá trị cao; chăm lo đến giáo dục - đào tạo kết nối với doanh nghiệp, thị trường lao động và thu hút nguồn nhân lực gắn với phát triển công nghiệp.

*Bốn là*, xây dựng và phát huy văn hóa phong phú sẵn có của ĐBSCL và lợi thế về miền sông nước tạo ra sản phẩm du lịch có chất lượng cao. Các cơ quan chức năng quan tâm đầu tư vào xây dựng phát triển mô hình du lịch nông nghiệp - nông thôn gắn với môi trường sinh thái bền vững.

### 4. Kết luận

Để đồng bằng sông Cửu Long thực hiện tốt và hiệu quả các khuyến nghị chính sách đáp ứng kịp thời nâng cao NLCT phát triển bền vững việc chú trọng đến phát triển hệ thống giao thông hoàn chỉnh, phát triển khu công nghiệp, thu hút nguồn nhân lực được xem là ưu tiên hàng đầu. Thu hút nguồn vốn đầu tư vào các khu công nghiệp góp phần tạo ra việc làm cho người lao động tại chỗ. Nâng cao chất lượng và quy mô của hệ thống logistics đi vào hoạt động hoàn thiện lưu thông hàng hóa ngày càng tốt hơn. Bên cạnh đó đầu tư chăm lo đến hệ thống giáo dục - đào tạo từ cấp học phổ thông đến bậc đại học nhằm phát triển mang tính tổng thể trong vùng hiện nay. Làm sao giảm thiểu nguồn nhân lực chảy xuôi về các tỉnh miền Đông Nam Bộ và TPHCM. Ngoài ra, các cấp ngành chủ động với các kịch bản ứng phó biến đổi khí hậu thích ứng kịp thời trong việc phát triển nông nghiệp - thủy sản - du lịch gắn với môi trường bền vững ■

#### Tài liệu tham khảo:

Phòng Công nghiệp Việt Nam (VCCI) - Trường Chính sách công và quản lý (Fulbright): *Báo cáo kinh tế thường niên đồng bằng sông Cửu Long năm 2020.*

# ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM LÀ CHÍNH ĐẢNG DUY NHẤT LÃNH ĐẠO ĐẤT NƯỚC VÀ XÃ HỘI, KHÔNG LỰC LƯỢNG CHÍNH TRỊ NÀO CÓ THỂ THAY THẾ

PGS, TS ĐẶNG BÁ MINH

ThS ĐẶNG CÔNG THÀNH

Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng

• **Tóm tắt:** Chống phá Đảng Cộng sản Việt Nam là mục tiêu hàng đầu và xuyên suốt của các thế lực thù địch. Chúng dùng nhiều thủ đoạn tinh vi, tiến hành tác động, phá hoại nội bộ Đảng, làm giảm uy tín, đi đến xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội. Tuy nhiên, dù có sử dụng “trăm phương nghìn kế”, các thế lực thù địch cũng không thể phủ nhận được sự thật hiển nhiên về niềm tin của nhân dân ta đồng lòng đi theo Đảng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc với những thành tựu to lớn đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận cả trên phương diện lý luận, thực tiễn và lịch sử.

• **Từ khóa:** Đảng Cộng sản Việt Nam, chính Đảng, lãnh đạo

## 1. Nhận diện thủ đoạn chống phá, xuyên tạc, phủ nhận của các thế lực thù địch về Đảng Cộng sản Việt Nam

*Về chính trị:* chúng cho rằng “Ở Việt Nam, công nghiệp chưa phát triển, số lượng, chất lượng công nhân giai cấp công nhân bị hạn chế. Đảng Cộng sản Việt Nam không thể gọi là Đảng của giai cấp công nhân được, nó có rất ít tính công nhân mà mang đậm tính nông dân, chịu ảnh hưởng nặng nề của chủ nghĩa phong kiến”. Vì thế, “giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản không thể lãnh đạo, xây dựng được chủ nghĩa xã hội đích thực ở Việt Nam”. “Đảng không nên giữ vai trò lãnh đạo chính trị, không nên và không thể lãnh đạo tuyệt đối”. Chúng phê phán Đảng ta đã sai lầm

về chính trị khi “vội vàng xóa bỏ” đảng Dân chủ và đảng Xã hội, “tạo điều kiện cho Đảng Cộng sản độc đoán, chuyên quyền, bóp nghẹt tự do, dân chủ”. Chúng kêu gọi: “Từ bỏ độc quyền lãnh đạo là vấn đề căn bản vì đó là then chốt của chế độ dân chủ. Đảng Cộng sản Việt Nam cho mình cái quyền đứng trên dân tộc, cái đó không ai chịu chấp nhận”; đòi “xóa bỏ sự lãnh đạo của Đảng”.

*Về tư tưởng:* chúng cho rằng “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng là sai lầm”, vì rằng “chủ nghĩa Mác - Lênin là ngoại lai, bắt nguồn từ phương Tây, nên không còn phù hợp với Việt Nam”; rằng “Học thuyết Mác là sản phẩm của thế kỷ XIX, do vậy, đem đặt nó

trong bối cảnh thế kỷ XXI nếu không lạc hậu, thì cũng chẳng thể là khoa học”; “chủ nghĩa Mác đã đóng góp khá nhiều cho lịch sử, đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử rồi, nó không còn phù hợp với thời đại ngày nay”;...

Đối với tư tưởng Hồ Chí Minh, chúng cho rằng, Hồ Chí Minh là nhà “dân tộc chủ nghĩa chứ không phải là nhà mácxít”; “không thể lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng” vì không phù hợp với điều kiện mới của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Đảng Cộng sản Việt Nam đề cao tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, là để “an dân” chứ thực chất không theo Hồ Chí Minh.

*Về tổ chức:* chúng tập trung đánh vào các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, nhất là nguyên tắc tập trung dân chủ. “Trong nội bộ Đảng vẫn duy trì cái gọi là “chế độ tập trung dân chủ” mà hầu hết các đảng cộng sản trên thế giới đã từ bỏ, vì thế thực chất, sự quyền lực bao giờ cũng đưa đến chỗ triệt tiêu dân chủ. Nhiều lắm dân chủ chỉ trở thành đồ rơm, chỉ có tác dụng trang trí cho sự tập trung quyền lực”. Chúng cho rằng, nguyên tắc tập trung dân chủ đã lỗi thời, nó chỉ thích hợp với hoạt động của Đảng khi chưa giành được chính quyền, còn hoạt động bí mật hoặc lãnh đạo trong chiến tranh; thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ là nguyên nhân gây ra độc đoán, chuyên quyền trong Đảng và trong xã hội, sẽ không có dân chủ, không có nhân đạo. Chúng còn cho rằng, trong Đảng có nhiều phe phái: phe cải cách và phe bảo thủ; trong Đảng còn có các nhóm lợi ích,...

*Về đạo đức:* chúng bịa đặt, bôi nhọ, nói xấu cán bộ Đảng và Nhà nước, đánh vào sinh hoạt, đạo đức, lối sống các đồng chí lãnh đạo; tung ra nhiều những chuyện giật gân trong sinh hoạt của lãnh đạo. Chúng cho rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng suy thoái, đảng viên của Đảng suy thoái, biến chất; tham nhũng, tham ô, lãng phí là căn bệnh trầm kha không thể chữa trị được. Từ đó, chúng suy diễn thành “Đảng tham nhũng”, “Nhà nước tham nhũng”...

Thực chất, đây là những thủ đoạn dọn đường cho sự hình thành tư tưởng đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập hòng vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**2. Phê phán quan điểm cho rằng: Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không đủ năng lực để lãnh đạo đất nước và xã hội**

Giả định rằng, nếu Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không đủ năng lực để lãnh đạo đất nước thì lực lượng nào sẽ có đủ khả năng để thay thế vai trò đó? Các thế lực thù địch thừa hiểu về năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam là như thế nào, và ở Việt Nam hiện nay, ngoài Đảng Cộng sản, không một tổ chức nào có thể thay thế và làm tốt vai trò lãnh đạo như Đảng Cộng sản Việt Nam. Tuy nhiên, việc nói là cứ nói, “đòi” là cứ đòi, dù biết là “nói lấy được”, mà đòi thì không được! Vì thế, trong các luận điệu chúng tung ra, rất ít thấy xuất hiện một lực lượng cụ thể có thể thay thế vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đâu đó chúng có nói đến “lực lượng chính trị mới”. Nhưng cái gọi là “lực lượng chính trị mới” mà các thế lực thù địch tung hô có thể thay thế Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đất nước và xã hội, thực chất chỉ là lực lượng được chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế nuôi dưỡng, ủng hộ, cung cấp tài chính, hậu thuẫn về chính trị, quân sự, ngoại giao. Đó là một tổ chức ô hợp gồm nhiều đại diện của nhiều lực lượng có lợi ích gắn liền với chủ nghĩa đế quốc, có thù hận với cách mạng Việt Nam, có tội ác với nhân dân, những kẻ muốn lợi dụng dân tộc ta làm lá bài chính trị để phục vụ cho lợi ích của chúng.

Với lực lượng chính trị như vậy thì chắc chắn con đường mà họ lựa chọn cho đất nước ta sẽ là con đường tư bản chủ nghĩa. Khi nắm được quyền lãnh đạo, họ sẽ từ bỏ mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, xóa bỏ thành tựu mà nhân dân ta đã hy sinh

bao xương máu mới giành được, sớm đưa đất nước đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản.

Với một mục tiêu chính trị và một nhân thân như vậy, chúng biết rằng, Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc và nhân dân Việt Nam sẽ không bao giờ trao cho chúng quyền lãnh đạo đất nước. Cho nên, các chiêu bài được tung ra cũng chỉ nhằm gây chú ý, tạo dư luận, gây chia rẽ trong nội bộ nhân dân ta, trong xã hội ta, đồng thời để tranh thủ sự ủng hộ của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế hòng gây sức ép, đặt điều kiện với chúng ta... để từng bước vô hiệu hóa vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về thực chất, cái gọi là “lực lượng chính trị mới” không phải là lực lượng vì dân vì nước, mà chủ yếu là vì quyền lợi giai cấp, vì mục tiêu chính trị phản động. Do đó, một khi lực lượng này lãnh đạo đất nước thì hệ quả tất yếu sẽ đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Theo đó, cái lợi trước hết không phải cho nhân dân lao động, cho dân tộc ta mà cho giai cấp bóc lột, cho các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia. Còn nhân dân ta phải đổ bao xương máu mới giành được độc lập, mới thoát khỏi kiếp nô lệ, là người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình, thì sẽ phải quay lại địa vị cũ, đất nước lại rơi vào vòng lệ thuộc của các nước tư bản, đế quốc như đầu thế kỷ XX.

Thực tế lịch sử đã chứng minh, sau khi lãnh đạo nhân dân giành được thắng lợi vĩ đại trong Cách mạng Tháng Tám, Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền trong các cuộc kháng chiến giành lại độc lập, thống nhất cho non sông đất nước và tiếp tục lãnh đạo đất nước trong thời kỳ mới - thời kỳ cả nước thống nhất cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước chuyển sang giai đoạn mới, vừa có hòa bình vừa có chiến tranh; vừa phải đối phó với kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế, vừa chống lại sự bao vây, cấm vận và cô lập tứ phía. Kinh nghiệm lãnh đạo đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội được tích lũy trong những năm lãnh đạo miền Bắc xây

dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện đất nước có chiến tranh trước đây tuy rất quý báu, nhưng chừng đó là chưa đủ cho việc lãnh đạo, tổ chức xây dựng và quản lý phát triển đất nước trong điều kiện mới với quy mô và tầm vóc mới. Mọi việc dường như phải làm lại từ đầu, để xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, vừa mới giành được độc lập và vừa bước ra khỏi các cuộc chiến tranh tàn khốc kéo dài 30 năm. Chưa hết, chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu lâm vào khủng hoảng và sụp đổ đã giáng một đòn mạnh vào hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới. Đất nước ta rơi vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng chưa từng có và đang đứng trước nguy cơ của sự sụp đổ. Trong hoàn cảnh lịch sử ngặt nghèo ấy, bản lĩnh, trí tuệ và năng lực lãnh đạo của Đảng được phát huy và thể hiện trong điều kiện thực tiễn mới. “Đổi mới hay là chết” đó không chỉ là khẩu hiệu mà còn là mệnh lệnh của những con tim và khối óc có đủ sự nhiệt huyết và sự tỉnh táo để đưa đất nước thoát khỏi sự hiểm nguy. Đảng Cộng sản là như vậy, luôn là người lãnh đạo tiên phong, “đứng mũi chịu sào” chèo lái con thuyền dân tộc vượt qua mọi thác ghềnh hiểm nguy. Trớ trêu thay, trong những lúc đất nước khó khăn và lâm nguy như vậy, đã không có một lực lượng nào, một tổ chức nào đồng lòng cùng chung tay gánh vác trách nhiệm trước non sông, đất nước, dân tộc và nhân dân. Trái lại, chỉ thấy nhưng tiếng kêu la, oán thán, những điều chỉ trích, gây chia rẽ phân tâm, làm ngã lòng người từ phía các thế lực thù địch và cơ hội... Thực tiễn lịch sử lại cho thấy một lần nữa, ở Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo xứng đáng và tin cậy của dân tộc và nhân dân Việt Nam; lịch sử và nhân dân Việt Nam lại một lần nữa tin tưởng trao cho Đảng Cộng sản Việt Nam sứ mệnh lãnh đạo dân tộc tiến bước cùng thời đại. Đó là sự thật hiển nhiên không phải bàn cãi. Đúng như sự khẳng định của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng tại buổi Lễ kỷ niệm

90 năm ngày thành lập Đảng: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

### 3. Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu để đưa cách mạng Việt Nam đến thắng lợi

#### Về mặt lý luận

*Thứ nhất*, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Nhà nước và xã hội là cần thiết, tất yếu, khách quan.

Vấn đề Đảng Cộng sản cầm quyền là một trong những nội dung quan trọng được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đề cập. Trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ: giai cấp công nhân là giai cấp cách mạng nhất, tiên tiến nhất, giai cấp có sứ mệnh lịch sử là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Nhưng muốn thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình thì giai cấp công nhân phải có “đội tiên phong với lý luận tiên phong và hành động tiên phong” để lãnh đạo. Đội tiên phong chính là Đảng Cộng sản - bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân. Các ông đã chứng minh, chính đảng của giai cấp công nhân ra đời là một đòi hỏi tất yếu khách quan của cuộc đấu tranh giai cấp cần có lực lượng lãnh đạo giai cấp thực hiện sứ mệnh lịch sử thế giới của mình. Ph.Ăngghen cho rằng, Đảng Cộng sản ra đời là điều kiện tiên quyết để bảo đảm cho cách mạng xã hội chủ nghĩa giành thắng lợi và thực hiện được mục tiêu cuối cùng của nó là thủ tiêu giai cấp.

Kế thừa tư tưởng của Mác - Ăngghen, V.I.Lênin khẳng định: “Về nguyên tắc, Đảng Cộng sản phải giữ vai trò lãnh đạo, đó là điều không còn phải nghi ngờ gì nữa”<sup>(1)</sup>. Bởi Đảng Cộng sản là đội tiên phong giác ngộ có tổ chức, và là tổ chức chặt chẽ nhất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, chỉ có Đảng Cộng sản mới có đủ phẩm chất chính

trị và năng lực, xứng đáng là người lãnh đạo xã hội mới. V.I.Lênin cũng chỉ rõ: “Đảng Cộng sản.... cầm quyền tức là Đảng không chỉ lãnh đạo Nhà nước mà là lãnh đạo cả xã hội”<sup>(2)</sup>. Và trong điều kiện cầm quyền đó, Đảng phải là “trí tuệ, danh dự và lương tâm của thời đại”<sup>(3)</sup>.

Sự ra đời của một Đảng Cách mạng chân chính là hết sức cần thiết. Trả lời câu hỏi “Cách mệnh trước hết phải có cái gì?”, Hồ Chí Minh chỉ rõ “Trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy”<sup>(4)</sup>. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (03-02-1930) là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đây là một bước ngoặt lịch sử trọng đại, chấm dứt cuộc khủng hoảng kéo dài về tổ chức và đường lối của cách mạng Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. “Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”<sup>(5)</sup>.

*Thứ hai*, Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo Nhà nước và xã hội là chính danh, hợp hiến và hợp pháp.

Các bản Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1980, năm 1992 và năm 2013 đều có 01 điều quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam... là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội”<sup>(6)</sup>, là phù hợp với xu hướng chung của thế giới hiện nay, không phải là cá biệt.

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội Việt Nam”<sup>(7)</sup>. Điều lệ Đảng quy định: “Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng cầm quyền... Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy”.

Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội được xây dựng trên cơ sở pháp lý đồng bộ (hệ thống các văn bản

pháp luật) và đồng thuận (điều lệ, quy định) của các tổ chức có liên quan, không phải do Cương lĩnh, Điều lệ Đảng “đơn phương” quy định. Đây là một yếu tố quan trọng bảo đảm tính chính danh đầy đủ được quy định tại Hiến pháp và Điều lệ Đảng, điều lệ các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức xã hội nghề nghiệp về mối quan hệ của Đảng với các tổ chức khác ở Việt Nam.

*Thứ ba*, Đảng đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng xác định: “*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc”<sup>(8)</sup>. Bởi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Trên thực tế, Đảng không có lợi ích nào khác ngoài việc phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Mục đích của Đảng là xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh, không còn người bóc lột người, thực hiện thành công chủ nghĩa xã hội và cuối cùng là chủ nghĩa cộng sản.

#### ***Về mặt thực tiễn***

*Thứ nhất*, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được khẳng định trong thực tế tiến hành cách mạng và được nhân dân thừa nhận.

Thực tiễn Việt Nam đã từng có thời kỳ đa đảng. Năm 1946, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam còn tồn tại hai đảng đối lập là Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh Hội. Hai đảng này không đại diện cho lợi ích quốc gia, dân tộc và nhân dân, mà bám gót ngoại bang, nên không được nhân dân chấp nhận.

Có thời kỳ, bên cạnh Đảng Cộng sản Việt Nam còn có Đảng Dân chủ Việt Nam

(1944 - 1988) và Đảng Xã hội Việt Nam (1946 - 1988), nhưng các đảng ấy cũng không được đa số nhân dân giao cho sứ mệnh lịch sử lãnh đạo cách mạng. Các đảng ấy, đều tuân thủ đường lối lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được nhân dân giao phó, ủy thác. Sau đó hai đảng này tuyên bố tự giải thể và chỉ còn lại Đảng Cộng sản Việt Nam. Như vậy, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là hiển nhiên, là sự lựa chọn và giao phó của lịch sử, của nhân dân và dân tộc Việt Nam.

Trong hoàn cảnh Việt Nam hiện nay, Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng thực hiện sứ mệnh lãnh đạo xã hội, lãnh đạo hệ thống chính trị, lãnh đạo nhân dân, để đạt được mục tiêu cách mạng mà Đảng và dân tộc đều đồng thuận.

*Thứ hai*, vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã được thực tế kiểm nghiệm, nhất là vào những bước ngoặt của lịch sử.

Từ khi ra đời cho đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập, tự do. Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng duy nhất lãnh đạo nhân dân giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống xâm lược, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, công cuộc đổi mới đã thu được nhiều thắng lợi: Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

Tuy nhiên, trong lãnh đạo, Đảng có lúc phạm sai lầm, khuyết điểm, có những sai lầm nghiêm trọng. Đảng đã nghiêm túc tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm, tự đổi mới, chỉnh đốn để tiếp tục đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên. Nhưng, một số kẻ thù địch, cơ hội chính trị lại không thấy hoặc cố tình lờ đi điều ấy, hơn thế, họ còn thổi phồng những khuyết điểm, sai lầm của Đảng và quy kết Đảng không đủ năng lực lãnh đạo trong điều kiện mới của đất nước. Rõ ràng đây là một sự xuyên tạc, vu cáo Đảng ta, nhằm kích động, chia rẽ nội bộ Đảng, chia rẽ Đảng, Nhà nước với nhân dân, hòng làm tan rã Đảng ta, chế độ ta từ gốc, từ bên trong, hết sức thâm độc và nguy hiểm.

*Thứ ba*, nhân dân Việt Nam đã thừa nhận và ủy quyền Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng duy nhất lãnh đạo, không chấp nhận đa nguyên, đa đảng.

Ngay từ khi ra đời Đảng luôn gắn bó mật thiết với nhân dân, phục vụ nhân dân, được nhân dân thương yêu, đùm bọc, che chở và xây dựng. Hơn 90 năm đi theo Đảng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, các tầng lớp nhân dân Việt Nam nhận rõ hơn ai hết, ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam, không có một lực lượng, một tổ chức nào có thể đại diện chân chính cho lợi ích của mình. Vì thế, nhân dân tin tưởng ủy thác trao quyền lãnh đạo cho Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực tế cách mạng Việt Nam cho thấy, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với đất nước là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử, là ý nguyện của nhân dân. Vì thế, các tầng lớp nhân dân mong muốn Đảng luôn giữ vững vai trò lãnh đạo, không chia sẻ quyền lực với các lực lượng khác trong vai trò cầm quyền của mình. Bởi đó là nguyên tắc đã được hiến định và là một kết quả tất yếu của lịch sử cách mạng Việt Nam, không thể thay đổi.

*Thứ tư*, ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm, uy tín và khả năng lãnh đạo đất nước và xã hội.

Tuyệt đại đa số nhân dân mong muốn Đảng tự chỉnh đốn, khắc phục các khuyết điểm, yếu kém để hoàn thành sứ mệnh của mình là lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Để xứng đáng với sự tin cậy của nhân dân, Đảng đã đẩy mạnh công tác xây dựng, chỉnh đốn, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, làm tròn trách nhiệm là đội tiên phong, vai trò của Đảng cầm quyền và lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới. Đặc biệt, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” đã đề ra bốn nhóm giải pháp giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng, trong đó nhóm giải pháp thứ tư nêu rõ việc phát huy vai trò, trách nhiệm của quần chúng nhân dân trong nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay.

*Tóm lại*, quan điểm cho rằng “Đảng Cộng sản Việt Nam đã hết vai trò lịch sử, không còn đủ khả năng để lãnh đạo đất nước” là quan điểm sai lầm, phản khoa học, phi thực tế. Quan điểm này dựa trên những lập luận mang tính chủ quan, võ đoán, thiếu căn cứ khoa học, bất chấp đạo lý và lẽ phải thông thường, phiến diện và phi lôgic. Thực tiễn cách mạng Việt Nam và những thành quả mà nhân dân ta đạt được, dưới sự lãnh đạo của Đảng hơn 90 năm qua đã hoàn toàn bác bỏ quan điểm sai trái, thù địch đó và chứng minh Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất có đủ khả năng lãnh đạo đất nước thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân ■

(1),(2) V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tập 33, tr.406, 401

(3) V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sđd, tập 34, tr.122

(4) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 2, tr.289

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, tập 12, tr.406

(6) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, tr.9

(7)&(8) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.88.



# TOÀN CẢNH AN NINH - CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI NĂM 2020 VÀ MỘT SỐ DỰ BÁO NĂM 2021

PGS, TS THÁI VĂN LONG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

ThS NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

• **Tóm tắt:** Năm 2020 đã khép lại, nhưng sẽ là năm để lại nhiều dấu ấn quan trọng trong tiến trình lịch sử nhân loại. Dịch Covid-19 bất ngờ bùng phát đã gây ra cuộc khủng hoảng mang tính toàn cầu: cạnh tranh gay gắt giữa các cường quốc, cùng các thách thức an ninh nổi lên gây chia rẽ, tranh chấp, đối đầu, xung đột ở nhiều khu vực, giữa các nước lớn với nhau và ngay tại mỗi nước. Nhưng trong bối cảnh đó cũng có không ít hành động, thông điệp tích cực được truyền đi với quyết tâm hóa giải các mâu thuẫn, củng cố các thể chế đa phương và liên kết toàn cầu.

• **Từ khóa:** an ninh thế giới, chính trị thế giới, khủng hoảng toàn cầu

## 1. Nhìn lại bức tranh an ninh - chính trị thế giới năm 2020

*Thứ nhất, Cuộc chiến chống đại dịch, hợp tác và chia rẽ*

Cuộc khủng hoảng toàn cầu có khởi nguồn tại thành phố Vũ Hán (Trung Quốc) từ cuối tháng 12-2019, tác nhân là virus SARS-CoV-2 sau được đặt tên là Covid-19 nhanh chóng lan rộng trên phạm vi toàn cầu. Tới cuối năm 2020, thế giới đã ghi nhận hơn 82 triệu ca nhiễm và hơn 1,8 triệu ca tử vong. Theo đánh giá của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) do các tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, kinh tế toàn cầu ước giảm 4,4% trong năm 2020<sup>(1)</sup>. Covid-19 đã tác động rất tiêu cực tới mọi mặt của cuộc sống và quan hệ quốc tế. Các nước phải phong tỏa, đóng cửa biên giới, giãn cách xã hội, nhiều ngành kinh tế bị ngưng trệ rơi vào suy thoái nghiêm trọng, sự phát triển của nhân loại đứng trước những nguy

cơ, thách thức chưa từng có, chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa bài ngoại thừa dịp trời dậy, toàn cầu hóa bị chậm lại... Tuy nhiên, việc đảo ngược toàn cầu hóa sẽ không dễ dàng bởi thực tế là không thể phi toàn cầu hóa cho một thế giới vốn đã toàn cầu hóa. Đại dịch Covid-19 làm cho các quốc gia thấy được giới hạn của Hội nhập quốc tế. Nó làm cho nhân loại thấy rõ tính toàn cầu, tính cộng đồng của loài người chưa thắng thế tính ích kỷ, chủ nghĩa dân tộc. Thế giới lẽ ra cần kết nối, hợp tác phòng chống đại dịch, sản xuất, thử nghiệm vaccine, hỗ trợ kinh nghiệm, vật tư y tế... thì một số nước sử dụng chúng làm công cụ ngoại giao, trục lợi kinh tế. Tuy nhiên, việc bào chế thành công và triển khai tiêm nhiều loại vaccine ngừa Covid-19 từ cuối năm 2020 đang đem lại sự lạc quan về một tương lai tươi sáng cho thế giới.

*Thứ hai, Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ đầy kịch tính và chia rẽ sâu sắc*

Năm 2020 dư luận thế giới đổ dồn về Mỹ để theo dõi cuộc bầu cử tổng thống phức tạp, kịch tính, bộc lộ nhiều mặt trái. Cuộc bầu cử có số lượng cử tri cao nhất trong lịch sử Mỹ hơn 100 năm qua diễn ra trong khi Mỹ là nước có số ca nhiễm và số người tử vong vì Covid-19 nhiều nhất thế giới. Thuyết âm mưu về gian lận phiếu bầu, can thiệp từ bên ngoài, khó kiểm chứng. Các vụ kiện tụng, biểu tình, ngôn từ công kích không kiêng dè của 2 ứng cử viên, tranh cãi giữa các bang, các đại cử tri... Với 306 phiếu đại cử tri ủng hộ, hơn cả con số mà đương kim Tổng thống Mỹ Donald Trump nhận được trong cuộc bầu cử tổng thống năm 2016, ông Joe Biden, ứng viên của Đảng Dân chủ, đã được giới truyền thông Mỹ tuyên bố giành chiến thắng và sau đó cử tri đoàn bỏ phiếu khẳng định kết quả này. Thế nhưng, việc ông Donald Trump chưa tuyên bố chấp nhận thua cuộc khiến quá trình chuyển giao chính quyền bị ảnh hưởng. Rõ ràng nước Mỹ có “gót chân Achilles” và không thiếu những vấn đề phức tạp mà họ vẫn phê phán các nước khác. Xã hội Mỹ chia rẽ sâu sắc, trước, trong bầu cử và sẽ kéo dài sau lễ chuyển giao ngày 20-1-2021, gây khó cho việc điều hành của Tổng thống mới.

*Thứ ba, Cạnh tranh nước lớn và phân hóa giữa các bên diễn ra nhanh hơn*

Năm 2020, cạnh tranh giữa Mỹ và Trung Quốc chuyển sang giai đoạn mới - cạnh tranh chiến lược toàn diện, đối đầu, thậm chí được nhìn nhận là “Chiến tranh Lạnh kiểu mới”. Cạnh tranh bắt đầu là cuộc “khẩu chiến” về nguồn gốc của virus SARS-CoV-2, tiếp theo là những biện pháp trả đũa lẫn nhau liên quan đến mạng 5G, với những hành động cấm vận, trừng phạt, rồi căng thẳng chuyển sang nội dung nhân quyền, chủ quyền, lập trường trong vấn đề Biển Đông, sau đó lan sang lĩnh vực an ninh quốc gia, ngoại giao và các ứng dụng công nghệ như WeChat, TikTok... mà vẫn chưa có điểm dừng. Cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung làm bộc lộ những mâu thuẫn mang tính cấu trúc cần điều chỉnh như: mâu thuẫn về định hướng phát triển; về mô hình

phát triển kinh tế; về hình thái ý thức hệ hay “leadership - vai trò đi đầu lãnh đạo thế giới”. Hơn thế, cạnh tranh còn làm xuất hiện hình thái đối đầu, phân tách nguy hiểm, làm đình trệ các cơ chế đối thoại, thách thức các cơ chế đa phương và được nhận định là đang rơi vào tình trạng “Chiến tranh Lạnh kiểu mới”.

Quan hệ Mỹ - Nga cũng không kém phần phức tạp, căng thẳng. Với lý do Nga sáp nhập Crimea, liên quan đến xung đột ở Donbass, Ukraine, mâu thuẫn các nhân vật đối lập, can thiệp bầu cử, xâm nhập mạng trái phép..., Mỹ cấm xuất nhập khẩu, ngăn chặn đồng minh và các nước hợp tác công nghiệp quốc phòng, rút khỏi Hiệp ước cắt giảm vũ khí tấn công chiến lược mới (New START), ngăn chặn lấp đặt đường ống dẫn khí Phương Bắc 2, đóng cửa 2 lãnh sự quán cuối cùng ở Nga...

Trong khi đó, quan hệ giữa Mỹ và EU là “đồng sàng dị mộng”, quan hệ Trung - Nga, Trung Quốc - EU, Trung - Nhật lại được tăng cường với những mức độ khác nhau nhờ hợp tác chống dịch. Còn Anh và EU lại đạt được thỏa thuận “ly hôn”. Ngày 24-12, sau gần 9 tháng nỗ lực đàm phán, Anh và Liên minh châu Âu (EU) cuối cùng cũng đạt được thỏa thuận mở ra mối quan hệ kinh tế và an ninh mới giữa hai bên sau khi Anh rời khỏi EU (Brexit). Nước Anh sẽ chính thức là một quốc gia độc lập hoàn toàn với EU từ ngày 1-1-2021 và tránh được một cuộc “ly hôn” trong hỗn loạn với EU.

*Thứ tư, Các điểm nóng vẫn “tăng nhiệt”*

*Biển Hoa Đông và Biển Đông trong năm 2020:* mâu thuẫn, tranh chấp chủ quyền phức tạp ở Biển Hoa Đông giữa Trung Quốc với Nhật Bản và ở Biển Đông giữa Trung Quốc với một số nước ASEAN đe dọa an ninh, hòa bình, ổn định và hợp tác ở khu vực.

*Xung đột biên giới Trung-Ấn:* Cuộc chạm trán đầu tiên bắt đầu vào ngày 5-5-2020 khi những người lính Ấn Độ và Trung Quốc đụng độ tại Pangong Tso, một hồ nước kéo dài từ Ấn Độ đến Khu tự trị Tây Tạng (Trung Quốc) với Đường Kiểm soát Thực tế (LAC) đi qua. Từ Pangong Tso, tình hình căng thẳng lan đến các khu vực biên giới khác của 2 nước ở Sikkim, thung lũng Galwan, đồng bằng

Depsang và Đông Ladakh. Sự kiện xung đột thể hiện thái độ chưa từng thấy của Bắc Kinh trong 40 năm qua ở khu vực. Đồng thời, vụ này cũng châm ngọn lửa phần nộ với người dân Ấn Độ dẫn đến làn sóng tẩy chay các sản phẩm của Trung Quốc.

*Xung đột Nagorny-Karabakh:* sau nhiều năm căng thẳng âm ỉ, ngày 27-9-2020, chiến sự bùng phát giữa Azerbaijan (quốc gia được công nhận chủ quyền đối với Nagorny-Karabakh) và Armenia (quốc gia hậu thuẫn chính quyền ly khai ở khu vực này). Với vai trò trung gian hòa giải của Nga, hai nước đã đạt được thỏa thuận ngừng bắn vào đêm 10-11-2020. Điểm mới đáng chú ý là Azerbaijan sử dụng hiệu quả máy bay không người lái trong cuộc đụng độ tại khu vực này khiến giới quân sự toàn cầu phải suy tính về phương thức tác chiến mới trong tương lai.

*Tình hình Trung Đông năm 2020 diễn ra đầy kịch tính:* khu vực nóng lên khi Mỹ phối hợp với Israel tiến hành các hoạt động quân sự ngăn chặn tiềm năng phát triển vũ khí hạt nhân của Iran, sâu xa là làm sụp đổ chính quyền bị cho là tranh giành vị thế chiến lược với Mỹ ở khu vực. Hành động ám sát nhà khoa học hạt nhân hàng đầu Iran đổ thêm dầu vào lửa, có thể thổi bùng đám cháy trước thời điểm chuyển giao quyền lực ở Mỹ, tạo ra vật cản ngăn chặn nỗ lực nối lại Kế hoạch Hành động Chung Toàn diện (JCPOA). Ở góc độ khác, việc Mỹ làm trung gian để Israel bình thường hóa, thiết lập quan hệ ngoại giao với 5 nước Arab (Ai Cập, Jordan, UAE, Bahrain và Sudan). Nhưng các quan hệ mới ấy lại đẩy các nước Arab vào tình trạng chia rẽ và càng làm mâu thuẫn giữa Israel với Palestin thêm căng thẳng.

*Thứ năm, Chủ nghĩa đa phương, quản trị toàn cầu đứng trước nhiều thách thức*

Năm 2020 là tròn 75 năm kết thúc Chiến tranh thế giới thứ Hai và thành lập Liên hợp quốc (UN). Trật tự quốc tế này đang bị lung lay khi các nước đều đóng cửa vì dịch Covid-19, còn Mỹ tìm mọi cách bôi nhọ và chỉ trích Trung Quốc, ngừng viện trợ và dọa rút khỏi Tổ chức Y tế Thế giới (WHO). Những thiết chế đang tồn tại chưa thực hiện được đầy đủ vai trò, chức năng của nó. Các thiết

chế quốc tế hỗ trợ cho quản trị toàn cầu như UN, WTO,..., kể cả các liên minh quân sự như NATO, hay tổ chức siêu quốc gia như EU đang bị xem là “lỗi thời” khi không được thiết kế để đối phó với đại dịch toàn cầu như Covid-19. Đến khi đại dịch xảy ra thì các tổ chức này gần như hoàn toàn bất lực và vai trò trở nên hết sức mờ nhạt. Còn phản ứng của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) có phần chậm chạp, chưa thực hiện hết chức năng và hoàn thành vai trò của nó.

Đại dịch Covid-19 làm sức hấp dẫn của “mô hình quản trị kiểu Mỹ” có phần suy giảm. Theo giới phân tích, phản ứng của Chính phủ Liên bang đối với đại dịch là chậm chạp, thiếu đồng bộ, kém hiệu quả và cho rằng Mỹ đã lạc lối. Đại dịch tàn phá cả các quốc gia mở và đóng, giàu và nghèo, cả phương Đông lẫn phương Tây. Những gì còn thiếu ở đây là một phản ứng toàn cầu có hiệu quả. Các phản ứng chính đối với đại dịch đến nay hầu như đều đến từ quốc gia hoặc thậm chí là địa phương, không phải tầm quốc tế. Tình trạng đối phó với đại dịch theo kiểu “mạnh ai nấy làm” đã nói lên nhiều điều về thực trạng nghèo nàn của quản trị toàn cầu.

*Thứ sáu, Năm ASEAN 2020 và điểm sáng Việt Nam*

*Năm ASEAN 2020:* với tinh thần “Gắn kết và Chủ động thích ứng”, ASEAN đã chung tay vượt qua nhiều khó khăn và đạt được nhiều kết quả quan trọng. ASEAN đã chuyển đổi nhanh chóng phương thức hoạt động, thể hiện qua việc tổ chức trên 550 cuộc họp trực tuyến, trong đó có 20 cuộc họp cấp cao, 70 cuộc họp cấp bộ trưởng. Kết thúc năm ASEAN 2020, lãnh đạo các nước ASEAN đã thông qua Báo cáo đánh giá giữa kỳ, các kế hoạch tổng thể thực hiện Tầm nhìn Cộng đồng ASEAN 2025. Nhiều sáng kiến của ASEAN do Việt Nam dẫn dắt về hợp tác ứng phó Covid-19 cùng các nguy cơ dịch bệnh được công bố và đưa vào triển khai khẩn trương trên thực tế. Một điểm nhấn khác, sau 8 năm đàm phán, trong năm Chủ tịch của Việt Nam, ASEAN và các nước đối tác đã hoàn thành thắng lợi việc đàm phán Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP), mở ra một giai đoạn hợp tác

kinh tế thương mại mới đầy hứa hẹn. Theo Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, khuôn khổ hợp tác mới của Hiệp định RCEP sẽ góp phần đẩy mạnh tiến trình xây dựng Cộng đồng Kinh tế ASEAN 2025. Có thể thấy phương châm chỉ đạo “Gắn kết và chủ động thích ứng” không chỉ cho năm 2020, không giới hạn trong khu vực. Nếu không có các điểm sáng đó, thế giới, khu vực sẽ âm ảm, buồn chán.

*Việt Nam điểm sáng trong năm 2020:* Việt Nam không chế hiệu quả đại dịch covid -19, làm nên kỳ tích, khi là quốc gia hiếm hoi trên thế giới duy trì được trạng thái “bình thường” trong bối cảnh cả thế giới đang phải căng mình đối phó với dịch bệnh. Cùng với việc cơ bản kiểm soát được tình hình dịch bệnh, Việt Nam làm tốt công tác phòng chống thiên tai, bảo vệ cuộc sống của người dân và đưa nền kinh tế từng bước hoạt động trở lại trong điều kiện bình thường mới. Điều này giúp GDP năm 2020 của Việt Nam đạt mức tăng trưởng 2,91%<sup>(2)</sup>, đưa Việt Nam trở thành điểm sáng và là một trong số các nước có mức tăng trưởng cao nhất thế giới. Đây là kết quả ấn tượng trong bối cảnh nền kinh tế trong nước cũng như thế giới chịu tác động tiêu cực của dịch Covid-19 và sự đứt gãy thương mại toàn cầu. Một thành tích đáng ca ngợi nữa là Việt Nam có tín hiệu đáng mừng khi vắc-xin đầu tiên trong nước đã bắt đầu thử nghiệm lâm sàng trên người. Nano Covax là vắc-xin do Công ty Công nghệ sinh học Dược Nanogen nghiên cứu và sản xuất từ tháng 5-2020. Ưu điểm lớn nhất của Nano Covax là đáp ứng miễn dịch tốt, độ an toàn cao, ít tác dụng phụ và có điều kiện bảo quản thuận lợi hơn so với các loại vắc-xin khác.

Năm 2020 đại dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến Cục diện thế giới, thách thức chủ nghĩa đa phương và quản trị toàn cầu, làm suy giảm quan hệ song phương, đóng băng các giao dịch kinh tế, thương mại, sự thiếu hụt lòng tin chiến lược ngày càng nghiêm trọng giữa các cực, nhất là giữa Mỹ và Trung Quốc. Nhìn nhận và đánh giá chính xác những tác động của đại dịch Covid-19 đến quan hệ quốc tế cũng như Cục diện thế giới có ý nghĩa thiết thực đối với Việt Nam trong

việc chủ động xây dựng chính sách và biện pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh hội nhập quốc tế, nâng tầm đối ngoại đa phương để đạt những thành tựu nổi bật.

## 2. Dự báo tình hình an ninh - chính trị thế giới năm 2021

Năm 2020 chuyển giao cho năm 2021 cả những thông điệp tích cực và tiêu cực. Điều tích cực nhất là thế giới đã có nhận thức chung đầy đủ và khá thống nhất về virus SARS-CoV-2. Các nhà khoa học đang nghiên cứu phát triển vaccine với thời gian nhanh kỷ lục. Các nước tiếp tục đưa ra những cam kết mới để ngăn chặn thảm họa khí hậu. Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Antonio Guterres nêu: “Cùng nhau, chúng ta hãy tạo dựng hòa bình giữa con người và với thiên nhiên, giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu, ngăn chặn đại dịch COVID-19 lây lan và biến năm 2021 trở thành một năm của sự hàn gắn”<sup>(3)</sup>. Nội dung chính của thông điệp là sự cần thiết phải đổi mới tư duy trong quản trị quốc gia, quan hệ quốc tế, liên kết, kết nối, hợp tác vì lợi ích chung. Còn những dự báo tiêu cực của thế giới trong năm 2021 vẫn là cuộc chiến với đại dịch cùng những hệ lụy, phục hồi kinh tế, ngăn ngừa nguy cơ xung đột, chiến tranh. Ngân sách, chi phí mua sắm chi tiêu quân sự nhiều nước vẫn tăng mạnh, báo hiệu những tính toán chuẩn bị xa hơn và là nguy cơ tiềm ẩn xung đột đe dọa hòa bình thế giới. Điều chỉnh chiến lược quốc phòng, an ninh của các nước lớn như Mỹ, Nga, Trung Quốc, chạy đua vũ trang... là những biểu hiện của sự thiếu lòng tin giữa các quốc gia làm cho những thách thức về an ninh, cạnh tranh, đối đầu gia tăng. Ngoài ra, mâu thuẫn trong thời điểm chuyển giao quyền lực và những vấn đề phức tạp bên trong có thể được chuyển hóa ra bên ngoài... không loại trừ tính toán sai lầm có thể dẫn đến xung đột vũ trang, chiến tranh thảm khốc. Trên cơ sở những dữ liệu này, tình hình an ninh - chính trị thế giới năm 2021 được dự báo những nét chính sau:

*Trước tiên, đại dịch và suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn tiếp diễn*

Mặc dù một số nước đã sản xuất vaccine và đưa vào tiêm chủng rộng rãi trong năm 2021, nhưng công suất chỉ đáp ứng một phần nhu cầu thế giới. Những nước nghèo, chậm

phát triển khó mua đủ vaccine nếu không được hỗ trợ. Hơn nữa xuất hiện những biến thể mới của virus SARS-CoV-2 ở Anh, Nam Phi có thể còn ở nhiều nơi khác sẽ gây thêm khó khăn cho phòng chống đại dịch. Mâu thuẫn giữa mở cửa, nối lại hoạt động kinh tế và phong tỏa, giãn cách xã hội, làm gia tăng nguy cơ tái lây nhiễm tại các địa bàn xung yếu. Nếu chủ động phối hợp, phòng chống tích cực trên toàn cầu thì có thể cơ bản khống chế được đại dịch Covid-19 trong năm 2021, nhưng ngược lại đại dịch sẽ kéo dài và trầm trọng hơn.

Năm 2021, được dự báo suy thoái kinh tế vẫn tiếp diễn, tốc độ tăng trưởng kinh tế vẫn giảm, chỉ một số ít nước có GDP dương. Giám đốc điều hành của Chương trình Lương thực thế giới (WFP) ông David Beasley nói: “2021 thực sự sẽ là năm thảm họa, dựa trên những gì chúng ta thấy trong giai đoạn hiện nay”<sup>(4)</sup>. Ngân sách chi cho phòng chống đại dịch, hỗ trợ đời sống, khôi phục sản xuất rất lớn. Nhưng thực trạng này cũng là “mảnh đất tốt” thúc đẩy chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa dân tộc cực đoan và cạnh tranh, tranh giành lợi ích. Một số nước lớn lợi dụng gây sức ép, buộc các nước gặp khó khăn về kinh tế phải chấp nhận thua thiệt thương mại, nhượng bộ lợi ích, chủ quyền quốc gia. Bởi vậy, Tổng Thư ký Liên Hợp quốc, Antonio Guterres trong thông điệp ngày 29-12 đã nói, 2021 cần là năm để thế giới cùng nhau khắc phục những hậu quả nghiêm trọng của đại dịch, phục hồi những nền kinh tế và cộng đồng bị tổn thương, hàn gắn sự chia rẽ trên toàn cầu. “Cùng nhau, chúng ta hãy tạo dựng hòa bình giữa con người và với thiên nhiên, giải quyết cuộc khủng hoảng khí hậu, ngăn chặn đại dịch Covid-19 lây lan và biến năm 2021 trở thành một năm của sự hàn gắn”<sup>(5)</sup>.

*Thứ hai, giải quyết vấn đề nội bộ và điều chỉnh Chính sách đối ngoại của Tổng thống Joe Biden sẽ ảnh hưởng mạnh đến an ninh - chính trị thế giới*

Điều mà thế giới quan tâm nhất là chính sách ngoại giao, an ninh, quốc phòng của nhiệm kỳ Tổng thống mới. Thông điệp của ông Joe Biden là đưa nước Mỹ “trở lại”, “sẵn sàng lãnh đạo thế giới”<sup>(6)</sup>, điều này về lý thuyết đánh dấu chấm hết chính sách “Nước

Mỹ trên hết” của ông Trump. Nhưng trước tiên, tân Tổng thống Joe Biden phải vượt qua sự chia rẽ sâu sắc trong xã hội Mỹ, đại dịch, suy thoái kinh tế, đối mặt với đa số tối thiểu ở Thượng viện nhiều khả năng vẫn do Đảng Cộng hòa nắm và những “vật cản chính sách” mà Tổng thống mãn nhiệm Donald Trump đã cài đặt trước khi chuyển giao quyền lực. Giới phân tích cho rằng 4 năm tới nếu Tổng thống Joe Biden không giải quyết kịp thời các vấn đề cốt lõi cả đối nội và đối ngoại mà ông Donald Trump để lại thì “con tàu Mỹ sẽ chênh vênh”.

Căn cứ vào quan điểm, chính sách của Đảng Dân chủ, các tuyên bố, nhân sự đảm nhiệm chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao, Quốc phòng, Cố vấn An ninh quốc gia... cùng một số động thái của Tổng thống đặc cử có thể phác thảo chính sách ngoại giao, an ninh, quốc phòng của Mỹ năm 2021 như sau: Tân Tổng thống Joe Biden không thể đảo lộn toàn bộ chính sách theo kiểu “cách mạng”, bởi di sản của chính quyền Donald Trump không chỉ tác động mạnh mẽ đến thế giới mà còn ngấm sâu vào xã hội Mỹ không dễ xóa bỏ và tình hình năm 2021 rất khác so với trước đây. Do đó, “cải cách” là phương án khả dĩ, nghĩa là thay đổi cách thức quan hệ với các đồng minh, đối tác và các nước khác nhằm “đưa nước Mỹ trở lại vĩ đại”. Nước Mỹ sẽ ưu tiên giải quyết vấn đề đối nội, kết hợp “khôi phục” và “cải cách” thận trọng một số lĩnh vực, nội dung chính sách đối ngoại, an ninh, quốc phòng với các đồng minh, đối tác quan trọng ở một số địa bàn chiến lược.

Theo đó, Mỹ coi trọng hợp tác với đồng minh, đối tác để giải quyết các vấn đề nổi cộm, đối phó với các thách thức toàn cầu, nhất là với Trung Quốc, Nga, Iran. Đồng thời theo những phát ngôn gần đây của ông Joe Biden nước Mỹ có thể tham gia trở lại các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, cắt giảm vũ khí hạt nhân, CPTPP<sup>(7)</sup>... Nhưng chủ trương thúc đẩy hợp tác với đồng minh, đối tác cũng không dễ thực hiện bởi xuất hiện những khác biệt lợi ích trong quan hệ với một số nước. Không ít đồng minh, đối tác của Mỹ có quan hệ khá sâu, thậm chí phụ thuộc vào kinh tế, công nghệ Trung Quốc.

Đến ngày cuối cùng năm 2020, Tổng thống sắp mãn nhiệm Donald Trump vẫn chưa ký dự luật Ngân sách quốc phòng (NDAA) năm 2021 với mức 740,5 tỷ USD, bổ sung nội dung “Sáng kiến rắn đe Thái Bình Dương”. Hạ nghị sĩ Mac Thornberry thuộc đảng Cộng hòa, người bảo trợ chính của dự luật NDAA cho rằng “việc thông qua dự luật quốc phòng mới không nên bị trì hoãn chỉ vì các tranh cãi chính trị không liên quan”<sup>(8)</sup>. Nếu dự luật NDAA được phê chuẩn, có nghĩa là Mỹ sẽ tiếp tục chú trọng duy trì sức mạnh quân sự, nhất là ở Tây Thái Bình Dương, bảo vệ lợi ích chiến lược ở khu vực này. Nhưng để khẳng định vai trò lãnh đạo thế giới, Mỹ phải can dự nhiều hơn, hoạt động nhiều hơn, chi tiêu nhiều hơn, trong khi nguồn lực quốc gia suy giảm. Việc Tổng thống Trump quyết định rút quân, giảm sự hiện diện quân sự trong một số cuộc chiến tranh kéo dài, không mấy hiệu quả ở Iraq, Afghanistan..., gây chia rẽ nội bộ, tạo điều kiện cho đối thủ chiếm lĩnh các “khoảng trống”. Vì thế năm 2021, Mỹ sẽ khó hoặc không có bước đột phá nào đối với an ninh - chính trị thế giới.

*Thứ ba, quan hệ Mỹ với Trung Quốc, Nga vẫn căng thẳng*

Hai đảng Dân chủ, Cộng hòa và Tổng thống Joe Biden đều xác định Trung Quốc và Nga là đối thủ, thách thức hàng đầu của Mỹ. Tùy lĩnh vực, địa bàn, thời điểm mà đối tượng này hay đối tượng kia nổi lên. Mỹ vẫn sẽ thực thi chính sách cứng rắn với Trung Quốc và Nga.

Với Trung Quốc, chính quyền Biden sẽ duy trì lập trường cứng rắn chống lại Trung Quốc trong khi tìm kiếm hợp tác trong các vấn đề toàn cầu như đại dịch (Tổ chức y tế thế giới - WHO), khôi phục tăng trưởng kinh tế toàn cầu (Tổ chức thương mại thế giới - WTO), biến đổi khí hậu và phi hạt nhân hóa trên bán đảo Triều Tiên. Chính sách của Mỹ với Trung Quốc cũng không thay đổi đột ngột. Trả lời phỏng vấn với New York Times, ông Biden tuyên bố: “Tôi sẽ không có bất kỳ động thái tức thì nào”<sup>(9)</sup>. Mỹ sẽ tập trung vào hành vi lạm dụng thương mại, đánh cắp sở hữu trí tuệ, cưỡng ép chuyển giao công nghệ, bán phá giá, trợ cấp chính phủ cho doanh

nh nghiệp. Vấn đề Hồng Kông, Đài Loan, Biển Đông, dân chủ, nhân quyền vẫn là con bài của Mỹ. Tổng thống Joe Biden đã nói rõ cách thức đối phó “Chiến lược tốt nhất với Trung Quốc là đưa tất cả mọi người trong chúng ta lên cùng một con thuyền”<sup>(10)</sup>.

Với Nga, Tổng thống Joe Biden không ít lần cho rằng Nga là mối đe dọa lớn nhất đối với nước Mỹ. Mặt trận đối đầu Nga - Mỹ từ năm 2021 có thể được mở rộng, từ tấn công mạng cho đến hình thành các liên minh để gây sức ép trực tiếp với Nga. Mỹ có thể mở rộng không gian tranh giành ảnh hưởng với Nga bằng các hoạt động can thiệp ở Ukraine, Belarus, những quốc gia bị coi nằm trong không gian hậu Xô-viết.

*Thứ tư, Trung Đông - Bắc Phi vẫn là “điểm nóng” trong năm 2021*

Khu vực này năm 2021 vẫn sẽ bị ám ảnh bởi những “di sản của năm 2020”, bao gồm đại dịch đang tiếp diễn, cuộc khủng hoảng kinh tế chưa có dấu hiệu chững lại, xung đột địa chính trị có khả năng bùng nổ thành các cuộc chiến tranh thực sự.

Các cuộc xung đột ở Syria, Afghanistan và Yemen dù “hạ nhiệt” nhưng vẫn đang cướp đi sinh mạng và buộc hàng ngàn gia đình sơ tán để thoát khỏi bạo lực. Sự can thiệp từ nước ngoài, các cuộc không kích, hoạt động đánh bom liều chết để trả thù vẫn đang gây chia rẽ sâu sắc, khiến hòa bình còn xa vời. Trong khi đó, hành động quân sự nhằm vào Iran vẫn là một kịch bản có khả năng xảy ra, đặc biệt là khi một lượng lớn khí tài quân sự Mỹ, bao gồm nhiều tàu chiến chuyên tấn công mục tiêu trên đất liền, đã được triển khai đến vùng Vịnh đối diện Iran, đặt quốc gia này vào tâm ngắm. Các nhóm dân quân trong khu vực chịu sự kiểm soát của Iran hiện vẫn hoạt động bán độc lập, bất chấp cảnh báo từ Tehran. Mỗi nhóm, với mỗi mục tiêu riêng, có thể dễ dàng gây ra phản ứng quân sự từ Washington nếu họ nhắm đến các cơ sở quân đội và lợi ích của Mỹ trong khu vực.

Biến động chính phủ Israel cuối tháng 12-2020 không chỉ là vấn đề quốc gia, mà ảnh hưởng lớn đến khu vực, quan hệ với các nước Arab, Palestine. Những động thái gần đây giữa Mỹ, Israel với Iran, không loại trừ đám cháy bùng phát.

Như vậy năm 2021 tình hình Trung Đông - Bắc Phi vẫn bế tắc, vẫn tiếp tục là “điểm nóng” khó hạ nhiệt. Đặc biệt một số nước Trung Đông - Bắc Phi vẫn phụ thuộc vào sự can dự của các nước lớn nên rất có thể họ vẫn là con bài mặc cả, trao đổi giữa các cường quốc.

*Thứ năm, nhu cầu và động lực mới của liên kết đa phương là niềm hy vọng đem lại hòa bình, an ninh, ổn định thế giới trong năm 2021.*

Đại dịch Covid-19, cùng căng thẳng, đối đầu giữa Mỹ với Trung Quốc, Nga và các thách thức an ninh toàn cầu khác đẩy nhiều nước sát lại gần nhau, suy giảm lòng tin vào Mỹ. Một quốc gia đơn lẻ có thể sản xuất ra vaccine nhưng lại không sản xuất đủ số liệu cần thiết, do đó hợp tác đa phương là cần thiết để nội địa hóa các qui trình sản xuất trong lĩnh vực này. Xu hướng thay vì cạnh tranh các nước chấp nhận cùng nhau xây dựng các mối quan hệ tích cực, chú ý đến những thành tựu tốt nhất của mỗi quốc gia để tạo nên những đột phá trong sản xuất vaccine đem lại hy vọng mới cho cuộc chiến chống đại dịch toàn cầu.

Đó cũng là sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa Ấn Độ với Australia, Nga với Iran, giữa Nga với Trung Quốc trong các vấn đề an ninh, quốc phòng. Tới đây, có thể thêm một số hợp tác an ninh, quốc phòng, khoa học công nghệ, kinh tế. Tuy không đến mức “đồng sàng dị mộng”, nhưng Trung Quốc và Nga có những khác biệt lợi ích, tồn tại trong vấn đề sở hữu, chuyển giao công nghệ quân sự tiên tiến và vùng Viễn Đông... Do đó, một số chuyên gia, nhà nghiên cứu quốc tế nhận định sự phát triển của mối quan hệ này thành liên minh quân sự là điều rất khó khả thi.

**Năm 2021, Việt Nam bước vào giai đoạn mới**

Năm 2021, dấu mốc quan trọng, mở đầu cho một giai đoạn mới, hướng tới kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập nước. Khó khăn, thách thức và thuận lợi, thời cơ vẫn đan xen. Nhưng thành công vang dội, toàn diện, trọn vẹn và thực chất trong năm Chủ tịch ASEAN, truyền thống đoàn kết, nhân ái trong đại dịch, Đại hội lần thứ XIII

của Đảng sẽ tạo nền tảng vật chất và tinh thần để xây dựng, phát triển đất nước, gia tăng vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế trong giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030, 2045.

Tóm lại, trong bối cảnh dịch bệnh và an ninh, chính trị thế giới diễn biến phức tạp, khó lường như hiện nay, tín hiệu phục hồi kinh tế thế giới vẫn chỉ là chút “ánh sáng le lói cuối đường hầm”. Thế giới năm 2021 với nhiều mối quan ngại và lo âu nhưng chúng ta không ngừng nuôi hy vọng với suy nghĩ rằng thời khắc khó khăn nhất của thế giới đã qua ■

(1) “Điểm lại 10 sự kiện nổi bật của kinh tế thế giới trong năm 2020” <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/quoc-te/2020-12-24/diem-lai-10-su-kien-noi-bat-cua-kinh-te-the-gioi-trong-nam-2020-97331.aspx>. Cập nhật 24/12/2020 7:57

(2) “CEBR: Kinh tế Việt Nam xếp hạng 19 thế giới vào năm 2035” <http://baochinhphu.vn/Kinh-te/CEBR-Kinh-te-Viet-Nam-xep-hang-19-the-gioi-va-o-nam-2035/418328.vgp>. Cập nhật 08:59, 30/12/2020

(3) “Tổng Thư ký Liên hợp quốc gửi thông điệp “hàn gắn” trong năm 2021” <https://baotintuc.vn/the-gioi/tong-thu-ky-lien-hop-quoc-gui-thong-diep-han-gan-trong-nam-2021-20201229213732234.htm>. Cập nhật 29/12/2020 22:09

(4) Hoài Linh: “Quan chức Liên Hợp Quốc cảnh báo năm 2021 “rất thê thảm”” <https://vietnamnet.vn/vn/the-gioi/quan-chuc-lien-hop-quoc-can-h-bao-2021-se-rat-the-tham-694998.html>. Cập nhật 05/12/2020 12:07 GMT+7

(5) “Tổng Thư ký Liên hợp quốc gửi thông điệp “hàn gắn” trong năm 2021” <https://baotintuc.vn/the-gioi/tong-thu-ky-lien-hop-quoc-gui-thong-diep-han-gan-trong-nam-2021-20201229213732234.htm>. Cập nhật 29/12/2020 22:09

(6) Ông Biden chọn đưa Mỹ trở lại “lãnh đạo thế giới” <https://tuoitre.vn/ong-biden-chon-dua-my-tro-lai-lanh-dao-the-gioi-20201128221500892.htm>. Cập nhật 29/11/2020 06:05 GMT+7

(7) Yên Ba: “Trở lại con thuyền!” <https://nhandan.com.vn/tin-quoc-te/tro-lai-con-thuyen--629197/>. Cập nhật 23-12-2020, 15:07

(8) “Hạ viện Mỹ vô hiệu hóa quyền phủ quyết của Tổng thống Trump với dự luật ngân sách quốc phòng” <http://www.hanoimoi.com.vn/tin-tuc/The-gioi/987303/havien-my-vo-hieu-hoa-quyen-phu-quyet-cua-tong-thong-trump-voi-du-luat-ngan-sach-quoc-phong>. Cập nhật 08:11 ngày 29/12/2020

(9) Yên Ba: “Trở lại con thuyền!” <https://nhandan.com.vn/tin-quoc-te/tro-lai-con-thuyen--629197/>. Cập nhật 23-12-2020, 15:07

(10) Yên Ba: “Trở lại con thuyền!” <https://nhandan.com.vn/tin-quoc-te/tro-lai-con-thuyen--629197/>. Cập nhật 23-12-2020, 15:07

# THỰC TRẠNG THAM NHŨNG VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG CHỐNG Ở KHU VỰC MỸ LATINH HIỆN NAY

TS NGUYỄN ANH HÙNG

Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

• **Tóm tắt:** Những năm gần đây, đời sống chính trị khu vực Mỹ Latinh diễn ra nhiều biến động lớn và những sự kiện nổi bật. Điển hình trong số đó là hiện tượng tham nhũng (TN). Bài viết này nghiên cứu, phân tích, chứng minh, đánh giá về thực trạng, nguyên nhân TN và biện pháp phòng chống ở khu vực Mỹ Latinh hiện nay.

• **Từ khóa:** Mỹ Latinh, tham nhũng, thực trạng, nguyên nhân, giải pháp.

## 1. Thực trạng tham nhũng ở khu vực Mỹ Latinh hiện nay

TN là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu nhận, sở hữu, sử dụng bất chính những lợi ích vật chất và tinh thần cho riêng mình, gây nên sự tổn thất, thiệt hại đối với nhà nước, xã hội và người dân. Như vậy, TN là lợi dụng quyền lực công vì lợi ích cá nhân. TN có thể biểu hiện trực tiếp (điển hình như việc tham ô tài sản, công quỹ) hoặc gián tiếp (điển hình như việc nhận hối lộ vật chất, tình cảm).

TN xuất hiện rất sớm trong lịch sử nhân loại, nhanh chóng lan rộng và phổ biến khắp thế giới do nó gắn chặt với hai yếu tố cơ bản, thường trực của đời sống con người, đời sống xã hội: quyền lực và lợi ích. Khu vực Mỹ Latinh cũng không nằm ngoài xu hướng này và ở mức khá cao trong những thập kỷ gần đây. Từ năm 1995, Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International - TI)<sup>(1)</sup> đã khảo sát và công bố hàng năm Chỉ số Nhận thức TN (Corruption Perceptions Index - CPI) xếp thứ tự các quốc gia trên thế giới theo “mức độ TN mà được nhận thức tồn tại trong các giới công chức, viên chức

và chính trị gia”, cho thấy đa số các nước Mỹ Latinh thường ở giữa và cuối bảng xếp hạng hạn chế, phòng trừ TN. Ngày 23-01-2020, Tổ chức Minh bạch Quốc tế công bố mức CPI năm 2019 vừa qua, theo đó việc khảo sát tại 180 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu đã ghi nhận không quốc gia Mỹ Latinh nào lọt được vào top 20 nước ít TN nhất (Uruguay là quốc gia phòng chống TN tốt nhất ở Mỹ Latinh cũng có CPI 2019 xếp tới thứ 21, tiếp đó là Chile thứ 26, Bahamas thứ 29 và Barbados thứ 30), ngược lại, có tới 3 quốc gia Mỹ Latinh trong top 20 nước nhiều TN nhất (Venezuela thứ 173, tiếp đó là Haiti thứ 168 và Nicaragua thứ 161)<sup>(2)</sup>.

Cũng thông qua một cuộc điều tra, khảo sát xã hội quy mô khu vực Mỹ Latinh cuối năm 2019 (tập trung cụ thể vào hơn 17.000 công dân tại 18 nước: Argentina, Bahamas, Barbados, Brazil, Chile, Colombia, Costa Rica, Cộng hòa Dominicana, El Salvador, Guatemala, Guyana, Honduras, Jamaica, Mexico, Panama, Peru, Trinidad & Tobago và Venezuela), Tổ chức Minh bạch Quốc tế đã phát hiện và đánh giá 6 đặc điểm nổi bật



của thực trạng TN ở các quốc gia Mỹ Latinh hiện nay<sup>(3)</sup>.

*Một là, mức độ TN đang gia tăng* vì có tới 53% số công dân được khảo sát cho rằng mức độ TN đã tăng hơn hẳn thời điểm 12 tháng trước đó, trong khi chỉ có 16% cho rằng giảm đi. Tỷ lệ đánh giá của người dân về nước có sự gia tăng TN so với 12 tháng trước cao nhất là Venezuela với 87%, còn thấp nhất là Barbados với 37%.

*Hai là, chính quyền không làm đầy đủ những việc cần thiết để phòng chống TN hiệu quả* vì có tới 57% số công dân được khảo sát cho rằng chính quyền nước họ đang thực thi yếu kém việc hạn chế, bài trừ TN, trong khi chỉ có 39% cho rằng ngược lại. Tỷ lệ bất mãn của người dân đối với chính quyền về vấn đề TN cao nhất vẫn ở Venezuela - với 91%. Quan điểm đối lập là tại Guyana: 67% công dân nước này cho rằng chính quyền của mình đang thực hiện tốt và hiệu quả các giải pháp phòng chống TN; tiếp đó là Mexico khi có 61% công dân hài lòng với hoạt động kiểm soát, trấn áp tệ nạn TN của chính quyền - một bằng chứng sinh động của đương kim Tổng thống Andres Obrador về thực thi lời hứa bài trừ TN lúc ra tranh cử tổng thống hồi năm 2018.

*Ba là, tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng và nghị sĩ bị đánh giá là những người TN nhiều nhất* vì có tới gần nửa số công dân được khảo sát cho rằng văn phòng tổng thống, văn phòng thủ tướng (53%) và các nghị sĩ (52%) là những tổ chức, cá nhân công quyền TN nhất. Ngược lại, chủ thể TN ít nhất được công dân bầu cho đội ngũ nhà báo, các tổ chức phi chính phủ (NGOs) và lãnh đạo tôn giáo, với tỷ lệ tương ứng là 21%, 27% và 27%.

Về tỷ lệ công dân coi quan chức cao cấp trong chính quyền là những người TN nhất, Venezuela vẫn đứng đầu bảng với mức 85%, trong đó cụ thể là có 87% công dân cho rằng hầu hết hoặc tất cả mọi người trong Văn phòng của đương kim Tổng thống Nicolas Maduro đều TN và 38% công dân cho rằng hầu hết hoặc tất cả nghị sĩ trong Quốc hội đều TN. Xếp tiếp theo Venezuela hiện nay là Guatemala (71%) và Honduras (65%). Trên thực tế, những vụ việc TN lớn ở Mỹ Latinh đều liên quan đến những quan chức cao cấp nhất của các chính quyền quốc gia ở khu vực này. Chẳng hạn, qua vụ Tập đoàn xây dựng Odebrecht của Brazil đã sử dụng tổng cộng

khoảng 3,3 tỷ USD trong suốt 9 năm (2005-2014) hối lộ các quan chức tại 12 quốc gia, trong đó có 10 nước ở Mỹ Latinh (Argentina, Brazil, Colombia, Cộng hòa Dominicana, Ecuador, Guatemala, Mexico, Panama, Peru và Venezuela), để đổi lấy hợp đồng làm ăn ưu đãi, người ta thấy đa số quan chức là tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng và nghị sĩ; đặc biệt tại Peru cả 4 đời tổng thống liên tiếp đều nhận hối lộ từ Tập đoàn này: Alejandro Toledo (2001-2006), Alan Garcia (1985-1990 & 2006-2011), Ollanta Humala (2011-2016) và Pedro Pablo Kuczynski (2016-2018), trong đó cựu Tổng thống Alan Garcia đã tự sát ngay tại nhà riêng ngày 17-4-2019 lúc cảnh sát đến bắt giữ ông vì tội TN.

*Bốn là, phổ biến tệ nạn hối lộ và mua phiếu cử tri* vì có tới một phần năm (20%) số công dân được khảo sát thừa nhận trong khoảng 12 tháng vừa qua mình đã thực hiện hối lộ [ít nhất 1 lần] cho quan chức, nhân viên công quyền khi sử dụng các dịch vụ công cơ bản (như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, giao thông, an ninh...) để đổi lấy sự hỗ trợ, giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi. Venezuela lại vẫn là quốc gia có tỷ lệ công dân tham gia hối lộ cao nhất (50% năm 2019 so với 38% năm 2017), tiếp theo là Mexico (34% so với 51% năm 2017) và Peru (30% so với 39% năm 2017). Ngược lại, Costa Rica có tỷ lệ hối lộ của công dân thấp nhất, chỉ ở mức 7% năm 2019.

Khu vực Mỹ Latinh cũng có tỷ lệ mua phiếu cử tri trong các cuộc bầu cử khá cao: khoảng 25%. Mexico là quốc gia phổ biến nhất khi đạt tới tỷ lệ 50% (tức là trung bình cứ 2 công dân Mexico đi bầu cử thì có 1 công dân bán phiếu bầu của mình - quyết định bầu ủng hộ một ứng viên nào đó - để đổi lấy tiền trả từ tổ chức, đảng phái, gia đình của ứng viên ấy). Ngược lại, Guyana và Trinidad & Tobago là hai quốc gia có tỷ lệ thấp nhất, chỉ khoảng 6%.

*Năm là, vấn đề “tống buộc tình dục” (sextortion)<sup>(4)</sup> trở nên nghiêm trọng* vì có tới một phần năm (20%) số công dân được khảo sát thừa nhận mình bị tống buộc tình dục hoặc biết rõ ai đó bị tống buộc tình dục (bị lạm dụng, ép buộc trao đổi, phục vụ tình dục để có thể nhận được sự hỗ trợ, giải quyết khi sử dụng các dịch vụ công). Loại TN giới tính này có tỷ lệ cao nhất ở Barbados với 30%, còn thấp nhất ở Chile và Peru với 14%.

Sáu là, sự lạc quan về phòng chống TN vẫn khá phổ biến vì có tới 70% số công dân được khảo sát tin rằng người dân có thể tham gia tích cực và tạo nên hiệu quả đáng kể trong cuộc chiến chống TN, cho dù họ có thể sợ bị trả thù hoặc không có thẩm quyền. Sự lạc quan tham gia bài trừ TN của những công dân Bahamas là cao nhất khi đạt tỷ lệ 85%, còn thấp nhất là của những công dân Chile cũng vẫn đạt tới 68%.

## 2. Nguyên nhân tham nhũng và giải pháp phòng chống ở khu vực Mỹ Latinh hiện nay

Ngoài những nguyên nhân cơ bản dẫn đến TN giống như nhiều vùng miền, khu vực khác trên thế giới, Mỹ Latinh còn tồn tại các nguyên nhân đặc trưng của tệ nạn TN, đó là: (1) *Sự biến động mạnh mẽ về kinh tế, chính trị, xã hội*. Sự biến động thường đến từ tiến trình trao đổi thương mại và sự luân chuyển các nguồn tài chính, sự lũng đoạn của các tập đoàn kinh tế-chính trị và hậu quả của sự độc đoán, chuyên quyền. Tại những nước Mỹ Latinh kinh tế phát triển thường xảy ra các vụ TN lớn với sự tham gia của nhiều quan chức cấp cao; những tập đoàn kinh tế-chính trị có sự câu kết với các băng nhóm tội phạm, thao túng bộ máy nhà nước để phục vụ lợi ích cá nhân; (2) *Quản lý xã hội yếu kém*. Sự quản lý lỏng lẻo về kinh tế thường dẫn đến sơ hở, tạo điều kiện cho các nhu cầu, mầm mống TN, tiêu cực và tội phạm phát triển. Hệ thống xã hội rắc rối, nhiều tầng nấc, thủ tục hành chính phức tạp, cơ chế ra quyết định và chịu trách nhiệm không rõ ràng... là những yếu tố hàng đầu làm tăng nguy cơ TN; (3) *Hệ thống pháp luật thiếu ràng buộc, thiếu đồng bộ*. Sự thiếu nghiêm minh trong xử lý các vụ việc TN là một yếu tố quan trọng làm phát triển tệ nạn TN. Tình trạng xử lý chưa triệt để, chễ được chễ không... là phổ biến khiến nguy cơ và mức độ TN ngày càng cao; và (4) *Cơ chế phòng chống TN chưa hiệu quả*. Tính đến nay, chưa một quốc gia Mỹ Latinh nào thiết lập được một cơ quan hoặc một hệ thống cơ quan phòng chống TN hoàn toàn độc lập, không bị điều hành, chi phối bởi các cơ quan khác. Người dân dù có tinh thần phòng chống TN cao nhưng ít thấy được trang bị kiến thức, phương tiện phòng chống TN, được động viên, khích lệ tham gia phòng chống TN, được bảo đảm an toàn và bảo vệ khỏi các nguy cơ trả thù của kẻ TN. Các vụ

việc TN lớn thường bị phát hiện muộn và không xử lý được toàn diện, tận gốc.

Để xử lý phù hợp, nghiêm minh và hiệu quả tệ nạn TN, các quốc gia Mỹ Latinh đã và đang áp dụng những giải pháp sau:

*Thứ nhất, minh bạch hóa các hợp đồng, dự án công*. Xây dựng, đấu thầu, triển khai hợp đồng, dự án thường bị coi là phương tiện phổ biến tạo nên TN ở Mỹ Latinh, chủ yếu do sự thiếu minh bạch xung quanh quy trình đấu thầu và giải ngân quỹ công. Nhiều quốc gia Mỹ Latinh đang từng bước tiến hành minh bạch hóa các hợp đồng, dự án công. Ngày 14/4/2018, Hội nghị Thượng đỉnh châu Mỹ lần thứ tám đã bế mạc tại Thủ đô Lima của Peru với việc các nước thành viên thông qua cam kết Lima về chống TN, phát động thành lập chương trình Dữ liệu mở liên Châu Mỹ để tăng cường chính sách thông tin mở, tăng khả năng của chính quyền và công dân trong phòng chống TN, tập trung tạo sự minh bạch hóa trong lĩnh vực công vụ, đặc biệt là việc xây dựng, đấu thầu, triển khai những hợp đồng, dự án công.

*Thứ hai, hạn chế nguồn và mức tiền tài trợ chính trị*. Các đảng phái, liên minh chính trị ở Mỹ Latinh nhận được tiền tài trợ từ rất nhiều cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để tạo lập, bổ sung quỹ riêng của mình, phục vụ cho việc duy trì, phát triển hoạt động và tham gia tranh cử. Đây cũng là một loại hình TN phổ biến. Argentina, Chile, Mexico, Nicaragua, Uruguay và một số quốc gia Mỹ Latinh khác đã ban hành, thực thi các đạo luật kiểm soát, giới hạn chặt chẽ nguồn tiền từ đâu, mức tiền bao nhiêu cho các tài trợ hoạt động chính trị, đặc biệt là bầu cử. Tuy nhiên, biện pháp tích cực này gặp nhiều khó khăn khi tạo lập hoặc triển khai thực hiện - chẳng hạn, năm 2017, các nhà lập pháp Paraguay đề xuất soạn thảo, thông qua luật hạn chế tài trợ bầu cử, nhưng không được chấp thuận vì gặp phải sự phản đối dữ dội của cả những ban lãnh đạo đảng phái lẫn đông đảo cử tri.

*Thứ ba, hạn chế hoặc bãi bỏ quyền miễn trừ tư pháp của các quan chức cao cấp*. Theo quy định pháp luật tại đa số quốc gia Mỹ Latinh, các quan chức cao cấp trong chính quyền (tổng thống, thủ tướng, bộ trưởng, nghị sĩ...) được hưởng quyền miễn trừ tư pháp (nếu phạm tội nhẹ, họ sẽ được bỏ qua, không bị xử lý; nếu phạm tội nặng, họ sẽ bị xử lý nhưng

theo hướng giảm nhẹ, đồng thời việc xử lý còn phải thông qua một quy trình rất công kênh, phức tạp) khi đương chức và thậm chí cả khi đã thôi chức. Do có quyền lực lớn, lại được hỗ trợ bởi ưu đãi tư pháp này, càng làm cho họ có nhiều điều kiện thực hiện TN và né tránh trừng phạt. Ví dụ, tại Brazil, Quốc hội từng hai lần bỏ phiếu để tha cho Tổng thống (2016-2018) Michel Temer khỏi bị truy tố khi ông bị cáo buộc lãnh đạo một mạng lưới các chính trị gia TN đã nhận hối lộ để đổi lấy hợp đồng thuận lợi cho một nhóm công ty. Tương tự, tại Guatemala, phe đa số của Quốc hội cùng đảng với Tổng thống (2016-2020) Jimmy Morales cũng đã ngăn chặn thành công một cáo buộc rằng trong chiến dịch tranh cử tổng thống năm 2015, Morales đã nhận nửa triệu USD tài trợ từ một kẻ buôn lậu ma túy<sup>(5)</sup>... Nhiều nước Mỹ Latinh đang dần thực hiện những hạn chế hoặc bãi bỏ quyền miễn trừ tư pháp của những quan chức cao cấp với xu hướng chung là hạn chế quyền miễn trừ của các quan chức cao cấp nhất (tổng thống, toàn quyền, thủ tướng, chủ tịch quốc hội...) đương chức, bãi bỏ quyền miễn trừ của các quan chức cao cấp khác (bộ trưởng, nghị sĩ...) đương chức, xóa bỏ quyền miễn trừ của tất cả các quan chức đã thôi chức, đồng thời đơn giản hóa quy trình xử lý nếu các quan chức cao cấp nhất phạm tội nghiêm trọng. Chẳng hạn, ngày 07-4-2020 vừa qua, Tòa Hình sự thuộc Tòa án Công lý Quốc gia Ecuador đã kết án cựu Tổng thống Rafael Correa (cầm quyền thời kỳ 2007-2017) tội danh TN với mức án 8 năm tù giam và tiếp đó không được hoạt động chính trị 25 năm, chính thức khóa lại mọi nỗ lực tái ứng cử vào cuộc bầu cử tổng thống năm 2021 sắp tới của vị cựu tổng thống nhiều tham vọng này.

*Thứ tư, tăng tính độc lập của ngành tư pháp.* Tính độc lập là đặc điểm cốt lõi, trở thành nguyên tắc của ngành tư pháp (các thẩm phán hoạt động độc lập và chỉ tuân theo hiến pháp, pháp luật). Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân, ngành tư pháp không thể hình thành và hoạt động độc lập được, nhất là bởi: (1) Chức vụ thẩm phán được lập nên từ quyết định của nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp và cơ quan hành pháp (thường theo quy trình: nguyên thủ quốc gia đề cử - quốc hội/ngợi viện biểu quyết phê chuẩn - nguyên thủ quốc gia bổ nhiệm, hoặc

quốc hội/ngợi viện bầu - nguyên thủ quốc gia phê chuẩn và bổ nhiệm) nên thẩm phán khi hoạt động ít nhiều bị chi phối, ảnh hưởng bởi các cơ quan, cá nhân này; và (2) Quy trình xét xử mỗi vụ án gồm năm khâu: khởi tố-điều tra-truy tố-xét xử-thi hành án, trong đó có tới bốn khâu do ngành hành pháp tham gia và quyết định, chỉ một khâu [xét xử] là do tòa án quyết định và ngành hành pháp cũng tham gia khâu này. Như vậy, những thẩm phán khó thể hoạt động độc lập và đưa ra quan điểm, phán quyết độc lập khi xét xử các vụ án (kể cả vụ TN), nhất là khi bị cáo chính là quan chức cao cấp hoặc người thân, người liên quan đến quan chức cao cấp. Để tăng tính độc lập của ngành tư pháp nói chung (và tính độc lập của thẩm phán khi xét xử những vụ án TN nói riêng), một số nước Mỹ Latinh đang định hướng thực hiện: (1) Để thẩm phán được bầu lên từ đa số cử tri phổ thông, chứ không phải được lập nên do sự đề cử, bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm của nguyên thủ quốc gia, cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp (giống như phương thức người dân trực tiếp bầu thẩm phán bang mình có tại 39 trong 50 bang ở Hoa Kỳ hiện nay); (2) Để cơ quan tư pháp cao nhất (tòa án tối cao) lập ra các tòa án khác và đề cử, bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm thẩm phán các tòa này; và (3) Hạn chế số lượng, lĩnh vực mà nhân viên, cơ quan hành pháp có thể tham gia trong mỗi khâu của quy trình xét xử, thay vào đó là thành viên, tổ chức xã hội, chuyên gia, công dân tự do và thậm chí có thể cả cá nhân, tổ chức quốc tế cần thiết hoặc quan tâm đến vụ việc.

*Thứ năm, mở những chiến dịch bài trừ TN quy mô.* Những năm gần đây, nhiều quốc gia Mỹ Latinh đã mở các chiến dịch phòng chống TN quy mô, huy động sự tham gia của nhiều cơ quan, ban ngành, tổ chức và người dân, đem lại kết quả tích cực, sâu rộng hoặc đặc biệt. Điển hình là “Chiến dịch Rửa xe” (Operacao Lava Jato) của Brazil. Vụ việc vỡ lở khi từ tháng 3/2014, Tập đoàn Dầu khí quốc gia Brazil (Petrobras) - doanh nghiệp lớn nhất liên bang, do Nhà nước kiểm soát cổ phần - đã bị các phương tiện thông tin nước này lôi ra ánh sáng với cáo buộc thổi phồng giá công trình, nhận thu nhập cao phạm pháp, đồng thời liên kết, mua chuộc và hối lộ nhiều quan chức chính phủ. Ngay sau đó, cơ quan tư pháp Brazil phát động một chiến

dịch điều tra quy mô mang tên “Chiến dịch Rửa xe”, với quy trình điều tra hơn 20 vòng, đã phát hiện gần 200 quan chức cao cấp và các nhà kinh doanh cấu kết với các chính trị gia (bao gồm cả cựu Tổng thống Lula da Silva, Chủ tịch Thượng viện Renan Calheiros, Chủ tịch Hạ viện Eduardo Cunha, nhiều nghị sĩ, bộ trưởng và một số nhà quản lý cấp cao của các doanh nghiệp lớn nhất Brazil); số tiền liên quan [trực tiếp hoặc gián tiếp] đến vụ án là hơn 10 tỷ USD, trong đó tiền hối lộ quan chức là khoảng 4 tỷ USD<sup>(6)</sup>.

*Thứ sáu, thiết lập cơ quan phòng chống TN hoàn toàn độc lập.* Tính đến nay, chưa quốc gia Mỹ Latinh nào có cơ quan phòng chống TN độc lập<sup>(7)</sup>. Việc chỉ đạo, điều hành, thực thi phòng chống TN ở mỗi nước thường được giao cho đồng thời vài cơ quan của các nhánh, ngành quyền lực nhà nước khác nhau. Người ta lý giải rằng chưa tìm được cơ chế khả thi để thiết lập cơ quan phòng chống TN độc lập; rằng phòng chống TN là một công việc quan trọng, sâu rộng, phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, đối tượng, đòi hỏi cùng lúc phải có nhiều cơ quan, chủ thể hợp tác tham gia thì mới đạt hiệu quả; rằng cơ quan độc lập đảm trách phòng chống TN phải gồm những quan chức, nhân viên có đạo đức thật sự liêm chính, trong sạch, lại dày dặn kinh nghiệm và tinh thông nghiệp vụ chuyên ngành, mà trong điều kiện hiện nay vẫn chưa có, chưa tìm thấy đầy đủ được... Dù vậy, đa phần vẫn phải thừa nhận ưu điểm của cơ quan phòng chống TN độc lập và nhiều nước Mỹ Latinh đang định hướng: (1) Thiết lập một cơ quan hoặc hệ thống cơ quan phòng chống TN độc lập trên toàn lãnh thổ quốc gia với các thành viên được người dân bầu trực tiếp hoặc được hình thành từ sự phối kết hợp đề cử-bầu-phê chuẩn-bổ nhiệm từ cả nguyên thủ quốc gia và các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp; (2) Cơ quan phòng chống TN độc lập phải tổ chức, hoạt động nghiêm minh, khách quan, chỉ theo quy định của hiến pháp, pháp luật và các chủ trương, chính sách quốc gia trong phòng chống TN; (3) Các nhân viên của cơ quan phòng chống TN được tuyển chọn chặt chẽ, gắn chặt mức tiêu chí cao với cả ba yếu tố: đạo đức, kinh nghiệm và nghiệp vụ; và (4) Thủ trưởng, nhân viên cơ quan phòng chống TN được sử dụng những phương tiện và quyền hạn đặc biệt trong công việc.

*Thứ bảy, liên kết và phối hợp quốc tế trong phòng chống TN.* Trong công cuộc phòng chống TN, các quốc gia Mỹ Latinh đều thực hiện hoạt động liên kết rộng rãi với những quốc gia trong khu vực và ở các vùng miền, châu lục khác trên toàn cầu. Nhiều quốc gia Mỹ Latinh đã ký tham gia các văn bản pháp lý quốc tế chống TN (Công ước Liên Hợp Quốc về Phòng chống TN - UNCAC, Công ước của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế về Phòng chống Hối lộ - OECD.ABC...), gia nhập các tổ chức quốc tế chống TN (Tòa án Chống TN Quốc tế - IACC, Tổ chức Minh bạch Quốc tế - TI, Học viện Phòng chống TN Quốc tế - IACA...) và trở thành thành viên tích cực của các thể chế này ■

<sup>(1)</sup> Tổ chức Minh bạch Quốc tế (Transparency International - TI) là một phong trào toàn cầu của xã hội dân sự hoạt động trong lĩnh vực chống tham nhũng. Tổ chức có uy tín và ảnh hưởng lớn này được luật sư Peter Eigen cùng các cộng sự thành lập từ tháng 5-1993 với trụ sở ở Berlin (Đức); hiện nay đã phát triển, mở đặt văn phòng, chi nhánh tại hơn 100 nước trên khắp thế giới (trong đó có Việt Nam).

<sup>(2)</sup> Transparency International Australia, *2019 Corruption Perceptions Index*, <https://transparency.org.au/2019-corruption-perceptions-index/>

<sup>(3)</sup> Kwame Buist, *Corruption a Cause for Citizen Concern in Latin America and the Caribbean*, 25/9/2019, <https://www.indepthnews.net/index.php/the-world/latin-america-the-caribbean/2997-corruption-a-cause-for-citizen-concern-in-latin-america-and-the-caribbean>; Victoria Gaytan, *Corruption in Latin America and the Caribbean prevails... but so does citizen optimism*, 03/10/2019, <https://theglobalamericans.org/2019/10/corruption-in-latin-america-and-the-caribbean-prevails-but-so-does-citizen-optimism/>; và Transparency International, *What people think: Corruption in Latin America & the Caribbean*, 23/9/2019, <https://www.transparency.org/en/news/what-people-think-corruption-in-latin-america-the-caribbean>.

<sup>(4)</sup> “Tổng buộc tình dục” (sextortion) là việc lạm dụng, ép buộc người khác (thường là phụ nữ) phải phục vụ, cung cấp các ưu đãi tình dục để có thể nhận lại/được sự hỗ trợ từ các dịch vụ công: giải quyết thủ tục, giấy tờ hành chính; chăm sóc sức khỏe, giáo dục, bảo hiểm...

<sup>(5)</sup> Mike LaSusa & Parker Asmann, *5 Ways To Fight Corruption in Latin America*, 23/7/2018, <https://www.insightcrime.org/news/analysis/5-ways-fight-corruption-latin-america/>

<sup>(6)</sup> Thông tấn xã Việt Nam, *Tài liệu tham khảo đặc biệt*, số ra ngày 26/4/2016, tr.7-8.

<sup>(7)</sup> Tại Argentina có Văn phòng Chống tham nhũng (Officina Anticorrupción - OA), tại Jamaica có Cơ quan Chống Tội phạm và Tham nhũng Có tổ chức (the Major Organised Crime and Anti-Corruption Agency - MOCA), nhưng cả hai thiết chế này đều thuộc Chính phủ (cơ quan hành pháp cao nhất) nước mình chứ không phải thiết chế hoàn toàn độc lập.